

LSD

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ XÃ HỒNG SƠN

- * -

X021

NHÂN DÂN HỒNG SƠN

CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC
(1930 - 1975)



- Tháng 12 năm 2003 -



**NHÂN DÂN HỒNG SƠN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP
VÀ ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC
(1930 - 1975)**

Tháng 12 năm 2003

Chịu trách nhiệm xuất bản:

ĐẢNG ỦY XÃ HỒNG SƠN

Chỉ đạo biên soạn:

**PHẠM MINH TRUNG - HUỖNH VĂN BẢY
VÕ THỊ LÀNH**

Sưu tầm và xử lý tư liệu:

TRẦN NHẬT NGHĨA - BÙI MINH HUỆ

Biên soạn và biên tập:

TRẦN NHẬT NGHĨA

Trình bày bìa và bản đồ:

NGUYỄN MINH QUANG - NGUYỄN THỊ HOA

Sửa bản in:

BÙI THỊ KIM HOA

**Ảnh bìa 1: Khu căn cứ kháng chiến của xã Hồng Sơn
(từ năm 1946 đến năm 1975)**

-
- Giấy phép xuất bản số: 108/GPXB do Sở Văn hóa - Thông tin tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10 tháng 12 năm 2003.
 - Số lượng: 600 cuốn. Khổ: 13 x 19cm.
 - In tại Công ty In và Bao bì Bình Thuận.
 - Nộp lưu chiểu ngày 03 tháng 02 năm 2004.

LỜI GIỚI THIỆU

*Yêu biết mấy Hồng Sơn bất khuất
Tự hào thay vùng đất kiên cường*

Trãi qua hai cuộc kháng chiến lâu dài, gian khổ, chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; quân dân Hồng Sơn đã đóng góp nhiều nhân tài, vật lực. Các thế hệ đã chung sức, chung lòng viết tiếp bản hùng ca; góp phần cùng cả nước hoàn thành sự nghiệp Cách mạng giải phóng dân tộc.

Với thành tích, chiến công oanh liệt ấy, quân, dân xã Hồng Sơn đã được Đảng và Nhà nước ta khen tặng nhiều danh hiệu. Đặc biệt là năm 1978, Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã truy tặng danh hiệu: "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân" cho xã Hồng Sơn.

Truyền thống và giá trị tinh thần cao quý của quân, dân toàn xã cần được phát huy, nhằm biến chủ nghĩa anh hùng Cách mạng trong chiến đấu sang giai đoạn xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Thực hiện chủ trương của Thường vụ huyện ủy huyện Hàm Thuận Bắc về việc viết lịch sử - truyền thống của các xã; năm 1984, Đảng ủy xã Hồng Sơn

thành lập Ban chỉ đạo và tổ sưu tầm, biên soạn Lịch sử - Truyền thống xã.

Được các Ban chuyên môn của tỉnh và huyện hướng dẫn, giúp đỡ; đặc biệt là sự cộng tác nhiệt tình đầy trách nhiệm của đông đảo cán bộ, đồng bào. Đến năm 1987 cơ bản đã hoàn thành phần thứ nhất: "Nhân dân Hồng Sơn chống thực dân Pháp xâm lược (1930 - 1954)". Từ năm 1988 đến năm 2002, Đảng ủy xã tiếp tục chỉ đạo biên soạn hoàn thành phần thứ hai: "Quân, dân xã Hồng Sơn kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)".

Tập sách gồm 2 phần, phản ánh tinh thần đấu tranh bất khuất, quật cường, gian lao và anh dũng của quân, dân xã Hồng Sơn anh hùng. Đảng bộ xã Hồng Sơn trân trọng giới thiệu tập sách "Nhân dân Hồng Sơn chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1930 - 1975)" đến với đồng bào, đồng chí và bạn đọc gần xa.

Lần đầu tiên được xuất bản nên nội dung tập sách không sao tránh khỏi khiếm khuyết. Chúng tôi rất mong được đón nhận những ý kiến bổ sung, xây dựng của đồng bào, đồng chí để tập sách được hoàn chỉnh hơn trong lần tái bản.

Hồng Sơn, ngày 22 tháng 12 năm 2003
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ HỒNG SƠN

PHẦN THỨ NHẤT
NHÂN DÂN HỒNG SƠN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(1930 - 1954)

CHƯƠNG I:

TỪ ĐÊM DÀI NÔ LỆ ĐẾN CÁCH MẠNG
THÁNG 8 THÀNH CÔNG

(Trước năm 1930 đến tháng 8 năm 1945)

I - QUÊ HƯƠNG HỒNG SƠN NHỮNG
NĂM DÀI TẠO DỰNG.

Xã Hồng Sơn ngày nay, nằm dọc hai bên quốc lộ IA, thuộc huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, cách huyện lỵ Ma Lâm khoảng 5 km về hướng Đông và cách thành phố Phan Thiết 20 km về phía Bắc. Phía Nam giáp xã Hàm Đức, Đông Nam giáp xã Hồng Phong huyện Bắc Bình, Tây giáp xã Hàm Trí, Bắc giáp xã Hồng Liêm. Tính đến năm 1987, toàn xã có 4 hợp tác xã nông

nghiệp. Diện tích tự nhiên khoảng 4.226 ha; dân số toàn xã là 7.241 người với 1.423 hộ. Thực hiện chỉ thị số 364/CT ngày 06/11/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng: "về việc giải quyết những tranh chấp đất đai liên quan đến địa giới hành chính tỉnh, huyện, xã"; xã Hồng Sơn được nhận thêm diện tích của các xã Hàm Trí, Hồng Liêm, Hồng Phong. Từ đó Hồng Sơn có diện tích tự nhiên là 7.984,20 ha. Đến cuối năm 2002, dân số toàn xã là 12.000 người với 2.451 hộ; được chia thành 5 thôn (thôn 1,2,3,4 và thôn Suối Đá).

Hồng Sơn ngày xưa là vùng rừng núi sát biển. Vào thế kỷ XVI, một số người Chăm từ Lương Sơn, Sông Lũy và các làng lân cận lần lượt vào đây cư trú, làm nghề biển, làm ruộng muối và đồ gốm; đến nay vẫn còn di chỉ của người Chăm (*cút, đèn thờ, lò gạch...*). Dấu ấn của bờ biển còn đậm nét như đồi cát trắng có vỏ sò, vỏ ốc, dây neo; sát chân núi Tà Dôn có địa danh Xa Ra (Sa Ra) (*tiếng Chăm nghĩa là muối*).

Qua quá trình biến đổi, bờ biển được chuyển dần thành rừng cát. Đến thế kỷ XVII, đồng bào Chăm lần lượt qua Ma Lâm sinh sống. Đồng thời người Kinh (*gốc ở miền Trung*) từ Rạng, Mũi Né,

Phú Long, Tuy Hòa đến Long Thạnh (Hồng Sơn) khai phá rừng, vỡ ruộng, làm đất, làm rẫy, làm vườn...

Lúc đầu Hồng Sơn là một ấp nhỏ thuộc xã Vĩnh Hòa, có tên Long Thạnh (mang ý nghĩa giàu có, thịnh vượng). Đến năm 1807 (*Gia Long lục niên*), ông Thôn Dân⁽¹⁾ đại diện cho khoảng 1.000 dân, có 30 tráng đinh, xin Triều đình nhà Nguyễn tách ấp Long Thạnh ra khỏi Vĩnh Hòa, lập thôn riêng có Đồng triện và Lý trưởng.

Tiếp sau đó, phía Tây sông Cạn cũng được Nam Triều cho tách khỏi Vĩnh Hòa, lập làng mới lấy tên thôn Phan Thạnh.

Sang đầu thế kỷ XX, có ông Cả Có; một giáo dân ở Tầm Hưng qua đây lấy vợ, lập nghiệp, cất nhà thờ, lôi kéo một số người còn lại trong nhóm Thiên Địa hội (đóng ở núi Xã Thô) theo đạo Thiên chúa. Cả Có muốn không chế nhóm chủ Quờn, chủ Ngọ; tranh chấp lẫn nhau, nên trong làng Phan Thạnh thường xảy ra nạn trộm cướp, kiện cáo... Khoảng năm 1920, Nam Triều

(1) Ông Thôn Dân là Tiến hiền, trước Cách mạng tháng Tám (1945), nhân dân cúng tế hàng năm.

sáp nhập Phan Thạnh vào Long Thạnh. Từ đó làng Long Thạnh gồm các ấp: Phan Thạnh, Thạnh An và Thuận Sen, thuộc Tổng Lại An, Phủ Hàm Thuận.

Vào khoảng năm 1935, triều đình nhà Nguyễn cho tách Thạnh An khỏi Long Thạnh lập thôn riêng. Những năm 1935 - 1945, Long Thạnh ổn định về ranh giới, có khoảng 2.000 dân và 300 trảng đình.

Đến đầu năm 1946, chính quyền Cách mạng nhập phía Đông xã Thạnh An vào Long Thạnh, thành lập xã Dân Thạnh (phần phía Tây Thạnh An nhập với Thuận Sen thành xã Dân An).

Đầu năm 1950, ta sáp nhập Dân Thạnh với Dân Đồng (Vĩnh Hòa và Tuy Hòa cũ) lập xã Hàm Đức. Do yêu cầu mới của cuộc kháng chiến, tháng 12 năm 1950, ta tách Dân Thạnh cũ ra khỏi xã Hàm Đức, thành lập xã Hồng Sơn thuộc huyện căn cứ Lê Hồng Phong; xã Hồng Sơn tồn tại từ đó đến nay. Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, quân dân Hồng Sơn đã gắn bó máu thịt cùng với quân dân các xã: Ma Lâm, Hàm Đức, Hồng Thịnh, Hồng Trung, Hồng Liêm, Hàm Trí... đánh giặc giữ làng.

Trong thời kỳ Mỹ Ngụy, địch gọi Hồng Sơn là xã Long Phú, gồm có 5 thôn: Long Hiệp, Long Hoa, Long Giang, Long Khê, Long Lâm.

Xã Hồng Sơn có quốc lộ I xuyên qua khoảng 10 km; song song với quốc lộ I về phía Tây có đoạn đường sắt Bắc - Nam, sát đường sắt có đường ô tô 402; toàn xã có 3 hướng lộ với tổng chiều dài khoảng 15 km. Những trục đường ấy là phương tiện cho địch ở cứ điểm Ma Lâm đổ quân đánh phá Cách mạng; chiến trường này cũng là nơi chôn vùi xác giặc thông qua chiến thuật phục kích, phá đường của lực lượng du kích.

Phía Đông quốc lộ I có con sông Cạn, chảy dọc theo chiều dài của Xã khoảng 15 km. Phía Tây có dòng suối Đá, phía Tây Bắc xã có núi Xã Thô, phía Nam có núi Tà Dôn. Cuối thế kỷ XIX nhân dân ở đây đã sớm chú ý tìm nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp; ông Đặng Đỗ Tập đã có sáng kiến hô hào dân làng đào mương, đắp坎, dẫn nước từ đập Lãng Giang (Sông Cạn) băng qua dốc Vàm - Suối Hộ về phần ruộng Suối Đá.

Ngày xưa nối liền sông, suối, núi và đồi cát là rừng tre, cây rậm rạp. Trong rừng Long Thạnh

có nhiều gỗ quý như gỗ, ván hương, căm xe, dầu rái, sò đo. Khí hậu và đất cát thích hợp cho nhiều loại cây rừng có quả ăn ngon: nhãn, cam đường, trám, cò ke, xây ... và nhiều cây dược liệu: tu hú, giang, trắc tiên...; đặc biệt là hoa cây tâm lang và sài hồ cung cấp nhụy cho ong ruồi làm mật, một loại mật có giá trị dược liệu cao. Trắc, mấu, tâm lang là những loại cây dây, có nhiều cành bò chen chúc kín đáo, giúp cán bộ, đồng bào dễ đào hầm trú ẩn - núp máy bay, chống pháo, chống tăng của giặc.

Ven rừng có nhiều động cát và các vùng nước nhủ, là nơi dừng chân của nhiều loài thú rừng: heo, đở, thỏ, dông, công, gà rừng, đa đa, chim cu, nai, hổ, bò rừng ... Đây là nguồn thực phẩm quan trọng cho cán bộ và đồng bào ở vùng kháng chiến. Đặc biệt nhất là con dông⁽¹⁾, ở rừng Long Thạnh rất nhiều, thịt ngon. Dông nướng, dông xào lạng, nấu canh dưa hồng, nấu chua lá xây ... đều là món ăn ưa thích của cán bộ, đồng bào địa phương.

(1) Con dông là loài bò sát; ở dưới hang sâu; dân địa phương có thể bắt dông quanh năm bằng: câu, cạm, đào, vò, giậm...

Đến đầu thế kỷ XX, những vùng đất im đã được nhân dân khai phá thành bầu và ruộng. Toàn xã có khoảng 20 cái bầu⁽¹⁾, mỗi cái cách nhau từ 500 đến 1000 mét, bởi các bãi rừng chồi. Những chiếc bầu này giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp nguồn nước cho lực lượng kháng chiến của toàn căn cứ Lê Hồng Phong- một vùng đất nắng nhiều, mưa ít, thường xuyên thiếu nước uống.

Nhân dân ở đây, ngoài nghề chính là làm ruộng, rẫy; họ còn làm thêm nghề phụ: đốt dầu rái, khai thác gỗ, đào đồng, bứt mấu, đeo đòn gánh, bắt kắc kè, bẻ ong ...

Cây rừng luôn bao phủ các bầu nước, chim rừng ríu rít quanh năm. Mỗi độ xuân về, trên khắp rừng động, mai cát nở vàng; hè sang các bầu đổ rục hoa sen... Những tấm liễn treo trong nhà của các cụ ngày ấy đã nói lên phần nào vẻ đẹp thiên nhiên và con người hiền dịu nơi đây:

(1) Giếng Chanh; Bầu Tre; Trũng Tre; Trũng Im; Cỏ Gừng; Trũng Găng; Bầu Gió; Bầu Ông Quờn; Bầu Hạc; Bầu Tắt; Bầu Gũ; Giếng Xó; Hàm Sáu; Bầu Phèn; Bầu Dầu, Bầu Bèo, Bầu Lớn...

"Lậu hạn sở cư, thị phi bất thính

Lạc cảnh từng văn, loan oanh vũ thiệt"⁽¹⁾

Xã Hồng Sơn có địa thế hiểm trở; sông, suối, núi rừng, ruộng lúa, bầu nước, vườn cây ... xen kẽ tạo thế thuận lợi cho nhân dân du kích chiến tranh phát triển. Ngoài ra còn tiếp giáp với biển (Rạng, Mũi Né, Bình Nhơn, Bình Thiện) nên nguồn cá, muối, nước mắm... dồi dào. Đây là nơi sản xuất được nhiều loại lương thực, thực phẩm, vừa là kho nhân tài-vật lực của kháng chiến; chính vì thế lực lượng Cách mạng trong các thời kỳ đều lấy Hồng Sơn làm căn cứ. Nơi đây còn là điểm dừng chân của các phái đoàn cán bộ, bộ đội; là nơi luyện quân cũng là bàn đạp xuất quân đi đánh các nơi. Từ vị trí chiến lược ấy, xã Hồng Sơn trở thành điểm đích tập trung đánh phá, huỷ diệt trong mọi thời kỳ. Địa thế, lòng người thuận lợi, Hồng Sơn đã giữ vững vai trò hậu phương cũng vừa là tiền tuyến của huyện căn cứ Lê Hồng Phong.

Một vùng đất màu mỡ ngày xưa, về sau trở nên cằn cỗi, vì công tác giao thông thuỷ lợi chưa được chú ý đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu phát

(1) Ở nơi thanh vắng, không phải nghe điều xằng bậy.
Sống trong phong cảnh đẹp, thường thức chim hót líu lo.

triển kinh tế - xã hội của nhân dân. Giặc Mỹ tàn phá, rải thuốc khai hoang huỷ diệt rừng và từ sau năm 1975 đến nay nhân dân tiếp tục hầm than, chặt củi... làm khu rừng Lê Hồng Phong nói chung, rừng của Hồng Sơn nói riêng không còn độ ẩm của một vùng đất vốn đã ít mưa.

Trong tương lai nếu ta có kế hoạch tốt trong việc phát triển kết cấu hạ tầng, bảo vệ môi trường, tổ chức lại sản xuất, phát triển thủy lợi, chuyển đổi cơ cấu kinh tế hợp lý thì nền kinh tế - xã hội của Hồng Sơn sẽ được phát triển.

Long Thạnh ngày xưa có điều kiện tự nhiên trù phú, nhưng trong xã hội bất công, sự giàu có chỉ thuộc về số ít người nắm quyền chức bao chiếm đất ruộng, nông dân ngày thêm cơ cực, bần cùng vì bị bóc lột bằng nhiều hình thức.

Sưu thuế ngày càng tăng; nhất là những năm 1914 - 1918; đồng bào Long Thạnh bị địch bắt sưu, bắt lính gặt gao. Ngoài 5 đồng thuế thân, hàng năm mỗi tráng đinh phải nộp 4 đồng tiền hương sưu, công ích và đi làm 4 phiên sưu khoảng 15 ngày. Cay đắng, tủi nhục biết bao đối với đồng bào Long Thạnh và các làng lân cận, vì tên Ô-gia-nông (*Ozanon*) - công sứ tỉnh Bình Thuận,

thông qua Chánh tổng và Hương lý cường hào thẳng tay đàn áp bóc lột. Với chủ trương "gia cư bổ hoàn" (*Người đâu của đó*) chúng bắt dân Long Thạnh có ruộng phải nộp thuế cho làng Long Thạnh, không được nộp cho làng Vĩnh Hòa. Qua đó chúng dễ quản lý diện tích, sản lượng và thu thuế.

Tên Điều, chánh tổng tổng Lại An trực tiếp coi cai, bòn rút những người phu làm đường; hàng ngày hấn dùng roi tre quất vào người phu và hỏi: "tao đánh roi vào người mày kêu thế nào"? Ai chưa hiểu ý, nói đúng âm thanh, thì bị ngọn roi quất tiếp; ai hiểu ý đáp ngay : "bẩm thầy kêu keng" và nộp liền 5 cắc (*hào*) bạc; lập tức ngọn roi dừng lại và mặt Điều tươi rói lên. Đoạn đường quốc lộ I tuy ngắn ngủi, nhưng chôn vùi bao mồ hôi, nước mắt, máu xương của dân làng Long Thạnh bị địch bắt đi làm phu thời ấy.

Hàng năm tới mùa thu thuế, dân nghèo khiếp đảm kinh hoàng. Tại nhà làng vang lên nhiều tiếng khóc than thảm thiết của những người thiếu thuế bị đóng trần. Đó cũng là cơ hội tốt cho bọn địa chủ cường hào, lái buôn khấm khá. Khi bình thường chúng cho vay nặng lãi (50%/năm),

lúc người nghèo vay tiền nộp thuế chúng thu lãi vô tội vạ. Người vay phải ở đợ, làm thuê đầu tắt mặt tối mấy năm liền may ra mới trả xong món nợ. Ai trẻ hèn bị chúng xiết hết gia sản. Điển hình như ông Dương Dụ đã bị ông Bái Võ tịch thu 2 ha ruộng để trừ vào 6 đồng tiền nợ.

Thật mỉa mai thay, một số người không chấp nhận làm tay sai cho thực dân, phong kiến và muốn đỡ bị hiếp đáp, phạt vạ cũng phải chắt mót một khoảng tiền lớn để mua cái chức nhỏ như: hương, mục, trùm, hào ...

Mâu thuẫn trực tiếp, chủ yếu ở Long Thành trước Cách mạng tháng Tám là nông dân bị địa chủ cường hào bóc lột. Trước năm 1930 những địa chủ lớn bóc lột dân nghèo bằng nhiều cách: tô, tức, sức lao động, cho vay lúa non... nhất là thủ đoạn thú trưng quăng thảng⁽¹⁾.

Đã vậy, nhân dân quanh năm không được yên ổn làm ăn, luôn bị địa chủ cường hào lôi kéo, lập phe cánh kiện nhau giành quyền, giành đất,

(1) Địa chủ làm trùm bộ cho nông dân khai khẩn vài năm vừa thực ruộng thì lấy lại hoặc nâng mức tô, thay đổi tá điền.

giành ăn... Trong làng hình thành các nhóm kiện nhau giữa Chủ Ngọ với Cả Có, Bùi Hồ ... Trước năm 1927, nhờ dựa vào sự giàu có và thế lực của đám hào lý; phe đất Thệt giành quyền lý trưởng (*Lý Nhượng, Lý Thâu, Lý Tin, Lý Trạch Văn*).

Sau năm 1928 thất kiện với Nguyễn Gia Thông (ở xã Vĩnh Hòa), chủ Ngọ mất hết gia sản⁽¹⁾. Từ đó về sau, nhóm bên đất Cát (*phía Đông sông Cạn*) nắm quyền lý trưởng (*Lý Liễu, Bùi Hồ, Lý Tương, Lý Luông, Lý Châu, Võ Dật ...*).

Khi nhóm địa chủ lớn ở tại làng bị phá sản, nông dân Long Thành lại rơi vào vòng áp bức của những tên địa chủ, thực dân khác như: Ghi-đông-la-va-lê (*Quidon lavalet*), Lục Thị Đậu, Bang Diệu, Thông Tuyển ...

Kết quả các vụ kiện tụng, tranh chấp là những người thế cô, sức yếu bao giờ cũng thua thiệt, mất của, mất công, mất đất, mất lòng; kẻ

(1) Chủ Ngọ vay tiền của Cai Đập Thông để chi trong các vụ kiện, sau đó trả không nổi. Tranh chấp mãi không được, Thông bán giấy nợ cho nhà băng Phan Thiết. Nhà băng phát mãi tịch thu 200 ha ruộng của chủ Ngọ và bán lại cho Lục Thị Đậu.

được là đám có quyền chức và quan trường xử kiện. Ông Nguyễn Ty đã phản ánh khá sinh động tình hình trên trong bài về của mình⁽¹⁾.

Từ kinh nghiệm ấy, nhân dân làng Long Thạnh luôn tìm cách thoát khỏi các phe phái kiện tụng, ngày càng thương yêu, đoàn kết giúp nhau trong cuộc sống và đấu tranh chống địa chủ cường hào.

Long Thạnh ngày xưa là vùng quê hẻo lánh, xa Phan Thiết; đời sống văn hóa - xã hội chậm phát triển. Về sức khỏe nhân dân chỉ dựa vào các thầy thuốc Nam gia truyền. Những ca bệnh nặng, sinh khó thường bị chết vì quá khả năng của thầy thuốc và "mụ vườn". Nhưng chính trong điều kiện khó khổ ấy, nơi đây đã sản sinh ra một số thầy thuốc gia truyền khá, biết tận dụng cây cỏ tại địa phương, kết hợp với một số vị thuốc Bắc chữa bệnh cho dân. Các thầy thuốc danh tiếng hồi ấy là các ông: Trùm Chạy, Hào Sum ...

(1) "Trong làng có ông Chủ Sư, Còn ra đi kiện tốn dư bạc ngàn.
Hưởng chi chức việc trong làng, Cũng ra đi kiện xa càng với nhau.
Kiện thưa thì chẳng ra gì, Tiền trăm bạc chục, nộp thì cho quan.
Vì chưng ai cũng tranh quyền, Tranh ngón, tranh thực vẹn tuyến thì thôi."

Dân Long Thạnh vốn gốc từ miền Trung, nên ham thích hát bộ, bài chòi. Hàng năm vào dịp Tết, Xuân, Thu, nhị lệ, làng đều rước gánh hát bộ về hát giàn, năm bảy ngày đêm. Trong làng còn có ban nhạc, phục vụ cúng tế, ma chay. Thanh niên nam, nữ thích hát ống, hát đối; trong lúc lao động ngoài ruộng, rẫy hay những đêm trăng già gạo thường vang lên những câu hò vui nhộn. Chính qua đó đã tập cho thanh niên nhanh trí đối đáp, ứng xử và hình thành tình cảm lứa đôi lành mạnh.

Về giáo dục, lúc đầu một số gia đình đủ ăn, rước thầy về nhà riêng dạy cho con mình học chữ Nho; khoảng năm 1915 bắt đầu có phong trào dạy và học chữ Quốc ngữ. Toàn làng Long Thạnh có một trường công, cạnh đường quốc lộ I, cách Phan Thiết khoảng 20 km. Lúc đầu, một thầy giáo được trên bổ nhiệm về làng, dạy luôn 3 lớp (*lớp năm, lớp bốn và lớp ba*). Trước năm 1945, lần lượt về dạy ở trường Long Thạnh đó là các thầy : Lê Thanh Lan, Đinh Nho, Nguyễn Thành Danh, Giáo Mạch, Giáo Khai, Giáo Mọi, Giáo Dương, Giáo Quý, Giáo Cao...

Bên cạnh đó, trong làng còn có vài lớp học tư. Mỗi năm toàn làng có khoảng năm, ba người

đậu Sơ học yếu lược. Trước năm 1945, vốn vẹn vài ba người có bằng tiểu học như Nguyễn Đồng Chương, Nguyễn Ngọc Khuê ...

Vào khoảng năm 1936, trường làng được dời qua xóm Cát, nơi đây tập trung dân, học trò vào học đông hơn. Sau năm 1937, ở vị trí của trường cũ còn có lớp dạy tư do thầy Tư Đồn từ Nam Bộ ra đây tổ chức. Trường tư này thu hút khá đông số con em xóm Đất Thịt vào học. Năm 1937, thầy giáo Nguyễn Quý tập hợp được một số thanh niên làm nòng cốt như Nguyễn Đồng Chương, Nguyễn Ngọc Khuê, Nguyễn Vĩnh Lại, Dương Hữu Nam ... thành lập Hội bóng đá do ông Lê Bá Quát làm hội trưởng; ông Trần Nhật Quang làm thủ quỹ. Sân bóng lần đầu tiên ra đời bên cạnh trường làng ở xóm Cát. Phong trào bóng đá của làng Long Thạnh được phát triển từ đó.

Về phong tục, tập quán, tín ngưỡng, nhân dân Long Thạnh chủ yếu là thờ cúng ông bà. Thực dân Pháp và đế quốc Mỹ khuyến khích cất nhà thờ Thiên chúa giáo ở Hiệp Thạnh và ở Gộp đều không thành công. Long Thạnh là một vùng quê mới, tập hợp những người đã chán ngán chế độ phong kiến đang lúc suy tàn; cuộc sống của

đồng bào khá phóng khoáng, ít bị ràng buộc bởi các lễ nghi, tập tục ma chay, cúng tế, cưới xin... Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đồng bào được trực tiếp ảnh hưởng văn hóa Cách mạng, nên càng có điều kiện củng cố và phát triển những đức tính vốn có của mình: trung thực, bộc trực, thẳng thắn, chất phác, giản dị, hiền hòa, bền bỉ, nhẫn nại, cần mẫn và kiên quyết, ghét thói xu nịnh.



II - ĐỨNG LÊN GIÀNH QUYỀN SỐNG

Năm 1867, sau khi thực dân Pháp chiếm luôn ba tỉnh miền Tây Nam bộ, nhà yêu nước Nguyễn Thông cùng một số sĩ phu tổ chức phong trào Ty địa lần thứ hai, đưa những người bất hợp tác với giặc từ Nam Bộ ra Bình Thuận sinh sống. Trong thời gian ấy cụ Nguyễn Thông lập cơ sở Dinh điền ở Xa Ra gần núi Tà Dôn (còn gọi là Trại Núi), nhằm tính việc chống thực dân Pháp. Việc làm trên cùng với văn thơ của mình, cụ Nguyễn Thông góp phần kêu gọi lòng yêu nước cho nhân dân.

Những năm 1885 - 1886, ông Ung Chiếm, Chánh tổng tổng Lại An hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, kêu gọi đồng bào Hàm Thuận xây dựng quân "Thứ " chống thực dân Pháp và quan lại tay sai của triều đình nhà Nguyễn. Trong số các tướng lĩnh của Chánh sơn phòng Ung Chiếm có Chánh lãnh binh Võ Cẩn - người làng Phan Thạnh hô hào đồng bào các vùng Long Thạnh, Phan Thạnh ... tham gia nghĩa quân, khống chế toàn bộ bọn hào lý trong các làng. Nhân dân phấn khởi không phải làm sưu, nộp thuế. Ông Võ Cẩn oai vệ trên lưng ngựa,

luôn mang lưỡi kiếm bên mình, ông tuyên bố với dân làng "*Ngày nào chưa đánh được thằng Tây là ta ăn, ngủ chưa ngon*".

Núi Tà Dôn và hốc giếng Chanh không những là nơi thường lui tới hội họp của bộ chỉ huy quân "Thứ", mà còn là nơi luyện tập của nghĩa quân. Nhân dân Long Thạnh, Phan Thạnh vừa gia nhập quân "*Thứ*", vừa hết lòng nuôi dưỡng, che giấu nghĩa quân và bộ chỉ huy.

Khi bị địch vây ráp, ông Võ Cẩn nhất quyết không đầu hàng giặc, cưỡi ngựa lên núi Tà Dôn ẩn tránh; quân Pháp đã lần theo tiếng ngựa hí bắt được ông. Nhằm uy hiếp tinh thần nhân dân, chúng đưa ông về nhà riêng (*tại Xoài Ba*); trói gô vào một cây trụ để hành hình. Trước lúc vĩnh biệt quê hương, gia tộc; Ông nhìn thẳng vào mặt quân thù và khuyên vợ con đừng khóc.

Sau khi giặc Pháp bắn ông và không cho gia đình chôn cất. Đêm khuya dân làng tìm đến mở trói và khiêng thi hài ông Võ Cẩn qua mai táng ở bên bờ suối Đá. Hàng năm trong những đêm thanh vắng, các cụ già thường kể cho con cháu nghe chuyện ông Ung Chiếm, ông Võ Cẩn đánh Tây với niềm tự hào và nhắc nhở đời sau. Từ đó

về sau, mỗi lần nhắc đến quân "Thứ", đồng bào Long Thạnh rất thương tiếc, ngưỡng mộ lòng dũng khí của Chánh lãnh binh Võ Cẩn.

Suốt ba thập kỷ đầu của thế kỷ hai mươi, nhân dân Long Thạnh không ngừng đấu tranh chống thực dân, phong kiến. Vào những năm 1914 - 1918 trong làng có vài tên như Cai Tỷ, Ba Sửu đi lính Tây quay về làng hống hách với nhân dân. Kể từ đó, các chị phụ nữ đã dùng tình cảm khuyên chồng đừng đi theo giặc. Trong lúc ru con hay đi lao động ngoài đồng các chị cũng cất cao những câu hò khuyên nhủ:

*" Một hai em cũng bảo anh ở lại nhà ...
Giấy quyển thuốc xắc em sắm cho bĩ bàng
Tội gì anh đi lính mộ Tây bang ...
Anh đi làm vậy, em đem lòng sầu
Nào khi một gói hai đầu
Bây giờ kẻ Á người Âu bớ chàng..."*

Nhờ sự đỡ đầu của một số người có học, tiến bộ trong làng như các ông Huỳnh Can, Nguyễn Hào ... và dựa vào sự mâu thuẫn vốn có của số địa chủ, lý hương; nông dân Long Thạnh liên tiếp làm đơn lật mặt, tẩy chay bọn thâm lạm công quỹ, hà hiếp dân; có lúc địch không cử được lý

trưởng. Phong trào mạnh mẽ nhất là vào những năm 1920 - 1929; khắp phủ Hàm Thuận hình thành các nhóm thanh niên "Tiên tiến" tìm hiểu sách báo tiến bộ. Tại Long Thạnh có ông Trần Di là người yêu nước đến dạy học tại nhà ông Dương Hữu Sóc. Nơi đây trở thành một trong những điểm chứa sách báo tiến bộ và lui tới của thanh niên. Thầy Di đã dùng văn thơ yêu nước của các cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng khơi gợi lòng yêu nước, thương nòi cho đồng bào, đặc biệt là lớp thanh niên tiên tiến.

Trước năm 1930, Ở Long Thạnh có địa chủ nổi tiếng trong phủ Hàm Thuận không chỉ có nhiều tài sản, ruộng đất mà còn có nhiều mưu, lăm kế. Bọn này dùng thế lực của đồng tiền nắm các lý trưởng, tranh thủ quan phủ, thông đồng làm giấy giả, cướp ruộng của người khác và xúi dân kiện nhau để làm trung gian mượn thầy kiện, kiếm khoản tiền lời.

Trong nhà các địa chủ lớn thường có trên 10 người ở thuê, làm các việc: chăn trâu, nuôi heo, gánh nước, đòi nợ, thu lúa tô ... ngoài ra còn có các trai cày. Những người làm công đến hết canh một (*khoảng 20 giờ*) mới được ăn cơm chiều, ba giờ sáng phải bắt đầu lao động. Ai bị chủ ức hiếp

bỏ về trước thời gian qui định thì cả năm ấy không được trả công. Có địa chủ rất hà khắc với người ở đợ như trường hợp một ông chủ lập mưu để cướp công. Thường đêm, chờ lúc trai cày mệt ngủ quên; hắn lén ra đồng mở hết lưỡi cày. Khuya dậy bắt trâu cày sớm, trai cày không biết cày đã bị mất lưỡi, thế là phải đền cho ông ta công ngày cày, lưỡi cày... Trai cày vô cùng phần uất, bàn nhau lập kế giả ngủ say và đã bắt quả tang lúc ông chủ đang gỡ lưỡi cày (anh Lê Văn Nhơn là trai cày nghĩ ra cách đấu tranh đó).

Vào tháng 7 năm 1927 bọn Pháp ở Phan Thiết bắt dân Hàm Thuận nộp tre để đóng bè tổ chức ngày lễ Quốc khánh của nước Pháp (14-7-1789). Lý trưởng Trạch Văn bắt mỗi người dân nộp chín cắc bạc (thế cho ba cây tre), qua đó Y bỏ túi được một khoản tiền. Năm ấy dân đói khổ, đến làng xin vay lúa công quỹ không được, trong khi đó đám Lý Văn, Bốn Ty... toa rập vay hết công quỹ. Dân Long Thạnh làm đơn tố cáo lên Phủ những việc phù thu lạm bổ trên. Lý Trạch Văn, hương Bốn Ty bị Phủ cách chức. Lý Văn mới giữ chức lý trưởng vốn vẹn vài tháng cũng bị cách chức, đã xấu hổ bỏ về Phan Thiết ; Bốn Ty thất thểu tủi nhục.

*"Lý trưởng không dặng mấy ngày mà ra ...
Quan đà lột mọt hôi về tổ tôn ...
Bổn Ty như đũa thất tình ...
Lý trưởng về cát phận mình long đong ..."*

Sau năm 1930, khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhân dân Long Thạnh được truyền thêm nhuệ khí, bắt đầu hiểu biết về Cách mạng và đấu tranh Cách mạng. Cuối năm 1930 - đầu năm 1931 nhiều làng trong phủ Hàm Thuận đã hình thành tổ chức Nông hội đỏ và phát triển được một số đảng viên ở Tuy Hòa, Bình An, Phong Nẫm. Tại Long Thạnh ngoài những người yêu nước theo khuynh hướng Cách mạng quốc gia của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh như Trần Di, Nguyễn Chí Diễm, Dương Hữu Sóc ... còn có những người cảm tình với Cộng sản như Nguyễn Ngọc Khuê, Nguyễn Đồng Chương, Dương Hữu Nam, Trương Ngọc Diêu ...

Thực hiện chủ trương của tổ chức Cộng sản tỉnh Bình Thuận là phát động một đợt đấu tranh trong toàn Tỉnh, nhằm hưởng ứng phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh và kỷ niệm lần thứ 13 ngày nhân dân thế giới chống chiến tranh đế quốc (01/8/1918 - 01/8/1931). Trong đêm mưa tầm tã

(14-8-1931) các hội viên nông hội và cơ sở treo băng, cờ, rải truyền đơn khắp Phủ, kêu gọi nhân dân chống bắt sưu, bắt lính, chống hương lý cường hào ...

Ở làng Long Thạnh, ông Trương Ngọc Diêu treo cờ trên cây Liêm cao (*ở phần ruộng Chân Trôm*); hai bà Nguyễn Thị Ngôn và Phạm Thị Dơn treo băng, cờ và rải truyền đơn tại trường làng Long Thạnh. Sáng hôm ấy Lý trưởng Liễu và đám hội tề đánh trống mõ báo động, nhốn nháo thu lượm cờ, truyền đơn, khẩu hiệu và lục soát nhà dân. Tên chánh Kiệm vênh váo hạch hỏi và đòi bắt ông phu Mẹo, vì tội bảo vệ trường mà không biết ai treo cờ Cộng sản ở đây.

Ngay sau đó tuần vũ Ngô Đình Diệm đề nghị kế hoạch đánh phá, dập tắt phong trào Cách mạng trong toàn Tỉnh. Ở Hàm Thuận, tri phủ Hồ Đắc Bích, chánh tổng Nguyễn Châu Tập cùng đám hào lý lũng bắt đánh đập những người Cách mạng. Do tên Sáu Quốc ở Ma Lâm đầu hàng khai báo, nên hầu hết hội viên, cơ sở đều bị bắt. Những người hoạt động ở Long Thạnh cũng bị địch bắt, đánh đập, cầm tù. Các ông Trần Di, Nguyễn Chí Diễm cũng bị giam vì địch tình nghi

là Cộng sản. Ông Dương Hữu Sóc bị chúng hù dọa để tống tiền, ông Mẹo phu trưởng phải bỏ làng, tránh lánh đi nơi khác.

Lần đầu tiên được thấy cờ đỏ búa liềm và hành động dũng cảm của những người Cộng sản, nhất là các đồng chí lãnh đạo (*Hồ Quang Cảnh, Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Tương...*), nhân dân Long Thạnh lòng đầy khâm phục đồng thời cũng lo sợ trước thủ đoạn khủng bố, hăm dọa của địch. Đồng bào thì thầm tìm hiểu, vài người tiến bộ trong làng kín đáo giải thích cho những người thân tín hiểu đúng về mục đích, ý nghĩa của cuộc đấu tranh trên. Sự kiện năm 1931 trở thành dấu ấn sâu đậm trong tâm trí nhân dân Long Thạnh.

Những năm 1932 - 1935, phong trào Cách mạng ở Long Thạnh cũng như trong toàn phủ Hàm Thuận tạm lắng, vì phần đông cốt cán bị địch giam cầm, quản thúc.

Thời kỳ 1936 - 1939, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong toàn Phủ khá sôi động; mở đầu bằng cuộc đấu tranh chống tăng thuế chợ ở Phan Thiết (1936) tiếp đó là cuộc vận động hưởng ứng phong trào Đông Dương Đại hội, đến cuộc đấu tranh chống Cát-xê (*cassett*) của

nông dân mảng nam phủ Hàm Thuận (1937) và nông dân vùng sông Cà ty buộc chủ ruộng tăng giá ngày công gặt (1938). Trong bối cảnh thuận lợi chung, một số cốt cán ở Long Thạnh cũng hoạt động mạnh mẽ như: Nguyễn Đồng Chương, Dương Hữu Nam, Nguyễn Quý ... từng bước tập hợp nông dân vào các tổ chức công khai như hội thanh minh, hội gặt, hội cấy (*cấy hồi, gặt hồi*), hội banh ... Với hình thức tổ chức hợp pháp và nội dung sinh hoạt thiết thực, phù hợp; ta giáo dục nhân dân hiểu về các quyền dân chủ đơn sơ. Bà con đùm bọc, giúp đỡ nhau và đoàn kết đấu tranh chống địch, đòi dân sinh, dân chủ.

Từ sau mùa gặt năm 1938, nông dân Long Thạnh cũng đấu tranh đòi chủ ruộng nâng giá ngày công gặt từ một giạ rưỡi lên 2 giạ lúa (*1 giạ = 10 lít*). Các đoàn gặt, cấy hồi đều thống nhất về mức ngày công lãnh hồi, không cho chủ ruộng ép giá. Phong trào đọc sách báo, thảo luận thời sự; đặc biệt là phong trào bóng đá và truyền bá chữ quốc ngữ đã thu hút đông đảo thanh niên tham gia. Những sinh hoạt vui chơi lành mạnh góp phần tập hợp, giáo dục thanh niên và hạn chế bớt tệ nạn cờ bạc, rượu chè.

Phong trào Cách mạng của quần chúng đang phát triển thì năm 1941, nhiều đảng viên, hội viên nông hội trong Phủ Hàm Thuận cũng như toàn tỉnh Bình Thuận một lần nữa bị địch khủng bố, tù đày. Các cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của nhân dân Hàm Thuận lại gặp khó khăn. Những năm 1942 - 1945, đồng bào Long Thạnh cũng như trong toàn Phủ, phải còng lưng hơn dưới ách thống trị, áp bức bóc lột nặng nề của phát xít Nhật-Pháp và lũ tay sai.

Năm 1942, bọn sĩ quan Nhật núp dưới dạng những người làm kinh tế, lập sở Ma-ta-chi ở Gộp (Long Thạnh). Đây là trạm thu mua ép giá, vơ vét nông, lâm sản của nông dân theo giá hạ. Thông qua đám lý hương, bọn Nhật bắt dân phải hợp đồng công tra (*chúng bỏ tiền ra cho vay trước*), trồng cây công nghiệp: bông, thầu dầu, khế tây để lấy dây (*tương tự như cây đay*). Hàng trăm héc ta mì, bắp, đậu, dưa... của dân bị biến thành rừng thầu dầu, khế tây... Ai lén trồng xen dưa, đậu, bắp trong ấy, lập tức bị bọn Nhật bắt và dùng dây quấn chặt từ chân lên cổ; rồi chúng giải thích: "đậu, mì trồng xen sẽ làm nghẹt cổ cây thầu dầu, cây khế ... như tao trói bọn mày". Nhân dân vô cùng phẫn uất, chờ dịp đứng lên giành quyền sống.

Đám hào lý hội này chia làm hai phái, số ngã theo Nhật, số còn lại vẫn trung thành với Pháp. Cả hai loại tay sai đều dựa vào bọn chủ; cùng với đám lái buôn ở Phan Thiết, Mũi Né, Phú Long, Ma Lâm... đứng ra làm cai thầu chèn ép nông dân. Nhật đưa vải, xà phòng, đường... lên hợp đồng thu mua nông, lâm sản; một số lý hương đứng ra mua các mặt hàng tiêu dùng rồi bán lại cho dân với giá cắt cổ. Cùng với việc bắt dân đi sưu, làm đường, làm cầu.. chúng còn thu 300 suất thuế đình nhưng chỉ làm sổ bộ nộp tiền lên cấp trên 182 suất, thâm lạm một số tiền.

Dù bị đàn áp, khủng bố nhưng vì cuộc sống nên dân ta vẫn lén trồng xen hoa màu và bán bông ra thị trường, không bán đủ hàng cho Nhật theo hợp đồng. Những năm 1942 - 1945, nhóm thanh niên tiên tiến ở Long Thạnh do các ông Dương Hữu Nam , Nguyễn văn Khai, Nguyễn Vĩnh Lại làm nòng cốt thường vận động thanh niên chống sưu thuế ... Từ những hội viên tích cực trong hội bóng đá , hội truyền bá quốc ngữ .. Long Thạnh lập được " Hội Đồng Tâm" do ông Dương Hữu Nam làm hội trưởng. Đây là tổ chức bí mật lãnh đạo các tổ chức công khai khác. "Hội Đồng Tâm" vận động và đưa được ông Nguyễn Đồng

Chương (người của Hội) vào làm Phó lý trưởng, tạo điều kiện để ta khống chế hội tề.

Với sự tổ chức và hướng dẫn của Hội Đồng tâm, những thanh niên tiến bộ đã có những hình thức đấu tranh dũng cảm. Điển hình nhất là vụ đánh bọn hội tề đương chức. Qua quá trình theo dõi, nắm quy luật hoạt động của đám hào lý. Nhân một đêm tối trời năm 1943, hai anh Nguyễn Quang Khai và Nguyễn Vĩnh Lại dùng búa đánh vào đầu hai vị Lý trưởng và Hương kiểm đang rình mò theo dõi việc khai hội của thanh niên và hai anh ấy, mỗi người đã nhận 6 tháng tù giam.

Biết bọn Pháp không ưa những tên hội tề thân Nhật, cốt cán của ta hướng dẫn nhân dân Long Thạnh làm đơn tố cáo những hành động thâm lạm công quỹ, buôn bông lậu của bọn Hào lý... Cuối năm 1943 bọn Pháp bắt và đày Lý trưởng cùng một số hương chức làng Long Thạnh đi Ly Hy (Huế).

Trong điều kiện bị o ép khống chế, những năm 1930 - 1945 đồng bào Long Thạnh vẫn tổ chức được nhiều hình thức đấu tranh nhỏ lẻ, công khai hợp pháp. Tiêu biểu nhất là hội bóng đá, họ đã góp quỹ, đùm bọc, đoàn kết giúp nhau mỗi khi

hội viên gặp khó khăn, hoạn nạn. Tuy ý nghĩa thắng lợi của những cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ có mức độ, nhưng đã thể hiện được tinh thần chống áp bức bóc lột. Việc làm táo bạo, khẳng khái của những thanh niên tiên bộ đã để lại trong nhân dân sự tin yêu, mến phục. Sự gắn bó giữa quần chúng và cốt cán lúc bấy giờ là điều kiện tốt cho những cuộc đấu tranh quyết liệt về sau.



III - CHÍNH QUYỀN VỀ TAY NHÂN DÂN.

Cuối năm 1944 - đầu năm 1945, toàn phủ Hàm Thuận đã lan rộng phong trào quần chúng theo dõi tình hình thời sự và tìm hiểu về tổ chức Mặt trận Việt Minh. Ông Lưu Minh Tâm, cơ sở Việt Minh của Phan Thiết thường giả dạng người bán lượ, mua bông lên các xã Phú Long, Kim Ngọc, Tuy Hòa... tập hợp cơ sở cũ của đồng chí Nguyễn Gia Tú, tuyên truyền điều lệ của Mặt trận Việt Minh; gây ảnh hưởng cho quần chúng. Ông Nguyễn Phú ở Phú Long là hội viên nông hội đỏ, làm thầy thuốc Bắc lui tới Long Thạnh nắm lại cốt cán trong hội ban, hội Đồng Tâm, phổ biến tình hình tin tức, thời sự ... Lực lượng này tuy âm ỷ nhưng rất mãnh liệt, khi có thời cơ là vùng dậy.

Vào tháng 5 năm 1945, giữa lúc nhân dân đang xôn xao, tụ họp bàn tán tình hình phe đồng minh tấn công phe phát xít và Nhật hất cẳng Pháp ở Đông Dương... thì các đảng viên cũ như: Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Tương và một số đồng chí quê ở tỉnh khác như Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Nhơn, Nguyễn Đức Dương, Nguyễn

Chúc... từ các nhà tù Ly Hy, Buôn Mê Thuật, lần lượt về đến Hàm Thuận; bàn việc thành lập Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh Bình Thuận⁽¹⁾.

Từ tháng 6 đến tháng 7 năm 1945, sau khi được Ban vận động Việt Minh tỉnh phân công tổ chức lực lượng giành chính quyền ở Hàm Thuận, đồng chí Nguyễn Tương cùng cốt cán gấp rút phân công nhau, xuống từng làng tuyên truyền chính sách, điều lệ của Mặt trận Việt Minh, thông báo tình hình trong nước và thế giới. Số cốt cán cũ làm nòng cốt tập hợp quần chúng, tổ chức các nhóm Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc để chuẩn bị giành chính quyền.

Đầu tháng 8 năm 1945, Long Thạnh đã tổ chức được nhóm Việt Minh gồm một số hội viên trong hội bóng đá và hội Đồng Tâm trước đây như các ông Trương Ngọc Diêu, Phạm Chí Tâm, Dương Hữu Nam, Dương Hữu Lúc, Nguyễn Đồng Chương, Nguyễn Quang Khai, Nguyễn Vĩnh Lại, Trần Nhật Quang, Nguyễn Ngọc Khuê, Ngô Lân, Nguyễn Chí Điển...

(1) Nơi lui tới hội họp của các đồng chí ấy là nhà của ông Dương Hữu Sóc ở Long Thạnh, và nhà của Bà Nguyễn Thị Quán ở Tuy Hòa.

Những cốt cán này tích cực, khẩn trương vào thôn xóm tuyên truyền, phổ biến điều lệ, chính sách của Mặt trận Việt Minh và tình hình khởi nghĩa khắp nơi trong nước; đồng thời thành lập các đoàn thể cứu quốc, lực lượng tự vệ. Tất cả đều sẵn sàng tư thế để giành chính quyền.

Ngày 23 tháng 8 năm 1945, Ban vận động Việt Minh xã được thành lập và cử cán bộ tuyên truyền dùng loa tay kêu gọi : " Tất cả đồng bào hãy vùng dậy đánh đổ phát xít Nhật giành chính quyền". Ngày 24 tháng 8 năm 1945, trong lúc Mặt trận Việt Minh tỉnh Bình Thuận và phủ Hàm Thuận tiếp thu các công sở của địch ở Phan Thiết; đồng bào Long Thành cùng nhân dân toàn Phủ nhất tề hành động theo chỉ thị của Việt Minh. Hai tiểu đội tự vệ do ông Nguyễn Chí Diễm chỉ huy, phi nhanh 3 chiếc xe ngựa lên sông Khiêng, tịch thu tài sản của tên thực dân Ghi- Đông-La-Va-Lê, trong đó có một khẩu súng. Một bộ phận khác dùng dao rựa xông vào sở Ma- ta- chi⁽¹⁾ của Nhật ở Gộp. Bọn Nhật tại đây núng thế đã tháo chạy từ hôm trước, ta thu được một số hàng hoá và kho tàng.

(1) Sở Ma-ta-chi là trạm thu mua nông lâm sản của Nhật, sau Cách mạng tháng Tám, chính quyền tỉnh lấy làm trại giam.

Ngày 24/8/1945, tại nhà làng Long Thạnh, đồng chí Nguyễn Đồng Chương hạ lá cờ quē ly (cờ của chế độ Trần Trọng Kim); cờ đỏ sao vàng vừa may vội được kéo lên bay phấp phới. Lần này nhân dân nhìn cờ của Mặt trận Việt Minh lòng đầy tự hào, không phải phập phồng như lần đầu tiên nhìn cờ Đảng hồi mùa Thu năm 1931. Chiều hôm ấy cán bộ đi khắp xóm, tận những nhà hẻo lánh thông báo cho toàn dân chuẩn bị : sáng ngày mai (25/8/1945) khi nghe tiếng trống báo động đồng bào hãy tập trung ra quốc lộ I để xuống Phan Thiết dự mittinh.

Ngày 24 tháng Tám năm 1945 là ngày đổi đời của đồng bào Long Thạnh, ngày lật đổ ách thống trị của thực dân, phong kiến, giành chính quyền về tay nhân dân.

Đêm 24 tháng 8 năm 1945, toàn dân Long Thạnh rạo rức nôn nao không sao ngủ được. Mọi nhà đều sáng rực ánh đèn, ánh lửa nấu cơm ăn sớm chờ trống lệnh tập trung. Gà vừa cất tiếng gáy, chưa nhìn rõ mặt người, những hồi trống đã dồn dập vang lên, các nẻo đường, người người vội vã về điểm hẹn. Nhiều cụ già và phụ nữ có con nhỏ cũng có mặt trong đoàn biểu tình, các nữ

thanh niên quần áo gọn gàng, lưng buộc dây, giắt dao găm trông oai vệ và mạnh bạo. Hôm ấy trời nắng trong và lồng gió, tấm băng đệm căng phồng, cờ tung bay phần phật, đoàn người dồn bước hô vang:

"Đả đảo phát xít Nhật.

Việt Nam hoàn toàn độc lập.

Việt Nam muôn năm ... "

Suốt tuyến Quốc lộ I, các đoàn người ở từng làng hòa vào nối tiếp nhau dài mãi (Long Thạnh, Vĩnh Hòa, Tuỳ Hòa, Phú Long, Kim Ngọc), tiếng hô khẩu hiệu, tiếng trống dậy lòng người, hàng ngàn người rầm rập tiến về Phan Thiết.

Dù phải đi bộ hơn 20 km, nhưng đồng bào Long Thạnh đã cùng nhân dân các làng trong Phủ đến sân lễ (sân vận động Phan Thiết) kịp giờ để nghe đồng chí Nguyễn Tương, đại diện Mặt trận Việt Minh tỉnh đọc diễn văn. Sau buổi lễ đoàn người vẫn hàng ngũ chỉnh tề như không biết đói, biết mệt quay về lại Long Thạnh khi trời tối mịt. Những hôm sau, Ban vận động Việt Minh xã điều hành tiếp mọi công việc và thu đồng triện, sổ sách do quyền lý trưởng Võ Dật giao nộp.

Chiều ngày 02 tháng 9 năm 1945, sân banh Đất làng đông hơn bao giờ hết, đồng bào toàn xã về dự lễ chào mừng ngày độc lập. Ông Nguyễn Chí Diễm đại diện Mặt trận Việt Minh Tổng Lại An đọc diễn văn, hàng trăm người im phăng phắc nghe những lời kêu gọi :

*" Ai ơi dân chúng Việt Minh
Sẵn lòng tha thiết thương yêu giống nòi
Tống Pháp, Nhật ra ngoài đất nước
Đạp cường quyền mà bước chân lên... "*

Sau khi nghe tuyên bố: "Xóa nợ, bỏ thuế, giải tán hội tề"; trong tiếng hô khẩu hiệu kết thúc buổi lễ, người ta nghe xen lẫn tiếng xúc động nghẹn ngào của những cụ già đã bao năm bị đọa đầy nô lệ; nay mừng mừng, tủi tủi thấy nguyện vọng của mình được đề cập trong chính sách của Mặt trận Việt Minh.

Sáng ngày 03 tháng 9 năm 1945 cuộc bầu cử chính quyền mới của xã được tiến hành tại nhà làng bằng hình thức đề cử và đưa tay tán thành. Nhiều đại biểu đã thể hiện quyền dân chủ đề nghị chủ tọa và đồng bào cân nhắc, chọn người xứng đáng vào chính quyền để chăm lo quyền lợi cho dân.

Kết quả cuộc bầu cử là phần đông những người nông cốt có học, có uy tín, cơ sở của hội banh và hội Đồng Tâm, xông xáo từ những ngày đầu khởi nghĩa đã được bầu vào bộ máy chính quyền Cách mạng.

- Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh xã là ông : Nguyễn Ngọc Khuê.

- Ủy ban nhân dân Cách Mạng lâm thời xã gồm các ông:

+ Chủ tịch : Nguyễn Đồng Chương.

+ Ủy viên quân sự trật tự trị an: Trần Nhật Quang.

+ Ủy viên tuyên truyền: Nguyễn Khắc Vinh.

+ Ủy viên thư ký : Phan Phương Hội⁽¹⁾.

+ Ủy viên tư pháp : Phạm Chí Tâm.

+ Ủy viên tài chính : Lê Bá Quát.

(1) "Trong thời kỳ đấu tranh chống địch tố cộng, từ năm 1955 đến năm 1957, hai ông: Nguyễn Chí Diễm (Giáo Đển) và Phan Phương Hội lần lượt đầu hàng giặc".

- Ban chấp hành các đoàn thể cứu quốc cũng được kiện toàn và ra công khai gồm các ông, bà:

+ Thư ký hội phụ nữ : Nguyễn Thị Đào.

+ Bí thư nông dân : Trương Ngọc Diêu.

+ Bí thư thanh niên : Dương Hữu Nam.

Ngoài ra mỗi xóm còn cử một đại diện, thay mặt chính quyền, các đoàn thể điều hành công việc hàng ngày.

Người cũ việc mới bề bộn, lúng túng nhưng nhờ khí thế hồ hởi, phấn chấn nên mỗi khi nghe tiếng trống ở nhà làng, đông đủ nhân dân có mặt để học tập chủ trương, chính sách. Toàn dân nô nức hưởng ứng lời kêu gọi của Bác Hồ và Mặt trận Việt Minh. Trong vòng một trăm năm mươi ngày ngắn ngủi (tháng 9 năm 1945 đến tháng 01 năm 1946) phong trào "**diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm**" của nhân dân trong xã đạt nhiều kết quả.

Sau bảy ngày vận động (từ ngày 19 đến ngày 24-9-1945), Ban vận động "tuần lễ vàng" do ông Lê Như Châu làm trưởng ban, đã quyên góp trên 5 chỉ vàng và một số tiền. Của ít lòng nhiều, má Trần Thị Mười đã ủng hộ chiếc bông tai ngày

cưỡi. Vì đồng bào miền Bắc ruột thịt và các chiến sĩ Vệ quốc đoàn, hủ gạo đồng tâm, hủ gạo nuôi quân được tổ chức đều khắp mọi nhà. Mỗi bữa nấu cơm các má, các chị đều nhín lại một nắm gạo. Hàng tháng Hội phụ nữ gom góp số gạo ấy nộp lên cấp trên.

Trước Cách mạng tháng Tám, hơn 80 % nhân dân (*nhất là người lớn tuổi và phụ nữ*) không biết chữ. Nay Ban vận động bình dân học vụ xã được thành lập do ông Trần Đại Chính (ông giáo Nghi) làm trưởng ban. Ban này hô hào phát động toàn dân thi đua học tập. Người người, nhà nhà đều tham gia học chữ Quốc ngữ. Mỗi xóm cổ một lớp học đêm trên 50 người. Riêng lớp học tại nhà ông Nguyễn Tương ở bầu Trùng Găng gần 100 người, do các thầy giáo trẻ nhiệt tình hướng dẫn (*Lê Văn Sửu, Đoàn Văn Nở...*).

Phong trào canh gác, luyện tập quân sự cũng rất sôi nổi, mỗi người dân là một tự vệ. Toàn xã có khoảng 300 nam, nữ thanh niên đều vào tự vệ. Anh Phan Khắc Sửu là trung đội trưởng tự vệ đầu tiên rất xông xáo, nhiệt tình hăng hái đôn đốc lực lượng hoàn thành nhiệm vụ. Hàng ngày ở các sân bóng, sân nhà làng vang dậy tiếng hô: "*Đều bước,*

một, hai...". Thanh niên tập các động tác: quay, bò, ném dao, ném lựu đạn, bắn ná ... chị Nguyễn Thị Đào là một trong những cán bộ huấn luyện. Nữ tự vệ cắt tóc ngắn, mặc quần sọt, áo sơ mi ôai vệ. Ở giếng Xó có lớp dạy võ thuật cho thanh niên. Lò rèn của anh Trần Văn Trữ ở cầu Bằng Lãng rực lửa suốt ngày đêm; rèn phảng, mác, dao găm... Toàn xã hình thành được một đội ná, làm ná cải tiến có bá như súng để dễ sử dụng. Ngày lẫn đêm đều có tự vệ mang dây, gậy, ná... trực ở nhà làng. Tôn gác sát Quốc lộ I luôn có tự vệ trực chiến, chặn xe xét hỏi những người lạ mặt. Tại sở Ma-ta-chi có một tiểu đội nam canh giữ, một tiểu đội nữ làm công tác hậu cần.

Những ngày cuối năm 1945, nhân dân Long Thành sôi nổi trao đổi, thảo luận xung quanh sự kiện trọng đại là bầu Quốc Hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Ban vận động bầu cử của xã phổ biến thể lệ, thời gian, địa điểm bầu cử, thanh thiếu niên mang cờ trống đi cổ động hò lơ sôi động:

*" Nhớ ngày mừng sáu tháng Giêng,
Là ngày Quốc Hội đầu tiên ra đời. "*

Sáng ngày 06 tháng 01 năm 1946, mọi người nô nức đến nhà làng thực hiện quyền công dân đầu tiên trong đời. Đồng bào tập trung phiếu cho những người xứng đáng. Hai đại biểu của Tỉnh trúng cử vào Quốc Hội là: đồng chí Nguyễn Tương, đảng viên Đảng cộng sản từ năm 1931 và bác sĩ Huỳnh Tấn Đối, một trí thức tiến bộ.

Trải qua bao năm đọa đày nô lệ, đồng bào Long Thạnh cùng nhân dân toàn Phủ Hàm Thuận không ngừng đấu tranh chống thực dân Pháp và địa chủ cường hào, bằng nhiều hình thức, mức độ khác nhau, song đều thất bại bởi chưa có đường hướng, biện pháp phù hợp và chưa đủ thực lực, thời cơ. Khi được Đảng Cộng sản Việt Nam và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo, trong bối cảnh quốc tế thuận lợi, nhân dân Long Thạnh cùng đồng bào cả nước đã làm cuộc Cách mạng tháng Tám thành công, giành chính quyền về tay nhân dân ...

Những ngày giành và xây dựng chính quyền Cách mạng tuy ngắn, nhưng đã tập dượt cho cốt cán và quần chúng ở Long Thạnh hiểu thế nào là làm Cách mạng giành chính quyền, biết làm chủ quê hương; tổ chức thực hiện các chủ trương của

Đảng, của Mặt trận Việt Minh. Chính quyền Cách mạng non trẻ nhưng thật sự là của dân. Niềm tự hào và dấu ấn sâu đậm của Cách Mạng tháng Tám năm 1945 là tiền đề, hành trang quan trọng giúp nhân dân Long Thành gắn bó với Đảng, với Cách mạng, cùng nhau bước tiếp vào cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đầy gian lao và anh dũng.



CHƯƠNG II

NHÂN DÂN HỒNG SƠN KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

(Tháng 2 năm 1946 đến tháng 8 năm 1954)

I - XÂY DỰNG CĂN CỨ VÀ TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG KHÁNG CHIẾN TOÀN DÂN, TOÀN DIỆN.

(Tháng 2 -1946 đến tháng 11-1950).

Những ngày độc lập ngắn ngủi đáng nhớ làm sao! Toàn dân Long Thành đang sum vầy chuẩn bị vui xuân đầu tiên trên quê hương thanh bình, qua bao năm dài khổ đau, nô lệ; thì trưa ngày 31 tháng 01 năm 1946 (ngày 29 Tết năm Ất Dậu); một đoàn xe quân sự của giặc Pháp gồm hàng chục chiếc, từ hướng Hòa Đa tiến vào. Trên chiếc xe đi đầu địch nguy trang cắm cờ đỏ sao vàng. Chiến sĩ gác cổng trại giam của Tỉnh nhằm tưởng lực lượng của ta nên bỗng súng đứng chào, liền bị chúng bắn ngã.⁽¹⁾ Địch tiếp tục xả súng vào đồng

(1) "Xuân đầu năm, Pháp đóng đồn.
Chúng đua nhau bắn càn; người bị đạn kêu than!"

bào đang cúng ông bà nghi ngút khói hương từ Gộp xuống cầu Ông Tằm, làm chết và bị thương hàng chục người.

Những ngày đón xuân của đồng bào, trở thành ngày tang tóc căm giận và chuẩn bị chiến đấu. Được sự lãnh đạo của chính quyền và Mặt trận Việt Minh Phủ Hàm Thuận, chính quyền xã Long Thạnh hướng dẫn dân tạm sơ tán, tránh lánh. Lực lượng tự vệ hạ ngã hai hàng me to dọc quốc lộ I; chặn đường tiến quân của địch; đồng thời cất giấu, bảo vệ tài sản của Phủ Hàm Thuận và Kho bạc của Tỉnh ở Lại An, Phan Thiết chuyển lên. Đồng bào thực hiện vườn không nhà trống, tự tay đập phá hơn mười ngôi nhà ngói lớn, phòng ngừa địch lấy làm công sự.

Sau đó vài hôm, thực dân Pháp bung ra đóng đồn khắp nơi trong Phủ Hàm Thuận, án ngữ các trục đường giao thông. Được sự tiếp sức ấy, Lu-ila-va-lê (*Louislavalet*) lập ngay một trung đội, lấy nhà ga Long Thạnh làm đồn. Hàng ngày, hắn dẫn lính sưu sách vào các làng lân cận bắt giết và lừa dân về giam chặt trong một toa xe lửa tại đồn ga Long Thạnh. Ngày nào càn quét không giết được người; Lu-i về đồn lôi những người bị giam ra bắn; có hôm nó chặt đầu mười người. Đúng như lời tuyên bố của hắn: "*Ngày nào không bắn được*

người là ngày đó ăn không ngon, tao phải giết đủ hai ngàn Việt Minh để rửa hận cho cha"⁽¹⁾; Trong vòng 3 tháng tên Tây lai hung ác này đã giết trên 100 người tại đồn ga Long Thạnh. Nó thường bắt người tù chạy trước khi bắn để tiêu khiển và thử tay súng. Có lần, trong một trận càn, hắn giết ông Mục Nhạc và bốn người con.

Ngoài những trận sưu sách nhỏ thường xuyên, trong năm 1946, địch còn mở một số trận càn quét cấp tiểu đoàn vào Long Thạnh. Trận ngày 06-4-1946 và trận ngày 14-5-1946 địch đều đổ quân từ ga Long Thạnh rồi càn vào Gộp, giếng Xó, xuống Xóm Cát, giếng Chanh, bắn người đốt nhà. Riêng trận đầu, chúng tàn sát hơn 10 cụ già và phụ nữ đang trong thời kỳ bảo sản.

Sang năm 1947, địch khủng bố cán bộ, đồng bào gắt gao hơn. Trong trận càn tháng 12 -1947, chúng bắn chết 9/11 diễn viên thuộc Đoàn ca kịch Sao Vàng I của Tỉnh đang ăn cơm trưa ở khu rừng trên bầu Cỏ Gừng; có chị lúc hy sinh miệng còn

(1) Lu-I-La-Va-Lê là một thanh niên mang nửa dòng máu người Việt. Mẹ nó là bà Tư Gieo, cha nó là Ghi- đông- la- va- lê một tên thực dân đã lấy đất của nông dân lập đồn điền. Năm 1945 Nguyễn Chí Diễm và một số người làm công cho hắn trước đây, nay vì qua khích và căm phẫn đã đào mả Ghi-đông-la-valê đổ xuống Sông Khiêng. Năm 1956 Nguyễn Chí Diễm chạy về làm tay sai cho giặc.

ngậm thức ăn. Tiệc thương những chiến sĩ văn nghệ hết lòng phục vụ nhân dân, đồng bào Long Thạnh đặt tên khu rừng đó là rừng " Sao Vàng"⁽¹⁾.

Trước sức đánh phá ác liệt, dồn dân, nhằm thực hiện âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của địch; cán bộ nhân dân trong phủ Hàm Thuận có sự xáo trộn; một số cán bộ cầu an bỏ công tác, cá biệt có kẻ đầu hàng làm tay sai cho địch. Nhằm khắc phục khó khăn trên, lãnh đạo Mặt trận Việt Minh và chính quyền phủ Hàm Thuận chủ trương sáp nhập xã, đổi phủ thành huyện, chia huyện thành 8 khu hành chánh. Nhờ đó ta nắm được dân. Đồng bào Long Thạnh vẫn không vào khu tập trung của địch; kiên trì tránh lánh, bám trụ sản xuất và chiến đấu.

Khoảng tháng 4 -1946 thực hiện chủ trương của trên, lãnh đạo Khu II quyết định nhập một phần phía Đông xã Thạnh An với Long Thạnh thành xã Dân Thạnh, thuộc Khu II⁽²⁾ .

-
- (1) Hàng năm mỗi lần Xuân đến, nhân dân Long Thạnh thấp nén hương tưởng niệm người thân và khắc sâu lòng căm thù giặc.
- (2) Khu II gồm 7 xã : Tân Dân, Minh Tiến, Tân Thành, Dân Định, Dân Tiến, Dân Đồng, Dân Thạnh ; đồng chí Tiểu Oai Nghi làm khu trưởng.

Đồng thời với việc lập xã mới là củng cố chính quyền, đoàn thể. Sau khi đồng chí Võ Xuân Đăng cán bộ tỉnh xuống Dân Thạnh mở lớp huấn luyện cho một số cốt cán về chủ nghĩa Mác - Lênin; Hội nghiên cứu chủ nghĩa Các- Mác xã được thành lập. Đầu năm 1947 một số hội viên ấy trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Chi bộ đầu tiên của xã ra đời, do đồng chí Dương Hữu Nam (Tám Lễ) làm bí thư.

Đầu năm 1948 xã bầu lại Hội đồng nhân dân, bộ máy cán bộ được kiện toàn khá vững. Vai trò lãnh đạo của Đảng và Việt Minh nổi bật nhất, giải quyết kịp thời tâm tư nguyện vọng của dân⁽¹⁾.

Nhờ kịp thời và thường xuyên củng cố tổ chức nên phong trào kháng chiến xã Dân Thạnh

- (1) Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính gồm các ông, bà: Lê Trọng Du; phó chủ tịch: Trần Nhật Quang; xã đội trưởng: Lê Duy Nam; trưởng ban công an: Phạm Hữu Tinh; uỷ viên thư ký: Trần Hữu Cung; uỷ viên thường trực: Hồ Ngọc Liên; Ủy viên tài chính: Võ Ngọc Thâu. Bí thư thanh niên cứu quốc: Võ Vương Nhật; đoàn trưởng thanh niên Việt Nam: Nguyễn Minh Chiêu; bí thư phụ nữ: Nguyễn Thị Bá; bí thư nông dân: Trần Hữu Chí; trưởng ban tiếp tế: Phạm Văn Tấn; trưởng ban giáo dục: Nguyễn Kim Thoa; trưởng ban đập yếm: Đinh Văn Này; Hội trưởng Hội mẹ chiến sĩ: Trần Thị Sửu; Trưởng ban văn hóa Thông tin: Phan Văn Ký; trưởng ban dân y kiêm đoàn trưởng văn nghệ là Lê Thanh Tường.

từng bước vươn lên khá toàn diện. Nhiệm vụ chính của xã trong những năm 1946 - 1949 là chống càn, xây dựng căn cứ, giữ dân, phát triển kinh tế và chiến tranh du kích tạo nơi đứng chân và bàn đạp cho các lực lượng trên. Phát động nhân dân hoàn thành nhiệm vụ hậu phương: nuôi quân, phục vụ chiến trường.

Đầu năm 1947, đồng chí Tiểu Oai Nghi, phó chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Hàm Thuận xuống trực tiếp mở lớp tập huấn về chính sách tạm cấp ruộng vắng chủ cho cán bộ nông dân toàn huyện tại nhà làng Long Thạnh.

Sau khi học tập, chính quyền cùng Hội nông dân cứu quốc xã Dân Thạnh tiến hành tạm cấp khoảng 300 ha ruộng đất vắng chủ và công điền⁽¹⁾ cho nông dân nghèo sản xuất, đóng đảm phụ kháng chiến; cấp phát trên 10 ha ruộng cho dân quân du kích sản xuất tự túc. Nhờ đó ngân sách xã được phát triển và nông dân càng gắn bó hơn với kháng chiến.

(1) Ruộng của các địa chủ, thực dân: Ghi-dông-la-va-lê, Nguyễn Viết Tuyển, Lục Thị Đậu, Bang Diệu; ruộng của nhà làng Phú Long, Thiện Mỹ, nhà thờ.

Trong những năm 1947 - 1950, xã còn thành lập được 5 tiểu nông đoàn; số nông dân được cấp ruộng tự nguyện góp vốn làm chung ăn chia. Mỗi tiểu nông đoàn canh tác trên 15 ha gồm các phần ruộng tốt (*giếng Chanh, suối Đá, bầu Dầu*).

Bên cạnh sản xuất lúa, đồng bào còn làm rẫy trồng đậu, lang, mì, bắp, khoai nọc... nên vừa tự trang trải, vừa góp một phần lương thực, thực phẩm cho các lực lượng kháng chiến của cấp trên. Những năm 1949 - 1952, Ban kinh tế tỉnh trồng bông dệt vải khắp nơi, trọng điểm là ở Hàm Thuận, tỉnh mở trại dệt lớn ở Trại Mấu (*Dân Thạnh*). Nhờ sự hướng dẫn của tỉnh, nhân dân Dân Thạnh đã trồng bông, bấn bông, kéo chỉ dệt vải. Những đám bông trắng nổi trên nền cát vàng trông rất thích. Mỗi xóm có hai khung dệt, dân dùng vỏ cây xây, cây chiu liu và pin đèn để nhuộm vải. Nhờ vậy đồng bào đã tự túc được trên 20 % vải mặc.

Năm 1949, địch càn quét, đốt phá hoa màu, bấn giết hàng trăm con trâu, bò. Trời hạn hán, lúa bị tiêm lụn; thất mùa; nhân dân vô cùng thiếu thốn. Đồng bào phải lên Rừng Hầm, Gia Le, Dân An mua thêm lúa, bắp, khoai. Dân và cán bộ, bộ

đội ăn độn củ nân, trái tre, củ chuối... Dù đói thiếu, nhưng quân dân Dân Thạnh vẫn bám trụ, ra sức sản xuất, khắc phục khó khăn, bà con chia sẻ cùng bộ đội, thương bệnh binh từng bát cháo, nồi rau, động viên nhau chiến đấu.

Trước tình hình khó khăn ấy, chấp hành chủ trương của tỉnh ủy, huyện ủy. Chi bộ xã mở hội nghị dân quân chính Đảng, thống nhất chủ trương, biện pháp. Sau đó Mặt trận và các đoàn thể phát động toàn dân làm thủy lợi, làm phân, thâm canh, tăng vụ; tận dụng mọi ao bầu trồng rau, màu chống đói. Chính quyền xã nhường cho các cơ quan của cấp trên hơn 50 ha ruộng đất để sản xuất tự túc. Các đoàn thể phát động hội viên ngoài phần sản xuất cho gia đình, còn có thêm con heo, con gà, giồng lang, hàng mì, luống rau kháng chiến, giành riêng cho bộ đội.

Cuối năm 1949, công trình thủy lợi đầu tiên của xã (*cũng là công trình lớn nhất huyện*) được tiến hành. Đó là đập Bà Tiết - đập ngang sông Cạn để chứa nước. Tỉnh cho xã 4.200 đồng Đông Dương và 10.000 đồng Việt Nam mua vật liệu. Công trình do Chính quyền xã Dân Thạnh chủ công và được thanh niên toàn huyện hỗ trợ. Với

quyết tâm chống đói và kháng chiến thắng lợi, nhiều người ra sức lao động ngày lẫn đêm. Nhiều thanh niên khỏe xung phong đi giữa chịu hai vai, để ba người khiêng được hai khiêng đất, đá.

Công trình đập Bàu Tiết là nơi thử thách rèn luyện của thanh niên toàn huyện, ngày làm việc nặng nhọc, ban đêm sinh hoạt lửa trại hào hứng nhộn nhịp. Ai cũng tin rằng những giọt mồ hôi dưới nắng nóng hôm nay sẽ cho mai sau dòng nước mát. Nhiều người được tỉnh cấp giấy khen, thưởng súng, như trưởng Ban công trình Đinh Văn Này, trưởng Ban bảo vệ Lê Duy Nam. Tuy đập nước bị địch đánh bom hư hỏng nhiều lần, nhưng đồng bào lại tu sửa sử dụng, thể hiện quyết tâm thâm canh, tăng vụ .

Trao đổi hàng hóa giữa nhân dân vùng kháng chiến và vùng địch tạm chiếm là một yêu cầu không thể thiếu. Cùng với chợ kháng chiến ở Tân Thành, Quang Cảnh, Tam Minh; năm 1947 chợ kháng chiến Dầu Bà Én ở Dân Thạnh cũng được ra đời. Nằm dưới khu rừng dầu xum xuê râm mát, kín đáo bên chân núi Tà Dôn, cách quốc lộ I khoảng 2 km nên chợ Dầu Bà Én rất thuận lợi cho nhân dân khắp nơi đi lại, mua bán. Khu chợ

này không ngừng được phát triển, đông vui tấp nập, có đủ các mặt hàng thiết yếu. Dân ở vùng kháng chiến mang cá, nước mắm, đậu mè, hạt dưa, dầu rái... về đây cõn đồng bào Rạng, Mũi Né, Phú Long, Ma Lâm, Tam Giác, Phan Thiết... đưa hàng công nghiệp đến bán. Thông qua chợ kháng chiến, chị em phụ nữ đã cung cấp thêm tiền, hàng, tin tức, quà bánh từ hậu phương lên vùng kháng chiến. Tiền Việt Nam, tiền Tín phiếu cũng được nhân dân tiêu dùng ở nơi đây.

Nuôi quân là thành tích nổi bật của đồng bào Dân Thạnh, vì đây là nơi đóng quân của nhiều lực lượng kháng chiến. Những năm đầu (1946 - 1947) bộ đội gặp khó khăn, sống dựa vào dân, đồng bào ở đây trở thành một bộ phận của lực lượng hậu cần trực tiếp, tại chỗ.

Cuối năm 1947, sau khi cố chủ trương của trung ương Đảng và lời kêu gọi của Bác Hồ, lấy ngày 27 tháng 7 hàng năm làm ngày nuôi dưỡng thương, bệnh binh. Từ đó hội Mẹ, hội Phụ lão xã Dân Thạnh ra đời, thu hút nhiều hội viên. Nhiều gia đình nhận đỡ đầu đơn vị, cá nhân bộ đội, thương binh. Hội Mẹ và hội Phụ nữ gắn chặt trong công tác nuôi quân, lo cho chiến sĩ từng chiếc

khăn, tấm áo. Các má đi trước vận động, các chi theo sau đầy áp những gánh quà, nhất là vào dịp lễ, ngày Tết. Mùa đông đến, đồng bào sẵn lòng quyên góp quần áo, khăn mền cho bộ đội vì xúc động trước những lời kêu gọi của các Má:

"...

Lấy chiếc áo che thân cho hàng ngàn chiến sĩ,

Nơi sa trường chịu lạnh giữa đêm đông.

Hỡi ai những kẻ có lòng,

Nghĩ đến chiến sĩ mùa đông tới rồi

Mùa đông lạnh lắm ai ơi!

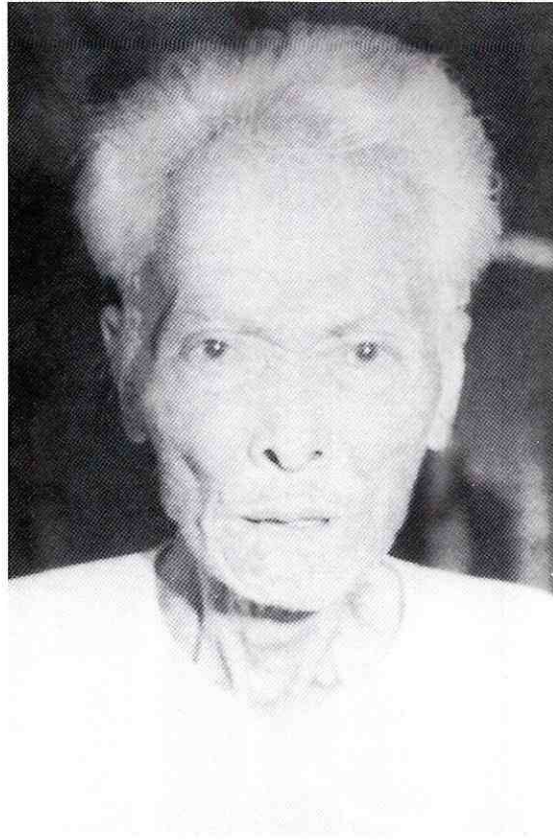
Biết bao chiến sĩ đêm đông xa nhà"...

Thiếu nhi cũng hết lòng chăm sóc, thăm hỏi, động viên các chú bộ đội. Em Trần Nhật Đáng đi bán bánh ú, chiều về mẹ hỏi tiền, em nói : " các chú bộ đội thiếu ăn, mặc rách, tiền đâu mà con lấy cho đành" .

Anh Lê Văn Y, một tự vệ xuất sắc ở Tùỳ Hòa, thường lập chiến công ở động Bà Què (Bà Hoè). Trong một trận đánh, xe Pháp lăn qua mìn không nổ; khi đem về cơ quan nghiên cứu, mìn lại nổ làm anh mù đôi mắt. Từ đó anh Y trở thành đứa con lớn trong gia đình má Nguyễn Thị Hương và ba Trần Thịnh ở giếng Chanh. Hai ông bà tần



*Mã Nguyễn Thị Hương ở Giếng Chanh (thôn 1) đã nuôi 6
thương bệnh binh, trong những năm kháng chiến chống Pháp.
Thời kỳ chống Mỹ, mẹ là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam.*



Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, Ba Trần Thịnh cùng vợ là Má Hương đã nuôi 6 thương bệnh binh; trong đó có anh Lê Văn Y đã mù đôi mắt.

tảo chăm sóc anh từ việc cho ăn, tắm giặt; nhiều lần ông Thịnh phải cõng anh Y lánh giặc.

Chính sự chắt chiu từng hạt gạo, củ khoai nặng nghĩa tình của đồng bào đã thôi thúc các chiến sĩ cầm chắc tay súng diệt thù. Nhiều hình ảnh đẹp về tấm lòng các ba, các má ở Dân Thạnh đã khắc sâu vào tình cảm của nhiều cán bộ, chiến sĩ khắp miền đất nước⁽¹⁾.

Chính sách kháng chiến phù hợp với lòng dân, công tác vận động quần chúng tốt của cán bộ, chiến sĩ; đời sống vật chất tinh thần của đồng bào từng bước được ổn định; nên dù địch càn quét, bắn phá ác liệt, muốn tiêu diệt một mảng nhỏ của hậu phương kháng chiến, nhưng quần dân Dân Thạnh vẫn quyết tâm đẩy mạnh chiến tranh du kích, xây dựng căn cứ.

Nhờ sự chỉ đạo trực tiếp của Ban cán sự Cục Nam và tỉnh ủy Bình Thuận, nhiều đơn vị đứng

(1) Năm 1954, anh Y được đi tập kết ra miền Bắc. Đến năm 1975 anh Y nhờ con dắt từ Hà Bắc về giếng Chanh thăm lại chiến trường xưa, thăm những người cha, người mẹ. Anh tặng hết huy hiệu kháng chiến của anh cho má Hương và nói " Đây chính là thành tích của Ba Má". Hai ông bà xúc động nói : "nếu tất cả cán bộ Cách Mạng như thằng Y , tội tao nuôi hết nhà không tiếc!".

chân giúp đỡ, nhất là sau khi hình thành Ban chỉ huy quân sự huyện đội dân quân (1948) và có chủ trương " đoàn thể hóa dân quân, dân quân hóa đoàn thể " (1949); lực lượng dân quân du kích Dân Thạnh nhanh chóng lớn mạnh. Bí thư xã đoàn kiêm Chính trị viên xã đội phát động toàn thể thanh niên nam, nữ thi đua vào dân quân du kích. Năm 1947 các anh Lê Cự Nhiếp, Phan Tôn cán bộ Tỉnh đoàn về Giếng Xó mở lớp huấn luyện cho thanh niên toàn tỉnh. Năm 1948, huyện và tỉnh mở tại Dân Thạnh nhiều lớp tập huấn về: quân sự, công tác binh vận; nhiều cán bộ ở đây được theo học. Đến năm 1949 toàn xã có gần 400 nam nữ thanh niên vào dân quân du kích, mỗi thôn có một trung đội nữ và một trung đội nam dân quân, mỗi xóm có từ 1 đến 2 tổ, mỗi tổ trên 15 người. Thanh, thiếu niên là lực lượng nòng cốt trong phong trào sản xuất, đánh giặc, đi trinh sát, liên lạc, phá đường, và dân công hỏa tuyến ...

Chấp hành chủ trương của trên, quân dân Dân Thạnh đẩy mạnh công tác diệt ác phá tề. Qua hai đợt tổng phá tề vào tháng 12 năm 1946 và tháng 5 năm 1948, ta bắt 30 tên Việt gian giáo dục thả về; chỉ diệt tên lý trưởng Tư Cát và tề ác ôn Chín Hối. Từ đó về sau địch không lập được



*Chị Võ Thị Tới - Trung đội trưởng trung đội nữ du kích
thôn Dân Bình Tây, xã Dân Thạnh (Hồng Sơn) trong kháng
chiến chống Pháp; là cơ sở trung kiên thời kỳ chống Mỹ và đã
được Nhà nước ta phong tặng danh hiệu Mẹ Việt Nam anh hùng.*

Tề. Chị Võ Thị Tới trung đội trưởng trung đội nữ du kích thôn Dân Bình Tây và chị Ba Em nắm tình hình làm liên lạc, đưa đường cho bộ đội đột nhập vào Ma Lâm diệt ác. Chị Trần Thị Nghĩa làm công tác binh vận rất giỏi, có lần chị đã lấy được đạn ở đồn Ma Lâm, vùi trong gánh gạo đưa về cho du kích.

Đến giữa năm 1946, Tự vệ chiến đấu tỉnh do đồng chí Nguyễn Tương sáng lập, tiếp đó trung đoàn 82 ra đời đã hỗ trợ dìu dắt du kích, dân quân huyện Hàm Thuận từng bước trưởng thành. Trong hai năm 1946 - 1947, bên cạnh những trận nhỏ, lẻ của tự vệ xã đánh Tây lấy súng, còn có những trận đánh táo bạo, mưu trí của "tự vệ ông Tương", bộ đội ông Châu, bộ đội Trần Quốc Thái... ở khắp Hàm Thuận như trận Rạng, Suối Nước, Lầu ông Hoàng (*Phú Hải*), Phú Long, Tuy Hòa... thu nhiều thắng lợi. Nhìn chiến lợi phẩm của bộ đội triển lãm như súng đại liên, Vích-ke (*Vicker*), Hốt kít (*Hotkit*), đồng bào Dân Thạnh ấm lòng, tin tưởng khả năng đánh giặc của bộ đội ta và sự thắng lợi của kháng chiến. Từ đó quân dân của toàn xã cũng xông lên lập nên nhiều chiến tích.

Chiến công đầu tiên của tự vệ ông Tương có sự phối hợp của dân quân Dân Thạnh; đó là trận đánh ở bàu Tâm Lang vào cuối tháng 6 năm 1946. Vừa phát hiện bọn Pháp càn vào xóm cướp phá và đang cùm lại ăn sáng dưới gốc cây xây; ông Nguyễn Ngọc Sang, một nông dân ở xóm liền chạy lên báo tình hình cho tự vệ ông Tương đang luyện quân ở gần đó.

Dưới sự chỉ huy của đồng chí Nguyễn Tương và sự cộng tác của ba chiến sĩ người Nhật, các chiến sĩ của ta lần lượt trong các lùm trắc rậm, tiếp cận sát mục tiêu. Sau những loạt đạn là tiếng hô xung phong áp đảo, bọn Pháp tháo chạy tán loạn, bỏ lại bốn xác (*hai lính Pháp, hai Việt gian*). Chiều hôm ấy chúng đưa lực lượng lớn từ Ma Lâm qua quật xác hai thằng Tây khiêng về, đốt hết gần hai mươi ngôi nhà của dân.

Đến năm 1947, quân dân Dân Thạnh cùng các xã lân cận phá hư đoạn đường quốc lộ I, từ cầu Ông Tâm đến Sông Lũy; trong đó có hai chiếc cầu quan trọng là cầu Bằng Lăng và cầu Ông Tâm. Mùa hè năm ấy một toán lính Pháp lên sửa cầu Bằng Lăng. Khoảng xế chiều, một thằng Tây đi lẻ sục vào nhà ông Huỳnh Can; hấn dùng

súng uy hiếp và trói đồng chí Nguyễn Đồng Chương cán bộ xã. Hắn quay sang định hiếp bà cụ Can.

Ông Huỳnh Can, một nông dân khảng khái, gan dạ và khoẻ mạnh, có người con trai duy nhất là anh Chín Cần; bị Lu-i giết hồi đầu năm 1946. Vốn sẵn lòng căm thù giặc, trước hành động tàn bạo của tên thực dân; ông Can hô to: "Hè, thà chết Chương ơi!" và ông ôm choàng thằng Tây. Bà Can chụp cái liềm, cắt dây mở trói cho đồng chí Chương. Khi đồng chí Chương xông vào tiếp sức với ông Can, bà Can lấy cước bổ vỡ đầu tên giặc. Dù bị thương nặng do súng nổ trong lúc giằng co với tên lính Pháp, nhưng sợ địch đến tiếp ứng; ông Can bảo: "Chương, mày chạy trước đi". Hai ông bà dìu nhau đến bìa rừng thì ông Can trút hơi thở cuối cùng. Nhờ tinh thần dũng cảm, hai ông bà Can đã diệt được thằng Tây, cứu cán bộ vừa thu được một khẩu súng tiểu liên. Đồng bào Dân Thạnh ai cũng cảm phục vợ chồng cụ Huỳnh Can.

Từ năm 1947 trở đi, hầu hết thanh niên Dân Thạnh đều tình nguyện đi bộ đội, việc động viên thanh niên ở lại tham gia dân quân du kích gặp

khó khăn. Nhiều em chưa đủ tuổi, thiếu sức khoẻ cũng nài nỉ được vào bộ đội. Em Trần Ngọc Răng ở Dầu Bà Én, mười sáu tuổi, tự khai thêm hai tuổi và mừng khắp khởi khi được bộ đội chủ lực nhận vào làm liên lạc. Em Răng nhanh nhẹn, gan dạ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Năm 1948, trong một chuyến đi liên lạc qua chân núi Tà Dôn, Răng lọt vào ổ phục kích, địch bắn em trọng thương và chúng dụ em chỉ đường vào cơ quan thì sẽ được băng bó, cứu chữa. Em Răng chửi thề vào mặt lũ giặc: "Bọn bây là đồ bán nước và cướp nước" và hiên ngang trước những phát súng bắn bồi của quân thù. Đơn vị, nhân dân vô cùng thương tiếc, khâm phục em Răng.

Ngoài các trận đánh chống càn nhỏ hàng ngày, đồng bào Dân Thạnh còn trực tiếp phục vụ một số trận đánh lớn. Ngày 15 tháng 4 năm 1948 trung đoàn 82 phục kích đánh địch tại núi Rẽ. Do bị lộ nên trận đánh diễn ra ngoài dự kiến, nhưng ta kịp thời bình tĩnh bố trí lại đội hình. Sau hai giờ nổ súng; ta hy sinh 18 đồng chí, nhưng đã diệt trên 80 tên địch, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng.



Bãi tập của bộ đội ta ở gần sân banh Láng Le, trên hốc núi Giếng Chanh.

Cuối năm 1949, đầu năm 1950 bộ đội chính huấn, luyện quân tại Dân Thạnh. Tiểu đoàn 86 ngày đêm sôi nổi, tích cực luyện tập ở sân banh Láng Le, Đất Quít, Xóm Mía ...

Nhằm đánh phá căn cứ Ô Rô, uy hiếp tuyến đường quốc lộ I và tiêu diệt lực lượng ta; đầu năm 1950 bọn lính Lê Dương liên tiếp đánh phá Dân Đồng, Dân Thạnh. Tháng 02 năm 1950, vừa sáng một tiểu đoàn lính Lê Dương từ Xa- Ra lên Ba Chòi thọc vào Giếng Chanh. Chúng định bất ngờ tấn công bộ đội ta đang tập trận. Nhưng địch đã khó lọt qua tai mắt nhân dân. Nhờ nắm thông tin kịp thời, tiểu đoàn 86 vận động từ xóm Cát xuống đánh địch. Một đại đội nổ súng dồn chúng vào chân núi Tà Dôn; một tiểu đội khác ở sân bay Láng Le bắn nử, bộ phận khác xung phong vượt qua đồng ruộng Giếng Chanh, bên hông đánh thốc vào, phía chính diện tiến vô. Đại đội B và đại đội Xung Kích chi viện. Địch lọt vào vòng vây của ta, nhiều tên ném súng bỏ chạy. Đến trưa địch rút, ta giải thoát được hàng chục người bị chúng bắt khiêng đạn. Bộ đội ta nhờ những người đó vận chuyển chiến lợi phẩm. Tiểu đoàn 86 vừa củng cố đã tạo được chiến công, bẻ gãy trận càn lớn của địch.

Trưa ngày 29 tháng 3 năm 1950, tiểu đoàn 86 vừa nghỉ tập, chuẩn bị cơm trưa, thì bị một tiểu đoàn Lê Dương bất ngờ tấn công. Chúng bí mật dùng xe lửa một⁽¹⁾ đổ quân từ ga Long Thạnh vào giếng Xó, bàu Bèo đốt nhà dân rồi tiến xuống các sân tập của bộ đội ta từ 3 hướng: sông Cạn, đường quốc lộ I và ven rừng Cát. Dưới sự chỉ huy mưu trí, táo bạo của đại đội trưởng Nguyễn Văn Cang (*Đảng*) và đại đội phó Nguyễn Đình Khôi, toàn đại đội A đánh quyết liệt với địch dưới trưa nắng, cát nóng và giữa đồng ruộng trống. Từ bất ngờ quân ta lấy lại thế chủ động, xung phong băng qua đồi cát đánh địch. Địch trụ lại ở một nền nhà ngói lớn bắn như mưa; các chiến sĩ ta vẫn không lùi bước.

Hơn một giờ nổ súng, đại đội B được đại đội Xung Kích chi viện cùng truy kích, tiêu hao, tiêu diệt khoảng 100 tên địch. Có tên bị thương, ném trung liên xuống giếng tháo chạy thoát thân. Trong lúc cùng đồng đội xông trận, anh Khôi và chín chiến sĩ ta đã anh dũng hy sinh (*anh Khôi là một học sinh, người con xứ Huế, lập nhiều thành*

(1) Xe lửa một (Rafanô) - Xe lửa quân sự bọc thép chỉ có một toa.

tích trên chiến trường Hàm Thuận). Đồng đội và đồng bào ngậm ngùi thương tiếc các chiến sĩ và người chỉ huy mưu trí, gan dạ.

Qua các trận đánh trên, nhân dân Hàm Thuận nói chung, đồng bào Dân Thạnh nói riêng càng tin tưởng thương yêu, khâm phục lính cụ Hồ. Các anh thiếu súng, thiếu giày... nhưng giàu lòng dũng cảm, mưu trí trong đánh giặc giữ làng, giữ dân, giữ nước.

Đầu năm 1950, nhằm triển khai Nghị Quyết hội nghị Trung ương lần thứ ba của Đảng ta về việc tổng động viên nhân tài vật lực trong cả nước; tỉnh ủy Bình Thuận chọn Hàm Thuận làm huyện điểm, Dân Thạnh làm xã điểm để chỉ đạo. Cán bộ Tỉnh và Huyện trực tiếp xuống xã phát động quần chúng. Công tác tư tưởng và dân vận được đặc biệt chú ý. Sau khi Ban dân vận xã được thành lập, ta mở hội nghị toàn dân. Xã lập sổ vàng truyền thống, mỗi người dân tự giác đăng ký số tài sản của mình đóng góp cho kháng chiến.

Các hình thức cổ động, diễn văn nghệ, hò lơ được phổ biến rộng rãi, giúp cho toàn dân hiểu mục đích, ý nghĩa và nhiệm vụ của mình đối với đợt tổng động viên nhân tài vật lực. Riêng thành

niên toàn xã đã đẩy lên phong trào thi đua đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua"⁽¹⁾.

Đáp lời kêu gọi của Đảng, của Bác Hồ, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể; quân dân toàn xã dốc hết sức người, sức của cho kháng chiến, cho chiến dịch Đông Xuân 1950 - 1951 của tỉnh thắng lợi. Kẻ công trận, người vận lương, kẻ ra chiến trường, người hậu phương góp sức. Hàng chục thanh niên đi bộ đội, đi dân công chiến trường từ Hàm Thuận ra Hòa Đa, Tuy Phong; vào Nam Bộ mang vũ khí, tiền bạc về chiến trường Cực Nam Trung bộ.

Chấp hành chủ trương của tỉnh ủy Bình Thuận, đầu năm 1950 huyện ủy Hàm Thuận chỉ

(1) Sự quán triệt về Tổng động viên, thể hiện qua từng câu hò đối đáp:
- Nữ: Lúa vàng em gặt em xay. Phá đường đắp ụ chặn Tây em làm.
Tải thương tiếp tế em kham. Phụ nữ Cứu quốc biển ra làm dân quân.
Chuyện xa cho đến chuyện gần. Nghe Tổng động viên mà em nghèo quá biết góp phần làm sao?
- Nam: Toàn dân kháng chiến em ơi! Giàu thì góp của, nghèo thì góp công.
Thi đua trồng lúa trồng bông. Tăng gia sản xuất chuẩn bị tổng phần công diệt thù.
Đồng xanh lúa tốt bội thu. Bộ đội no đủ giặc rút dù về Tây.



Chị Võ Thị Chấn - nữ du kích nhanh nhẹn, sôi nổi, có nhiều thành tích trong phong trào thi đua, giai đoạn 9 năm kháng Pháp (1946 - 1954).

đạo sáp nhập hai xã Dân Thạnh và Dân Đồng thành xã Hàm Đức. Đảng bộ xã Hàm Đức mở Đại hội tại nhà trường Dân Thạnh, đề ra các nhiệm vụ chính: phát động phong trào tổng động viên nhân vật tài lực, chuyển mạnh sang tổng phản công, đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm, phát triển thực lực và đẩy mạnh chiến tranh du kích. Đại hội bầu cấp uỷ mới, phân công các chi uỷ viên phụ trách chính quyền, đoàn thể⁽¹⁾.

Khí thế của quần chúng lúc ấy rộn rịp, sôi nổi lạ thường. Tháng 4 năm 1950, lễ xuất quân của chiến dịch đánh địch ở phía Bắc tỉnh được tổ chức tại Dân Thạnh. Tháng 7 năm ấy, chiến công đánh đồn Duồng và khắp nơi trong Tỉnh vang dội. Giữa lúc quân dân Hàm Đức cùng toàn Tỉnh bước vào chiến dịch Đông Xuân (1950 - 1951) thì được tin chiến thắng Biên giới từ miền Bắc dội về, càng động viên khí thế hồ hởi thi đua. Ngày 18 tháng 10 năm 1950 toàn tỉnh tổ chức lễ "Rước đuốc chiến thắng". Ánh đuốc thanh niên rực sáng vang dội từ Rẫy Thơm (Hàm Đức) tiến về các xã.

(1) Phan Phương Hội làm bí thư chi bộ xã, Trần Ngọc Cư phó bí thư thường trực, Nguyễn Gia Cẩm chủ tịch và Trần Nhật Quang phó chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính xã.

Riêng Long Thạnh có 21 chiến sĩ thi đua được thay mặt cho toàn thể thanh niên trong xã nhận đuốc từ sân lễ của Huyện chạy về sân banh Đất Quít. Hàng trăm đồng bào và chiến sĩ đón chào tại sân lễ. Mọi người chú ý rải hoa giấy rất nhiều lên mái tóc của cô gái duy nhất chạy đầu vừa hô khẩu hiệu. Đó là Võ Thị Chấn, một nữ du kích xông xáo, khoẻ mạnh có nhiều thành tích. Sân Banh Láng Le, Rẫy Thơm, Đất Quít, Đất Làng ... hàng đêm thường rực sáng ánh lửa, rộn vang tiếng hát, tiếng đàn của thanh thiếu niên toàn huyện về họp bạn, cắm trại, mở lớp huấn luyện...

Những đoàn dân công phục vụ cho các chiến dịch của tỉnh đều tập kết và làm lễ xuất quân từ Dân Thạnh. Trong năm 1950, hơn 30 chiếc xe trâu của đoàn vận tải Dân Thạnh liên tục đi vận chuyển lương thực, thực phẩm cho huyện và tỉnh.

Khá nổi bật là Ban tiếp tế xã hoàn thành tốt các nhiệm vụ thu đảm phụ kháng chiến, mua và vận chuyển, cất giấu lương thực, thực phẩm bảo vệ mùa màng; hàng năm đều được giấy khen của Ty tiếp tế tỉnh Bình Thuận.

Toàn dân đã tự nguyện đóng góp sức người, sức của cho cuộc tổng động viên; nhà nghèo cho



Sân banh Láng Le, nơi thường họp mặt, đốt lửa trại; giao lưu văn nghệ giữa bộ đội và thanh niên toàn huyện.

tiền, nhà khá ủng hộ từ nửa xe cho đến ba xe lúa (mỗi xe trâu khoảng 700 kg lúa) và một con trâu. Các ông Dương Bốn, Trần Thịnh, Lê Như Châu... mỗi người đã ủng hộ bộ đội 2 con trâu. Ba ngày một đợt, Ban tài chính xã Hàm Đức chuyển lên cấp trên một gánh bạc tín phiếu. Riêng Dân Thạnh (cũ) trong năm 1950 dù còn bị ảnh hưởng mất mùa, khó khăn của năm trước nhưng đã huy động được 50 tấn lúa. Các năm sau số lúa, mì, đậu, bắp tăng hơn; hàng năm được Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Bình Thuận cấp giấy khen là đơn vị đóng góp nhiều nhân tài, vật lực.

Phụ nữ, thanh niên thi đua đi dân công phục vụ các chiến dịch; gánh lúa từ Tam Giác, Miền Đông về Ô rô, Hồ Đất... Nhiều chị tình nguyện đi tập trung 3 tháng liền về các kho lúa của Ty quân lương để xay lúa, sàng gạo. Các chị có con nhỏ cũng nhận chỉ tiêu xay lúa tại nhà, mỗi người khoảng 350 kg. Chị Phạm Thị Xây cùng với một số chị em khác trong một đêm đã nấu hơn 500 vắt cơm cho thanh niên đi chiến dịch. Mỗi thôn có từ 20 - 60 thanh niên đi bộ đội, đi dân công; riêng thôn Dân Bình Tây có trên 50 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Dưới sự chỉ huy của trung đội trưởng Nguyễn Thị Thanh và trung đội phó Nguyễn Thị Các. Trung đội nữ du kích Hàm Đức đã bám sát đồn Tuyền Hòa, bót Cầu Móng làm binh vận, gỡ mìn, gỡ lựu đạn. Vào một chiều năm 1950, các chị phối hợp với trung đội nam du kích đập mô cầu Ông Tầm và đánh mìn lật một chiếc xe GMC của địch.

Gần 5 năm sản xuất, chiến đấu và học tập (1946-1950), quân dân Dân Thạnh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ hậu phương, xây dựng được một xã căn cứ du kích. Thực lực trưởng thành, thể hiện rõ nét cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện. Đây là tiền đề quan trọng để xã đứng vững trong cuộc kháng chiến trường kỳ, khó khăn ác liệt.





Chị Trần Thị Liên - nữ dân quân có nhiều thành tích trong 9 năm kháng chiến chống Pháp. Sang thời chống Mỹ, chị tiếp tục làm cán bộ đoàn thể của xã.



Chị Võ Thị Hoa, em ruột của chị Võ Thị Tới - nữ dân quân trẻ, hăng hái, lập nhiều thành tích trong công tác hậu phương, chống giặc giữ làng suốt thời kỳ chống Pháp và tiếp tục tham gia chống Mỹ - Nay là Mẹ Việt Nam Anh hùng.

II - QUÂN DÂN HỒNG SƠN BÁM TRỤ, GIỮ VỮNG ĐỊA BÀN

(Tháng 12 năm 1950 đến tháng 12 năm 1952)

Căn cứ Ô Rô được hình thành từ những năm 1946-1949; đến năm 1950 tỉnh ủy Bình Thuận đặt mạnh vấn đề xây dựng căn cứ lâu dài. Tháng 12 năm 1950 Tỉnh ủy quyết định mở rộng Ô Rô thành khu căn cứ Lê Hồng Phong gồm 3 xã: Hồng Sơn, Hồng Lâm và Hồng Hải.

Từ đầu năm 1950 trở đi, âm mưu chung của địch trong toàn tỉnh là tập trung tiêu diệt vùng căn cứ, vùng du kích; trước tiên là đánh phá vùng du kích Tam Giác và căn cứ Lê Hồng Phong bằng hai biện pháp chính: đột kích, phục kích và càn quét lớn gắn với đồn dân.

Trọng điểm đánh phá của địch ở khu Lê Hồng Phong là Hồng Sơn - kho nhân tài vật lực của kháng chiến. Tình hình toàn huyện, đặc biệt là Hồng Sơn trở nên căng thẳng. Bọn Tám Phát, Bảy Hợi; cán bộ xã chạy đầu hàng cùng với hai tên Việt gian Lép và Thạch dẫn địch vào đốt nhà, bắn trâu bò, khai hầm lúa của ta. Địch dùng xe

lửa một (Rafano) đổ quân, bắn pháo vào Hồng Sơn bất cứ lúc nào. Máy bay địch ném bom vào chợ Dầu Bà Én làm chết người (1950) và sập đập Bàu Tiết giữa mùa nước lũ (1951). Riêng thôn Hiệp Thạnh, địch ở đồn Ma Lâm qua đốt phá hằng ngày, nhằm gom dân về Ma Lâm.

Tình hình trên làm cho mọi sinh hoạt, sản xuất, chiến đấu của đồng bào Hồng Sơn gặp nhiều khó khăn, đảo lộn. Một số dân ở xã khác tản cư đến Hồng Sơn từ năm 1846, nay chạy vào vùng địch khoảng 500 người. Dân số toàn xã còn lại khoảng 4.000 người. Một số cán bộ, đảng viên cầu an, nặng gia đình, lơ là công tác. Nguyên nhân chính của tình hình trên là địch đánh phá ác liệt, bộ đội chủ lực lại tập trung ra phía Bắc tỉnh, công tác tổng động viên nhân tài vật lực của ta trong năm 1950 huy động quá sức dân, một số đảng viên thiếu đầu tàu, gương mẫu...

Trước tình hình đó, đầu năm 1951, Ban cán sự cực Nam và tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương nhập các xã phía Đông Bắc huyện Hàm Thuận và phía Nam huyện Bắc Bình thành lập huyện Lê Hồng Phong gồm 11 xã và lấy tên đầu của mỗi xã bằng chữ Hồng (Sơn, Trung, Hải, Liêm, Thịnh,

Thắng, Thanh, Chính, Tiến, Thái, Lâm). Bộ máy lãnh đạo được kiện toàn để đủ sức hoàn thành các nhiệm vụ giành đất, giữ dân, giữ vững và mở rộng vùng căn cứ. Đến tháng 10 năm 1952; Tỉnh ủy quyết định tách 3 xã vùng tranh chấp (Hàm Đức, Hàm Nhơn, Hàm Thắng) hình thành Miền Đông có Ban cán sự chỉ đạo, đồng thời lập khu căn cứ Miền Tây bao quanh cứ điểm Ma Lâm, giáp Lâm Đồng gồm 4 xã: Hàm Phú, Hàm Trí, Hàm Thạnh, Hàm Cần. Nhờ thay đổi phương châm, phương thức hoạt động và bố trí lại lực lượng và địa bàn chỉ đạo, từng bước ta phá thế bao vây, chia cắt của địch.

Kể từ đây Hồng Sơn là tiền đồn, án ngữ bảo vệ căn cứ Lê Hồng Phong, phía Tây giáp Ma Lâm và đồn Sông Quao, phía Nam giáp Hàm Đức vùng tranh chấp và du kích. Bản thân Hồng Sơn cũng mang hai tích chất: bên Đông sông Cạn là vùng du kích, phía Tây sông Cạn là vùng tranh chấp. Đến giữa năm 1953, địch đóng thêm hai đồn Gò và Gộp thì ở đây mang thêm tính chất vùng tạm bị chiếm lỏng.

Hồng Sơn là bàn đạp để lực lượng ta ra huyện Bắc Bình, qua Tam Giác, lên miền Tây,

xuống miền Đông. Địch từ các nơi trong Tỉnh như: Phan Thiết, Mũi Né, Tuy Hòa, Ma Lâm, Sông Quao, Sông Lũy, Lương Sơn đều càn quét đánh phá vào đây. Hồng Sơn là nơi tranh chấp, giằng co quyết liệt giữa ta và địch, chúng ra sức hủy diệt; ta quyết bảo vệ và củng cố, không để địch chiếm đóng.

Với vị trí chiến lược quan trọng, Hồng Sơn được sự quan tâm đặc biệt của các cấp lãnh đạo; tỉnh ủy Bình Thuận và huyện ủy huyện Lê Hồng Phong luôn tăng cường cán bộ có phẩm chất, năng lực xuống đứng chân ở Hồng Sơn để củng cố bộ máy, xây dựng phong trào. Trên cơ sở chủ trương của huyện ủy Lê Hồng Phong là: giữ vững và mở rộng vùng căn cứ, phát triển chiến tranh du kích, đẩy mạnh phong trào sản xuất, văn hóa văn nghệ; giữ dân và lần lượt đưa dân về lại vùng kháng chiến. Năm 1951, chi bộ xã Hồng Sơn tiến hành Đại hội, đề ra các nhiệm vụ chính như sau:

1. Quán triệt tinh thần kháng chiến toàn dân, toàn diện, phát triển nhân dân du kích chiến tranh, rào làng chiến đấu, canh gác bố phòng, sản xuất bảo vệ mùa màng, giữ vững địa bàn, giành đất giữ dân.

2. Không ngừng phát triển các mặt văn hóa xã hội, xây dựng đời sống tinh thần tươi vui, lành mạnh; làm tròn nhiệm vụ hậu phương, nuôi quân, đi dân công chiến trường.

Đại hội bầu chi ủy mới. Mỗi thôn có một phân chi, gồm ba tổ đảng bám sát dân, chỉ đạo, tổ chức các phong trào. Nhờ chủ trương đúng đắn kịp thời nên các mặt công tác đều phát triển trong khó khăn, ác liệt.

Việc đầu tiên là củng cố bộ máy; đầu năm 1951 đồng chí Nguyễn Thuận (huyện ủy viên) làm Bí thư chi bộ, đồng chí Trần Nhật Quang làm Chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính. Năm 1952, do mất đoàn kết nội bộ, huyện ủy phân công đồng chí Huỳnh Thái Cần (huyện ủy viên) xuống làm Bí thư, đồng chí Dương Hữu Nam làm Chủ tịch. Các ban, ngành, đoàn thể đều được củng cố, tăng cường, nhất là Ban chỉ huy xã đội. Đồng chí Lê Duy Nam làm Xã đội trưởng, Hồ Doãn Chất làm Xã đội phó, Trần Huy Liệu làm Chính trị viên. Hai cán bộ của bộ đội Xung Kích lần lượt về làm trung đội trưởng trung đội du kích tập trung là đồng chí Nguyễn Văn Lâu (1951) và Võ Hoài Tương (1952-1953); đồng chí Nguyễn

Ngọc Sương cán bộ Huyện đoàn được tăng cường về làm Bí thư xã đoàn, chị Hồ Thị Hoàng ủy viên Ban chấp hành phụ nữ huyện xuống làm Hội phó Hội phụ nữ xã, giúp Hội trưởng Hồ Thị Hạnh đẩy mạnh các hoạt động phong trào.

Công tác chính trị, tư tưởng được đẩy mạnh trong cán bộ và nhân dân, đến cuối năm 1951, tình hình các mặt ổn định dần, đảng viên cốt cán hoạt động đều. Toàn bộ dân gốc người địa phương gắn với ruộng rẫy, cất chòi trong rừng cát, râm tre để núp máy bay, pháo của địch và tản cư lánh nạn. Khi nghe tiếng mõ báo động, dân đi tránh lánh. Khi nghe tiếng mõ báo an, dân lại ra đồng sản xuất.

Các tiểu nông đoàn làm năng suất thấp, nay được giải thể. Chính quyền và Nông hội xã tiếp tục cấp phát, điều chỉnh ruộng đất cho nông dân, người nào cũng có ruộng. Ngoài ra nhân dân còn nhượng đất và giúp đỡ các cơ quan, bộ đội, trường học, sản xuất lương thực, rau màu, cải thiện đời sống. Đồng bào phấn khởi, nộp thuế nông nghiệp đầy đủ, ngân sách xã không ngừng được tăng lên.

Trong Hội nghị dân quân chính Đảng, bàn cách sản xuất, bảo vệ mùa màng, tập thể tìm ra

biện pháp thực hiện chủ trương "làm rải vụ". Các phần ruộng tốt, chủ động nước được làm trước, ruộng nước trời, ruộng xấu làm sau, nơi nào địch đánh gặt gao thì ta gieo gỏi hoặc có nơi rải giống không cày; không gieo hạt chỉ để lúa rài. Nhờ vậy lúa chín không đồng loạt, địch khó tập trung cướp phá; các phần ruộng gần đường quốc lộ I cũng được nhân dân sản xuất, thu hoạch. Hình thức cấy, gặt, giấu lúa... ban đêm đã được quân dân Hồng Sơn áp dụng trong cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện này.

Từ sau năm 1951, phòng kinh tế huyện hướng dẫn dân bảo quản chế biến màu như làm bột mì, bánh tráng mì v.v... Nhiều rẫy mì trồng hai năm của dân và của bộ đội, cơ quan, luân phiên được dự trữ. Đời sống đồng bào, cán bộ đỡ khó khăn. Địch liên tục bắn giết trâu bò. Có ngày ở Hiệp Thạnh, Cầu Làng, Giếng Chanh bị bắn trên 100 con trâu. Đồng bào phải giăng hàng cuộc ruộng thay cày, nông dân trở thành chiến sĩ, cuộc, rựa cũng trở thành vũ khí.

Nhằm nâng cao đời sống ở vùng kháng chiến và mở rộng việc trao đổi hàng hóa giữa vùng ta và vùng địch, Tỉnh ủy Bình Thuận, Huyện ủy Lê Hồng Phong chỉ đạo xã Hồng Sơn

cải tiến, đổi mới phương pháp bao vây kinh tế địch: không ngăn cấm, bắt bớ hàng hóa của nhân dân hai vùng như trước. Cuối năm 1950, địch thường ném bom, bắn pháo vào chợ Dầu Bà Ân, nên xã chủ trương dời chợ vào Đất Bà Cán, đồng thời mở thêm chợ thứ hai ở Giồng Trại Tranh. Có năm phải nhiều lần thay đổi nơi nhóm chợ, có lúc nhóm đêm, nhưng chợ vẫn đông vui tấp nập. Chợ Tết ở Trũng Biển, diễn ra hai, ba đêm liền sáng rực ánh lửa, ánh đèn.

Trên lĩnh vực lưu thông hàng hóa, liên lạc, phụ nữ toàn huyện nói chung, phụ nữ xã Hồng Sơn nói riêng giữ vai trò rất quan trọng. Nhiều chị đã đi bộ hàng chục cây số với chiếc gánh kèo kịt trên vai từ chợ kháng chiến len lỏi vào Ma Lâm, Phú Long, Tam Giác, Phan Thiết, nhiều chị làm công tác binh vận và cất giấu giởi, đưa hàng qua khỏi trạm kiểm soát của địch. Nhờ vậy mà tiền, hàng, tin tức, tình cảm giữa hậu phương và chiến trường vào ra hàng ngày. Cả loại mực in Sạc-bonne (Charbonnai) hiếm, khó mua cũng có đủ cho các nhà in trong tỉnh. Nhờ thông tin kịp thời nên vào các dịp lễ, ngày Tết, các lần liên hoan văn nghệ đều đông nghịt người từ các nơi về Hồng Sơn tham dự.

Bảo vệ tài sản, nhất là mùa lúa chín có ý nghĩa sống còn nên quân dân Hồng Sơn không ngừng cải tiến cách thu hoạch, chôn cất. Những năm đầu kháng chiến, dân chôn lúa nơi thấp thường bị ẩm ướt, về sau dân khoét gò mối trong gốc tre; trên miệng nhỏ xuống đáy hầm to dần, nung chín, lót trấu xung quanh; mỗi hầm chứa khoảng 1.000 kg lúa. Sau mùa mưa lũ lúa vẫn còn nguyên. Những hầm to giấu lúa ở rừng cát thỉnh thoảng bị bọn Việt gian chỉ điểm địch khai được; đồng bào lại đào nhiều hầm nhỏ ngay trên đường mòn có in dấu chân người, gia súc qua lại, địch khó phát hiện. Thứ vị hơn là những nắm mộ nghi ngút khói hương, giặc càn qua không ngờ đó là những kho lúa của ta⁽¹⁾.

Từ cuối năm 1951, nhằm tạo thế cho nhân dân du kích chiến tranh phát triển; Ban cán sự cực Nam, Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương tổ chức một số trận đánh chống càn và tiêu diệt đồn. Mở đầu chiến dịch là trận diệt đồn Căng Ê-Sê-Píc (É Sécip ở Phan Thiết) ngày 28 tháng 12 năm 1951,

(1) Bảo vệ mùa lúa là điều có ý nghĩa sống còn, toàn dân luôn nhắc nhở nhau:

*"Gặt rồi thì phải đốt rơm, Quyết tâm bảo vệ hạt cơm đầu mùa.
Ta no thì giặc mới thua.... Đưa lúa về rừng chôn kỹ, cất sâu".*

tiếp đó là trận Bình Lâm (15/3/1951); trận Mường Mán (22/6/1952) và trận đánh đặc công tiêu diệt đồn Ngã Hai (18/7/1952). Nhờ có đông thanh niên giác ngộ Cách mạng cao, được sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp và là nơi xuất quân của các trận đánh, nên thanh niên Hồng Sơn luôn giữ vai trò nòng cốt trong việc đi dân công phục vụ các trận đánh trên. Đặc biệt là anh Lâm và anh Tương, chỉ huy du kích đánh nhiều trận ở cầu Ông Tâm, Dầu Bà én, cây me Đồng, cầu Làng ... làm tiêu hao sinh lực địch, bảo vệ tốt mùa cày, mùa gặt và tài sản của nhân dân. Tháng 9 năm 1951, một đại đội địch càn xuống phần ruộng ông Thông Tuyển, chúng phải dừng lại vì gặp phải sự đánh trả quyết liệt của tiểu đội anh Lâu. Nhờ đó bạn gặt có thời gian chuyển lúa an toàn. Trong một trận phục kích tại ga Long Thạnh, trung đội của anh Lâu bắt được hai tên lính Bạt-ti-dẫn, thu hai tiểu liên mi-ca-det.

Những năm 1950 - 1951, địch thường phục kích và gài mìn dọc đường môi (đường mòn băng qua đường sắt), bắn cán bộ, đồng bào, ngăn cản việc đi lại giữa Hồng Sơn lên miền Tây, qua Tam Giác. Du kích xã có sáng kiến dùng roi mốt rà mìn, gỡ mìn và đánh lại địch. Anh Võ Phu du kích

thôn, là chiến sĩ rà mìn rất xuất sắc. Nhờ lòng dũng cảm và mưu trí, du kích Hồng Sơn đã khai thông việc đi lại, cán bộ đồng bào đỡ tổn thất, hy sinh.

Sau mỗi trận đánh, anh Nguyễn Tương kịp thời tổ chức cho chiến sĩ rút kinh nghiệm, nâng dần trình độ tác chiến. Anh xây dựng từ tiểu đội du kích của thôn 1 lên thành trung đội du kích tập trung xã. Mỗi thôn có một tiểu đội du kích, có thể tự lực chiến đấu. Ban chỉ huy xã đội và Ban chấp hành xã đoàn phối hợp nhịp nhàng trong việc tổ chức lực lượng cũng như quá trình chiến đấu. Du kích tập trung xã và du kích bán thoát ly thôn cùng bộ đội đánh địch, dân quân gương mẫu canh gác bố phòng báo động, báo an; dân quân rộng rãi đưa dân tránh lánh.

Nhiều lần, anh Tương chỉ huy du kích nổ súng đánh lạc hướng, kéo địch đi theo ý muốn, tạo lối thoát an toàn cho đồng bào. Anh luôn bám sát địch, đánh phân tán, đánh chim sẻ, phục kích, bắn tỉa, chặn đường về, đánh sau lưng, ngang hông địch, lúc ẩn, lúc hiện, đánh ăn chắc, chớp nhoáng rồi rút lui. Nghe nổ lác đác, dân biết tiếng súng của anh Tương và rất yên lòng, vì anh thường phán đoán đúng hướng đi của giặc và bắt

cứ tình huống, hoàn cảnh nào cũng không rời bỏ nhân dân.

Bọn địch ở đồn Ma Lâm, bót cầu Mống bung dũi ra quấy phá vùng rừng Ông Rắc, Hiệp Thạnh (thôn 4) thường bị du kích hai xã Hàm Đức và Hồng Sơn phối hợp trừng trị thích đáng. Tháng 11 năm 1951, tiểu đội lính Cò-măn-đô đi càn, quay về đến Đá Chồng, bị trung đội của anh Lê Trung Thu đánh chạy tan tác. Ta giải thoát được hai người dân và thu lại khoảng chục con trâu bị địch bắt.

Tuyến trước giữ vững, tuyến sau của xã càng được bảo vệ an toàn. Chi bộ xã lãnh đạo toàn dân thực hiện tốt công tác rào làng chiến đấu, đánh chông bố phòng, củng cố căn cứ, bảo vệ an toàn các cơ quan của cấp trên. Toàn dân nâng cao cảnh giác, phòng gian bảo mật, phát hiện người lạ mặt, thực hiện tốt khẩu hiệu: "không nghe, không biết, không thấy". Nơi nào có rừng là có tuyến rào bằng cách cò cây để sống; giao thông hào được đào thành tuyến liên hoàn, có đoạn dài 3 km. Hàng ngàn chiếc hầm dọc các chợ, đường đi, trường học, khu sản xuất. Nhiều loại hầm đa dạng: hầm núp máy bay, chống phi pháo, hầm đánh chông ...

Sau đợt giản chỉnh, giảm biên chế (1952); nhiều cán bộ của trên được tăng cường về Hồng Sơn xây dựng lực lượng du kích. Trong số đó có anh Bách và Dương Hữu Khanh cán bộ của binh công xưởng tỉnh; hai anh đã huấn luyện du kích biết làm và đánh mìn tự tạo⁽¹⁾.

Những bãi chông sắt, chông cây, mìn tự tạo được kết hợp với cách đánh du kích của quân dân toàn xã đã hạn chế sự lung sục, quấy phá của địch.

Từ cuộc sống khó khăn ác liệt, dân ở căn cứ Hồng Sơn thuộc lòng các tín hiệu báo động, báo an, nghe tiếng súng nổ của dân quân du kích, đồng bào hiểu lính Tây đi bố hướng nào, dân phải tránh lánh hướng nào. Gia súc cũng biết chạy lánh Tây, xuống hầm trốn giặc. Tài sản cần thiết luôn sẵn sàng trong chiếc gánh, khi nghe tín hiệu báo động, đồng bào bình tĩnh chôn cất những thứ cần thiết; đánh chông, bố phòng quanh nhà rồi gánh con, gạo, nước ra đi. Nhân dân quen với cả tầm rơi của đại bác, nắm chắc quy luật do thám

(1) Một ống tre chứa mảnh chai và sắt vụn, được bịt kín bằng chai mống, có hạt nổ.

hoặc ném bom của các loại máy bay địch; thành thạo những thao tác cần làm trước khi rời nhà đi sơ tán.

"Trên trời có chiếc đằm già.

Thả mù chỉ điểm quăng ba bốn vòng.

Chị Ba đã sẵn gánh gồng.

Gánh nước và gạo, gọi chồng dẫn con.

Anh Ba vội bẻ lá non .

Ngụy trang cẩn thận, công con theo liền".

Khái niệm "nhà" của đồng bào ở căn cứ Hồng Sơn là để chỉ nơi tránh nắng, che mưa, thực chất là cái chòi trong bụi trúc, bụi tâm lang, bụi mấu, lùm tre kín đáo, để núp pháo, máy bay, bố phòng và giặc khó đốt phá. Có người một năm phải nhiều lần cất nhà. Tinh thần quyết tâm bám trụ đã giúp dân sáng tạo nhiều loại nhà; nhà mái sập, nhà lợp thiếc, lợp mo cau, nhà đất ở Dầu Bà én; độc đáo, an toàn nhất là nhà hầm ở Láng Le⁽¹⁾.

(1) Là chiếc hầm đào sâu xuống cát, dùng cây, lá gác kín, đổ đất, cát lên trên, có gác và lỗ thông hơi. Nhà hầm này được ra đời vào 2 năm cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.



Má Trần Thị Châu, Ủy viên Ban Chấp hành Hội mẹ chiến sĩ xã; có nhiều thành tích trong công tác nuôi quân và vận động dân đóng góp nhân tài, vật lực cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Dân nghèo nhà chật, nhưng tấm lòng rộng mở, nhà dân là nơi nghỉ ngơi, an dưỡng của cán bộ, chiến sĩ, thương bệnh binh. Sau những chuyến công tác trở về với túp lều quen thuộc thân thương; sống với nhân dân cán bộ chiến sĩ thấy ấm lòng. Các má các chị cấp nếp từng miếng ăn, tấm mặc. Việc nuôi dưỡng, an ủi động viên chiến sĩ thương bệnh binh đã trở thành tình cảm tự nhiên của đồng bào Hồng Sơn. Hàng mộ của các chiến sĩ ta ngày càng dài ở ven rừng cát Hồng Sơn đã thôi thúc nhắc nhở các hội viên phụ lão không quản ngại khó khăn, đi vận động toàn dân nhận thức rõ: bộ đội gian khổ hy sinh vì dân, vì nước, vì xóm làng mình. Các má kêu gọi mọi người quyên góp quần áo, chăn màn, thuốc trị bệnh, thức ăn cho bộ đội.

Là nơi đứng chân của nhiều cơ quan, đơn vị, trường học nên phong trào văn hóa văn nghệ, thể thao của xã Hồng Sơn có điều kiện phát triển. Về giáo dục, có hai hệ: bình dân học vụ và học tập trung. Mỗi thôn có một phòng học, các phòng ấy ban ngày là lớp học của các em, ban đêm là phòng học cho người lớn. Trong bốn năm (1948-1951); tỉnh tăng cường giáo viên giúp xã mở một

trường tiểu học ở Dốc Trắc (Bàu Cỏ Gừng) gồm năm lớp, khoảng 100 học sinh. Xã lập ban khuyến học do ông Lê Bá Quát làm trưởng ban, vận động dân cất trường, mời thầy giáo. Theo quyết định của Tỉnh ủy, đầu năm 1952 trường "Trung bình" của tỉnh được thành lập ở rừng Sao Vàng. Hơn 30 con em của Hồng Sơn được vào học ở trường này. Phần đông các em ấy về sau đều trưởng thành tốt.

Phong trào thi đua diệt giặc dốt thường xuyên được phát động, thiếu niên lập hàng rào đố chữ. Nhiều thầy giáo nhiệt tình (Phạm Đình Chính, Phạm Minh Kính, Đinh Văn Bửu, thầy Ân...) ra tận rẫy, vườn vào giờ trưa để dạy. Các má trong Ban chấp hành Hội mẹ luôn là tấm gương sáng trong phong trào. Có mẹ từ những ngày đầu bàn tay chai cứng, đưa viết đến đâu rách giấy đến đó, vậy mà gắng học đến khi viết được báo cáo cho đoàn thể. Anh Trần Ngọt, tiêu biểu cho lớp thiếu niên hiếu học; vốn là một em bé ở đợ chặn trâu, sau Cách mạng tháng Tám theo học bình dân và trở thành cán bộ thanh niên. Những năm đầu kháng chiến, thiếu mọi phương tiện dạy và học, đồng bào đã lấy lá chuối non làm giấy, hái trái trám làm mực, mì lát khô làm phấn;

dầu rái, thau dầu làm đèn. Hàng năm xã tổ chức thi tốt nghiệp bình dân. Năm 1949, có khoảng 99% nhân dân toàn xã được ngành Giáo dục Tỉnh cấp giấy chứng nhận thoát dốt.

Thực hiện chủ trương "Văn hóa hóa kháng chiến, kháng chiến hóa văn hóa" của Đảng ta, nhất là những năm ác liệt (1951 - 1954) Tỉnh ủy Bình Thuận, huyện ủy Lê Hồng Phong chỉ thị các xã cố gắng chăm lo đời sống tinh thần của dân vùng căn cứ, nhằm nâng cao cuộc sống cho đồng bào để không những giữ được dân tại chỗ mà còn có sức thuyết phục, thu hút dân trong vùng địch tạm chiếm tiếp tục ra xây dựng căn cứ kháng chiến.

Được sự giúp đỡ của bệnh viện, bệnh xá và trường hộ sinh Hồng Phúc của tỉnh, Ban dân y xã Hồng Sơn có điều kiện chăm sóc sức khỏe cho đồng bào khá chu đáo, huy động được nhiều thầy thuốc Bắc, thuốc Nam tham gia. Ông Biện Mười dùng thuốc gia truyền trị lành nhiều vết thương cho cán bộ, nhân dân. Thanh niên, phụ nữ phát động phong trào xây dựng người thanh niên, phụ nữ kháng chiến, hướng dẫn từng gia đình thực hiện tốt việc ăn chín, ở sạch, giữ gìn vệ sinh, cách nuôi dạy con; xây dựng cuộc sống tình cảm lành

mạnh trong sáng. Thanh niên thảo luận tiêu chuẩn về hôn nhân gia đình (dựa trên sự đồng nhất về sức khỏe, lý tưởng, tuổi và đạo đức...).

Hồng Sơn có nhiều sân bóng như Đất Làng, Đất Quít, Láng Le, sân tập Rẫy Thơm, mặt khác nhờ có truyền thống và phong trào bóng đá từ trước năm 1945, có cầu thủ và huấn luyện viên, nên xã có phong trào và xây dựng được đội bóng đá xếp loại mạnh trong huyện; thường đấu giao hữu với các xã bạn và các đơn vị bộ đội.

May mắn biết bao, trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đồng bào Hồng Sơn được hưởng cuộc sống văn hóa, văn nghệ đầy đủ, trọn vẹn nhất so với nhân dân các xã trong huyện. Mãi đến hôm nay, những người kháng chiến cũ còn khao khát và ước mơ được sống trở lại với những ngày gian lao mà anh dũng, vẻ vang, vui đẹp và mặn nồng tình nghĩa ấy. Sau mỗi chiến công, những ngày lễ, ngày Tết, các đoàn văn nghệ và các đơn vị bộ đội thường diễn văn nghệ ở Hồng Sơn. Những thước phim vượt hàng trăm cây số từ Liên khu V vào cũng thường được chiếu trước ở đây, thu hút đồng bào khắp nơi về dự.

Quân dân trong xã thường cùng bộ đội đốt lửa trại, sinh hoạt văn nghệ. Tiếng đàn, tiếng hát

vang dậy núi rừng. Nhiều bà mẹ cũng cất cao tiếng hát cùng ca múa với thanh niên và thấy mình như trẻ lại. Các hình thức kịch, tấu, ngâm thơ, bài chòi, hò lơ đã truyền cảm sâu lắng vào quần chúng những nội dung kêu gọi mọi người thi đua sản xuất, đánh giặc.

*"Anh vào du kích địa phương,
Ở nhà em hãy lo lường việc ni.
Đừng buôn ngoại hóa làm chi,
Đất kia trông tựa lang mì để ăn".*

Đời sống tinh thần thoải mái, lành mạnh vui tươi, góp phần động viên mọi người vùng dậy, diệt bớt nổi nhọc nhằn. Chính đời sống văn hóa ấy đã góp phần làm cho cuộc sống vật chất ngày thêm ổn định và nâng cao. Du kích chiến tranh phát triển. Vùng kháng chiến Lê Hồng Phong nói chung, Hồng Sơn nói riêng không ngừng được mở rộng; lần lượt thu hút dân trong vùng tạm bị chiếm ra đông hơn. Thanh niên ở thành thị ra vùng kháng chiến học tập, chống bắt lính. Cuối năm 1952, huyện căn cứ Lê Hồng Phong đã có khoảng 16.000 dân. Riêng xã Hồng Sơn lúc đông nhất khoảng 5.000 người.

Sau những năm chiến đấu, quân dân xã Hồng Sơn không những giữ vững địa bàn mà còn vươn lên trong khó khăn ác liệt (từ 30 đảng viên năm 1948, 100 đảng viên năm 1950 lên 152 đảng viên năm 1952). Cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện đã chuyển sang thế phản công. Cán bộ bám dân, dân bám đất, bộ đội du kích, dân quân gắn bó với nhau bám sát chiến trường. Hồng Sơn hình thành thế 3 vùng: căn cứ, du kích và du kích non; sẵn sàng tư thế cùng toàn huyện giành thắng lợi lớn hơn.



III - HẬU PHƯƠNG - TIỀN TUYẾN ĐỒN SỨC CHO KHÁNG CHIẾN THẮNG LỢI

(Từ tháng 01 năm 1953 đến tháng 8 năm 1954)

Trước khi đưa quân đánh chiếm vùng tự do Liên khu V và mở chiến dịch Át - Lăng (Atlante). Những tháng đầu năm 1953, địch ra sức càn quét, bình định vùng tạm bị chiếm.

Ở Bình Thuận, đi đôi với việc củng cố vùng tạm bị chiếm, địch ra sức đánh phá các vùng du kích căn cứ. Điểm nổi bật trong năm 1953 là địch tập trung lực lượng hàng tiểu đoàn (lớn nhất từ trước đến nay) đánh vào vùng du kích huyện Hàm Thuận (miền Tây Tam Giác) và căn cứ Lê Hồng Phong.

Biết xã Hồng Sơn là phòng tuyến, hàng rào bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của tỉnh và Ban cán sự cực Nam; năm 1953 địch sử dụng tất cả mọi loại vũ khí, chiến thuật để tiêu diệt. Thường ngày chúng dùng chiếc đầm già (Mo ran) thả mù chỉ điểm cho hai máy bay oanh tạc cơ (Spyfire) ném bom và pháo từ các nơi đập vào: khu sản xuất, chợ, trường học, cơ quan. Xe lửa một đống quân

phục kích và bắn canon (Canon beau fost). Có lúc địch kết hợp không quân nhảy dù cùng bộ binh có xe tăng yểm trợ với lực lượng lớn gần chục tiểu đoàn càn liên tiếp, từ Ma Lâm qua cầu Làng, cầu Ông Tâm; Tuy Hòa, Xa Ra lên Ba Chòi vào Giếng Chanh; từ Mũi Né lên Giếng Đế, Láng Le, Bàu Hạc, ga Long Thạnh; từ Lương Sơn đánh vào Gộp, xuống Bàu Bèo.

Nhằm uy hiếp, khống chế, chia cắt địa bàn hoạt động của ta; từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1953, địch đóng thêm một loạt đồn: Động Bà Hòe, Xa Ra (Hàm Đức); Gò, Gộp (Hong Sơn). Chúng bắn pháo suốt ngày đêm vào: Trại Mấu, Giếng Xó, Láng Le, Bàu Cỏ Gừng, Giếng Chanh và ven rừng cát ... Hong Sơn là nơi độ sức giữa chiến tranh nhân dân với chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp; tình hình ngày thêm căng thẳng. Quân dân toàn xã trực tiếp gánh vác hai nhiệm vụ vừa hậu phương vừa tiền tuyến.

Về phía ta, thế và lực khá vững vàng, có nhiều mặt thuận lợi cả về tiềm lực vật chất cũng như tinh thần. Cuối năm 1952, đầu năm 1953, Tỉnh ủy Bình Thuận liên tiếp mở lớp học chính huấn, chính quân, chính Đảng, nhằm nâng cao lập

trường giai cấp, tinh thần kháng chiến cho cán bộ, chiến sĩ qua các nội dung : "Trường kỳ kháng chiến", "chính sách ruộng đất", "Cách mạng Việt Nam", "các gương chiến đấu" v.v. Các cơ quan của tỉnh tiếp tục giảm biên chế, tăng cường cán bộ cho huyện đội, xã đội.

Bên cạnh hàng trăm dân quân du kích của xã, Hồng Sơn còn nhờ lực lượng trên đứng chân ở đây giúp đỡ. Ở phía Nam có đại đội 223, phía Bắc có đại đội 218. Bộ đội Xung Kích nhiều lần giúp quân, dân Hồng Sơn đánh địch chống càn.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bình Thuận là phải tập trung sức giữ vững và mở rộng khu du kích, khu căn cứ, Huyện ủy Lê Hồng Phong xác định xã trọng điểm cần tập trung chỉ đạo là Hồng Sơn. Đầu năm 1953, chi bộ xã Hồng Sơn mở đại hội; đề ra các nhiệm vụ chính như sau:

1. Không ngừng đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, thực hiện phương châm: "Quân sự hóa toàn dân". Giữ vững và mở rộng địa bàn, canh gác bố phòng, rào làng chiến đấu; đi dân công chiến trường, làm tròn nhiệm vụ vừa hậu phương vừa tiền tuyến.

2. Cấp phát ruộng đất cho nông dân, tập trung sản xuất lương thực, chống càn bảo vệ mùa màng.

3. Tích cực đào tạo cán bộ người địa phương, tăng cường công tác tư tưởng, công tác vận động quần chúng, chú ý hơn nữa chính sách hậu phương, chăm lo bồi dưỡng sức dân.

Đại hội bầu 11 chi ủy viên chính thức, ông Huỳnh Thái Cần (Huyện ủy viên) tiếp tục làm bí thư; đồng chí Nguyễn Vĩnh Lại (Huyện ủy viên) làm phó bí thư. Đến cuối năm 1953, đồng chí Nguyễn Vĩnh Lại làm bí thư chi bộ xã.

Toàn chi bộ xã có khoảng 200 đảng viên, chia làm bốn phân chi để lãnh đạo bốn thôn. Riêng thôn 1 và thôn 3, mỗi phân chi có trên 60 đảng viên. Trong công tác dân vận nhờ thực hiện tốt phương châm ba cùng: ăn, ở, làm. Từ đó có biện pháp chỉ đạo sát hợp để lãnh đạo quần chúng nên chi bộ kịp thời nắm bắt tình hình, phát hiện kịp thời tâm tư nguyện vọng của dân.

Công tác tư tưởng trong Đảng và công tác vận động quần chúng sâu sát kịp thời, có sức thuyết phục. Các chủ trương của trên sau một tuần là được quán triệt đến tận nhân dân. Chi bộ

luôn tôn trọng lắng nghe ý kiến của quần chúng, nên mọi việc đều được toàn dân tự giác, chủ động hoàn thành. Nhiều mặt khó khăn, nhưng chi bộ biết dùng người thật việc thật để vận động, dùng quần chúng vận động quần chúng. Xã cử đại biểu mặt trận, các đoàn thể đi tham quan rừng mì của toàn huyện, những bầu nước ở Hồng Trung, Hồng Chính để nói dân yên tâm bám trụ vì ta đủ sức tự túc lương thực. Sau khi mắt thấy tai nghe, nhân dân tin tưởng tự thuyết phục lẫn nhau. Những đợt dân công chiến trường cao điểm, đoàn thể tự tìm cách thuyết phục, vận động các má già yếu giữ cháu để các chị có con nhỏ đi phục vụ mỗi đợt hai, ba ngày.

Nhằm giải phóng hoàn toàn căn cứ miền Tây và tạo thế liên hoàn với khu Lê Hồng Phong và các nơi trong tỉnh. Ngày 18/01/1953, bộ đội Xung Kích tiêu diệt đồn Sông Quao bắt sống 30 tên địch, thu nhiều vũ khí và chiến lợi phẩm. Đồng bào Hồng Sơn phấn khởi, tự hào vì đã góp phần chính trong lực lượng dân công phục vụ trận đánh này. Nhờ chiến thắng ấy mà việc qua lại các xã Hàm Phú, Hàm Trí của cán bộ, đồng bào Hồng Sơn cũng dễ dàng hơn.

Ngày 12 tháng 02 năm 1953 (29 tháng chạp Tết Nhâm Thìn) địch tổ chức một trận càn lớn chưa từng có từ trước đến nay. Vừa hừng sáng, địch huy động 39 lượt chiếc Đa-cô-ta và 8 chiếc Khu trục, đã thả 200 quân nhảy dù xuống Hồng Sơn, ngoài ra còn huy động bộ binh từ Tuy Hòa lên, ga Long Thạnh ập xuống.

Nhân dân ở đây lần đầu tiên nhìn dù và lính Pháp bay lơ lửng chưa biết đó là cái gì. Đúng bảy năm sau, một lần nữa vào dịp đang chuẩn bị đón Xuân, đồng bào Hồng Sơn lại bị bất ngờ trước sự tấn công của địch. Nhưng nhờ bộ đội Xung Kích và du kích đánh trả quyết liệt và lực lượng dân quân đưa dân tránh lánh. Sau hai ngày đốt phá, địch chỉ bắn được một ít trâu và bắt một số đồng bào đưa về Phan Thiết. Ta làm thiệt hại 40 tên địch và thu được 29 chiếc dù.

Ngày 14/4/1953, quân dân Hồng Sơn tiếp tục góp phần vào chiến thắng lớn nhất của cực Nam Trung bộ, đó là trận diệt đồn Mũi Né. Trong số hàng trăm thanh niên đi dân công phục vụ chiến trường, Hồng Sơn có trên 100 người và một số xe trâu. Giữa đêm vắng lặng, chỉ còn tiếng sóng vỗ rì rào, sau phát súng lệnh là tiếng hô

"xung phong" vang rền của hàng ngàn người. Quân ta diệt gọn 2 đồn, 11 tháp canh, làm chủ 10 ngày, thu rất nhiều chiến lợi phẩm. Người gồng gánh, xe trâu vận chuyển tấp nập từ Mũi Né về Hồng Sơn, Hồng Thịnh⁽¹⁾.

Khi tiến công vào đồn, một đơn vị đụng mìn của địch làm 30 người hy sinh và nhiều người khác bị trọng thương. Thanh niên Hồng Sơn chiếm hơn một nửa trong số ấy. Tại buổi lễ mừng chiến công, hàng ngàn người từ các nơi về dự rất phấn khởi khi nghe báo cáo thành tích và xem chiến lợi phẩm. Riêng đồng bào Hồng Sơn vừa tự hào vừa ngậm ngùi thương tiếc những đứa con yêu quý, tuổi mới mười tám, đôi mươi đã vĩnh viễn đi vào lòng đất mẹ.

Sau thất bại Mũi Né, bọn Ngụy hải hùng, lính ở đồn Ma Lâm và nhiều nơi khác chống lệnh đi càn và tái chiếm Mũi Né. Giặc Pháp càng lồng lộn; ngày 23/4/1953, 8 tiểu đoàn địch có xe lội

(1) Thu 1 pháo 94 mm, 3 súng cối, 3 đại liên, 19 trung liên và hơn 3 xe trâu các loại vũ khí khác; 400 lựu đạn, hơn 1.000 đạn pháo. Nhờ có chiến lợi phẩm này, du kích Hồng Sơn được trang bị thêm vũ khí.

nước, máy bay yểm trợ càn vào khu Lê Hồng Phong, Hàm Đức, Hồng Sơn, Hồng Thịnh, Hồng Trung. Pháo đạn bắn liên hồi, cát bụi bay mù mịt, khắp ruộng rẫy in đầy vết chân lữ giặc. Lần này, nhân dân Hồng Sơn không chỉ chạy về phía sau. Một bộ phận phải lánh lên núi Tà Dôn, trẻ em đói, khát. Riêng đồng bào thôn Hiệp Thạnh phải chạy lên các xã Hàm Phú, Hàm Trí. Nhân dân ở những nơi đó đã giúp đỡ việc ăn, ở cho trên 500 phụ nữ, trẻ em, người già của Hồng Sơn suốt bảy ngày liền.

Nhờ bộ đội chống càn, du kích, dân quân đưa dân đi lánh càn và tiếp thức ăn, nước uống; nhờ tinh thần đoàn kết giúp đỡ của nhân dân các xã bạn, nên tính mạng của đồng bào Hồng Sơn vẫn an toàn.

Sáu tháng đầu năm 1953, địch đánh phá ác liệt, nhất là sau khi chúng đóng đồn Gò và Gộp. Tình hình sản xuất, chiến đấu, sinh hoạt của quân dân Hồng Sơn rất khó khăn. Một số ít đảng viên bỏ công tác vào Bến Ngạch, Triềng... sống cầu an. Một bộ phận đồng bào thiếu an tâm vì mọi hoạt động sản xuất và đời sống bị đảo lộn. Trước

tình hình ấy, chi bộ kịp thời mở hội nghị dân quân chính, bàn biện pháp khắc phục. Hội nghị thống nhất, muốn giữ vững dân phải giải quyết yêu cầu sản xuất, đời sống và thế ăn ở mới; giải quyết khẩn trương công tác tư tưởng và tổ chức.

Ngay sau đó, chi bộ nghiêm túc kiểm điểm, động viên phần lớn cán bộ phải gương mẫu, đi đầu trong mọi công tác. Khai trừ số tiêu cực, nặng chủ nghĩa cá nhân ra khỏi Đảng. Chính quyền, đoàn thể vận động và hướng dẫn đồng bào đang sống từ Giếng Chanh, xóm Cát đến Gộp chuyển vào đất Bà Cán, Trại Tranh, Trại Mấu, Giồng Thắc Rắn, Dầu Ba Mạnh, Giếng Xó... cất chòi trong bụi rậm tạo thế hai chân; địch đến thì ta vào rừng, địch đi dân lại ra bám ruộng vườn sản xuất, lao động cả ban đêm. Việc đi lại gặp nhiều khó khổ, ta phải dự trữ từng lu nước. Một thùng nước gánh qua gần chục cây số dốc cát bị tạt đổ chỉ còn một phần, nhưng nhân dân đã quen chịu đựng, bền bỉ gắn chặt với rẫy mì, giồng lang, nhất quyết không chạy vào vùng địch. Đồng bào thấy rõ muốn sống, chiến đấu và chiến thắng phải bám rẫy, rừng.

Một nhiệm vụ bức thiết đặt ra là phải thu hoạch lúa Ba thóc và sản xuất vụ mùa ở gần đồn giặc; chỉ bộ động viên một phân chỉ lãnh đạo gần 1.000 dân thôn 4 về cất chòi trong râm tre thuộc khu vực cây Găng, sống hợp pháp, cách đồn Gò 500 mét cùng quần dân toàn xã hoàn thành hai việc chính:

Một là thu hoạch vùng lúa trọng điểm từ sông Cạn qua Suối Đá.

Hai là bao vây cô lập các đồn: Gò, Gộp và bót cầu Mống.

Để hoàn thành các nhiệm vụ trên, biện pháp cơ bản là bố trí lại thế trận chiến tranh du kích, phối hợp chặt và nhịp nhàng giữa dân quân du kích với các lực lượng của trên, cùng phân tán xuống thôn bám trụ. Mỗi thôn có một tiểu đội du kích tập trung và một tiểu đội bộ đội địa phương, các tiểu đội và tổ 3 - 3 đều có đảng viên lãnh đạo. Xã đội phó và chính trị viên xã đội phải chuyên trách làm công tác địch vận. Lực lượng quân sự được phân công cụ thể, du kích bộ đội đánh chống càn, dân quân gương mẫu gác bù, đánh chông, dân quân rộng rãi hướng dẫn dân tránh địch.



Cây Cà Na gần sân banh Láng Le - một điểm gác bù quan trọng của ta.

Gác bù⁽¹⁾ là một hình thức của chiến tranh nhân dân sớm được phát triển từ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp; sau khi địch đóng đồn Gò, Gộp. Công việc này càng trở nên quan trọng. Hàng ngày ở mỗi điểm bù đều có một tổ dân quân ứng trực. Các điểm bù liên hoàn từ Giếng Chanh lên cầu Ông Tâm, xóm Cát, Trại Mấu, từ cầu Mống ra cầu Làng, Gộp, Giếng Xó. Nhờ hệ thống ấy nên việc báo động, báo an chính xác kịp thời.

Có những chiến sĩ gác bù quả cảm, đã góp phần cho kháng chiến thắng lợi. Cuối năm 1953, anh Nguyễn Văn Tiến gác bù trên cây Củ Chi (xóm Cát) đang nhìn ra hướng cầu Làng, thì địch phục từ sân banh Đất Quít bọc ra. Khi phát hiện địch, anh Tiến chỉ kịp hạ bù báo động, thì cũng vừa rơi xuống gốc cây Củ Chi sau loạt đạn của quân thù. Anh Lê Văn Như, gác ở cây cà na gần sân banh Láng Le cũng bị trọng thương vì pháo giặc.

Gương hy sinh của những dân quân gác bù, được đồng bào nhớ mãi. Những cây cao làm điểm

(1) "Bù" là tín hiệu bằng chà cây, bó lá, chiếc khăn, treo trên ngọn cây cao, theo quy định; khi đưa vật làm hiệu cao lên là an toàn, khi hạ xuống là có địch.

gác (Củ Chi, Cà Na, Me Đông, Xây Muối, Cây Me gần cầu Ông Tâm, Cây Sộp...) dù bị thời gian và bom đạn Mỹ làm chết dần, nhưng hình ảnh và nơi đứng chân của nó đã in sâu vào tâm trí, tình cảm của nhân dân. Riêng cây Sộp ở Đá Chông (Hiệp Thạnh) đã được đồng bào bảo quản, giữ gìn đến năm 1987 nó vẫn còn xanh tươi.

Tuyến phòng thủ bằng chông, mìn cũng ngày thêm vững chắc. Khắp các nẻo đường, xung quanh nhà ở gần đồn địch, chợ, trường học đều được toàn dân đánh chông, mìn dày đặc. Chông cọc, chông lá, chông bàn, chông hầm không ngừng được cải tiến. Các nơi địch thường càn, đột kích ta lập những bãi chông chết, hầm sâu 1 mét, chông dưới tủa lên, chông bên miệng hầm xuyên xuống, khi sụp hầm địch rút chân lên cũng bị xóc. Bàn chông làm bằng gỗ vông đồng mềm bị địch chẻ, dân thay bằng loại gỗ cứng, chúng phải mang nguyên bàn chông về đồn khi bị đập phải. Trong trận càn vào Bàu Hạc, du kích nổ súng, địch chạy loay hoay sụp chông hầm phải khiêng xác. Địch sợ nhất là hai bãi chông ở Dầu Bà Én và dọc chân núi Gộp. Địch vào là tổn thất. Có lần lính ở đồn Gộp ra phục kích đêm ở sườn núi Gộp

bị mìn nổ tan xác. Về sau mỗi lần bị du kích đánh, địch lúng túng không dám chạy và rất ngại đi càn.

Mỗi nhà dân là một công sự chiến đấu, xung quanh được rào và bố phòng kiên cố. Thanh thiếu niên viết khẩu hiệu địch vận treo quanh nhà như mệnh lệnh, vừa là lời kêu gọi đối với lính quốc gia: "Hãy để lính Tây đi đầu, các anh muốn sống phải mang súng quay hòng xuống". Mỗi sáng, dân quân du kích ra trinh sát gỡ chông mìn, đánh mìn báo an để dân ra đồng sản xuất. Chiến tranh nhân dân phát triển đa dạng như chiếc lưới, cái bẫy bao vây quân thù. Chúng phải trả giá đắt mỗi khi sa vào đây.

Những năm 1953 - 1954, du kích Hồng Sơn không ngừng lớn mạnh, được sự hỗ trợ và trang bị thêm vũ khí, du kích thôn cũng có Trung liên, súng Atê. Anh Sơn, anh Trâm du kích thôn 1 gan lì, nhanh nhẹn; bám sát địch mới nổ súng. Khi địch nghỉ quân trên Bàu Hạc, anh Sơn bò đến gần; quả Atê chính xác của anh đã tiêu diệt một tên địch tại chỗ. Bên cạnh xã đội trưởng Võ Hoài Tương, người chỉ huy mưu trí, dũng cảm còn có những chiến sĩ du kích, những đồng đội gan góc, bắn giỏi đã làm cho địch hết dám lộng hành.

Bộ đội địa phương, du kích, dân quân, các đoàn thể và Ban thông tin xã phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng trong công tác địch vận, bao vây đồn Gò, đồn Gộp và bót cầu Mống. Đại đội 225 cùng du kích thôn 4 đánh địch liên tục ở cầu Mống, Đá Chông, Nha Sang, Cầu Ông Tằm. Nổi bật nhất là trung đội III, do anh Lê Trung Thu làm trung đội trưởng. Ngày 22 tháng 8 năm 1953, địch càn quét lớn để chuẩn bị đổ quân đóng đồn Gò, anh Thu chỉ huy đơn vị đánh trả quyết liệt. Giữa lúc đang phá vòng vây, anh Thu bị thương nặng, thấy đồng đội loay hoay tìm cách cứu mình, anh ra lệnh "Tất cả phải rút lui an toàn, hãy để một mình tôi quyết tử". Anh Lê Trung Thu nằm xuống trên mảnh đất quê hương, để lại cho đồng đội, đồng bào tấm gương đáng thương, đáng nhớ. Anh đã bám đất, giữ làng suốt những tháng năm ác liệt.

Người trước ngã người sau tiến lên, anh Phạm thay anh Thu làm trung đội trưởng mới được ba ngày lại tiếp tục hy sinh. Tiếc thương đồng đội, quân dân toàn xã càng tiến công địch bằng nhiều cách : võ trang, chính trị, địch vận . Các má, các chị ở thôn 4 tỉ mỉ điều tra tâm tư tình cảm từng tên lính để phân hoá thuyết phục. Chúng làm chiếc cầu Đúc nối qua Suối Đá, nhưng

chúng khó lòng vượt qua phía đông bờ suối. Nhiều lúc địch phải đưa nước từ Ma Lâm qua đồn Gò để uống. Địch tìm mọi cách nhưng không sao lập được tề. Bị ép làm tề, hai ông Bốn Toại và Bộ Đậu ra xin ý kiến và làm theo yêu cầu của ta là chỉ nhận làm đại diện liên hệ với địch khi dân đòi yêu sách. Chính quyền Cách mạng thôn 4 được kiện toàn đầy đủ từ thôn trưởng, thôn đội trưởng đến các phân đội. Dân ở trong lòng địch, nhưng lực lượng kháng chiến vẫn ở trong lòng dân.

Nếu lính ở đồn Gò và bót Cầu Mống luôn thấp thỏm, phập phồng trong sự khống chế bao vây của quân dân thôn 1, thôn 4 và đại đội 225, thì đồn Gộp càng trở vợ giữa gọng kềm của du kích thôn 3, thôn 2 và đại đội 218. Địch không gom được dân, lập được tề; chúng hoàn toàn bị bao vây, cô lập. Ta đánh chông, mìn, bắn tĩa không cho chúng ra lấy nước, lấy củi. Ba chiến sĩ du kích thôn 3: Nguyễn Văn Diễm, Võ Phú, Bảy Ánh luôn có mặt ở cánh đồng gần đồn Gộp. Tổ này đạt thành tích xuất sắc nhất trong phong trào thi đua bắn tĩa. Có những tên lính đang gác trên tháp canh rơi nhào vì tay súng chính xác của anh Diễm. Bọn lính trong đồn sợ hãi, chúng có thể đến tội bất cứ nơi đâu, bất cứ lúc nào.

Đầu năm 1954, thực hiện chủ trương vô hiệu hoá các đồn bót địch, ta kết hợp giữa mũi vũ trang với đẩy mạnh công tác địch vận. Đêm đêm các tổ địch vận phát loa vào đồn địch đưa tin chiến thắng; lên án những tên ngoan cố, vận động binh lính địch dừng bắn phá, đi càn, quay súng về với kháng chiến. Giữa đêm thanh vắng, tiếng hát trong trẻo thiết tha kêu gọi tình yêu quê hương, yêu gia đình, đã tác động mạnh đến tư tưởng, tình cảm của những tên lính bị bắt buộc, sống cảnh xa nhà:

*"Chim xa rừng còn thương cây nhớ cội,
Thiếp xa chàng ngày đợi đêm trông.
Trong đồn anh nhớ em không,
Ngoài đồn em nhớ, em mong anh về...
Anh cầm súng Pháp bắn ai ?
Giết nhân dân Việt, hại đồng bào ta..."*

Nhờ kết hợp các hình thức đấu tranh, quân dân Hồng Sơn từng bước làm tê liệt đồn Gò, Gộp và bót Cầu Mống, bọn lính ở đây làm theo qui định của ta như: sau 6 giờ sáng mới được ra khỏi đồn, ra lấy nước, lấy củi phải giương cờ trắng và không mang súng. Đơn vị cũ bị đổi đi, đơn vị mới đến cũng không thể làm khác hơn được. Hồng

Sơn vận dụng tốt khẩu hiệu: "Quân sự hoá toàn dân", nên đã "Vô hiệu hoá các đồn thù".

Nhờ công tác vận động quần chúng của Đảng, Mặt trận và đoàn thể tốt, phong trào nhân dân du kích chiến tranh lên cao, tạo điều kiện cho phong trào sản xuất, bảo vệ mùa màng, nuôi quân phát triển mạnh. Năm 1953, nhằm giải quyết vấn đề tự túc lương thực, đồng bào làm rẫy, làm đất, chấp hành triệt để chủ trương tập trung trồng khoai, hạn chế trồng dưa lấy hạt ("Trồng dưa chi lắm chỉ vừa nấu canh"). Thanh thiếu niên hò lơ, viết khẩu hiệu cổ động toàn dân ra sức sản xuất lương thực, thực phẩm, nuôi quân, cải thiện đời sống vùng kháng chiến. Đồng bào Hồng Sơn đã thực hiện đúng khẩu hiệu "Không đánh giặc thì giặc cướp của ta. Không tăng gia lấy gì nuôi quân đánh giặc".

Tháng 4 năm 1953, cùng với toàn huyện, Nông hội Hồng Sơn phát động nông dân học tập chính sách ruộng đất - người cày có ruộng, nâng cao giác ngộ về giai cấp, đồng thời chia hẳn số ruộng tạm cấp trước đây cho nông dân trọn quyền sở hữu; sản xuất làm nghĩa vụ thuế và ủng hộ kháng chiến. Mơ ước ngàn đời đã thành hiện

thực, đồng bào càng phấn khởi, quyết lòng sản xuất và chiến đấu. Mùa gặt, mùa cấy năm 1953 - 1954 được tiến hành tích cực, dân cấy gặt cả ban đêm, bảo vệ thu hoạch sản lượng hơn hẳn các năm trước.

Huyện chỉ đạo huy động lực lượng các cơ quan phối hợp với xã lập nhiều đoàn gặt xung phong; mỗi đoàn khoảng trên 30 người, áp sát các phần ruộng gần đồn địch thu hoạch. Gặt đến đâu đập lúa đến đó, nơi sát đồn ta hốt trái, vừa đến nửa đêm lúa hạt đã về căn cứ.

Du kích, dân quân, nhất là thôn 3 và thôn 4 ngày đêm bám chặt các đồn bót và các cánh đồng, không cho địch ra cướp hoa màu. Lúa ở phần ruộng Bàu Dầu còn ngâm sữa, địch bắt lính đồn Gộp ra vợ vét, ta bắn tĩa và đánh trái. Ngay sau đó các đoàn gặt xung phong vừa án ngữ vừa thu hoạch. Trong vài đêm ta gặt xong trên 33 ha ruộng sát đồn. Sáng ra, lính địch nhìn cánh đồng chỉ còn trơ gốc rạ, vừa thán phục ta, vừa mừng vì không còn bị chỉ huy bắt đi cướp lúa phải thiệt mạng. Chúng nói với nhau: "Việt Minh tàng hình hay sao mà trong đêm đã gặt hết lúa rồi".

Đồng bào thôn 4 làm công tác địch vận rất hiệu quả, số binh lính cảm tình đã tạo điều kiện

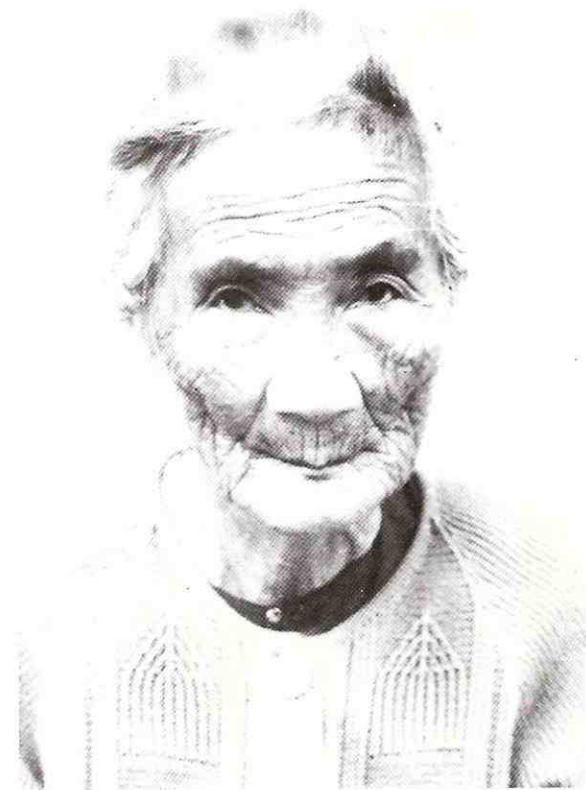
cho dân lên lỏi gặt, chôn lúa ngoài đồng để ta về chuyển đi, bà con chỉ đưa về nhà số lúa đủ ăn. Nhờ huy động các lực lượng tham gia bảo vệ mùa màng, hàng chục ha ruộng gần đôn, gần Quốc lộ I, phân ruộng Suối Đá... trước đây thường bị địch cướp phá, hao hụt, năm 1953 được thu hoạch nhanh gọn, an toàn. Cả ruộng lẫn rẫy đều trúng mùa, dân no lòng càng tin Đảng, hăng hái và đủ điều kiện phục vụ chiến dịch miền Tây của tỉnh đồng thời nuôi dưỡng thương bệnh binh .

Cuộc chiến đấu lâu dài, ác liệt, số thương bệnh binh càng tăng lên. Hội phụ lão, hội mẹ, phụ nữ, thanh thiếu niên các xã căn cứ, nổi bật nhất là Hồng Sơn góp phần quan trọng trong phong trào nuôi dưỡng thương bệnh binh. Từ năm 1953 hàng trăm cán bộ, chiến sĩ, thương bệnh binh về Hồng Sơn lập gia đình; tất cả được sống trong tình thương yêu chăm sóc của đồng bào. Không những các má, các chị mà cả các em thiếu niên cũng là nguồn ăn ủi lớn của gia đình và các chiến sĩ. Các em hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ: liên lạc, vót chông, viết khẩu hiệu, hò lơ cổ động; giúp đỡ gia đình liệt sĩ neo đơn và các chú thương bệnh binh từ cây củi, gánh nước, nôi cơm đến việc tảo mộ liệt sĩ... Công tác hậu phương thiết thực, nghĩa

tình, góp phần làm ấm lòng thương bệnh binh và gia đình liệt sĩ.

Ngày 27 tháng 7 hàng năm, tại cây Gũ Bà Đình có tàn xoè, bóng râm mát, Tỉnh thường tổ chức lễ kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ và phát động đồng bào đăng ký nhận nuôi thương bệnh binh. (Về sau dân đổi tên thành cây Gũ thương binh). Xóm nào cũng có các má, các ba nhận đỡ đầu đơn vị, chiến sĩ nuôi dưỡng thương bệnh binh. Nhiều gia đình nuôi một lúc hai, ba người như má Năm, ông Dương Bốn, Nguyễn Thị Mùi, Nguyễn Thị Bé, Nguyễn Thị Sửu, Lê Thị Cúc v.v... Đặc biệt, má Hương nuôi sáu người và cưới vợ cho một chiến sĩ mồ côi. Má Huệ, má Quới ở thôn 4 gửi hàng nuôi gián tiếp. Nhà má Lê Thị Cúc ở thôn 1 là một trong những nơi nuôi dưỡng cán bộ, chiến sĩ suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp và chính là một trong những điểm gác bù của xã "cây Củ chi".

Đông xuân năm 1953 -1954, ở chiến trường chính của cả nước, quân ta đánh mạnh buộc địch phải điều quân từ miền Nam ra Bắc. Ở Bình Thuận, địch ra sức bắt lính đôn quân, thay cho lực lượng cũ đã bị điều đi nơi khác, bọn lính mới mất



Thời kỳ chống Pháp, má Lê Thị Cúc, có công lớn trong việc nuôi dưỡng chiến sĩ, thương bệnh binh - Nhà của Mẹ là điểm gác bù “cây Củ Chi”. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cả gia đình mẹ đều tham gia Cách mạng.

tin thần, nhiều tên ở Ma Lâm, Tâm Hưng, Tùy Hòa mang súng ra vùng giải phóng.

Đầu năm 1954, toàn Đảng, toàn quân trong tỉnh ráo riết chuẩn bị các mặt tư tưởng, hậu cần... để mở chiến dịch miền Tây của tỉnh (giải phóng Tánh Linh, tiến công Lâm Đồng). Khí thế thi đua rộn rịp, tin chiến thắng khắp nơi dội về khu Lê Hồng Phong, như hối hả mọi người ra trận. Đoàn chiến sĩ thi đua đi dự Đại hội thi đua ở quân khu V về mở mittinh đầu tiên ở Hồng Sơn, ra mắt đồng bào toàn huyện. Quân dân Hồng Sơn vừa phấn khởi vừa tự hào nghe đồng chí Võ Hoài Tương - xã đội trưởng, người con thương yêu của xã nhà được Đại hội bầu: "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

Với quyết tâm thi đua giành toàn thắng, thanh niên Hồng Sơn rầm rập lên đường đi dân công, đi bộ đội. Người gồng gánh, xe trâu nườm nượp vận chuyển lương thực, thực phẩm từ các nơi về địa điểm quy định. Du kích, dân quân gương mẫu bám sát đường xe lửa, theo dõi chặt mọi hoạt động của địch từ Ma Lâm ra Sông Lũy. Ta huy động trâu và hàng trăm người lật công từng đoạn đường ray, hạn chế sự quấy phá của xe lửa một (Rafano).

Sau quá trình tích cực chuẩn bị, đêm ngày 07 tháng 4 năm 1954, chiến dịch miền Tây của tỉnh bắt đầu nổ súng. Trong đêm ấy ta đánh ba nơi: Tánh Linh, Gia Bát, La Dày. Trong vòng 7 ngày (7 - 14/4/1954), thừa thắng xông lên, quân ta tiêu diệt một loạt đồn : Tánh Linh, Gia Bát, La Dày, Đa Cai, Tà Xi, Suối Kiết, Sông Phan; giải phóng hoàn toàn miền Tây với trên 15.000 dân. Tiếp đó đêm ngày 06/5/1954, quân ta đánh đồng loạt các đồn: Duông, Liên Hương, Lương Sơn, Sông Lũy. Thanh niên, du kích xã Hồng Sơn phối hợp phục vụ cho các trận này. Trước đó một hôm, lực lượng Hồng Sơn ra ém quân ở cầu Ông Dõng, phá đường, phá cầu không cho địch từ Ma Lâm ra chi viện cho phía Bắc tỉnh.

Hàng trăm thanh niên Hồng Sơn cùng thanh niên toàn huyện bám sát bộ đội chủ lực, vận chuyển nhanh gọn vũ khí, chiến lợi phẩm và giúp đồng bào Lương Sơn chuyển tài sản ra thôn Giang Tây thành lập xã Hồng Tân. Từ đó, Hồng Sơn không còn bị địch ở Sông Lũy, Lương Sơn tấn công uy hiếp; đồng bào vui sướng ngập lòng.

Bọn địch còn lại ở các nơi cố thủ, lúng túng. Thế ta càng đánh càng mạnh, càng đánh càng

thắng. Khoảng giữa tháng 5 năm 1954, ta tiêu diệt đồn Bàu Gia và bót cầu Quang, áp sát Phan Thiết. Quân, dân Hồng Sơn đang được huyện điều động cùng lực lượng tỉnh bao vây Ma Lâm. Cứ điểm cuối cùng của địch ở Hàm Thuận sắp bị tiêu diệt thì lệnh đình chiến cũng vừa đến (ngày 01 tháng 8 năm 1954).

Khói đạn mù mịt, mọi người đang dồn sức tiêu diệt địch, giải phóng quê hương, bỗng nghe tin đình chiến. Như tất cả những ai trông đợi ngày toàn thắng, quân dân Hồng Sơn cảm thấy đột ngột, ngỡ trong mơ; niềm khao khát bấy lâu, nay đến thật bất ngờ. Mọi người ôm nhau nói nói, cười cười, mừng mừng, tủi tủi.

Cán bộ quân dân chính đảng toàn tỉnh tập trung về Triềng (Hồng Thịnh) làm lễ mừng chiến thắng. Đồng bào khắp nơi cũng đến đây mừng ngày hội lớn. Hồng Thịnh, Hồng Sơn rộn rịp lạ thường; các đoàn thể vận động dân quyên góp gia súc, quà bánh cho bộ đội khao quân. Thanh niên Hồng Sơn ngày đêm luyện tập chuẩn bị cho buổi hội diễn văn nghệ đặc biệt hơn bao giờ hết.

Niềm vui chưa trọn vẹn, vừa đến chợt đi; cán bộ chiến sĩ đồng bào khẩn trương học tập tình

hình nhiệm vụ mới, chuẩn bị các việc cần thiết trước khi chuyển quân tập kết ra miền Bắc. Phần đông cán bộ, chiến sĩ đều muốn có mặt trong đoàn quân ra Bắc, đây là dịp tốt để học tập, gặp Bác Hồ, biết thủ đô Hà Nội. Nhưng thực tế người ở lại Miền Nam đông hơn số cán bộ đi tập kết. Nhận xong nhiệm vụ, bao tâm tư thắc mắc, từng người tự giải đáp trên cơ sở niềm tin vào Đảng, vào dân và pháp lý bản Hiệp định Gơ-ne-vơ. Người ở, người đi đều quán triệt và động viên nhau chấp hành mệnh lệnh:

*"Đi là nhiệm vụ
Ở là vinh quang".*

Ngày vui chung của dân tộc, cũng là dịp bắt đầu cho hạnh phúc riêng đôi lứa, những mối tình vun đắp chờ đợi bao năm, nay đâm hoa, kết quả. Những chú rể, cô dâu vừa là tình bạn, tình yêu, tình đồng chí. Họ tổ chức lễ thành hôn vội vàng, giản dị nhưng sâu lắng nghĩa tình. Chín năm gian khổ, nhớ nhung nay chưa kịp tâm tình; mấy mươi ngày ngắn ngủi, các chiến sĩ vừa chuẩn bị mọi việc vừa chia tay đồng bào, đồng chí, gia đình. Các má, các chị ở Hồng Sơn bùi ngùi nghẹn ngào xúc động, khi các cơ quan, đơn vị giao lại những

rẫy mì, đám bắp, dụng cụ sản xuất, sinh hoạt cùng những lời nhắn nhủ động viên.

Cuối tháng 8 năm 1954, đồng bào toàn Tỉnh một lần nữa tập trung về Triềng (Hàm Đức) làm lễ tiễn người thân đi tập kết. Mọi người bịn rịn nghẹn ngào; cuộc chia tay như không bao giờ dứt. Nhiều người cha chưa kịp thấy đứa con đầu lòng, vợ chồng chưa kịp thống nhất đặt tên cho đứa bé sắp chào đời. Những đôi bạn yêu nhau quấn quít, quyến luyến trao nhau kỷ vật: hình, khăn, nhẫn... và dặn nhau: Không để thời gian và kẻ thù làm phai nhạt; quyết đấu tranh cho hai năm thống nhất nước nhà, đôi ta đoàn tụ.

"Dù ai nói ngã nói nghiêng,

Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân".

Nhiều mẹ, nhiều chị ... tiễn người thân đến ga Long Thạnh, vào tận Hàm Tân như muốn nói mãi, nhưng không sao tìm được lời tâm huyết nhất. Nặng trĩu bao tâm tư suy nghĩ, người ở lại quay về, người bước xuống tàu chớp mắt nhìn nhau; đưa hai ngón tay làm hiệu: " Hai năm thống nhất nước nhà".

Dù ước hẹn hai năm, nhưng mọi người đều cảm nhận có thể lâu dài hơn và không kém phần

ác liệt. Phần đông cán bộ Dân chính Đảng của xã Hồng Sơn được phân công ở lại địa phương lãnh đạo đồng bào đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Gơ-ne-vơ, đòi Hiệp thương tổng tuyển cử. Đảng viên, cốt cán không khỏi lo âu về những ngày sắp đến, từ một chiến sĩ có đầy đủ súng đạn nay trở thành một người dân; vũ khí còn lại duy nhất chỉ là sức mạnh tinh thần, dựa vào quần chúng và pháp lý của Hiệp định nhưng phải đương đầu với kẻ thù xảo quyệt, nham hiểm có đủ mọi phương tiện giết người. Tại buổi lễ tiễn đưa của ta, bọn Việt gian đã lấp ló, sục sạo chụp ảnh, nhìn mặt gia đình có người đi kháng chiến. Trước trách nhiệm nặng nề, đảng viên tự dặn lòng mình phải bền bỉ đấu tranh xứng đáng là niềm tin cho quần chúng và tin rằng còn dân còn Đảng, còn Đảng là còn dân.

Tiền cán bộ, chiến sĩ đi rồi, đồng bào Hồng Sơn thấy nhớ thương, bơ vơ vắng lặng. Những con người đã kiên cường bám trụ, cùng bộ đội chờ che nhau, bây giờ chỉ còn tay không chống giặc. Chúng sẽ trả thù ra sao? Ta chiến đấu thế nào trong điều kiện mới? Đồng bào lần lượt về lại vườn, ruộng cũ, chăm bón mảnh đất còn ấm máu của chiến sĩ, nhân dân. Những đêm liên hoan văn

nghe ở Triềng tưng bưng nhộn nhịp bao nhiêu, thì những đêm Đông ở xóm làng càng nặng nề, trầm lặng bấy nhiêu. Nhưng nhân dân vẫn tin tưởng Đảng, Bác Hồ luôn sát cánh với đồng bào, đấu tranh cho ngày toàn thắng.

Tình cảm, lòng tin, ý thức giác ngộ, truyền thống quật cường trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là vũ khí, sức mạnh tinh thần để nhân dân Hồng Sơn đi tới - thử thách mới đang chờ. Những cốt cán móc tay nhau và dặn dò nhấn nhủ: "Lửa thử vàng, gian nan thử sức".



PHẦN THỨ HAI
QUÂN DÂN XÃ HỒNG SƠN
KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC
(1954 - 1975)

CHƯƠNG I

ĐẤU TRANH CHÍNH TRỊ GIỮ GÌN
LỰC LƯỢNG (1954 - 1959)

I - MỪNG HÒA BÌNH

Sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp đầy gian lao, vất vả và anh dũng- Hai tiếng "Hòa bình" đến với nhân dân xã Hồng Sơn thật thiêng liêng, nghe như một giấc mơ dù họ luôn mong chờ tin tưởng và đúng như mong đợi - ngày ấy đã đến!

Bộ đội, cán bộ, đồng bào, người thân gặp nhau mừng mừng, tủi tủi. Không khí ở Trại Máu, Giếng Chanh, Giếng Triềng thật sự là ngày hội lớn; cảnh rừng cát, khu vực bầu nước nên thơ ấy

đã diễn ra cuộc mittinh lớn của lực lượng toàn tỉnh mừng chiến thắng; học tập Hiệp định Giơ-ne-vơ và chuẩn bị chuyển quân đi tập kết. Nơi đây cũng trở thành bến hẹn của tình yêu, của lòng sắc son chung thủy; cảnh bịn rịn chia tay dạn nhau vững dạ đợi chờ hẹn sau 2 năm tái ngộ. Hồng Sơn là nơi hội ngộ - chia tay giữa những người đi và người ở lại của quân dân toàn Tỉnh Bình Thuận.

Sau những ngày gần nhau, lưu luyến ngần ngụi mặn nồng tình đồng chí, tình quân dân, tình yêu, tình bạn... những chiến sĩ vội vã chuẩn bị hành trang lên đường đi tập kết. Trong 80 ngày ngổn ngang bao việc, nhiều đám cưới vội đơn sơ, những vòng tay, nụ hôn nặng tình, ấm áp. Kẻ ở, người đi gửi trao nhau tất cả ý chí, niềm tin qua 2 ngón tay đưa cao làm hiệu - hẹn sau 2 năm tái hợp, sum vầy.

Đến tháng 10 năm 1954, một số cán bộ, chiến sĩ tập kết lên đường vào huyện Hàm Tân để ra Miền Bắc; số cán bộ được phân công ở lại phải thích nghi với hoàn cảnh mới và chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu mới. Đảng ta chủ trương những cán bộ ở lại về sống hợp pháp lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định;

khi có điều kiện, tổ chức sẽ bắt liên lạc. Hàng trăm đảng viên của xã Hồng Sơn ở lại sống hợp pháp với dân; trong đó có một số đồng chí chủ chốt được Đảng phân công ở lại sống bất hợp pháp để tập hợp lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch như: Nguyễn Vĩnh Lại, Lê Như Tý, Trần Nhật Quang, Hồ Văn Tân. Đồng chí Nguyễn Hoàng Ân nguyên Bí thư Đảng ủy xã Hồng Sơn được phân công phụ trách chung toàn xã.

Đồng bào ở vùng căn cứ lần lượt trở về vùng đất cũ ở phân tán, thưa thớt dọc các nơi như: Rừng Ông Rắc, Láng Gòn, Ga Long Thạnh, Đá Mẹp, đập Bàu Tiết... Riêng số cán bộ, đồng bào có ý thức cảnh giác, thăm dò thái độ của địch thì vẫn ở rải rác các nơi như: Bàu Cỏ Gừng, Giếng Chanh, Sân banh Láng Le, Dầu Bà Én, Trại Máu, Dòng Thông Tin, Bàu Dầu, Bàu Bèo, Hàm Sáu... Phần lớn cán bộ, đảng viên của thôn, xã về ở với gia đình làm ăn hợp pháp nhưng luôn cảnh giác khi có địch đến thì tránh lánh lên rừng, ra rẫy.

Tết cổ truyền năm ấy, cán bộ, đồng bào Hồng Sơn đón xuân độc lập đầu tiên với không khí ấm áp tươi vui. Bà con đi lại thăm viếng, chúc nhau những lời tốt đẹp; thông qua đó họ trao đổi,

phổ biến nội dung của bản Hiệp định Giơ-ne-vơ và dặn nhau vững lòng chuẩn bị tinh thần bước vào cuộc chiến đấu mới.

Cán bộ, đồng bào Hồng Sơn cảm nhận được những ngày tháng cam go sắp đến, vì đây là xã căn cứ trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp; là nơi đứng chân của các lực lượng huyện, tỉnh và ban cán sự Cục Nam. Giờ đây lực lượng của ta đã đi rồi, không còn Quân đội và chính quyền, nhân dân chỉ còn lại ý chí và pháp lý của Hiệp định - chắc chắn kẻ thù sẽ dành cho địa bàn này nhiều thủ đoạn và biện pháp gian manh.

Đúng như thế, ngay những ngày đầu xuân Ất Mùi (1955) đã xuất hiện một đại đội bảo an và bọn phòng nhì hành quân, sưu sách nắm tình hình với sự cộng tác hướng dẫn của những tên tay sai chỉ điểm là người tại chỗ như: Tám Công, Tư Xứng, Tư Bính ... Địch la cà kêu gọi dân nên về sống tập trung sẽ được lực lượng quốc gia bảo vệ an ninh trật tự. Bọn tay sai hù dọa, lôi kéo, rủ rê và tổ chức số cầu an ra hợp tác. Đó là tín hiệu không lành báo động cho cán bộ, đảng viên, đồng bào Hồng Sơn càng phải nâng cao cảnh giác.

Không khí hòa bình, những ngày xuân độc lập đến với nhân dân thật là ngấn ngủi, niềm vui vừa được lóe lên đã vội tắt. Đánh hơi biết ta có bố trí cán bộ ở lại "nằm vùng" lãnh đạo nhân dân. Đầu năm 1955 bọn địch sục vào từng xóm, đến từng nhà rêu rao về cái gọi là "chính nghĩa quốc gia". Chúng lập luận, tuyên truyền xuyên tạc trái ngược với lịch sử và tinh thần Hiệp định Giơ-ne-vơ: "Việt Minh thua trận nên phải rút quân đội ra Miền Bắc, giao đất, giao dân Miền Nam cho chính quyền Quốc gia quản lý; chúng tôi đến đây giữ an ninh trật tự vì bọn cướp và cán bộ Việt Minh còn lẩn trốn khắp nơi. Thấy cán bộ Việt Minh ở đâu đồng bào phải tố giác, ai che giấu hoặc không về xóm ở tập trung là chống lệnh quốc gia sẽ bị trừng trị...". Thế là niềm vui xuân chưa trọn; cán bộ, đồng bào đã nhạy cảm được nỗi gay go, ác liệt sắp diễn ra trước bối cảnh mặt đối mặt với quân thù.

Qua sự rúng ép của địch, khá đông bà con phải dời nhà về ở theo từng cụm, hình thành lại các xóm, khu tập trung: Bàu Bèo, Đất Nốt, Xóm Mía, Đất Làng, Dầu Bà Én, Bàu Tâm lang, xóm Núi, rừng Ông Rắc, Gộp, Ga Long Thạnh ...

Tiếp theo đó địch truy lùng bắt cóc cán bộ đảng viên, người kháng chiến cũ và ép nhân dân phải bầu cử chính quyền. Tên Phạm Xuân Khai đưa lính phòng nhì đến tập trung dân mở mittinh tuyên bố: "Việt Minh đã bỏ dân đi ra Miền Bắc, bà con ở lại thuộc sự quản lý của chính quyền Quốc gia, do đó dân phải cử Hội đồng Hương chính để bảo vệ an ninh trật tự".

Trước tình hình ấy, đảng viên, cốt cán của ta rủ tai vận động nhân dân dựa vào pháp lý Hiệp định Giơ-ne-vơ đấu tranh chống địch bắt cóc trả thù người kháng chiến và kéo dài việc lập chính quyền của chúng, hoặc cử người tiến bộ vào nắm bộ máy hội tề. Nhờ đó đồng bào Hồng Sơn có nhiều hình thức đấu tranh, đấu lý khôn khéo, hiệu quả.

Địch lập được Hội đồng Hương chính phải trải qua 2, 3 lần đàn áp lừa dân họp mittinh, vì bà con đã đấu tranh hợp pháp, giằng co với chúng. Tại một cuộc họp; hai anh Ba Rạng và Tư Lập đã đồng dục phát biểu: "Các ông tổ chức chính quyền để làm gì, nhân dân ở đây vốn đã có tổ chức, chúng tôi tự giữ an ninh trật tự, không làm

phiên đến Quốc gia". Ông Trần Văn Bình cũng đã làm bọn địch đuối lý với lập luận của mình: "Theo Hiệp định Giơ-ne-vơ thì ngày tổng tuyển cử thống nhất đất nước còn không xa, vậy hôm nay bầu cử làm gì, ít lâu sau phải bầu lại tốn kém và không cần thiết; tôi đề nghị để đến ngày ấy dân sẽ bầu cử chính quyền mới". Đồng bào dự họp hoan nghênh, đồng tình với ý kiến trên. Tương tự với cách đấu tranh như thế, ta đã làm cho việc tổ chức lập Hội đồng Hương chính của địch không thành hoặc phải khó khăn kéo dài.

Ở xóm Núi (Dầu Bà Én), sau 2 lần địch gom dân tổ chức mittinh để lập Hội đồng Hương chính không kết quả; lần thứ 3, vào nửa đêm tên trung úy Lê Thanh Cảnh phụ trách đơn vị phòng nhì tỉnh Bình Thuận dẫn lực lượng ập vào nhà riêng bắt ông Hai Học vì chúng cho ông là người lãnh đạo dân đấu tranh. Nhờ đã được giáo dục và chuẩn bị trước, nên khi nghe báo động và gia đình ông kêu cứu, đồng bào lập tức làm thanh viện, thanh niên Giếng Chanh, Xóm Cát hỗ trợ, buộc địch phải thả ông Hai Học. Trong đợt này bà con đã chấp nhận cử Hội đồng Hương chính để đưa người tiến bộ đã dự kiến vào nắm chính quyền xã

Phú Hòa⁽¹⁾. Các xã khác ta cũng đã cài được nhiều cốt cán vào bộ máy hội tề, cả trong các lực lượng đoàn thể và tổ chức dân vệ. Chính lực lượng ấy đã phát huy tác dụng tốt trong các phong trào đấu tranh chống địch sau này.

Sau khi lập xong Hội đồng Hương chính của các xã: Phú Hòa, Long Thạnh, Phú Thạnh, đến giữa năm 1955 địch ổn định dân các mặt. Tổ chức bộ máy hành chính Hạt Mũi Né được kiện toàn, chúng tiến hành lập các chi bộ xã với tên gọi "phong trào Cách mạng quốc gia" và thành lập 8 nguy đoàn thể (lão ông, lão bà, thanh niên, phụ nữ, ...). Địch tiến hành "tố cộng" đợt 1 bằng các biện pháp: Phân loại các đối tượng nhân dân, truy bắt người kháng chiến cũ, buộc anh chị em này phải làm giấy thông hành, kê khai lý lịch và trả lời những câu hỏi: Tại sao không đi tập kết? Ở lại làm gì? Ở lại với ai?... Đồng thời chúng tổ chức mạng lưới phòng nhì, bắt dân học tập chính sách Quốc gia, xuyên tạc Hiệp định Giơ-ne-vơ, chuẩn bị việc trưng cầu dân ý.

(1) Bộ máy Hội đồng Hương chính xã Phú Hòa gồm các ông: Lê Bá Đạt - Chủ tịch; ông Sung-Phó Chủ tịch; Dương Hữu Lộc - thư ký; xã Long Thạnh gồm: Nguyễn Long Đến làm Chủ tịch, Nguyễn Mạn - Phó Chủ tịch, Lê Tự Minh làm thư ký.

Bọn tay sai tại chỗ xuất đầu lộ diện nhiều hơn, công khai làm nhân viên cho phòng nhì, mật vụ. Bọn Tám Công (Võ Thành Công), Tám Bình (Ngô Văn Bình) đứng đầu tổ chức công dân vụ; những tên Nguyễn Kim Thoa, Trần Văn Lịch, Nguyễn Chí Diễm... đã ra mặt đàn áp, truy bức những gia đình kháng chiến; chúng bắt dân làm các công trình cộng đồng như đường giao thông, giếng nước... đêm đêm chúng rình rập bao vây nhà, rầy của những gia đình kháng chiến, bắt, hiếp, đẩy ải vợ con của cán bộ Cách mạng.

Âm mưu, thủ đoạn chính của địch là thực hiện quốc sách "tố cộng" như: Xuyên tạc Hiệp định, nói xấu Việt minh, Cộng sản; vừa khống chế vừa mua chuộc người kháng chiến cũ; cưỡng bức số này ra đầu thú, viết tờ phản tỉnh, phát giác. Chúng phân quần chúng nhân dân ra làm ba loại: Thiện chí, lưng chừng và thân cộng. Bắt họ treo bảng "tố cộng" với 3 màu tương ứng với 3 loại: xanh, vàng, đỏ. Chúng tập trung gia đình kháng chiến về các sân lễ học "tố cộng"; bắt đảng viên cũ ra trình diện, làm giấy cư trú để quản thúc.

Trước tình hình ấy Ban cán sự Miền A⁽¹⁾ và cán bộ phụ trách xã Hồng Sơn như Nguyễn Vĩnh Lại, Nguyễn Hoàng Ân... tập hợp đảng viên cũ, lãnh đạo cốt cán, nhân dân đẩy mạnh các phong trào: Chống địch tố cộng, tẩy chay việc trưng cầu dân ý; đòi Hiệp thương tổng tuyển cử. Đảng viên, đoàn viên và cốt cán trong toàn xã đã tổ chức được nhiều hình thức đấu tranh chống địch như: bí mật đặt hộp thư, tiếp tế nuôi giấu cán bộ, báo tin địch kịp thời. Chị Sung, Chị Lệ, Chị Mười Bài... giả vờ đi chợ, rỉ tai vận động bà con không đi chợ Phan Thiết để phối hợp với đồng bào toàn tỉnh bãi thị, hưởng ứng cuộc đấu tranh chung vào cuối tháng 10 năm 1955.

Các má, các chị đã vận động được hàng trăm chữ ký, ký vào bản kiến nghị đòi địch nghiêm chỉnh thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, thực hiện Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Cùng với đồng bào Miền A và cả khu Lê Hồng Phong, nhân dân xã Hồng Sơn đã cử đại diện mang những bản kiến nghị ấy đến tận tay

(1) Sau năm 1954, ta gọi Nam Khu Lê Hồng Phong là miền A và được chia làm 3 mảng: Mảng I từ Hồng Liêm ra Bàu Ốc; Mảng II từ Hồng Sơn đến Phú Hải; Mảng III từ Rạng ra Mũi Né.

Hội đồng Hương chính. Đặc biệt nhân ngày địch tổ chức bỏ phiếu trưng cầu dân ý, nhờ có ông Lê Bá Đạt và ông Sung là thành viên trong Hội đồng Hương chính xã Phú Hòa nên đã bỏ được bản kiến nghị đòi Hiệp thương vào thùng phiếu. Địch tức tối lồng lộn nhưng không tài nào phát hiện được. Chúng tra tấn ông Sung và Lê Bá Đạt, nhưng hai ông cứng rắn trả lời: Có phòng nhì canh giữ thùng phiếu chúng tôi làm sao biết được ai đã bỏ kiến nghị vào thùng phiếu.

Về hình thức đấu tranh trực diện tại thùng phiếu xã Phú Hòa; hai anh Trần Văn Minh (Trần Văn Giành) và Lê Văn Xuân (Bảy Như) đã công khai chọn hình Bảo Đại cho vào phong bì, xé hình Ngô Đình Diệm bỏ vào giỏ rác. Địch đàn áp, các anh chững chạc đấu lý: "Các ông tuyên bố cho dân tự do lựa chọn nên chúng tôi được quyền chọn người mà mình tín nhiệm". Trên đường về nhà các anh bị chúng bắt cóc giải về đồn tra tấn, bỏ đói và nói: "Bọn mày tìm Bảo Đại mà xin ăn". Nửa đêm 2 anh vờ xin đi uống nước, nhân đó vượt ngục chạy thoát ra rừng. Các anh sau này trở thành những cán bộ ngoan cường của đội công tác xã và đã hy sinh anh dũng. Tại thùng phiếu ở xã Long Thạnh, anh Nguyễn Chút cũng bỏ phiếu

bầu Bảo Đại. Lập tức anh đã bị địch bắt đưa về nhà lao Phan Thiết tra tấn và giam cầm. Một số người xé cả 2 phiếu bầu ném vào sọt rác bị chúng đàn áp tại chỗ như: Lê Văn Đệ, Nguyễn Thị Muội, Trần thị Sanh, Trần Thị Dận, Lê Thị Khuê, Lê Thị Bài...

Nhiều tấm gương dũng cảm kiên trung trong đấu tranh với địch tại xóm ấp cũng như khi bị sa vào tay giặc. Trong số đó có chị Trần Thị Toàn - một nữ thanh niên đã tích cực vận động đồng bào ký kiến nghị. Địch bắt chị đưa về nhà lao Phan Thiết tra tấn rất dã man trong lúc chị đang mang thai. Chúng treo rút người chị lên cao, dùng roi điện quất khắp thân người. Khi ra tù cũng là lúc chị sinh đứa con đầu lòng; trên người cháu bé còn in đậm những vết roi tím bầm và cháu đã tắt thở sau tiếng khóc chào đời.



II - NHỮNG THÁNG NĂM KHỐC LIỆT ĐẦY MÁU LỬA (1956-1959)

Trong cao trào cuối năm 1955, do phương thức đấu tranh của ta ở Khu Lê Hồng Phong, Miền A cũng như xã Hồng Sơn quá công khai bộc lộ lực lượng, nên ngay sau đó địch tập trung đàn áp. Phần lớn cốt cán bị vào tù, số còn lại phải chạy ra rừng sống bất hợp pháp; bộ phận khác ở lại xóm ấp thì bị địch bao vây, quản thúc. Gia đình có người đi tập kết, ở tù hoặc thoát ly càng bị địch khống chế cô lập; phong trào toàn xã gặp khó khăn nghiêm trọng. Bọn địch hí hửng rình rập, tấn công, lùng sục vây bắt số cán bộ sống bất hợp pháp. Chúng treo thưởng ai bắt được cán bộ chủ chốt sẽ được thưởng một số tiền lớn. Bọn tay sai, chỉ điểm rình rập suốt ngày đêm, dẫn lực lượng phòng nhì theo dõi từng dấu vết. Có trường hợp chúng dùng thúng úp những dấu chân in trên mặt cát hoặc thông qua hình thức đi rừng làm rẫy nắm bắt tình hình, phát hiện địa điểm, phương thức đi lại hoạt động của cán bộ ta. Lợi hại nhất là tên Võ Chèo. Y có biệt tài đánh hơi theo dõi, nhận dạng dấu chân của từng cán bộ. Hắn thường núp dưới hình thức đào đồng, bứt mấu, đuổi thỏ,

lục cu, đánh bầy gà rừng... để xâm nhập vào vùng căn cứ. Chèo có thể phân biệt được dấu chân từng loài thú rừng cũng như của từng người dân trong xóm làng. Chính vì thế Võ Chèo đã chỉ điểm cho địch bắt, giết nhiều cán bộ. Tháng 6 năm 1955 chúng phục bắt sống đồng chí Hồ Hữu Tình (Ba Tân) khi đồng chí này đang trên đường về xóm liên lạc móc nối cơ sở.

Ngày 08 tháng 3 năm 1956 khi trời vừa hừng sáng, lần theo dấu vết đong trên ngọn cỏ, bọn Phú, Võ Xứng, Trần Cây, Hồ Thuận và Võ Thành Công đã dẫn đám phòng nhì đột nhập vào khu rừng Láng Ông Giêng bắt sống đồng chí Đinh Quế, bắn đồng chí Trần Nhật Quang hy sinh tại chỗ; chúng đã xẻo tai và cạy răng vàng của đồng chí Quang đưa về Phan Thiết lãnh thưởng. Tiếp đó ngày 21 tháng 4 năm 1956 bọn Tư Xứng, tên Cở dẫn lực lượng phòng nhì phục bắn đồng chí Lê Như Tý hy sinh tại rừng Tre Huê trong lúc đang họp cán bộ miền A.

Những tháng năm ấy, tại nhà tù, xóm ấp đến tận chiến khu, đâu đâu cũng giăng đầy lưới giặc; sự tra tấn, chết chóc, đói khổ diễn ra thường

xuyên với những người kháng chiến. Quang cảnh quanh hiu, trầm lặng như bao phủ lên mọi người, mọi nhà và khắp xóm thôn. Sự phân hóa trong nhân dân, trong mỗi gia đình đã diễn ra gay gắt; cảnh anh giết em, vợ bắt chồng, con bắt cha đã xảy ra trong toàn tỉnh, trong đó có xã Hồng Sơn. Tên Đại ở cầu Bằng Lăng làm phản biến dẫn địch phục bắt đồng chí Nguyễn Hoàng Ân. Tên Nguyễn Văn Thành (Thái Văn Lùn) làm phản, bắt các đồng chí Hồ Công Thạnh và Trần Thanh Trà (ngày 03/6/1957).

Bước vào "tố cộng" đợt 2; đầu năm 1956, tiểu khu Bình Thuận mở chiến dịch "Đình Tiên Hoàng" lùng bắt cán bộ hoạt động bất hợp pháp, quản lý ngăn cách dân với cán bộ. Chúng huy động tổng lực lùng rừng tiêu diệt lực lượng ta.

Ở xã Hồng Sơn địch củng cố, thanh lọc bộ máy hội tề, kiện toàn các tổ chức nguy đoàn thể. Vào đầu năm 1956, chúng nhập 3 xã nhỏ (Phú Hòa, Long Thạnh, Phú Thạnh) thành xã Long Phú gồm 5 ấp: Long Hiệp, Long Giang, Long Khê, Long Hoa, Long Lâm và bắt dân bầu cử ấp trưởng, ấp phó.

Bộ máy chính quyền xã Long Phú của địch lúc bấy giờ gồm⁽¹⁾:

- Huỳnh Rẫy (Trường Rụng) làm Chủ tịch hành chính.

- Võ Dật làm Phó Chủ tịch hành chính.

- Nguyễn Chí Diễm (Giáo Đển) làm ủy viên thư ký.

- Trần Lịch làm Chủ tịch phong trào Cách mạng Quốc gia xã, kiêm phòng nhì.

Với bộ máy và thủ đoạn mới, chúng đã phát động thi đua "tố cộng", đánh phá phong trào Cách mạng của xã Hồng Sơn vô cùng khốc liệt. Qua thành tích "tố cộng" của địch đã nói lên sự ác liệt và tổn thất đối với cán bộ đồng bào của xã Hồng Sơn. Ngày 24 tháng 9 năm 1956 chúng tổ chức hội nghị tổng kết thi đua "tố cộng"; có 97 cán bộ tham dự hội nghị đã bình chọn được 16 cá nhân

(1) Những năm 1954 - 1955 các xã nhỏ (Phú Hòa, Long Thạnh, Phú Thạnh) thuộc Nha Bang Tá Xa Ra; đến năm 1956 sáp nhập các xã trên thành lập xã Long Phú. Lúc bấy giờ Long Phú trực thuộc Nha Bang Tá hành chính Thiện Phú; trụ sở Thiện Phú đóng ở Nhơn Thiện (xã Hòa Thắng ngày nay) quản lý 3 xã: Nhơn Thiện, Thiện Nghiệp và Long Phú.

nổi bật. Trong đó có 6 cá nhân xuất sắc cấp xã và 1 cá nhân xuất sắc cấp quận; nhiều tên trong số ấy nguyên là cán bộ Việt minh trong 9 năm chống Pháp (Nguyễn Chí Diễm, Phan Phương Hội...). Điều đó đã thể hiện sự phân hóa, ác liệt, sự chém giết lẫn nhau giữa những người thân trong xóm làng, gia tộc đã phát triển đến đỉnh cao. Tội ác của Mỹ, Diệm đến thế là cùng!

Đến cuối năm 1957, tiểu khu Bình Thuận triển khai chiến dịch "tố cộng" đợt 3. Ngoài những biện pháp thủ đoạn tinh vi như trước đây thì lần này càng cay đắng khổ đau hơn cho cán bộ đồng bào toàn tỉnh cũng như xã Hồng Sơn nói riêng. Bên cạnh tên Hồng Đức còn có Võ Xuân Viên nguyên là ủy viên thường vụ tỉnh ủy tỉnh Bình Thuận vừa mới đầu hàng giặc vào ngày 03 tháng 7 năm 1957. Với tư cách là cố vấn cho đoàn "tố cộng", Viên cung khai cho giặc chủ trương phương thức hoạt động của ta đồng thời tố giác từng cơ sở đã chắt chiu nuôi giấu hãn trong những năm đói khổ ác liệt. Đặc biệt ở Miền A, địch còn lập thêm đoàn "tố cộng" lưu động Bàu Thiêu do Phạm Xuân Khai làm trưởng đoàn và chúng đã lấy Hồng Sơn làm trọng điểm để đánh phá. Nội dung biện pháp chính trong đợt "tố cộng" này là:

bắt gia đình có người kháng chiến học các lớp "tố cộng" tại xã và liên xã. Đặc biệt tại buổi mittinh tố cộng ở XaRa (SaRa) chúng bắt mỗi người phải cầm một ngọn đuốc đi vào sân lễ, chúng gọi đó là ngọn đuốc tiêu diệt Cộng sản. Địch bắt anh chị em ta viết tờ phản tỉnh nói xấu Đảng, nói xấu Cách mạng, bắt ép ly khai Đảng; ly khai, ly dị chồng; bắt đi hành dịch, giữ đồn, giữ cầu, gác trụ sở. Chúng khuyến khích việc hãm hiếp vợ con cán bộ và rúng ép, bố trí những người mất tinh thần làm tay sai phản biến để bắt cán bộ ta.

Cuối năm 1957, địch tập trung những người kháng chiến cũ toàn xã về nhà làng ở Xóm Cát thôn 1 học "tố cộng". Phạm Xuân Khai tuyên bố: " Tất cả phần tử này đều có tội liên can Cộng sản, phải viết tờ phản tỉnh thành khẩn". Số người bị tập trung phải viết tờ phản tỉnh nhiều lần; viết xong địch xé cho rằng chưa thành khẩn. Lũ ác ôn dùng ba-ton đánh lên đầu từng người, bắt họ tố giác lẫn nhau và khai rõ: Làm chức gì? Ai tổ chức? Tiếp tế cho ai? Sau 3 ngày đêm cực hình ở xã, chúng lọc lại số bị cho là "cứng đầu" đưa về XaRa học tiếp khóa "tố cộng" liên xã gồm các ông bà: Nguyễn Văn Tài, Nguyễn Thị Danh, Nguyễn Thị Nhỏ, Nguyễn Thị Bích, Huỳnh Thị

Miền và cả các má cao tuổi như: má Bông, Khôi, Thập, Xẻo, Mùi...

Trước tình hình địch đánh phá ác liệt; thực hiện chủ trương mới của Tỉnh ủy, Huyện ủy và miền A; cán bộ, đồng bào Hồng Sơn cũng chuyển đổi phương thức hoạt động để đối phó với địch và bảo toàn lực lượng. Các đồng chí chủ chốt bên ngoài len lỏi tìm mọi cách móc nối xây dựng lại cơ sở; sử dụng những nòng cốt chưa bị lộ hoặc phát triển cơ sở mới. Thông qua những người trung kiên ấy để nắm tình hình địch, vận động bà con đóng góp lương thực, thực phẩm nuôi cán bộ. Đặc biệt là nhờ ta nắm được những đoàn viên thanh niên có chân trong tổ chức lực lượng thanh niên Cộng hòa và dân vệ của địch; anh em đó đã báo động, báo an, báo tin địch đi lùng sục giúp cán bộ ta chủ động tấn công và tránh lánh.

Để tập hợp, lãnh đạo quần chúng, cán bộ ta đã hướng dẫn cho cơ sở hình thành các tổ chức làm ăn kinh tế công khai hợp pháp như: Nghiệp đoàn dân cày, tiểu nông đoàn, các tổ vận đổi công, các đoàn gặt hồi, cấy hồi. Thông qua các tổ chức này ta tập hợp, động viên củng cố lòng tin cho quần chúng. Nhờ đó bà con đã đoàn kết giúp

nhau trong đấu tranh cũng như trong cuộc sống đời thường.

Mặc cho địch kềm kẹp uy hiếp, những năm 1955 - 1957 vẫn còn nhiều cơ sở trung kiên duy trì được các hộp thư bí mật, làm cơ sở giao liên và tiếp tế nuôi cán bộ. Các xóm đều giữ vững đường dây liên lạc với lực lượng bên ngoài; cán bộ thoát ly bên ngoài len lỏi bám dân, bám địch xây dựng cơ sở, củng cố lòng tin cho quần chúng.

Nhằm ly gián, đánh lại tổ chức hội tề của địch, ta hướng dẫn cho cơ sở khi bị bắt thì khéo léo khai báo để cho địch nghi ngờ số tay sai đắc lực của chúng (nguyên là cán bộ kháng chiến cũ) đang làm cơ sở nội tuyến cho Cách mạng. Ta viết thư gửi cho Hội đồng Hương chính xã Long Phú với nội dung vừa lên án vừa tranh thủ - kêu gọi chúng bỏ việc dừng làm tay sai cho địch, sát hại đồng bào. Người viết ký tên là "Duy Anh". Năm được tinh thần ấy nên khi bị địch bắt (1958), anh Trần Nhật Chánh khai báo có cơ sở khoa học. Anh khai: "Duy Anh" là tổ chức Cách mạng của Tỉnh có móc nối một số người trong Hội đồng Hương chính làm cơ sở nội tuyến. Địch nghi ngờ bắt bọn này tra tấn và giam cầm (đó là Trần Ngọc

Cầu, Hồ Đức Thành, Phan Thanh Ký, Nguyễn Viết Trinh, Phan Phương Hội, Đỗ Chung, Nguyễn Văn Hường). Bị địch truy bức quá sức nên trước buổi mittinh, ông Phan Phương Hội tuyên bố: "Tôi tổ chức toàn dân ở đây làm Việt Cộng".

Mặc cho địch liên tục o ép, đầy ải, bắt vợ con của những người kháng chiến hãm hiếp, bắt họ vào rừng tìm gọi chồng con. Bọn Tám Công, Lê Hai, Tám Phát... chuyên cưỡng hiếp và buộc các chị phải ly khai, ly dị chồng; nhưng ngoài một số ít người nhẹ dạ bị sa ngã còn lại đa số các mẹ, các chị, đã vững dạ động viên nhau chờ chồng, tần tảo chịu đựng nuôi con, nuôi Cách mạng.

Có được như thế là nhờ cơ sở ta biết tập hợp quần chúng vào các tổ chức công khai hợp pháp như lập đoàn cấy hồi, gặt hồi, làm rẫy bắt công hoặc dưới dạng đi đờ để, làm thuốc nam v.v. Thông qua đó bà con đùm bọc giúp nhau, khuyến khích nhau củng cố lòng tin; truyền đạt những chủ trương, biện pháp của Đảng đến từng người. Những cơ sở kiên trì, len lỏi, nuôi giấu cán bộ lúc bấy giờ như: Nguyễn Thị Danh, Lê Thị Đan, Nguyễn Thị Đoan, Huỳnh Thị Chính ...

Tiếp tế, nuôi giấu cán bộ lúc bấy giờ trở thành một nhiệm vụ chính nhưng vô cùng khó khăn, nguy hiểm vì địch luôn rình rập, ngăn cách để triệt hạ cán bộ phải ra đầu thú. Song với tấm lòng kiên trung, tình cảm vô bờ bến đối với Đảng, với Bác Hồ và cùng với niềm tin tất thắng; một số cơ sở đã vượt mọi nguy nan chắt chiu, dành dụm duy trì các hũ gạo, hộp thư thật bí mật ở nhiều điểm hẹn. Cơ sở đã chuyển đến cho các chú, các anh những lon gạo, nắm muối, từng con cá khô hoặc tấm áo, viên thuốc tây v.v... để sống và chiến đấu. Các chị tuy nghèo nhưng giàu tình thương Cách mạng. Trong những người tiêu biểu ấy phải kể đến chị Dương Thị Huệ, Nguyễn Thị Doan, Phan Thị Thuận, Nguyễn Thị Bích ... Đúng là các chị đã:

*"Giấu từng nắm gạo, miếng cơm;
Giúp anh cán bộ đêm hôm lén về".*

Là xã có phong trào kháng chiến toàn diện trong 9 năm chống Pháp, nên Hồng Sơn có nhiều đảng viên, cốt cán. Qua các đợt "tố cộng", trả thù người kháng chiến cũ của địch từ năm 1955 đến năm 1956, buộc những người trung kiên phải tự phát tránh lánh ra rừng. Lúc đầu theo sự phân

công của tổ chức, ở xã Hồng Sơn chỉ có vài ba đồng chí thoát ly sống bất hợp pháp như Nguyễn Vĩnh Lại, Nguyễn Hoàng Ân, Trần Nhật Quang... Nhưng sau đó toàn xã đã có gần 50 đồng chí bỏ vùng địch chạy ra rừng. Tình hình trên dẫn đến khó khăn về đời sống và vi phạm nguyên tắc hoạt động bí mật. Đến giữa năm 1965, khi Tỉnh ủy Bình Thuận có chủ trương cho cán bộ chuyển vùng hoạt động hợp pháp, nhiều đồng chí đã lần lượt tìm cách chuyển vào các tỉnh Nam Bộ sinh sống và hoạt động trong hoàn cảnh khó khăn vất vả do chưa quen địa bàn và phương thức hoạt động công khai hợp pháp nên đã lần lượt sa vào tay giặc.

Qua 3 đợt "tố cộng" của địch, đặc biệt là những năm 1956 - 1957 chúng huy động nhiều lực lượng phối hợp như: Bảo an, dân vệ, phòng nhì, thanh niên Cộng hòa cùng với lũ chó săn làm tay sai ở xã giăng bẫy mật thám lùng rừng, bao vây bắt cán bộ. Với những tháng ngày dài chỉ đơn thuần đấu tranh chính trị, đối đầu với giặc; cán bộ, đồng bào Hồng Sơn đã thể hiện ý chí kiên trung, bất khuất. Nhưng cũng chính vì trải qua cuộc chiến đấu không cân sức đầy máu lửa ấy nên thực lực, cốt cán của xã bị hao mòn, tổn thất

lớn. Qua gần 4 năm ác liệt lâu dài ấy (1954 - 1958), đảng viên, cán bộ, cơ sở của xã Hồng Sơn đã bị phân hóa thành 5 đối tượng:

1. Số đồng chí đã dũng cảm bám trụ chiến đấu và đã lần lượt hy sinh.

2. Số đầu hàng địch, gây tổn thất lớn cho Cách mạng ngay từ đầu.

3. Số bị địch bắt tra tấn giam cầm và đày ải ở các nhà lao.

4. Số chuyển vùng đi nơi khác hoạt động (trong số này về sau cũng bị phân hóa thành 3 loại: Cầu an, phản động và những đồng chí vững vàng như: Trần Hữu Chí, Lê Ngọc Chương, Trần Nhật Chánh...)

5. Loại mất tinh thần cầu an, nằm im không hoạt động.

Những năm 1956 - 1959, cán bộ sống bất hợp pháp trong rừng khó khổ thiếu thốn trăm bề; có lúc chỉ lo cái ăn đã chật vật. Thiếu từng lon gạo, củ khoai, tán đường, viên thuốc... Về phương thức đi lại phải tuyệt đối bí mật không được để lộ dấu vết, phải có nhiều hầm bí mật để ở; thực hiện tuyệt đối phương châm: "Đi không dấu, nấu không khói, nói không tiếng".

Đến giữa năm 1958, nhân dân phải sống trong câm lặng, tủi nhục dưới sự đầy ải lộng hành của quân thù. Số cốt cán trung kiên còn lại cũng phải lẳng xuống không dám hoạt động chỉ biết nằm im chờ đợi và trăn trở tại sao Đảng, Bác Hồ không cho nhân dân vùng dậy dùng võ trang chống địch như hồi đánh Pháp!? Tư tưởng này đồng bào Hồng Sơn đã sớm thể hiện từ năm 1955 khi đề nghị với cấp trên cho phép diệt tên Nguyễn Kim Thoạ; nhưng lãnh đạo của ta đã không đồng ý! Sự bế tắc trên đã dẫn đến những tổn thất cho Cách mạng. Cá biệt như ông Hoàng Diệu, một cán bộ kháng chiến cũ đã tự treo cổ chết để thể hiện lòng chung thủy với dân, với nước!

Đến tháng 8 năm 1958, đồng chí Nguyễn Ninh được Tỉnh ủy Bình Thuận điều về thay đồng chí Võ Khánh Tôn phụ trách Miền A. Bộ máy lãnh đạo Miền A lúc bấy giờ chỉ vồn vẹn còn 3 đồng chí (Nguyễn Ninh, Vũ Đức, Nguyễn Nhâm). Đồng chí Nguyễn Ninh xác định Hồng Sơn là địa bàn quan trọng; toàn Miền A phải tập trung lãnh đạo để nắm dân gây dựng lại phong trào. Từ quan điểm đó, lãnh đạo Miền A lần hồi

móc nối lại với những cơ sở cũ, gia đình kháng chiến như các chị Lê Thị Chính, Dương Thị Huệ, Nguyễn Thị Danh, Huỳnh Thị Chính, Lê Thị Đan, Võ Thị Phàn ...

Từ những nòng cốt, cơ sở ấy đã nứt nhánh phát triển. Đến giữa năm 1959 số cơ sở chủ yếu là phụ nữ hoạt động rộng và đều hơn. Các chị đã cung cấp tình hình tiếp tế nuôi cán bộ (1). Nhiều trường hợp cả nhà đều tham gia làm cơ sở phục vụ Cách mạng như gia đình ông Phan Minh Quyết cùng các anh, chị, em: Nguyễn Ngọc, Phan Thị Thuận, Phan Thị Tâm, Lê Thị Cúc ...

Nỗi mong đợi bấy lâu của đồng bào Hồng Sơn đã được Đảng và Bác Hồ đáp lại. Đêm 27 tháng 11 năm 1959 lá cờ đỏ sao vàng được kéo lên bay phất phới trên đỉnh núi Tà Dôn - báo hiệu cho cán bộ, đồng bào biết Đảng và Cách mạng

(1) Những cơ sở ban đầu mới gây dựng lại sau một thời gian bế tắt đó là: Nguyễn Thị Đoan, Lê Thị Bưởi, Võ Thị Phàn, Nguyễn Thị Bốn, Lê Thị Cúc, Lê Thị Hải, Trần Thị Thân, Võ Thị Chấn, Phan Thị Thuận, Nguyễn Thị Bình, Lê Thị Ba (Cò), Hồ Thị Mai, Lê Hoàng, Dương Văn Khánh, Trần Nhật Chánh, Võ Văn Lực...

vẫn còn đây, đồng thời tuyên bố cho kẻ thù và lũ tay sai hiểu rằng chúng bây sẽ có ngày tận số⁽¹⁾.

Với khí thế ấy, đến cuối năm 1959; Miền A đã tập hợp được một số đồng chí từ các nhà tù của địch trở về và các đồng chí đi chuyển vùng về lại cùng với số cơ sở tại chỗ hình thành lại tổ chức, tạo thế 2 chân - các anh sống bất hợp pháp ngoài rừng, rẫy. Các chị ở trong ấp cung cấp tình hình tiếp tế và tuyên truyền tập hợp quần chúng. Phần khởi nhất đối với cán bộ và cơ sở lúc này là được cấp trên phổ biến chủ trương của Đảng cho tổ chức lực lượng và hoạt động vũ trang đánh địch. Đây là mốc lịch sử quan trọng chấm dứt thời kỳ dài khổ đau và đen tối; chuẩn bị tư thế bước sang cuộc chiến đấu mới.



(1) Về lực lượng trực tiếp treo cờ trên núi Tà Dôn có 2 tư liệu khác nhau:
a) Gồm các đồng chí: Nguyễn Ninh, Nguyễn Văn Nhâm, Nguyễn Thái.
b) Gồm các đồng chí: Võ Văn Lực, Phan Minh Quyết, Nguyễn Ngọ.

CHƯƠNG II

PHÁ ẤP CHIẾN LƯỢC, XÂY DỰNG CĂN CỨ, ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO 2 CHÂN 3 MŨI, VÙNG LÊN GIẢI PHÓNG QUÊ NHÀ (1960 - 1964)

Đầu năm 1960, ở tỉnh Bình Thuận địch chủ trương củng cố chính quyền các xã. Tại xã Long Phú chúng bắt dân bầu cử lại Hội đồng xã. Qua kết quả đó, địch cử Đặng Ngọc Liên tiếp tục làm đại diện xã; Nguyễn Nhỏ phụ trách hành chính, Bùi Ngọc Long làm thư ký. Đến giữa năm 1961 Võ Thành Công thay Đặng Ngọc Liên làm đại diện xã.

Về phía ta, có chủ trương của trên cho thành lập lực lượng vũ trang, mặt khác xã Hồng Sơn vừa tập hợp lại lực lượng nên đến giữa năm 1960 mũi công tác xã Hồng Sơn được hình thành, trực thuộc đội công tác Đông Hải ⁽¹⁾. Mũi công tác đầu

(1) Đông Hải là bí danh của Miền A (sau này là huyện Thuận Phong) gồm các xã: Hồng Liêm, Hồng Sơn, Hàm Đức, Hàm Nhơn, Phú Hải...

tiên của xã gồm các đồng chí: Nguyễn Văn Hảo (Bảy Cửa), Võ Văn Lực (Chín Dài) và Phan Minh Quyết (Tám Quyết). Do đồng chí Phan Minh Quyết làm mũi trưởng. Mũi công tác có nhiệm vụ chính là phát động quần chúng, xây dựng cơ sở, ổn định tinh thần, gây niềm tin cho cốt cán và nhân dân; khi thuận lợi thì kết hợp với lực lượng trên, vũ trang tuyên truyền, uy hiếp địch. Mũi công tác Hồng Sơn không ngừng phát triển và liên tiếp vào ấp tổ chức xây dựng cơ sở, vũ trang tuyên truyền khống chế bọn ác ôn.

Ngày 29 tháng 6 năm 1960 (ngày 06 tháng 6 năm Canh Tý) được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang tỉnh, đội công tác Đông Hải, mũi công tác Hồng Sơn đã bất thần đột nhập vào ấp bắt tên Võ Chèo ra bìa động thôn 1 tuyên án tử hình và xử ngay tại chỗ. Tiếp đó ta diệt tên Phan Phương Cận (Liều), rải truyền đơn, cảnh cáo tề, điệp, đốt trụ sở ấp. Cuối tháng 12 năm 1960, lực lượng 2/9 của Tỉnh vào xã Long Phú vũ trang tuyên truyền đốt cháy thiêu rụi trụ sở xã; bắt bọn tề ấp, tề xã đánh mỗi tên 30 hèo; cảnh cáo, hạ uy thế của chúng và tuyên bố giải tán hội tề. Xã Hồng Sơn đã giành được quyền làm chủ. Qua đó bọn tề rúng động, nhân dân hả hê trong dạ.

Sau bao năm khổ đau mỗi mòn chờ đợi, đến nay tiếng súng diệt ác, ánh lửa thiêu giặc như tiếng kèn thúc giục cán bộ, chiến sỹ, đồng bào Hồng Sơn vùng dậy diệt thù, giải phóng quê hương.

Đến giữa năm 1961, trước phong trào đồng khởi và hoạt động rộng mạnh của ta ở khắp nơi cũng như tại xã; địch lúng túng không thể đối phó và kềm dân được nữa. Chúng chủ trương dồn dân toàn xã Hồng Sơn ra ở dọc quốc lộ I, lập khu trù mật hồng khổng chế, ngăn cách dân với Cách mạng. Lúc bấy giờ đại diện xã Long Phú là Võ Thành Công quyết định dồn dân của 2 ấp: Long Lâm và Long Hoa về ngã ba Gộp và gom dân 3 ấp: Long Hiệp, Long Giang, Long Khê ra ngã ba đường Công Hương và Xóm Chùa. Chúng bắt mỗi người dân phải chặt rả tre rào và đào giao thông hào dài 2 mét để lập khu trù mật.

Trước tình hình đó, ta lãnh đạo đồng bào đấu tranh lần lượt, giằng co không chịu vào ấp đồng loạt. Dân Xóm Cát dời ra ở phân tán từ sân banh Đất Làng đến dọc theo sông Cạn. Đồng thời hưởng ứng chủ trương xây dựng căn cứ kháng

chiến của ta; một số cốt cán đã khẩn trương, bí mật chuyển tài sản, dẫn gia đình vào rừng lập xã căn cứ ở khu vực đất Bà Cán⁽¹⁾ và sau đó (1963) xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể. Đồng chí Phạm Hữu Tình làm Bí thư Chi bộ và đồng chí Phạm Văn Bằng làm Chủ tịch UBND Cách mạng lâm thời xã.

Hàng rào áp của địch vừa mới dựng lên chưa hoàn chỉnh thì khoảng tháng 8 năm 1961, mũi công tác Hồng Sơn cùng với lực lượng trên liên tiếp vào các khu trù mật vũ trang tuyên truyền, treo cờ và phổ biến cương lĩnh của Mặt trận Giải phóng, phát động nhân dân phá ranh, rào về đất cũ làm ăn.

Tối 27 tháng 9 năm 1961, bộ đội 2/9 của Tỉnh và 2 đơn vị 440, 450 vào ấp Long Hoa, Long Hiệp vũ trang tuyên truyền thì gặp bọn lính thủy quân lục chiến từ hướng Bắc vừa vào đến Gòp; lực lượng ta chặn đánh đốt cháy 2 xe, diệt 1 trung

(1) Khoảng 10 hộ đầu tiên ra xây dựng căn cứ: Ông Trần Văn Bình, Tư Đê, Tư Bằng, Bảy Mạnh, Ông Bút, Ông Cảnh, Ông Trùm Mèo, Trần Văn Minh, Nguyễn Thị Danh ...

đội. Trong đêm ấy đã có một số thanh niên ở đây tình nguyện thoát ly. Thừa thắng xông lên, những ngày giữa tháng 10 năm 1961, bộ đội 2/9 cùng lực lượng địa phương liên tiếp vào ấp phát động nhân dân và đã phá rã ấp Long Hoa (Gộp). Hồng Sơn trở thành vùng lỏng nhão.

Sáng 23 tháng 7 năm 1962 với sự hỗ trợ, tiếp ứng của cơ sở bên trong, lực lượng vũ trang huyện (440, 450) cùng mũi công tác Hồng Sơn vào ấp Long Hiệp diệt ác, đuổi bọn tề chạy tán loạn. Tối hôm đó lực lượng ta tiếp tục quay vào phát động nhân dân phá ấp. Nhiều người đã chủ động, sẵn sàng hưởng ứng, mở cửa, thấp đèn đánh mõ báo động uy hiếp địch và cùng với lực lượng bên ngoài phá ấp suốt 6 giờ liền. Ánh lửa đốt rào sáng rực hòa với tiếng loa binh vận, tiếng hò lơ vang dậy. Hơn 5.000 mét rào tre bồng chốc hóa thành tro bụi. Ta ra lệnh giải tán chính quyền địch. Cũng trong đêm ấy mũi công tác xã Hồng Liêm phối hợp hưởng ứng chiến trường chung vào ấp Long Hoa bắt 35 tên tề đưa về vùng giải phóng cho học tập cải tạo. Tiếp đó ta liên tiếp diệt ác làm cho chúng hoang man dao động.

Vào giữa tháng 8 năm 1962, hai đơn vị 489 và 450 cùng với mũi công tác vào ấp Long Hiệp vũ trang tuyên truyền và đưa 250 người dân mang tài sản về đất cũ làm ăn; đồng thời đánh lui 1 trung đội biệt kích của quận Thiện Giáo từ Ma Lâm qua đây tiếp viện.

Những năm 1961 - 1962, việc xây dựng lực lượng, xây dựng căn cứ, hoạt động vũ trang tuyên truyền, phá ấp đạt nhiều kết quả; nhưng phong trào xây dựng cơ sở và đấu tranh chính trị bên trong lòng địch lại gặp không ít khó khăn. Một số cốt cán bị địch bắt, một số phải thoát ly ra vùng căn cứ. Nguyên nhân chính của tình hình trên là do địch giăng lưới cài điệp đánh phá cơ sở, tăng cường gom dân lập ấp; mặt khác có cơ sở bị địch bắt tra tấn đã khai báo (trường hợp ông Ba Rạng năm 1961) hoặc có kẻ chạy đầu hàng như các tên: Thạch (1961), Sang (1962). Chúng đã khai báo bắt cơ sở và dẫn địch đánh phá căn cứ; buộc một số cơ sở bên trong phải thoát ly và phải dời chuyển căn cứ; địch đã gây cho ta những khó khăn nhất định.

*

* *

Những năm 1962 - 1963, bọn địch ở Bình Thuận thực hiện các âm mưu thủ đoạn rất nham hiểm: Đối với vùng căn cứ, địch tiến hành chiến dịch Sơn Dương 1, Sơn Dương 2; "đổ nước bắt dế" càn quét, đánh phá liên tục. Chúng dùng máy bay rải truyền đơn phát loa gọi hàng, rải thuốc khai hoang giết hại hoa màu. Nguy hiểm nhất ở địa bàn Hồng Sơn là địch thường xuyên phục kích ở các nẻo đường đi lại của lực lượng ta; đột, phục ở các bầu, giếng nước, các sân lúa để đánh du kích và đội công tác ra lấy nước hoặc mua lương thực. Địch còn rúng ép những nông dân nhẹ dạ cộng tác với chúng, hẹn với ta ra nhận lúa để lọt vào ổ phục kích. Điển hình nhất là trường hợp anh Lê Văn Việt, cán bộ đội công tác xã đã bị hy sinh ngày 26 tháng 8 năm 1962, vì đến điểm hẹn lấy 10 giạ lúa.

Bên trong vùng địch, chúng dồn dân lập ấp, bắt cốt cán trình diện hàng ngày; khi đi làm ăn phải xin giấy phép. Chúng bắt gia đình Cách mạng vào rừng gọi chồng con về đầu thú. Thâm độc nhất là chúng bỏ thuốc độc vào thức ăn bố trí gián điệp trà trộn chuyển ra vùng giải phóng cùng với biện pháp xuyên suốt nhất là thực hiện quốc sách áp chiến lược.

Giữa năm 1962 địch ráo riết thực hiện kế hoạch gom dân Hồng Sơn lập 2 ấp chiến lược kiên cố: ấp Gộp và ấp kiểu mẫu Truong Tà Nung. Địch huy động đến Long Phú 2 đại đội bảo an do tên đại úy Tân chỉ huy, phối hợp với lực lượng dân vệ, thanh niên cộng hòa đàn áp bắt buộc dân phải tự làm ấp như làm "chuồng" để nhốt mình. Tên quận trưởng quận Thiện Giáo Lữ Phụng; xã trưởng Võ Thành Công trực tiếp chỉ huy xây dựng ấp kiểu mẫu Tà Nung. Địch bắt dân phải bỏ nhiều công sức để làm ấp; bà con còn bị đánh đập chửi mắng phạt vạ, giam cầm. Chúng ép từng hộ, từng người dân phải chặt cây, chặt tre vót chông, đào giao thông hào đắp vành đai theo chỉ tiêu quy định. Sau 6 tháng hò hét thúc giục đến đầu năm 1963 ấp Tà Nung mới được hoàn thành. Chính vợ chồng cố vấn Ngô Đình Nhu đã đích thân đến đây dự lễ khánh thành tổng kết phát thưởng. Hần huênh hoang tuyên bố: "ấp chiến lược là linh hồn của chính thể Việt Nam Cộng hòa". Đúng như thế, Tà Nung là một trong những ấp kiểu mẫu của địch ở quận Thiện Giáo nói riêng, tỉnh Bình Thuận nói chung; nó chính là nhà tù đầy ải nhân dân xã Hồng Sơn.

Về phía ta, cuối năm 1961 tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương: đẩy mạnh hoạt động quân sự kết hợp với chính trị, bám trụ phát động quần chúng phá kèm mở rộng vùng tranh chấp, xây dựng vùng giải phóng, xây dựng thực lực, động viên thanh niên thoát ly đi kháng chiến.

Năm 1962 vận dụng chủ trương của tỉnh và để phá thế kèm, gom dân lập ấp của địch, Ban cán sự Đông Hải chủ trương: "Liên tiếp vũ trang tuyên truyền, mời dân ra vùng căn cứ học tập, khẩn trương xây dựng lực lượng bên trong, diệt ác, cải tạo tề, đẩy mạnh và kết hợp đấu tranh chính trị với võ trang, binh vận, phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ".

Sang năm 1963, Ban cán sự Đông Hải đề ra: "Xây dựng căn cứ, phát triển thực lực, phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh, diệt ác phá kèm, phá ấp chiến lược, phá giao thông; hình thành thế đấu tranh và xây dựng ở 3 vùng: Giải phóng - tranh chấp và tạm bị chiếm".

Vận dụng sáng tạo phương hướng của trên, Chi bộ và Đội công tác xã Hồng Sơn chủ trương: "Xây dựng thực lực ở 3 vùng, phát huy, phối hợp

sức mạnh tổng hợp của 3 vùng với lực lượng của trên, đẩy mạnh phong trào đồng loạt ở vùng căn cứ giải phóng, vùng ven và vùng bị tạm chiếm; phát động nhân dân tập trung xây dựng, giữ vững căn cứ, phá ấp chiến lược, đóng góp nhân tài, vật lực và tham gia mạnh mẽ các phong trào do Cách mạng phát động.

Quân dân xã Hồng Sơn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Vào những năm 1962 - 1964, Hồng Sơn đã xây dựng và bảo vệ được căn cứ, mở rộng vùng bàn đạp, phá đường, phá ấp, diệt ác phá kềm, cải tạo tề điệp; huy động tối đa sức người, sức của bảo vệ mùa màng, thu mua lương thực, vận động quỹ ủng hộ kháng chiến, vận động thanh niên thoát ly, đi dân công chiến trường. Nhờ đó mà quân dân xã Hồng Sơn đã vượt qua khó khăn, phát triển toàn diện. Tiêu biểu nhất là phong trào phá ấp chiến lược. Quân dân xã Hồng Sơn còn được sự hỗ trợ của các đơn vị: 489, 440 và 450 liên tiếp tấn công địch.

Trong những năm ấy, các tổ du kích mật bên trong 2 ấp: Tà Nung và Gộp liên tục phối hợp với lực lượng bên ngoài hoạt động khá phong phú, đa

dạng; có lúc cải trang giả lực lượng bên ngoài vào ấp vũ trang tuyên truyền; gọi địch đầu hàng, làm binh vận, phát động kêu gọi quân chúng phá ấp về đất cũ làm ăn; bí mật rải truyền đơn. Có khi anh em cung cấp tình hình, làm ám tín hiệu cho bộ đội, đội công tác và du kích bên ngoài vào diệt ác, đánh địch... Thông qua công tác binh vận, cơ sở ta cung cấp kịp thời tình hình địch. Hồng Sơn đã vận động được nhiều binh lính địch quay về với Cách mạng. Năm 1963, chị Cảnh cơ sở binh vận ở ấp Gộp đã vận động được chồng của chị là anh Nguyễn Văn Ly; chị Bảy Nhỏ giác ngộ được anh Huỳnh Xuân Thảo, mang súng thoát ly theo Cách mạng. Nhiều người trong số đó đã trở thành những chiến sỹ ngoan cường như các anh: Đặng Văn Ngự, Mười Phụng, Chín Thanh, Hai Giang, Năm Lâu, Nguyễn Văn Ly...

Trong lúc địch đang đốc thúc bắt dân rào ấp, thì lực lượng ta liên tục về đánh phá, phát động quần chúng phá rào, phá ấp về đất cũ làm ăn. Được sự hỗ trợ ấy, đồng bào trong khu trù mật và ấp chiến lược có nhiều hình thức đấu tranh. Tiêu biểu là ông Nguyễn Văn Tình ở ấp Tà Nung hàng đêm giả say đi quanh khu tập trung hô to: "A lô,

a lô, bà con hãy phá ranh rào, phá khu tập trung, tức là phá nhà tù, phá nơi giam lỏng mình, về đất cũ làm ăn...". Nhiều lần bọn tề áp bắt ông về khống chế. Ông nói: "Tôi chỉ nhái lại lời của Việt cộng"; rồi đêm đêm ông vẫn tiếp tục giả say đi a lô khắp xóm. Dân ở đây hiểu và tin lời kêu gọi ấy vì biết ông Tình say "thời" hơn là say "rượu".

Vào một đêm lực lượng ta về áp treo cờ Mặt trận. Sáng ra bọn nghĩa quân lấy cờ và bàn nhau sẽ đem về may quần đùi mặt. Bà Nguyễn Thị Ngu biết được bèn lập kế thuyết phục chúng: "Các chú cho tôi xin lá cờ về may áo cho cháu bé mặc để nó ngủ khỏi giật mình" và bà đưa cờ về cất kỹ sau đó giao lại cho đội công tác. Đó là hình ảnh về ý thức trân trọng đối với lá cờ Tổ quốc, thể hiện lòng yêu nước của người dân.

Ngày 11 tháng 3 năm 1963, tổ du kích mật dẫn đường phục vụ cho đơn vị 450 tập kích đánh trung đội dân vệ đang giữ ấp Tà Nung làm cho chúng bị thiệt hại nặng.

Vào tháng 10 năm 1963, du kích xã Hồng Sơn chặn đánh 1 đại đội bảo an từ Triềng càn vào đất Bà Cán, diệt 3 tên địch và đưa dân căn cứ tránh lánh an toàn.

Tháng 01 năm 1964, với sự phối hợp của du kích mật và cơ sở nội tuyến trong ấp Tà Nung; đồng chí Phan Minh Quyết chỉ huy đội công tác và du kích bên ngoài ém phục tại ngã ba đường Công Hương. Anh Nơi đã bám sát tên dân ý vụ trên chiếc xe lam từ ấp Tà Nung về Phan Thiết. Đến điểm hẹn, bằng ám tín hiệu theo quy định, anh Nơi đưa cây đòn gánh ra ngoài thùng xe. Nhanh như chớp lực lượng ta xông lên chặn xe dừng lại. Tên ác ôn ngoan cố bung chạy. Ta đuổi theo, hấn ném lựu đạn chống trả. Các đồng chí Trần Văn Lưu, Phan Minh Quyết, Võ Văn Lực phối hợp diệt chết tên ác và rút lui an toàn.

Sôi nổi, gan lì nhất là cơ sở nội tuyến và du kích mật ở ấp Truông Tà Nung như anh Nơi, anh Đậu, anh Cầm, Chị Loan, chị Lành ... Đặc biệt anh Nguyễn Văn Nơi vừa là tiểu đội trưởng dân vệ của địch vừa là tổ trưởng tổ du kích mật của ta. Anh Nơi, anh Đậu có khi thì đi xe đạp, có lúc thì ngồi với ác ôn trên xe lam làm ám hiệu giúp cho lực lượng ta kịp thời chặn xe diệt địch. Vào khoảng giữa năm 1964, với sự phối hợp, cung cấp chính xác tình hình của tổ du kích mật. Trong một đêm tối mịt mùng, du kích xã và đơn vị vũ trang 440 và 450 của huyện đột nhập vào ấp Tà Nung

diệt 1 trung đội dân vệ. Từ đó bọn chúng mất tinh thần, cứ khoảng 15 giờ chiều là trốn ra khỏi ấp chiến lược; hàng đêm lực lượng ta về làm chủ ấp Tà Nung.

Nhằm diệt ác, phá kềm và hỗ trợ phong trào quần chúng trong ấp Tà Nung, anh Võ Ngọc Thanh xã đội trưởng đã nghĩ ra cách đánh táo bạo, bất ngờ. Nhân đợt địch đang bắt dân trong ấp chặt cây vót chông giao nộp để chúng củng cố phòng thủ ấp. Vào lúc 17 giờ ngày 10 tháng 3 năm 1964, anh Thanh cải trang trà trộn với dân đi làm rẫy về ấp. Anh Trần Minh Phương xã đội phó tiếp cận ngoài cổng ấp để yểm trợ. Anh Thanh vát bó cây, đội chiếc nón lá, khi đi ngang qua cổng gác, anh giả vờ làm rơi chiếc nón. Tên lính gác ngây ngô gọi: "rơi nón anh ơi"; anh Thanh liền thả bó cây xuống, thay vì nhặt nón anh rút súng từ bó cây diệt tên lính gác chết tại chỗ; anh nhanh nhẹn, bình tĩnh lấy súng của tên giặc thoát ra bờ sông Cạn. Từ đó bọn tề ngụy khiếp vía hết dám hung hăng xét lục dân vào ra cổng ấp. Cơ sở của ta mang truyền đơn, tài liệu, vũ khí, hàng hóa ra vào ấp thuận lợi hơn. Đây là trận đầu tiên trong toàn tỉnh - du kích dám vào ấp diệt địch, thu vũ khí giữa ban ngày một cách mưu trí, sáng tạo.

Chiến công trên đã được báo cáo điển hình trong Hội nghị chiến sỹ thi đua toàn tỉnh. Anh Thanh là một trong những thanh niên mưu trí, dũng cảm đã nhiều phen làm cho bọn địch kinh hoàng.

Ngày 06 tháng 4 năm 1964, đơn vị 450 hỗ trợ du kích và đội công tác xã Hồng Liêm (Gộp) cải trang đi trên chiếc xe hàng, vào đến cổng ấp Gộp. Khi 2 tên lính gác ra chặn xe kiểm soát. Các chiến sỹ ta nhảy xuống xe khống chế 2 tên lính và thu 2 khẩu súng rồi rút lui an toàn.

Ngày 07 tháng 7 năm 1964, đội công tác Hồng Sơn cùng đơn vị 450 cải trang vào đánh ấp Tà Nung uy hiếp bọn tề điệp, tạo thế cho quần chúng đấu tranh.

Sáng 24 tháng 7 năm 1964 (ngày 16 tháng 6 năm Giáp Thìn), với sự phối hợp nhịp nhàng của cơ sở bên trong - Anh Đình đi xe đạp làm ám tín hiệu bằng cách lấy nón ra khỏi đầu, phục vụ cho đơn vị 486 phục kích diệt gọn một trung đội thuộc đại đội bảo an 443, đang mở đường vừa ra khỏi ấp Tà Nung khoảng 200 mét. Cùng lúc đó các đơn vị vũ trang 440, 450 của huyện và du kích xã Hồng Sơn vào đánh ấp Truong Tà Nung, phá rã 2 trung đội dân vệ, đuổi bọn tề chạy tán loạn và bắt sống

được tên Nguyễn Văn Luân (Ủy viên Hội đồng xã).

Những ngày đầu tháng 10 năm 1964, đồng chí Võ Ngọc Thanh chỉ huy du kích xã Hồng Sơn đánh địch liên tiếp 3 trận trên quốc lộ I. Vào một buổi chiều, lực lượng ta tổ chức chặn xe từ Phan Thiết lên chợ Tà Nung để mua cá. Nhưng xe chở cá chưa lên thì 1 chiếc xe khách từ Hòa Đa chạy vào. Khi thấy ta, tên Hùng - lính biệt kích ác ôn trên xe tháo chạy. Ta nhanh chóng đuổi và bắn theo, hấn chết ngay tại chỗ.

Ngày hôm sau, cũng lực lượng trên tiếp tục chặn và diệt gọn 1 chiếc xe Jeep từ hướng Hòa Đa vào; bắn chết 1 tên tài xế và 1 tên sỹ quan, thu 1 máy ảnh và một số tiền.

Liên tục thừa thắng xông lên, chiều ngày thứ ba, ta chặn đốt phá 1 chiếc xe lục lộ sửa đường của địch đang ủi các mô đất do ta đắp, thu một số dụng cụ.

Nhằm mở rộng vùng giải phóng, trong chiến dịch Đông Xuân 1964 - 1965; Tỉnh ủy và Tỉnh đội Bình Thuận quyết định tập trung sức giải phóng huyện Hàm Thuận và huyện Thuận Phong. Mở

đầu chiến dịch là tiêu diệt đồn Gộp và giải phóng xã Hồng Sơn vào trung tuần tháng 10 năm 1964.

Phương án đánh đồn Gộp vừa chuẩn bị xong, thì ta cũng vừa phát hiện hàng đêm đại đội bảo an của địch bỏ đồn xuống rải quân lưu động trong ấp. Do đó, phương án đánh đồn được chuyển thành đánh ấp. Lực lượng đánh ấp do đồng chí Lê Đình Nguyên - tỉnh đội trưởng trực tiếp chỉ huy. Các mũi, các hướng được phân công hợp đồng tác chiến như sau:

Đại đội 486 đánh từ hướng Đông Bắc vào.

Đại đội 489 đánh từ hướng Đông Nam lên.

Đại đội dự bị 440 chốt chặn phía Bắc.

Rạng sáng ngày 13 tháng 10 năm 1964, trung đội đi đầu của đại đội 486 vừa đột nhập vào ấp thì gặp bọn bảo an và 2 bên đã nổ súng quyết liệt. Trong lúc đại đội 489 chưa tiến lên kịp theo hiệp đồng; địch lợi dụng địa hình phức tạp liên tục tung quân ra phản kích và đã gây cho đại đội 486 một số thương vong. Chỉ huy trưởng trận đánh hạ lệnh cho đại đội dự bị 440 chia thành 2 mũi chi viện cho đại đội 486. Nhờ quyết tâm cao quân ta

đã khống chế được đồn Gộp, diệt đại đội bảo an 441 và bắt sống thiếu úy Đạt - đại đội trưởng; đánh rã một trung đội dân vệ; phá banh ấp chiến lược Long Hoa (Gộp); bắt tên Bùi Ngọc Long đưa về căn cứ mở phiên tòa xét xử và tử hình. Đồng thời ta đã đưa một số dân ấp Gộp về đất cũ ở 3 xã: Hồng Sơn, Hồng Liêm, Hàm Trí. Qua quá trình bao vây, rúng ép liên tục; cuối năm 1964 đồn Gộp bị lung lay, ấp Gộp bị lỏng nhão.

Đến tháng 12 năm 1964, các đơn vị: 486, 489, 440 và 450 cùng với quân dân xã Hồng Sơn đánh tan ấp Tà Nung, tháo dỡ hoàn toàn nhà cửa chuyển tài sản về đất cũ, xây dựng vùng giải phóng. Ta phá gỡ trụ sở xã Long Phú vào căn cứ cất nhà làm việc của UBND tự quản xã Hồng Sơn.

Đến tháng 3 năm 1965 ta tiêu diệt đồn Gộp - nhỏ chiếc gai cuối cùng của xã Hồng Sơn; giải phóng hoàn toàn xã Hồng Sơn tạo thế liên hoàn giữa 4 xã giải phóng: Hàm Đức, Hồng Sơn, Hồng Liêm, Hàm Trí. Ta tháo dỡ trụ sở của địch ở ấp Gộp đưa về xây dựng nhà làm việc của UBND tự quản xã Hồng Liêm.

Hơn 3 năm liền đánh phá làm lỏng nhão ấp Tà Nung và ấp Gộp tiến lên giải phóng quê nhà. Đó là nhờ sự kết hợp của phong trào 2 chân 3 mũi; biết huy động sức mạnh tổng hợp của 3 lực lượng; của 3 vùng; biết phối hợp nhịp nhàng giữa phía trước với phía sau, giữa lực lượng trong ấp với lực lượng ở căn cứ. Trong đó phải kể đến mũi vũ trang đánh địch bằng nhiều hình thức như đánh giao thông, đánh địch mở đường, diệt ác, đánh thẳng vào ấp và vũ trang tuyên truyền ...

*

* *

Sát cánh với đồng bào trong ấp chiến lược, những năm 1961 - 1964 quân dân căn cứ xã Hồng Sơn đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ như xây dựng căn cứ kháng chiến, đánh chông, cò cây rào làng, xây dựng làng chiến đấu, bảo vệ căn cứ; hỗ trợ toàn diện cho phong trào phía trước; phát triển về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa và xã hội...

Gian khổ, ác liệt, chịu đựng nào hơn nhân dân vùng căn cứ Lê Hồng Phong trong những ngày đầu đánh Mỹ - đói cơm, lạt muối; có lúc từng lon nước cũng phải đổi bằng máu. Tài sản,

cuộc sống chính của mỗi gia đình là những chiếc bao bột để làm bông mang, vài chiếc võng, chiếc đệm... sẵn sàng trong đôi thúng. Mỗi người dân như một chiến sỹ. Nhiều lần giữa đêm đen mưa bão, nghe báo động địch càn; bà con gồng gánh thông báo cùng nhau mà chạy, bất kể gai, cây bụi cản đường, trẻ em ngồi ngủ gật trong thúng. Đến nơi an toàn mới dừng chân, trải vội chiếc đệm dưới gốc cây Tâm lang nằm nghỉ trên tiếng rào rạo của những con mối đang gặm lá.

Lương thực, thực phẩm chính của bộ đội, đồng bào ở căn cứ hồi ấy là khoai, đậu, hạt gũ, dưa hồng, võ dưa hấu, rau, lá, hoa, nấm lợn, củ, thịt rừng... Có khi phải ăn lá mì trừ cơm suốt cả tháng. Các em thiếu niên phải len lỏi vào vùng địch, băng rừng xuống tận Phú Long, Phan Thiết để mua hàng thiết yếu. Có lúc ra cổng bị địch tịch thu, các em phải mua đi, mua lại mấy lần; gánh hàng chạy lạc suốt đêm trong rừng mới đưa về căn cứ được ít gạo, muối, đường, dầu lửa, thuốc tây...

Gian khổ, ác liệt như thế nhưng đồng bào đã rào làng chiến đấu, đánh chông chống càn, xây dựng căn cứ vững chắc. Nếu những năm 1961-

1962 căn cứ Hồng Sơn chỉ có khoảng 50 người dân thì đến năm 1964 đã có trên 700 dân. Có đầy đủ tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, có Ban dân y, có trường bổ túc văn hóa; xây dựng cuộc sống tinh thần vui tươi lành mạnh.

Nhờ có thực lực và điều kiện tự nhiên phong phú; có tinh thần dũng cảm, ý chí quyết tâm cao nên nhân dân căn cứ đã phối hợp chặt với đồng bào trong ấp, phá ấp chiến lược, đi dân công chiến trường, đào đường đắp mô phá giao thông địch; phát triển sản xuất, bảo vệ mùa màng, vận động thu mua lương thực. Chính nhờ thế mà năm 1963 quân dân xã Hồng Sơn đã cung cấp cho các lực lượng trên hơn 300 xe lúa trong thời điểm toàn tỉnh đang khó khăn, thiếu đói.

Bên cạnh việc cung cấp sức người sức của to lớn, toàn diện cho kháng chiến; đồng bào căn cứ Hồng Sơn còn nghe lời Đảng gọi; tách một số gia đình làm nòng cốt tình nguyện đi cấy dân ở tận Cà Lon, Cà Tót. Đến những nơi xa lạ, rừng núi âm u khắc nghiệt, bà con đói khổ, thiếu thốn, đau bệnh mọi bề; có gia đình bị sốt rét chết gần hết, Nhà ông Tư Bàng đã mất đi 3 người con; nhưng

đồng bào vẫn quyết tâm bám trụ để duy trì căn cứ Miền núi và hành lang của lực lượng ta.

Phá đường đánh giao thông địch là một nhiệm vụ lớn của quân dân huyện Hàm Thuận và huyện Thuận Phong. Quân dân xã Hồng Sơn được phân công nhiệm vụ phối hợp với toàn huyện đắp mô, đặt mìn, lật đường ray xe lửa... Đêm đêm, đồng bào căn cứ xã Hồng Sơn liên tục đi phá đường. Đến năm 1965 đoạn đường sắt và đường bộ thuộc địa phận của xã đã bị ta cắt đứt; xe địch không hoạt động được.

Đặc biệt trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ (1961 - 1963), ta còn lắm khó khăn trong vấn đề tự túc về lương thực và thực phẩm nên việc đánh giao thông địch, thu chiến lợi phẩm có ý nghĩa cả về quân sự, chính trị và kinh tế. Những năm ấy lực lượng ta liên tục chặn xe địch trên quốc lộ I, đoạn từ cầu Ông Tâm đến cầu Dĩ, Bàu Sen; ta đã thu được hàng trăm tấn hàng chiến lợi phẩm thiết yếu như: gạo, muối, bột, đường ...

Ngày 21 tháng 5 năm 1962 đơn vị 440 và 450 phục kích ở khu ruộng Xoài Ba, cách cầu Ông

Tầm khoảng 2km về hướng Bắc, chặn 2 xe GMC của địch tịch thu khoảng 20 tấn gạo đưa về căn cứ.

Đáng nhớ nhất là trận "Cây Xây muối" ở thôn 1. Qua một thời gian theo dõi, biết quy luật của địch thường chở muối từ hướng Bắc vào Nam. Sáng ngày 27 tháng 10 năm 1963, các đơn vị 440, 450 cùng du kích xã Hồng Sơn phục kích tại cầu Ruột Ngựa cách ấp Trông Tà Nung 3 km; chặn 3 xe GMC chở trên 30 tấn muối. Ta bắt chúng chạy thẳng vào Dầu Bà Én. Hàng trăm dân công của xã Hồng Sơn với các xã căn cứ huyện Thuận Phong khẩn trương chuyển muối về căn cứ. Số muối còn lại chưa chuyển kịp, ta giấu tại cây Xây lớn trên đốc giếng Chanh. Chiều hôm đó địch kéo quân vào hòng lấy lại muối, nhưng bị quân ta đẩy lui. Sáng sớm hôm sau chúng phục kích nơi ta để muối. Đơn vị 440 và 450 vừa ra tiếp cận bị lọt vào ổ phục kích của chúng; ta hy sinh 7 đồng chí, trong đó có đồng chí Nguyễn Thanh Phúc (Quê) chỉ huy trưởng đại đội 450. Từ đó địa danh "Cây Xây muối" ở xã Hồng Sơn đã trở thành tình cảm và tên gọi thân thương của cán bộ chiến sỹ và đồng bào huyện Thuận Phong.

Chính nhân dân vùng căn cứ là chỗ dựa vững chắc của các lực lượng ta. Bà con đã cung cấp nhân tài, vật lực, thông tin, thuốc men, nhu yếu phẩm... và đi liên lạc vào vùng địch. Để phát triển kinh tế cải thiện đời sống, nhân dân căn cứ và đồng bào vùng địch tạm chiếm đã thỏa thuận với nhau những điểm hẹn ở vùng ven dọc rừng cát thành "chợ kháng chiến" di động. Nơi đây trở thành điểm hẹn của dân để trao đổi hàng hóa, nông sản, lương thực, thực phẩm và nhiều mặt hàng thiết yếu khác. Đồng thời thông qua đó ta nắm tin tức, móc nối cơ sở hoặc cán bộ, chiến sỹ tiếp xúc gặp gỡ người thân từ vùng địch ra thăm viếng.

Biết được đặc điểm trên nên địch cũng lợi dụng nơi đây để cài cấy gián điệp, nắm tình hình. Độc ác hơn là chúng bỏ thuốc độc vào thức ăn để đầu độc cán bộ, đồng bào ta. Có đơn vị đã bị trúng độc, có đồng chí đã hy sinh. Ngày 29 tháng 3 năm 1964 (ngày 16 tháng 02 năm Giáp Thìn) đồng chí Phan Minh Quyết - Bí thư chi bộ xã - đội trưởng đội công tác xã Hồng Sơn trúng độc hy sinh. Anh Thái Hương, chị Tài, chị Bảy Nhỏ cũng

bị trúng độc nặng phải cấp cứu và chữa trị lâu dài mới khỏi.

Để giữ vững và mở rộng vùng ta, thu hẹp vùng địch, quân dân vùng căn cứ xã Hồng Sơn đã đánh hàng trăm trận: đánh chống càn, chống đột kích, chống phục kích, bảo vệ sản xuất, thu mua lương thực, bảo vệ căn cứ, đánh giao thông tiêu diệt nhiều sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta... Tiêu biểu như trận đánh ở thôn 1 (Dầu Bà Én), du kích xã đã đẩy lui một đại đội lính Cộng hòa. Ở một trận khác diễn ra tại phần ruộng Cây Trâm ta đã tiêu diệt nhiều tên lính bảo an do thiếu tá Thổ Thêm làm đại đội trưởng.

Vào giữa năm 1964, du kích Hồng Sơn độc lập đánh chống càn, gây cho địch khiếp đảm kinh hoàng. Khi phát hiện một đại đội địch càn vào khu vực Láng Cốc. Ta bao vây nổ súng rồi rút lui; nhử cho chúng lọt vào trận địa của làng chiến đấu đã được bố trí, mai phục sẵn. Bọn giặc hết hoảng, rối loạn, đưa sụp chông, đưa trúng mìn, có tên bị bắn tử. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 20 tên, đẩy lui trận càn, bảo vệ được dân, giữ vững căn cứ.

Hồi ấy, đi trinh sát, nắm tình hình địch để báo động, báo an cho lực lượng ta là nhiệm vụ bức xúc, thường xuyên nhưng cũng vô cùng nguy hiểm đối với du kích căn cứ và đội công tác xã Hồng Sơn. Lúc bấy giờ địch biết ta ra lấy nước vừa tiếp xúc với cơ sở, nắm dân trong ấp về sản xuất ở ruộng vườn. Do đó, chúng thường xuyên cải trang, phục kích ở các đường đi lại, các ao bầu, giếng nước hoặc những nơi chúng cho là điểm hẹn của ta. Anh em ta đi trinh sát trong rừng ra từ dốc cao xuống, khi bị địch nổ súng trong tư thế bất ngờ chạy ngược lên rất khó và bị động. Do đó nhiều đồng chí, nhiều gia đình đã lần lượt nối tiếp nhau hy sinh trên cùng một thửa ruộng, bờ mương, giếng nước... Qua đó đã nổi lên những tấm gương chiến đấu sáng ngời; trường hợp tiêu biểu nhất là anh Đặng Văn Ngư.

Anh Ngư có vóc dáng cao, to, khỏe, đẹp ; lúc vui vẻ thân tình, anh tâm sự với đồng đội nửa đùa, nửa thật: "Tao to nặng nên rủi có bị thương, tội mày đừng công chạy sẽ chết cả chòm". Đúng như thế, vào một chuyến đi trinh sát ra bìa rừng thôn 2 (ngày 18 tháng 10 năm 1962), tổ của anh bị lọt vào ổ phục kích của địch và anh đã bị trọng

thương. Anh khuyên đồng đội tìm cách thoát nguy để anh kèm chân giặc và chiến đấu với chúng đến hơi thở cuối cùng. Nép người vào gò mả anh nằm im giả chết, địch thấy thế lần lượt xông lên. Với khẩu súng Mát - Tăng - Xít còn 5 viên đạn, anh đã bình tĩnh lần lượt diệt đúng 5 tên. Súng anh hết đạn, chúng lồng lộn bằm xác anh làm nhiều mảnh. Đau thắt trong lòng khi nhìn thấy xác con, ông Đặng Văn Dự đã chửi thẳng vào mặt quân thù và chúng đã đánh đập ông tàn nhẫn.

Sáng ngày 13 tháng 6 năm 1964 (ngày mùng 4 tháng 5 năm Giáp Thìn), tổ du kích từ căn cứ ra trinh sát, vừa tiếp cận đến bìa rừng thôn 1 thì lọt vào ổ phục kích của địch. Dù bị thương nặng nhưng anh Trần Nhật Trung vẫn tiếp tục chiến đấu đến khi hết đạn. Anh rút chốt quả M26 cuối cùng ém dưới bụng để địch phải đền mạng nếu chúng đến lục xác anh. Lúc đồng đội đến cứu; anh cố sức thì thào: "Coi chừng nổ, tôi đã gài đạn dưới người". Anh Trung đã hy sinh trên đường về trạm xá trong sự thương tiếc của đồng đội, đồng bào.

Trong những năm 1960 - 1964, quân dân xã Hồng Sơn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của

mình và cùng với quân dân toàn tỉnh vùng lên giải phóng quê nhà; sớm phát huy được thế mạnh và truyền thống mưu trí, dũng cảm trong 9 năm chống Pháp vào cuộc đấu tranh chống Mỹ, Diệm.

Làm được điều đó là nhờ quân dân ta biết phát huy các yếu tố nội lực và lợi thế tự nhiên về rừng núi, sông suối, ao bầu; với tấm lòng người dân chơn chất, có tinh thần giác ngộ cao, có điều kiện sản xuất, phát triển kinh tế; tạo thế giao lưu với các xã trong huyện. Từ những ưu thế đó mà ngay từ trong giai đoạn từ năm 1960 - 1964 cũng như trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trường kỳ, xã Hồng Sơn đã thể hiện được nét riêng khá độc đáo của mình.

Trước hết, đó là một bàn đạp, nơi đứng chân của nhiều lực lượng. Chính nơi đây đã trở thành kho nhân tài, vật lực của huyện, tỉnh và có lúc của quân khu VI. Về nhân lực, Hồng Sơn là xã cung cấp nhiều thanh niên đi thoát ly, đi dân công phục vụ chiến dịch, phục vụ chiến trường. Rõ nhất là địa bàn Hồng Sơn đã trở thành kho dự trữ lương thực tự nhiên của các lực lượng, cho các chiến dịch lớn. Đồng bào Hồng Sơn đã sản xuất nhiều đậu, khoai, dưa, bắp, lúa và đặc biệt là biết

cách chôn cất lương thực theo điểm quy định để lực lượng ta về lấy. Hồng Sơn đã sớm trở thành lực lượng hậu cần, hậu phương tại chỗ của huyện. Trong những cụm rừng Tâm lang rậm kín đã có hàng trăm chiếc cối xay, cối giã với lực lượng dân công hoạt động suốt ngày đêm để chuyển kịp lương thực cung cấp cho chiến trường. Lực lượng của Ban kinh tài huyện và đội tải (V9) của huyện cũng thường xuyên đứng chân ở đây. Làm được điều đó vì Hồng Sơn là một trong những xã sớm phá ấp mở kèm trong toàn khu Lê Hồng Phong (1963). Mặt khác nhờ duy trì được "chợ kháng chiến", đó là điều kiện để giao lưu, trao đổi hàng hóa giữa 2 vùng ta và địch; cung cấp nhiều mặt hàng thiết yếu cho các lực lượng ta.

Từ địa hình, vị thế thuận lợi; Hồng Sơn đã sớm tạo ra thế đứng chân và hình thái chiến trường vững chắc để phát triển chiến tranh du kích. Đây cũng là một trong những nơi điển hình của phong trào 2 chân 3 mũi. Trong một xã mà hình thành đủ cả 3 vùng: căn cứ giải phóng, vùng tranh chấp và vùng tạm bị chiếm. Quan trọng hơn là ta đã tổ chức bố trí được 3 lực lượng đứng chân ở 3 vùng, biết phối hợp nhịp nhàng tạo sức mạnh

tổng hợp để tấn công địch. Gay go, quyết liệt và xuyên suốt nhất là việc phát triển căn cứ, xây dựng lực lượng và phá ấp, mở kềm. Từ năm 1961 - 1964 quân dân Hồng Sơn đã 6 lần giằng co với địch giữa vấn đề đồn dân lập ấp và phá ấp. Thật vậy Hồng Sơn đã hội đủ các điều kiện, các yếu tố: Thiên thời - địa lợi - nhân hòa và nơi đây đã trở thành hậu phương vừa là tiền tuyến của huyện Thuận Phong.



CHƯƠNG III

PHÁT TRIỂN THỰC LỰC, CÙNG CỐ MỞ RỘNG VÙNG GIẢI PHÓNG; GIỮ THỂ ĐẤU TRANH HỢP PHÁP VÀ TRANH CHẤP, CUNG CẤP NHÂN TÀI VẬT LỰC CHO KHÁNG CHIẾN (1965 - 1968)

Từ đầu năm 1965 đến cuối năm 1968, xã Hồng Sơn được hoàn toàn giải phóng, nối liền với các xã Hàm Đức, Hồng Liêm, Hàm Trí thành một vùng giải phóng rộng lớn. Riêng thôn 4 ở trạng thái tranh chấp cứng; ta làm chủ về ban đêm; ban ngày địch ở Ma Lâm thường qua mở đường, sưu sách đánh phá. Chính quyền xã của địch phải hoạt động lưu vong ở Phú Long và Phan Thiết.

Suốt thời kỳ này ta và địch luôn giằng co, tranh chấp. Địch ra sức đánh phá vùng giải phóng của huyện Thuận Phong và Hàm Thuận. Hồng Sơn là một trọng điểm của chúng; pháo từ các nơi luôn nổ đạn về đây. Địch tổ chức những trận càn quét lớn, dài ngày. Vào tháng 02 năm 1967,

chúng huy động 12 tiểu đoàn Mỹ và chư hầu đánh sâu vào căn cứ huyện Thuận Phong liên tục 7 ngày đêm. Xã Hồng Sơn phải đưa dân chạy qua các núi: Gia Tá, Chấn Rong (thuộc xã Hàm Trí) để tránh lính. Đến giữa năm 1967, chúng đóng một loạt đồn: Cây Táo, Gộp, núi Tà Dôn, động Bà Què.

Với trạng thái chiến trường bị địch vây ép nên giai đoạn 1965 - 1968, phong trào Cách mạng của quân dân xã Hồng Sơn được thể hiện thành 2 mốc nhỏ:

- Mốc thứ nhất: từ năm 1965 - 1966.

- Mốc thứ hai: từ năm 1967 - 1968.

Đầu năm 1965, chính quyền xã Long Phú của địch bị đánh tan rã; ta bắt một số tề ngụy cho học tập cải tạo và làm giấy cam kết không hợp tác với giặc. Số tề còn lại chạy sống lưu vong ở các nơi khác. Sau một thời gian ngắn, quận Thiện Giáo tập hợp, củng cố tinh thần bọn này và chỉ định thành lập lại Hội đồng xã mới gồm:

Đặng Phước Hiền (Ba Khoa) làm đại diện xã.

Nguyễn Hòa, phụ trách hành chánh I.

Đinh Văn Khen, phụ trách hành chánh II.

Võ Ngọc Thâu (Bảy Thâu), phụ trách tài chính.

Văn phòng làm việc của Hội đồng xã Long Phú đóng nhờ tại xã Phú Long. Bọn tề sống ở Phan Thiết, hàng ngày lên Phú Long làm việc.

Nhằm tranh thủ lòng dân, nắm dân, nắm tình hình vùng giải phóng; chính quyền xã Long Phú cấp giấy căn cước, giấy chứng nhận cho dân vùng giải phóng được đi lại, mua bán trong vùng địch. Có trường hợp địch cấp giấy phép đi lại cho dân ở các xã giải phóng lân cận. Đồng thời chúng ra sức dụ dỗ, lôi kéo dân về vùng địch và lập khu ty nạn Cộng sản thuộc địa giới phường Thanh Hải; khu định cư thuộc địa giới phường Phú Thủy.

Đồng bào của ta từ các ấp chiến lược mới bung về vùng đất cũ, đời sống còn gặp lắm khó khăn nên tranh thủ sự xoa dịu của địch - vẫn giữ giấy căn cước cũ do địch cấp, giữ thế hợp pháp để vào vùng địch mua bán; đưa về vùng ta nhiều mặt hàng thiết yếu.

Về quân sự, địch thực hiện âm mưu đánh phá vùng giải phóng để xúc, tạt dân vào vùng địch. Chúng thường xuyên càn quét, bắn pháo,

sưu sách làm hao mòn lực lượng ta; phá hoại mùa màng không cho dân yên ổn làm ăn. Từ giữa năm 1966, địch dùng chiến thuật trực thăng vận nhảy cóc, kết hợp với xe tăng, pháo binh, bộ binh đánh phá sâu vào vùng căn cứ. Đối với dân sống hợp pháp ven quốc lộ I thì chúng đốt phá, cướp bóc tài sản, không chừa một thứ gì. Ti tiện nhất là đơn vị bảo an do tên Thổ Thêm chỉ huy từ Ma Lâm qua Hồng Sơn cướp tài sản của đồng bào, chúng phá, lấy từ cái chén đến chiếc đồ lót của phụ nữ. Dân ở đây có người phải dùng gạo dừ khô để làm chén ăn cơm, tận dụng mảnh bom, pháo của địch làm đồ gia dụng.

Trận đánh phá lớn nhất của quân Mỹ vào xã Hồng Sơn là ngày 14 tháng 5 năm 1966. Lần đầu tiên địch huy động tổng lực, dùng hàng chục lượt chiếc trực thăng đổ quân nhảy cóc xuống giồng Thông tin - trên bầu Trùng Găng rồi tỏa xuống đánh phá thôn 1 và thôn 2. Hừng sáng hôm ấy một chiếc phản lực L19 bay lên quăng đảo, tiếp đó là bộ binh, không quân từ các hướng ập vào. Do lần đầu bị trực thăng đổ quân nhảy chup nên chiến sỹ, đồng bào ta chưa có kinh nghiệm chống trả, tránh lánh. Qua một ngày bắn giết, đốt phá, địch đã hủy diệt 22 cái nhà, bắn chết hơn 10

người. Anh Năm Khánh, thôn đội trưởng vừa là một chiến sỹ binh công xưởng chuyên sửa và làm vũ khí rất giỏi cũng bị hy sinh trong trận này. Tiếp đó trận càn lớn thứ 2 đã diễn ra vào giữa năm 1966. Đơn vị bảo an chia làm 2 mũi: từ Ma Lâm thọc qua, phía trên đường sắt đánh xuống; nhân dân thôn 3 và thôn 4 không còn đường chạy. Một lần nữa chúng đã gây tổn thất lớn cho đồng bào Hồng Sơn. Tinh thần chịu đựng của đồng bào ở vùng giải phóng là như thế.

Về phía ta, đầu năm 1965, sau khi phá banh 2 ấp chiến lược: Trông Tà Nung và Long Hoa (Gộp), Hồng Sơn đã trở thành xã giải phóng. Từ thế 3 vùng nay chỉ còn lại một vùng - đó là vùng giải phóng. Đồng bào trong 2 ấp chiến lược và ở vùng căn cứ khẩn trương về lại đất cũ tạo thế ăn ở, sản xuất, chiến đấu mới. Bà con đùm bọc nhau chung sức, chung lòng xây dựng xã giải phóng vững mạnh toàn diện để đủ sức chống địch và ủng hộ kháng chiến.

Công việc quan trọng, cấp bách đầu tiên của chính quyền Cách mạng xã Hồng Sơn là củng cố thực lực, xây dựng hệ thống Đảng, Chính quyền, Mặt trận, và các Đoàn thể.

Sau khi đồng chí Phan Minh Quyết hy sinh; đồng chí Võ Thị Phàn đội phó lên làm đội trưởng đội công tác. Đến năm 1965 đồng chí Phàn tiếp tục làm bí thư chi bộ xã. Đến tháng 6 năm 1966 đồng chí Phàn về huyện làm hội trưởng Hội phụ nữ huyện. Đồng chí Trần Hữu Sự làm Bí thư. Từ chi bộ cơ sở, sau đó phát triển thành Đảng bộ gồm 5 chi bộ nhỏ, có trên 30 đảng viên; do đồng chí Nguyễn Thanh Tùng rồi đến đồng chí Võ Liên Đoàn làm bí thư Đảng ủy. Đây là hạt nhân lãnh đạo toàn diện các phong trào Cách mạng của xã.

Ủy ban nhân dân Tự quản cũng được thành lập do ông Nguyễn Văn Quăng làm chủ tịch. Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng xã do ông Phạm Hữu Tình làm chủ tịch.

Các Ban, Ngành, Đoàn thể cũng được kiện toàn. Ông Hồ Văn Tân làm trưởng Ban công an xã. Anh Võ Ngọc Thanh làm xã đội trưởng; sau đó mới hình thành Ban chỉ huy xã đội, gồm 5 đồng chí do Nguyễn Hùng Phi làm xã đội trưởng. Hội Liên hiệp phụ nữ xã do bà Nguyễn Thị Thảo làm hội trưởng. Tổ chức Hội nông dân xã do ông Lê Văn Sửu làm hội trưởng. Bí thư xã Đoàn thanh niên được các anh, chị nối tiếp nhau phụ trách:

Võ Vương Thanh, Nguyễn Thị Thu Ba, Trần Hữu Ý, Nguyễn Huệ, Võ Thị Lành ...

Để tạo thế sinh hoạt, sản xuất, chiến đấu và hướng dẫn nhân dân thực hiện các phong trào, cùng với việc kiện toàn các đoàn thể; về mặt địa giới hành chính và chính quyền, ta chia toàn xã ra làm 4 thôn. Mỗi thôn có một chi bộ và ban cán sự thôn.

Thôn 1 từ Giếng Chanh đến đường Công Hương do ông Võ Ngọc Kế làm thôn trưởng.

Thôn 2 từ đường Công Hương đến Bàu Bèo. Thôn 3 từ Bàu Bèo, Đá Mẹp đến cầu Bằng Lãng; 2 thôn này do ông Phan Công Tâm phụ trách chung.

Thôn 4 từ phía Tây quốc lộ I đến Đá Chông, Cầu Móng do ông Nguyễn Hùng Phi làm thôn trưởng.

Một số gia đình có người thân tham gia tề, nguy hoặc bị địch lôi kéo đã chạy về sống trong vùng địch nên toàn xã Hồng Sơn lúc bấy giờ còn lại khoảng 3.500 dân.

Các Đoàn thể của huyện thường đứng chân ở xã Hồng Sơn để chỉ đạo phong trào nên các

Đoàn thể của xã có điều kiện phát động quần chúng hoạt động khá đều, nổi bật nhất là tổ chức Đoàn và phong trào thanh thiếu niên.

Một điểm yếu trước đây của Đảng bộ xã Hồng Sơn trong những năm 1962 - 1964 là công tác phát triển Đảng, phát triển Đoàn, Hội, chưa được chú ý đúng mức. Đến giữa năm 1964 thì việc phát triển thực lực mới được quan tâm. Riêng ngày 14 tháng 8 năm 1964 chi đoàn đã làm lễ kết nạp một lúc 15 đoàn viên.

Những năm 1965 - 1966 là đỉnh cao của phong trào toàn xã - đây là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của Hồng Sơn. Phong trào Đoàn cũng lớn lên nhanh chóng, xã Đoàn từ 48 đoàn viên đã phát triển lên 71 đoàn viên.

Thông qua các hình thức văn nghệ, họp bạn giao lưu liên xã để vận động giáo dục thanh thiếu niên; trong 2 năm 1965 - 1966, rất nhiều thanh niên Hồng Sơn đã thoát ly bổ sung vào các lực lượng của trên. Ngoài ra thanh thiếu niên còn đóng vai trò nòng cốt, xung kích trong việc xây dựng lực lượng du kích, tham gia tốt các phong trào sản xuất, đi dân công chiến trường, đắp mô phá đường, canh gác, báo động, báo an, đánh địch

bảo vệ sản xuất, bảo vệ mùa màng. Nhiều thanh niên đi dân công hỏa tuyến vào tận miền Đông Nam bộ mang tải hàng hóa, đạn dược; có những chuyến đi dài ngày từ 3 đến 6 tháng. Có nhiều anh chị em đã ra đi mãi mãi không về vì bị bom, pháo của giặc.

Trong suốt chặng đường dài đấu tranh chống Mỹ, thanh thiếu niên - con em của xã Hồng Sơn đã gác cuộc cày, xếp bút nghiên nối tiếp nhau lên đường kháng chiến; tỏa khắp mọi nẻo đường của đất nước, chiến đấu trong nhiều hoàn cảnh khác nhau: xóm ấp, thành phố, chiến khu, hoặc tại nhà tù của địch ... đâu đâu cũng có những tấm gương trung dũng, kiên cường. Đến ngày giải phóng Miền Nam, có người may mắn trở về, nhiều người đã vĩnh viễn đi vào lòng đất mẹ; có đồng chí đã cống hiến một phần thân thể, nhưng tất cả đã xứng đáng tự hào, đã hoàn thành nhiệm vụ. Nhiều anh chị trở thành những chiến sĩ cách mạng chiến đấu ngoan cường, làm quân thù khiếp đảm như: Anh Ngư, anh Thanh, anh Trung, anh Đậu, anh Nơi, anh Phi, anh Tấn, anh Nhì, Nguyễn Văn Chinh, chị Phan Thị Thuận, Nguyễn Thị Thảo, chị Võ Thị Lành...

Triển khai chính sách ruộng đất, đẩy mạnh phong trào sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, cung cấp nhân tài vật lực là yêu cầu bức thiết, sống còn của vùng giải phóng lúc bấy giờ. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế vùng giải phóng; những năm 1965 - 1966, Nông hội tỉnh tiến hành chia cấp ruộng đất cho nông dân. Hồng Sơn là một trong những xã triển khai sớm nhất trong toàn tỉnh.

Năm 1965 đồng chí Ngô Nhuận thay mặt cho Nông hội tỉnh xuống chỉ đạo cho xã Hồng Sơn và cùng Ban chấp hành Nông hội xã điều tra thống kê thu hồi toàn bộ ruộng đất của ác ôn, ruộng vắng chủ, công điền, công thổ chia cấp cho nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng. Đồng thời ta thành lập Ban vận động sản xuất xã gồm 5 người: Võ Ngọc Kế, Lê Văn Sửu, Ông Thanh, ông Rạng, do ông Trần Văn Bình làm trưởng ban. Từ đó nhân dân phấn khởi đẩy mạnh sản xuất; ổn định nâng cao đời sống; đóng đảm phụ, cung cấp nhân tài vật lực cho Cách mạng và tham gia mạnh mẽ các phong trào tòng quân nhập ngũ.

Nhờ có điều kiện chủ động nước tưới và với sáng kiến của mình. Ban lãnh đạo sản xuất hướng

dẫn bà con thống nhất kế hoạch gieo, cấy rải vụ, kế tiếp nhau nhằm cho lúa chín không đồng loạt, tiện cho việc thu hoạch và chống địch cướp lúa. Đồng bào ở đây còn có tài cấy, gặt đêm, chuyển lúa đào hầm giấu lúa ngay trong đêm. Sáng hôm sau, địch tổ chức đi càn phá lúa; đến nơi thì đồng ruộng chỉ còn trơ gốc rạ. Các đoàn thể phát động mọi người, mọi nhà, mọi giới hưởng ứng phong trào nuôi quân; nhận đỡ đầu nuôi bộ đội, thương binh. Các má, các chị, các em thi đua thực hiện phong trào: hủ gạo nuôi quân; con gà, rẫy mì, giống lang... kháng chiến. Những năm 1965 - 1975, nhất là từ năm 1965 đến năm 1969, Hội phụ nữ xã thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, giúp đỡ bộ đội, thương bệnh binh. Ngày Tết, ngày Lễ, các má, các chị đã quyên góp được nhiều quà bánh đến thăm bệnh xá, thăm các đơn vị, động viên an ủi kịp thời. Những lúc bị địch gom vào ấp; các má cũng duy trì được việc quyên góp tặng quà cho bộ đội, thương binh. Hăng hái nhất là các má: Lê Thị Lợi, Lê Thị Cúc, Ngô Thị Rớt, Tư Khởi, Nguyễn Thị Tâm... Tình quân dân càng gắn bó, sâu nặng, đậm đà hơn từ ấy. Mạnh mẽ nhất là thiếu niên thôn 4 đã mưu trí táo bạo len lỏi vào Ma Lâm, Phú Long, Phan Thiết mua

nhiều mặt hàng thiết yếu cho Cách mạng. Dù định quy định mỗi người dân ra ấp không được mang quá 1 lít nước mắm hoặc 1 ký đường; nhưng các em: Phương, Ngại, Thiết, Tâm... một ngày mỗi em vào, ra cổng ấp Ma Lâm nhiều lần, chuyển nhiều mặt hàng về vùng giải phóng như: nước mắm, muối, cá khô, dầu lửa, vải, pin đèn, dây dù, thuốc tây, đồng hồ, radio, lốp xe hơi để làm dép, bao vải đựng bột làm bông mang... Tuổi nhỏ Hồng Sơn không chỉ làm việc nhỏ mà còn hoàn thành được nhiều việc lớn do Cách mạng giao phó.

Đời sống vật chất được nâng lên, cuộc sống tinh thần càng thêm phơi phới. Phong trào học bổ túc văn hóa cũng được mở rộng. Một số giáo viên đào tạo cấp tốc được tỉnh đưa về Hồng Sơn đứng chân mở lớp. Trong hoàn cảnh mưa bom, bão đạn nhưng các em vẫn chăm chỉ, khắc phục khó khăn đến lớp đều đặn.

Hồng Sơn vốn là nơi có truyền thống hát tuồng, bài chòi từ trước. Do đó trong thời điểm này càng có dịp phát huy. Đội chiếu bóng, đoàn văn công tỉnh thường về đứng chân ở Hồng Sơn nên nhân dân được xem chiếu phim, văn nghệ

khá đều. Tại xã có Ban dân y, Ban thông tin và Đội văn nghệ. Lực lượng văn nghệ xã thường phối hợp với các xã bạn tổ chức đốt lửa trại, liên hoan văn nghệ, thu hút cả đồng bào nơi khác đến xem. Có lần thanh niên, đội văn nghệ Hồng Sơn phối hợp với Thông tin huyện, Huyện đoàn Thuận Phong cùng đội văn nghệ các xã: Hàm Đức, Hồng Liêm đi lưu diễn nhiều nơi trong huyện. Tiếng hát, tiếng đàn vui nhộn chiến khu. Công tác chính trị tư tưởng, văn hóa văn nghệ tốt đã trở thành sức mạnh giúp đồng bào vùng kháng chiến vượt lên gian nguy, ác liệt để sống và chiến đấu. Hồng Sơn là một trong những xã có phong trào y tế, văn hóa văn nghệ khá nhất trong toàn huyện lúc bấy giờ.

Nhằm bảo vệ dân, bảo vệ sản xuất, phát triển vùng giải phóng; vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang được xã quan tâm hàng đầu. Bên cạnh trung đội du kích xã tập trung; mỗi thôn còn có Ban chỉ huy thôn đội với 1 tiểu đội du kích thôn và hàng trăm dân quân rộng rãi. Số sinh lực từ 16 tuổi đến 40 tuổi đều được huấn luyện quân sự và tổ chức vào các lực lượng dân quân, du kích. Công tác canh gác, báo động, báo an, phối hợp đánh chống càn, đưa dân đi tránh lánh được tổ

chức chặt chẽ. Địch càn vào là bị quân dân ta vây đánh, gây cho chúng nhiều tổn thất.

Bên cạnh sự giúp đỡ thường xuyên của đơn vị 440 và 450; quân dân xã Hồng Sơn còn được sự hỗ trợ chí tình của tiểu đoàn 482. Đây là đơn vị vũ trang của tỉnh đã kết nghĩa với quân dân xã Hồng Sơn. Buổi lễ kết nghĩa được tổ chức tại xã trọng thể và thăm tình quân dân.

Để tranh thủ thế hợp pháp, bên cạnh việc lãnh đạo nhân dân đấu tranh chính trị, binh vận ta còn tổ chức được một số trận đánh trừng trị địch.

Ngày 18 tháng 5 năm 1965, đơn vị 450 phục kích tại cầu Ông Tằm, đánh đoàn xe bọc thép M113 đi càn quét từ hướng Hòa Đa quay về. Khi đoàn xe lọt vào điểm mai phục; quân ta nổ súng chính xác diệt bốn ngổai trên tháp súng làm 4 tên chết và 1 tên bị thương.

Cuối năm 1965, một tiểu đoàn quân nguy cùng 1 đại đội Mỹ và Nam Triều Tiên lấn sâu vào vùng ven từ Tuy Hòa lên đến Hồng Sơn nhằm phá hoại mùa màng. Hai đơn vị 440 và 450 đã phối hợp cùng với du kích các xã chặn đánh quyết liệt. Quân ta diệt một số tên địch đẩy lui trận càn, bảo vệ cho dân thu hoạch lúa. Trận này

đã gây được tiếng vang tốt và tạo được niềm tin cho chiến sỹ và nhân dân.

Từ giữa năm 1966 trở đi, địch tiếp tục rải chất độc phá hoại hoa màu và thường dùng máy bay trực thăng (Tàu Gáo) quần sát mặt đất, thổi quét phát hiện hầm bí mật và đuổi bắt cán bộ, đồng bào. Ngày 09 tháng 6 năm 1966 anh Nguyễn Tấn Định thuộc đơn vị 450 bị trực thăng (Gáo) vây bắt ở khu vực cầu Ông Tâm. Anh Định bắn trả làm chiếc Gáo bị thương. Anh bị địch bắt nhưng đã mở đầu phong trào bắn máy bay (Tàu Gáo) của địch ở huyện Thuận Phong nói chung, xã Hồng Sơn nói riêng.

Địch ở quận Thiện Giáo và tiểu khu Bình Thuận thông qua cửa ngõ xã Hồng Sơn cài cấy gián điệp nhằm đánh phá căn cứ Lê Hồng Phong. Do đó việc giáo dục cho toàn Đảng, quân, dân trong xã luôn nâng cao ý thức cảnh giác Cách mạng, đẩy mạnh việc phát hiện gián điệp, phá tề trừ gian bảo vệ vùng giải phóng là nhiệm vụ thường xuyên của xã. Ta đã tổ chức mạng lưới phản gián, phát hiện xử lý kịp thời các tổ chức gián điệp của địch. Những năm 1968-1970 với sự phối hợp chặt chẽ của An ninh tỉnh, An ninh

huyện, ta đã bắt khoảng 100 tên tề, điệp, thám báo hoạt động tại xã Hồng Sơn cho học tập cải tạo và đã xử tử hình khoảng 10 tên. Nhờ đó ta đã làm thất bại âm mưu chiến tranh gián điệp của địch, hạn chế sự tổn thất của ta, bảo vệ vùng giải phóng của xã và căn cứ huyện Thuận Phong.

*

* *

Từ giữa năm 1966, khi Mỹ đổ quân vào Bình Thuận, địch dùng chiến thuật trực thăng vận đánh phá vùng căn cứ giải phóng huyện Thuận Phong. Vùng giải phóng xã Hồng Sơn bắt đầu chuyển sang trạng thái tranh chấp.

Đến đầu năm 1967 địch đánh phá vùng giải phóng gay gắt hơn. Những ngày cuối tháng 02 năm 1967 (15-28/2/1967), địch huy động 12.000 quân Mỹ và chư hầu đánh sâu vào căn cứ. Tiếp đó chúng dùng máy bay, bộ binh, ném bom, các cụm pháo từ đất liền và ngoài biển bắn vào căn cứ và vùng giải phóng suốt ngày đêm. Vùng giải phóng Hồng Sơn bị mất thế ổn định. Hàng ngày địch dùng xe tăng, trực thăng đánh phá, đốt, ủi nhà và bắt dân đưa về Phan Thiết. Chúng lập

thêm khu định cư thứ 3 ở phía Bắc cầu Ké (phường Thanh Hải) và gom, xúc dân các xã căn cứ Lê Hồng Phong về đây. Đến cuối năm 1967, xã Hồng Sơn còn lại khoảng 2 600 dân. Phong trào, thực lực Cách mạng của xã Hồng Sơn liên tiếp bị tổn thất ⁽¹⁾.

Năm 1967, địch rải thuốc khai hoang, ném bom B52, bắn pháo cấp tập. Có lúc cán bộ chiến sỹ và đồng bào phải sinh hoạt dưới hầm. Nhân dân không ổn định sản xuất; cộng vào đó trời nắng hạn nên cán bộ, chiến sỹ và đồng bào vùng căn cứ phải chịu cảnh đói cơm, lạt muối; ăn trái gũ, củ nân, củ môn, vỏ dưa, cây chuối, trái chuối non... thay cơm. Vườn chuối ông Lê Như Châu trở thành kho lương thực của đội công tác. Từ cái khó ló cái khôn, đồng bào đã lấy đất Cà giang (đất nhiễm mặn) quây nước hoặc lấy nước biển nấu keo lại thành muối để dùng.

Trước tình hình địch xúc, tạt, gom dân; Huyện ủy huyện Thuận Phong chủ trương chỉ giữ lại số sinh lực để sản xuất và chiến đấu; động

(1)

viên người già, trẻ em tạm thời vào vùng địch. Từ đó khu Lê Hồng Phong giảm mất 8.000 dân. Một số đồng bào xã Hồng Sơn về sống quanh đồn Gộp (khoảng 60 hộ với 300 người).

Ở tuyến trước, nhân dân xã Hồng Sơn tiếp tục duy trì, tận dụng thế đấu tranh hợp pháp. Ở phía sau, tổ chức bố phòng, củng cố vùng căn cứ; rào làng, đánh chông, đào hầm bí mật, xây dựng hệ thống giao thông hào liên hoàn giữa các xã căn cứ.

Nhờ chuyển đổi phương thức hoạt động nên Hồng Sơn vẫn giữ và nắm được dân; giữ vững thế chiến đấu mới, phát triển sản xuất đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Trong thời điểm khó khăn, thiếu thốn chung của toàn huyện Thuận Phong nhưng Hồng Sơn vẫn duy trì được các phong trào.

Đáng kể nhất là vào cuối năm 1967 - đầu năm 1968, quân dân Hồng Sơn đã đóng góp khá lớn công sức của mình cho chiến dịch Tổng tiến công Tết Mậu Thân đánh vào Phan Thiết. Trong chiến dịch ấy, Hồng Sơn là một trong những bàn đạp, lực lượng hậu cần trực tiếp. Đồng bào đã quyên góp lương thực, thực phẩm, gia súc; ủng hộ

động viên các lực lượng đi vào trận đánh. Riêng về thực phẩm nhân dân đã ủng hộ cho bộ đội 43 con bò, 2 con trâu, 5 con heo và nhiều gà vịt. Trong đó nổi lên những gia đình cốt cán tiêu biểu như: bà Kiệt, bà Sửu, Huỳnh Thị Chuẩn...

Toàn bộ sinh lực của Hồng Sơn cũng được huy động xông ra chiến trường. Anh chị em tham gia nhiều lĩnh vực như đi liên lạc, tiếp tế, tải thương, tải đạn... Để phối hợp với mũi vũ trang, ta lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chính trị. Nhằm thực hiện chủ trương của trên là kết hợp giữa tiến công và nổi dậy trong mùa xuân năm 1968; vào một buổi chiều đầu tháng 02 năm 1968, hơn 100 đồng bào của xã Hồng Sơn - chủ yếu là phụ nữ do đồng chí Tống Thanh Giang làm trưởng đoàn, tổ chức mittinh tại sân banh Đất Làng. Với hàng ngũ chính tề đoàn người ở đây tiến về phối hợp với đoàn biểu tình của XaRa giương băng, cờ, khẩu hiệu tiến xuống Phan Thiết. Khi đoàn người đến động Bà Què thì bị địch chặn lại. Ta thuyết phục chúng cho đi tiếp nhưng bọn địch ở đây ngoan cố tuyên bố: "Khi nào ngọn đèn ở cảng Ê-sê-píc tắt thì chúng tôi mới buông súng; bà con mới được tự do hành

động". Thế là đoàn biểu tình đành phải quay về XaRa làm mittinh biểu dương lực lượng.

Sau Tết Mậu Thân, đầu năm 1968 địch xua quân phản kích, thực hiện chiến lược 2 gọng kiềm: bình định và tìm diệt. Do đó từ giữa năm 1968 đến năm 1970, Hồng Sơn chuyển thành thế tranh chấp giằng co quyết liệt giữa ta và địch. Năm 1968 địch đánh Hồng Sơn liên tục, vây lấn, đẩy ta vào rừng xa dần quốc lộ I. Tháng 4 năm 1968 địch ném bom xuống "chợ kháng chiến" tại đất vườn của ông Chánh Tám, khu vực Bàu Tâm lang làm chết một số đồng bào đang trao đổi hàng hóa.

Trong những năm 1967 - 1968 lực lượng dân quân, du kích Hồng Sơn đã phối kết hợp với lực lượng trên, nhất là gắn bó với đơn vị 440 và 450 để đánh chống càn, bảo vệ mùa màng, bảo vệ dân, đưa dân đi tránh lánh. Trước đó du kích xã còn được huyện và tỉnh điều động phối hợp đi đánh nhiều trận ở Rạng, Hồng Liêm, Ma Lâm, Tùỳ Hòa, Tam Giác...

Ngày 09 tháng 6 năm 1967, đơn vị 450 cùng du kích xã Hồng Sơn chặn đánh đại đội bảo an

(290) càn sâu vào căn cứ Hồng Sơn; ta diệt 3 tên địch, trong đó có thiếu úy Cung - đại đội phó.

Giữa năm 1968 cũng diễn ra một trận đánh quyết liệt giữa du kích Hồng Sơn với gần một tiểu đoàn địch. Chúng huy động máy bay ném bom; bộ binh từ 3 hướng: Gộp kéo xuống, núi Tà Dôn kéo lên và Ma Lâm thọc qua đánh vào khu vực chùa Xóm Cát. Lực lượng du kích đã mưu trí dũng cảm bao vây đánh lui nhiều đợt tiến công của địch. Từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều, chúng vẫn không tài nào chiếm lĩnh được mục tiêu dù phải gọi cả xe tăng lên yểm trợ. Chỉ với 18 chiến sỹ nhưng ta biết dựa vào địa hình, địa thế, công sự quen thuộc... quần nhau với giặc và đã diệt 22 tên, làm bị thương 19 tên.

Ngày 25 tháng 5 năm 1968, lực lượng 450 phối hợp với du kích xã Hồng Sơn phục kích đánh bọn bảo an ở đồn Gộp ra lòng sục mở đường gom dân tại Bàu Bèo. Trong trận ấy anh Nguyễn Văn Khởi, chiến sỹ của đơn vị 450 đã chiến đấu ngoan cường; anh bắn chết 1 tên lính và thu được 1 khẩu súng. Mặc dù bị thương nặng, nhưng anh cố sức còn lại mang 2 khẩu súng bỏ đến vườn chuối ông Mới thì ngất xỉu. Khi vừa im tiếng súng, chị

Huỳnh Thị Cảnh cơ sở bên trong giả vờ đi gánh nước để nắm tình hình. Khi phát hiện anh Khởi nằm gục bên bờ ao, chị vội vàng đỡ anh dậy. Anh thều thào nói: "Tôi chôn 2 khẩu súng dưới gốc chuối, chị cố gắng chuyển dùm về cho đơn vị". Chị Cảnh nhanh chóng bí mật vận động chị Nguyễn Thị Mơi và anh Bình khiêng anh Khởi chuyển về bệnh xá. Đó là một trong những hình thức phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở bên trong với lực lượng bên ngoài.

Ngày 28 tháng 9 năm 1968, một chi đội xe bọc thép của địch càn vào căn cứ xã Hồng Sơn. Khi chúng quay ra đến thôn 2 bị sụp lầy 2 chiếc. Với tinh thần chủ động bám theo địch từ đầu và được sự phối hợp của các lực lượng quân khu VI, 450 và du kích Hồng Sơn; đêm 29 tháng 9 năm 1968 dưới sự chỉ huy của đồng chí Đặng Tính Quang huyện đội phó huyện đội Thuận Phong, các lực lượng trên đồng loạt tiến công, gây cho địch nhiều thiệt hại, đồng thời hạn chế được sự càn quét đánh phá của chúng. Trong trận này ta hy sinh 12 chiến sỹ.

Với thành tích toàn diện nên cuối năm 1968 quân dân xã Hồng Sơn đã được Chính phủ Cách

mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam
khen tặng “Huân chương giải phóng hạng ba”.

Nhờ phát triển thực lực trong 3 năm xây
dựng vùng giải phóng (1965 - 1968), nên quân
dân xã Hồng Sơn tăng thêm sức mạnh vật chất và
tinh thần để tiếp tục chiến đấu góp phần cùng
nhân dân toàn huyện quyết tâm đánh bại âm mưu
Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ Ngụy trên
chiến trường huyện Thuận Phong vào những năm
1969 - 1972.



CHƯƠNG IV

ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO 2 CHÂN 3 MŨI, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH ĐỒN DÂN LẬP ẤP (1969 - 1970)

Nhằm thực hiện âm mưu bình định cấp tốc trên địa bàn tỉnh Bình Thuận; đối với huyện Thuận Phong, địch tập trung thực hiện chiến thuật: "Quét và giữ". Hồng Sơn là một xã giữ vị trí cửa ngõ vào căn cứ Lê Hồng Phong nói chung, huyện Thuận Phong nói riêng nên địch quyết dồn dân, lập ấp, bình định cấp tốc trong thời gian 6 tháng. Theo kế hoạch này chúng chia làm 2 bước:

- Bước một: dựa vào đồn Gộp đã có sẵn, địch gom dân phía Bắc xã Hồng Sơn và dân của một số thôn, thuộc 2 xã Hàm Trí và Hồng Liêm về lập ấp chiến lược Gộp.

- Bước hai: Gom số dân còn lại của xã Hồng Sơn về lập ấp Gò.

Để yểm trợ cho việc gom dân lập ấp; đầu năm 1969 địch tăng cường lực lượng củng cố đồn

Gộp. Tháng 4 năm 1969, lần thứ hai Mỹ quay lại đóng đồn kiên cố hơn trên đỉnh núi Tà Dôn (1). Lần này Mỹ hình thành cụm pháo, lô cốt; xây 1 đài quan sát có gắn đèn pha cực mạnh chiếu sáng khắp vùng- gây khó khăn cho việc đi lại của ta.

Về bộ máy hành chính, quận trưởng quận Thiện Giáo ra lệnh buộc chính quyền lưu vong của xã Long Phú về đứng chân ở Gộp để triển khai kế hoạch dồn dân. Tháng 5 năm 1969 bọn này chỉ chuyển về một bộ phận, đến ngày 16 tháng 9 năm 1969 chúng về tiếp số còn lại. Bộ máy tề, ngụy xã Long Phú lúc này đã có mặt tại Gộp khoảng 50 tên.

Bọn Tiểu khu Bình Thuận quyết tiêu diệt xã giải phóng Hồng Sơn, hòng nhổ cái gai trước mắt để lập cho được 2 ấp: Gộp và Gò. Do đó chúng xây dựng một kế hoạch bài bản có đủ mục tiêu, biện pháp, các bước và thời gian thực hiện. Trong một lệnh cấp tốc, chúng chỉ thị cho các lực lượng triển khai kế hoạch như sau: "Theo văn bản số 881/26/V2/K của tiểu khu Bình Thuận. Để khởi

(1) Năm 1967, Mỹ đóng đồn nơi đây lần thứ nhất, sau một thời gian ngắn thì rút bỏ. Năm 1969 đóng đồn kiên cố và tồn tại đến năm 1975.

sự bình định xây dựng xã Long Phú, kế hoạch đã ấn định; Tỉnh/tiểu khu quyết định cho phái đoàn tỉnh đã nghiên cứu vào ngày 12 tháng 9 năm 1969 và kể từ ngày 17/9/1969 các nơi nhận thi hành"(1).

Nhằm bình định xã Hồng Sơn trong vòng 6 tháng; từ tháng 9 năm 1969, kế hoạch đánh phá cao điểm của chúng được bắt đầu. Ngoài lực lượng đóng quân thường trực tại Long Phú, địch đã lần lượt tăng cường về đây một lực lượng tổng hợp hùng hậu để san bằng xã giải phóng Hồng Sơn. Lực lượng yểm trợ đó gồm: Một chi đoàn xe tăng thiết giáp, một tiểu đoàn lính cộng hòa thuộc trung đoàn 44/sư đoàn 23, luân phiên đóng dã ngoại; 1 tiểu đoàn bảo an (275), 5 đoàn bình định nông thôn, một trung đội cảnh sát dã chiến; 5 xe ủi đất và nhiều xe vận tải quân sự khác. Vào 2 đợt cao điểm (cuối năm 1969 và cuối năm 1970) quân số của địch tập trung tại đây trên 1.200 tên

(1) Theo kế hoạch số 881/26/V2/K của tiểu khu Bình Thuận; chúng huy động lực lượng yểm trợ để dồn dân lập ấp tại xã Long Phú gồm: Đại đội 2/784/ĐPQ, chi đội cảnh sát quốc gia Thiện Giáo, các toán tâm lý chiến, DSV (tiểu khu và chi khu) ty cảnh sát tăng cường 2 đại đội CSDC, tỉnh đoàn cán bộ XDNT, đại đội 2/27 thiết sa vận Hoa Kỳ, chiến đoàn 3/506 Hoa Kỳ hành quân vùng Đông và Đông Nam quốc lộ I.

gồm các lực lượng: 1 tiểu đoàn lính cộng hòa, 4 đại đội bảo an, 2 đại đội biệt kích, 6 trung đội dân vệ, 14 đoàn bình định nông thôn, 1 trung đội cảnh sát dã chiến; 1 chiến đoàn thiết giáp (trên 100 xe tăng và xe bọc thép) thuộc thiết đoàn 18 và 2 chi đội của tiểu khu Bình Thuận; 5 xe ủi đất và nhiều xe GMC, xe quân sự khác để vận chuyển và cào, xúc dân.

Trong 6 tháng cuối năm 1969, địch thực hiện âm mưu bình định cấp tốc không thành, sang năm 1970 chúng tiến hành bình định xây dựng. Gần 2 năm (1969 - 1970) bình định, gom dân, lập ấp, địch đã sử dụng tất cả mọi thủ đoạn, biện pháp dã man nhất đối với quân dân xã Hồng Sơn. Chúng huy động hàng trăm lượt chiếc xe tăng chạy bừa qua rẫy, ruộng lúa, cán nát hoa màu; dùng xe ủi, ủi sạch khu rừng từ Hàm Sáu đến Láng Le rộng hơn 750 ha, tạo thành một vành đai trắng để ngăn cách lực lượng ta với đồng bào. Song song với ủi phá địa hình, địch liên tiếp mở các cuộc hành quân cấp tiểu đoàn, cấp đại đội càn quét đốt nhà, phá làng, cướp bóc, hãm hiếp, giết người, xúc dân chở vào ấp. Sau đó chúng phát tôn lợp buộc dân làm nhà theo các lô san sát nhau để dễ quản lý, kèm kẹp.

Chỉ riêng 6 tháng cuối năm 1970, địch tiến hành 18 lần càn quét, gom dân với quy mô lớn; đốt cháy trên 600 ngôi nhà; có trận chúng đốt 50 ngôi nhà của đồng bào. Trận càn nào cũng có nhà cháy, hoa màu hư hại, gia súc và người bị bắn giết. Ngày 17 tháng 3 năm 1969 địch bắn ông Huỳnh Văn Chắc ở thôn 3 đang gánh phân bón ruộng. Trước khi bắn, chúng còn cá cược với nhau: "Để tao bắn ông già này thử trúng không". Chúng giết ông vì đã bị ông chửi trong trận càn, cướp bóc lần trước. Trong trận càn ngày 07 tháng 4 năm 1969, chúng đốt nhà làm cháy chết ông Nguyễn Cội và 2 cháu bé. Địch ném bom xăng, bắn pháo vào khu dân cư, có nhà trúng đạn chết và bị thương gần hết. Gia đình bà Lữ Thị Mãn bị chết 6 người vào ngày 07 tháng 9 năm 1969. Gia đình bà Nguyễn Thị Nam bị chết 3 người vào ngày 12 tháng 7 năm 1970... Lũ quỷ dữ còn xả súng xuống hầm bắn chết phụ nữ, trẻ em; như vụ bắn chết 2 mẹ con bà Biện Bá; chị Nguyễn Thị Rẫy đang mang thai cũng bị lính bảo an do tên Thổ Thêm chỉ huy giết chết và cướp vàng.

Về phía ta, trước âm mưu bình định rất thâm hiểm của địch; Tỉnh ủy Bình Thuận xác định nếu

để mất dân, mất đất, mất địa bàn là mất tất cả; nên trong 6 tháng đầu năm 1969, đã liên tiếp ban hành 3 chỉ thị về: "Chống bình định cấp tốc của địch". Tuy nhiên trên chiến trường toàn tỉnh cũng như huyện Thuận Phong nói riêng đến cuối năm 1969 - địch đã dồn dân, lập ấp, gây cho ta nhiều khó khăn, lúng túng. Tháng 3 năm 1970 Tỉnh ủy Bình Thuận đã đánh giá: "Do chủ quan, nóng vội, nặng theo hướng giành thắng lợi quyết định khi chưa có cơ sở thực tế, coi nhẹ mặt trận chống bình định nông thôn, nên kẻ địch làm được nhiều việc, dẫn đến trận địa xã ấp của ta bị mất gần hết".

Trong bối cảnh chung đó, Hồng Sơn được huyện ủy xem là địa bàn trọng điểm, là nùm ruột của huyện Thuận Phong. Do đó trong giai đoạn 1969 - 1970, huyện ủy đã xác định Hồng Sơn là xã điểm, cần tập trung tổng lực của toàn huyện xuống chống địch để giữ dân, giữ đất, giữ phong trào. Chính vì thế nơi đây đã trở thành chiến trường trọng yếu, giằng co, giành giật quyết liệt giữa ta và địch. Huyện ủy phân công đồng chí Lê Đình Nguyên, ủy viên thường vụ huyện ủy xuống xã đứng chân chỉ đạo trực tiếp.

Một nhân tố có ý nghĩa quyết định để đương đầu với địch và lãnh đạo nhân dân bước vào cuộc

chiến đấu mới không cân sức với kẻ thù hung hãn và đông mạnh hơn ta gấp nhiều lần là nhờ trước đó thực lực, tổ chức bộ máy của toàn xã Hồng Sơn đã sớm được kiện toàn, củng cố. Đầu năm 1969, một số đồng chí cán bộ xã bị hy sinh; một số đồng chí khác được điều về huyện công tác nên xã phải tiến hành củng cố lại bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể.

Về tổ chức Đảng, đã bầu lại Ban chấp hành Đảng ủy xã gồm các đồng chí: Phan Thị Thuận, Nguyễn Hùng Phi, Tống Thanh Giang, Nguyễn Văn Xuội; đồng chí Võ Liên Đoàn làm bí thư, đồng chí Nguyễn Thị Bích làm phó bí thư. Toàn Đảng bộ có 33 đảng viên được phân làm 4 chi bộ nhỏ.

Chi bộ thôn 1 do đồng chí Nguyễn Thị Bích làm bí thư.

Chi bộ thôn 2 do đồng chí Tống Thanh Giang làm bí thư.

Chi bộ thôn 3 do đồng chí Nguyễn Thanh Xuội làm bí thư.

Chi bộ thôn 4 do đồng chí Nguyễn Hùng Phi làm bí thư. Mỗi thôn còn có một chi đoàn thanh

niên và một chi đội thiếu niên tiên phong. Xã Đoàn có 72 đoàn viên, do đồng chí Võ Vương Thanh làm bí thư; đồng chí Nguyễn Thị Liễu phụ trách Đội thiếu niên.

Đồng chí Nguyễn Thị Kim Cúc làm hội trưởng Hội phụ nữ xã, đồng chí Nguyễn Văn Quãng làm hội trưởng Nông hội, đồng chí Nguyễn Thành Lộc làm trưởng Ban an ninh và đồng chí Nguyễn Hùng Phi làm xã đội trưởng. Điểm mới nhất là Ban binh vận xã được thành lập; lúc đầu đồng chí Võ Văn Lực làm trưởng ban, đồng chí Nguyễn Bình Minh làm phó ban, sau khi đồng chí Lực hy sinh; đồng chí Phan Thị Thuận làm trưởng ban.

Từ cuối năm 1969 đến đầu năm 1971, đồng chí Võ Tấn Trương - phó bí thư huyện ủy huyện Thuận Phong được tăng cường trực tiếp xuống đứng chân ở Hồng Sơn để chỉ đạo toàn mảng, đồng thời kiêm trưởng Ban chỉ đạo chống dôn dân. Ta phân công cán bộ đoàn thể và các ban, ngành bám sát thôn xóm, vận động nhân dân thực hiện khẩu hiệu: "Một tác không đi, một ly không rời".

Ý chí bám trụ, bám đất giữ làng bền bỉ của quân dân Hồng Sơn còn được nhân lên nhờ vào một yếu tố, một sức mạnh tinh thần khác thổi thúc - Đó là tình cảm, niềm tin đối với Bác Hồ. Ngày 03 tháng 9 năm 1969 nhận được tin đau xé lòng - Bác Hồ kính yêu đã vĩnh biệt chúng ta. Đảng bộ, quân dân xã Hồng Sơn tổ chức mittinh, làm lễ truy điệu và học tập Di chúc của Bác Hồ. Tiếp đó, toàn xã đã dấy lên phong trào biến đau thương thành hành động Cách mạng và tổ chức phát triển lớp đảng viên, đoàn viên Hồ Chí Minh.

Với thực lực vừa được củng cố, kiện toàn đồng thời được sự hỗ trợ của các lực lượng trên, từ giữa năm 1969 đến tháng 02 năm 1971 quân dân xã Hồng Sơn đã anh dũng, mưu trí đấu tranh chống địch ủi phá địa hình, gom dân lập ấp với nhiệm vụ xuyên suốt là "chống đồn dân" bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, vận dụng tốt 3 mũi giáp công. Do đó mãi đến giữa năm 1970 địch mới hoàn thành được việc đồn dân lập ấp Gộp; gom trên 2.000 dân của 3 xã: Hồng Sơn, Hồng Liêm, Hàm Trí vào đây . Đặc biệt hơn là mãi đến đầu năm 1971, chúng mới gom được khoảng 2.000 dân còn lại của xã Hồng Sơn lập ấp chiến lược Gò. Như vậy không phải chỉ 6 tháng

như kế hoạch chúng đã đề ra mà phải mất hơn 18 tháng mới thực hiện được âm mưu bình định.

Sở dĩ ta kéo dài được việc gom dân, lập ấp của địch là nhờ các phong trào đấu tranh toàn diện, quyết tử chống lại quân thù. Trước hết phải kể đến mũi đấu tranh võ trang đánh địch ủi phá địa hình, bảo vệ căn cứ, đưa dân đi tránh lánh và hỗ trợ cho mũi đấu tranh chính trị, binh vận của lực lượng bên trong ấp chiến lược.

Từ đầu năm 1969 đến tháng 02 năm 1970, Đảng bộ và quân dân xã Hồng Sơn phối hợp với các xã Hàm Đức, Hồng Phong, Hồng Liêm, Hàm Trí và các lực lượng cấp trên đánh trả quyết liệt, làm tiêu hao nhiều sinh lực địch, phá được âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh, bình định cấp tốc của địch.

Trong suốt 2 năm (1969-1970) với cương vị là xã đội trưởng, anh Nguyễn Hùng Phi đã tổ chức lực lượng dân quân du kích dùng đầu đạn canh nông (pháo) 105-175mm của địch bắn chưa nổ; cải tạo lại làm mìn đánh xe tăng, xe bọc thép, xe ủi của địch. Anh Phi chỉ huy du kích đánh trên 300 quả mìn tự tạo, diệt và làm hư hỏng trên 20 xe tăng, xe bọc thép và xe ủi đất của địch - trong đó,

có 8 xe M41. Riêng trong 2 đợt cao điểm vào cuối năm 1969 và cuối năm 1970, trong những trận chống địch dồn dân, ủi phá địa hình lập vành đai trắng, du kích xã Hồng Sơn đã dùng mìn tự tạo diệt 14 xe tăng, xe ủi; buộc địch phải rút bỏ kế hoạch dùng chi đội bọc thép đánh phá, khống chế căn cứ Lê Hồng Phong nói chung và căn cứ Hồng Sơn nói riêng.

Một thành tích xuất sắc, tiêu biểu khác là chỉ trong vòng 10 ngày (ngày 10 - 20/8/1969) du kích xã Hồng Sơn phối hợp với du kích xã Hồng Thịnh gài trái và đầu đạn tự tạo đánh địch bảo vệ căn cứ; loại khỏi vòng chiến đấu 160 tên, phá hủy 15 xe bọc thép, xe ủi; làm cho 2 chi đội xe bọc thép đóng ở đồn Phi Hồ (khu vực Gộp) không dám ngang nhiên càn phá như trước.

Ngày 07 tháng 11 năm 1969, lực lượng 450 phối hợp với du kích xã Hồng Sơn phục kích giữa đoạn đường từ ấp Gộp xuống ấp Gò để đánh địch. Sáng hôm ấy, ta diệt 4 tên địch phá hỏng 1 xe GMC; chiều xuống, chúng ngoan cố phản kích; các chiến sỹ ta tiếp tục diệt và làm bị thương 8 tên, số còn lại búng chạy tán loạn. Phối hợp với lực lượng vũ trang, cơ sở bên trong đã vận động đồng bào trong ấp Hoa Tân nổi dậy đấu tranh đòi

về đất cũ sản xuất, thu hoạch hoa màu. Bà con không chịu làm tờ khai gia đình. Có 9 hộ dân của xã Hồng Lâm, Hồng Trung bị địch xúc vào đây đã bỏ nhà, bỏ ấp chạy về căn cứ Hồng Phong.

Vào cuối năm 1969, anh Nguyễn Minh Thế tiểu đội trưởng du kích xã, phát hiện máy bay địch đổ quân vào căn cứ và có máy bay L19 (đâm già) quần thắp ở khu vực dân cư - anh nhận định thế nào địch cũng tổ chức bộ binh càn quét, xúc dân. Anh chỉ huy 9 chiến sỹ gài mìn, phục kích chờ giặc đến. Đúng như thế, khoảng 12 giờ trưa hôm ấy 1 trung đội Mỹ từ trong căn cứ hành quân ra đến khu vực rừng "Sao Vàng" lọt vào trận địa phục kích của ta. Anh Thế liền hạ lệnh cho đơn vị bấp mìn và đồng loạt nổ súng. Giữa trưa nắng bọn Mỹ vừa mệt vừa bị đánh bất ngờ, chúng phải kêu trực thăng chi viện. Quân ta đã diệt tại chỗ 9 tên Mỹ và một số tên khác bị thương. Nhờ bố trí đội hình hợp lý, anh em ta vừa bắn khống chế vừa tổ chức xung phong thu được 4 súng, phá hủy 1 đại liên và 1 máy bộ đàm PRC25. Đây là trận đánh Mỹ đầu tiên của du kích xã Hồng Sơn. Từ đó anh em du kích đã tự tin hơn và phấn khởi kháo với nhau: "Như vậy đánh Mỹ cũng không có gì ghê gớm lắm".

Thừa thắng xông lên, khi phát hiện Mỹ dùng trực thăng đổ quân xuống đồng ruộng Gò trống trái, đồng chí Nguyễn Minh Thế chỉ huy 1 tổ du kích gồm các chiến sĩ: Thế, Thanh, Thành... ào hầm ém quân gần khu vực nhà bà Xí chờ giặc đến. Đúng như dự kiến, khoảng 14 giờ 30 ngày 05 tháng 02 năm 1970, những tên Mỹ vừa trên máy bay nhảy xuống đi lênh khênh gần sát miệng hầm. Các chiến sĩ ta đồng loạt nổ súng chớp nhoáng rồi nường theo bờ mương rút lui nhanh chóng an toàn, mặc dù địch gọi máy bay tiếp ứng quần sát trên đầu. Trận này ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 1 tiểu đội Mỹ.

Vào một ngày giữa tháng 3 năm 1970, được nhân dân cung cấp tình hình, hai chiến sĩ du kích xã Hồng Sơn ra trinh sát tiếp tục theo dõi phát hiện có 6 tên Mỹ từ đồn núi Tà Dôn đi vào hướng thôn 1 để phục kích đánh ta. Hai chiến sĩ liền bám sát, bọc sau lưng địch. Đến trưa nắng chúng vào bụi rậm nghỉ mát. Bất ngờ chiến sĩ ta nổ súng diệt chết 4 tên và 2 tên bị thương. Chúng bắn trả và gọi máy bay ứng cứu. Ta rút lui an toàn. Đây là trận đánh Mỹ lần thứ 3 của du kích xã. Đồng bào càng phấn khởi và tin yêu du kích.

Ngày 15 tháng 6 năm 1970, dưới sự chỉ huy của đồng chí Trần Tấn Lộc (Cao Ly) huyện đội trưởng huyện Thuận Phong, du kích xã Hồng Sơn đã được điều động phối hợp với bộ đội địa phương huyện Thuận Phong 450 và 452, tiêu diệt cụm lô cốt cầu Ông Tâm. Tổ du kích xã Hồng Sơn gồm 3 chiến sỹ do anh Đá (Sắt) chỉ huy được phân công bắn đèn pha của Mỹ trên đỉnh núi Tà Dôn để các mũi chính tiêu diệt đồn.

Đúng 23 giờ 30 ngày 15 tháng 6 năm 1970, khi trận địa vừa nổ súng, cũng là lúc tổ du kích đã lên đến lưng sườn núi, dùng súng trường CKC có máy ngắm kịp thời nổ chính xác. Bóng đèn pha cực sáng trên đỉnh núi bị vỡ tan - tắt ngấm. Bóng đèn bao trùm giúp cho mũi chủ công có điều kiện phá hủy toàn bộ cụm lô cốt cầu Ông Tâm. Ta diệt 1 trung đội bảo an, thu 1 đại liên, 1 súng cối, 2 súng M79, 12 khẩu AR15 và 1 máy PRC 25 trong trận đánh này.

Phấn khởi và hăng hái trước niềm vui chiến thắng, ngày 20 tháng 7 năm 1970, du kích Hồng Sơn tiếp tục phối hợp với 1 bộ phận của 450 phục kích phá hủy 1 xe Jeep ở đoạn đường từ ấp Gò lên ấp Gộp, diệt 3 tên Mỹ thu 2 súng AR15 và 1 máy PRC 25.

Cuối tháng 7 năm 1970, đại tá tỉnh trưởng Ngô Tấn Nghĩa trực tiếp lên Long Phú (Hồng Sơn) thị sát chiến trường, đôn đốc thuộc hạ khai thông quốc lộ I, tập trung mọi sức lực để dồn dân vào ấp Gò. Địch đưa xe lên ủi những mô đất của ta đắp chắn ngang quốc lộ I ở khu vực cầu Điền. Nhằm kịp thời trừng trị, uy hiếp bọn này; đơn vị 450 cùng du kích Hồng Sơn đặt mìn phục đánh cháy 1 xe ủi, diệt 4 tên Mỹ. Ta hy sinh 2 đồng chí.

Tháng 10 năm 1970 đội An ninh vũ trang huyện Thuận Phong được thành lập do đồng chí Nguyễn Huy Hoàng làm đội trưởng và Võ Văn Năm làm đội phó. Lực lượng này thường đứng chân tại Hồng Sơn hỗ trợ phong trào diệt ác, phá kềm, chống địch dồn dân, lập ấp.

Qua quá trình theo dõi nắm được quy luật đi lại của bọn ác ôn; trong đó có tên Lê Văn Quyên-thiếu úy pháo binh vừa là sỹ quan an ninh quân đội. Ngày 06 tháng 11 năm 1970 đơn vị vũ trang huyện phục kích tại quốc lộ I phía dưới ấp Gộp. Khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, tên Quyên cùng 1 tên khác chở nhau trên chiếc Honda từ ấp Gộp chạy xuống. Các chiến sỹ ta bình tĩnh kềm chắc tay súng chờ cho chúng đến thật gần. Một loạt súng nổ, tên Lê Văn Quyên chết ngay tại chỗ, tên

còn lại chạy thoát. Kết quả trận đánh này đã làm cho đồng bào Hồng Sơn hả hê trong dạ; lũ ác ôn khiếp vía và cảnh giác hơn.

Đúng như Báo cáo của Đại hội Đảng bộ huyện Thuận Phong lần thứ 2 đã nhận xét: "Trong những tháng cuối năm 1970, địch tập trung lực lượng đánh phá dồn dân ác liệt. Du kích Hồng Sơn số lượng ít, nhưng biết phát huy lối đánh sở trường, đã gây cho địch tổn thất nặng nề và làm trở ngại, kéo dài việc dồn dân của địch từ tháng 7 năm 1970 đến tháng 01 năm 1971. Du kích Hồng Sơn đã phối hợp với các lực lượng đánh địch bung xả vào căn cứ".

Trong những năm 1969 - 1970, ta liên tục lãnh đạo toàn dân, nhất là lực lượng phụ nữ đấu tranh chính trị, kết hợp với công tác binh vận, giăng co kéo dài lần lựa không chịu vào ấp và hạn chế địch càn quét, ủi phá hoa màu; chống địch đốt nhà, giết hại người và gia súc bằng cách kéo lên đồn, lên quận, lên tỉnh đòi địch bồi thường nhân mạng, tài sản... Có hôm đồng bào khiêng người do chúng bắn chết, hoặc khiêng xác gia súc đi đấu tranh.

Đêm 12 tháng 4 năm 1969, pháo địch từ đồn Gộp và Ma Lâm cùng lúc thi nhau bắn vào khu

dân cư; thiệt hại nặng nhất là đồng bào thôn 1. Hơn 50 con trâu bò của đồng bào cũng bị pháo dập chết. Bà con ở thôn 1 đã làm đơn và cử đại diện đi xuống tận yếu khu Phú Long, lên đồn Gộp đấu tranh đòi địch bồi thường nhân mạng, tài sản. Những cốt cán dẫn đầu đoàn người đấu tranh gồm các ông, bà: Dương Bốn, Dương Hai, Nguyễn Doan Ngọ, Ông Cẩn, Má Năm, Má Rụng, Trần Thị Kiêng, Dương Thị Trâm, Võ Thị Hoa (Được)... Bọn địch chạy tội, đổ lỗi cho nhau: "Ai bắn pháo thì người ấy mới đền". Riêng bọn lính ở đồn Gộp rất ngoan cố, chúng đàn áp bắt các cụ già nhốt, phơi nắng, bỏ đói... Đồng bào càng căm tức bọn tay sai đã mất hết tính người.

Vào cuối tháng 4 năm 1969, địch càn vào xã Hồng Sơn; chặt phá vườn cây ăn trái, đốt trên 50 ngôi nhà. Đồng thời địch bắn phá vào thôn 4 nhất là khu vực rừng Ông Rắc làm hư hao nhiều tài sản hoa màu của nhân dân.

Lần này ta rút kinh nghiệm tổ chức đấu tranh chặt chẽ, bài bản hơn. Đảng ủy và các đoàn thể lãnh đạo bà con vừa viết đơn vừa cử người có khả năng đấu lý đến đấu tranh trực diện với địch. Trong kiến nghị ta nêu rõ: "Đề nghị chính quyền Sài Gòn không được cho quân lính càn vào thôn

xóm, cướp của, giết hại đồng bào; không được bắn pháo bừa bãi vào khu dân cư; không được dồn dân vào ấp để đồng bào được yên ổn làm ăn". Đoàn người đã đưa kiến nghị và đấu lý trực diện với tên quận trưởng quận Thiện Giáo suốt buổi sáng. Cuối cùng địch phải chịu ký vào bản kiến nghị và cam kết bồi thường những thiệt hại về người và của do chúng đã gây ra. Cuộc đấu tranh này ta đã giành được thắng lợi bước đầu.

Tiếp đó, địch bắt giam 10 chị của xã Hồng Sơn đang mua bán ở chợ Phú Long. Được sự chỉ đạo của Đảng ủy và hội phụ nữ xã; lực lượng nông cốt hướng dẫn hơn 80 đồng bào cùng gia đình có người thân bị bắt; trong đó có một số binh lính địch kéo xuống Phan Thiết đòi gặp tỉnh trưởng. Cuộc đấu tranh kéo dài một ngày, đến 17 giờ chiều hôm đó, bọn ngụy quyền tỉnh ra lệnh thả số người bị bắt.

Vào khoảng tháng 7 năm 1969, để ủi phá địa hình và giải tỏa, hỗ trợ cho bọn lính đóng ở đồn Gộp thường bị du kích vây ép, bắn tủa; chiến đoàn tăng của Mỹ đóng ở núi Tà Dôn thường càn phá khu vực thôn 1, thôn 2 và thôn 3 thuộc xã Hồng Sơn. Chiều ngày 14 tháng 7 năm 1969, nhận được tin địch sắp càn quét lớn; Đảng ủy xã

tổ chức lực lượng, vận động quần chúng phối hợp 3 mũi giáp công để đấu tranh chống địch.

Đúng như nguồn tin của cơ sở mật cung cấp, sáng 15 tháng 7 năm 1969 hơn 20 chiếc xe tăng từ hướng Giếng Chanh xếp hàng tiến lên hướng thôn 1, cán bừa trên ruộng lúa. Như kế hoạch đã chuẩn bị, khi nghe báo động, khoảng 60 người (chủ yếu là phụ nữ) được tổ chức thành nhiều toán ; kẻ cầm cây, người vác rựa, vác cuốc xông ra giăng hàng chặn xe tăng địch. Có tên hung hăng cho xe tiếp tục chồm lên. Đồng bào la ó chặn lại; ra dấu cho chúng hiểu đây là ruộng lúa của dân. Các chị phụ nữ thuyết phục tên thông ngôn can ngăn bọn Mỹ. Cuộc đấu tranh giằng co kéo dài gần hết buổi sáng. Trước áp lực của quần chúng và sự đấu tranh khôn khéo của cốt cán ta; cuối cùng bọn Mỹ đã nhượng bộ, chịu quay đầu xe chạy theo hướng chỉ tay của đồng bào. Qua thắng lợi này không những bảo vệ được đồng lúa và thanh niên đang ở trong hầm bí mật mà nhân dân ta có thêm kinh nghiệm trong việc đấu tranh chính trị, binh vận với quân Mỹ.

Đồng bào liên tiếp kéo lên đồn Gộp đấu tranh sau những lần chúng bắn pháo làm chết trâu

bò, hư hại nhà cửa hoa màu. Ngày 27 tháng 8 năm 1969, pháo của địch từ đồn Gộp bắn vào khu dân cư ở thôn 2 làm sập, cháy nhiều nhà dân và ông Trương Văn Sáu bị trọng thương.

Các ông Võ Vương Thanh, Nguyễn Văn Đắc, Năm Vinh hướng dẫn đồng bào viết đơn và vận động nhiều quần chúng khiêng ông Sáu lên tận đồn Gộp đòi địch phải cấp cứu. Vì vết thương quá nặng và bọn địch ngoan cố không cứu chữa, ông Sáu đã trút hơi thở cuối cùng tại đồn Gộp trước mặt kẻ thù. Sau các cuộc đấu tranh đó, địch giảm bớt việc bắn phá vào xóm làng.

Với tinh thần chiến đấu ngoan cường; cuối năm 1969 cán bộ, nhân dân, du kích xã Hồng Sơn được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam tặng thưởng Huân chương giải phóng hạng nhì: "Đã có thành tích xuất sắc toàn diện trong năm 1969, góp phần vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước".

Sau khi củng cố ổn định được ấp Gộp, tháng 7 năm 1970 địch bắt đầu tập trung sức đóng đồn Gò, tiến hành dồn dân lập ấp Gò; chúng ủi phá phần ruộng Gò, đổ đất đắp đường phân lô, bắt dân vào ấp. Sau đó chúng xây dựng lốc, xây trụ

sở làm việc và đắp vành đai chung quanh ấp. Địch cấp phát mỗi hộ 10 tấm tôn bắt dân tự cất nhà theo lô chúng đã phân sẵn.

Cuối năm 1970 tiểu khu Bình Thuận ra lệnh cho Hội đồng xã, Ban đại diện xã Long Phú từ Gòp chuyển về đóng trụ sở tại ấp Gò.

Về quân sự từ cuối năm 1969 đến cuối năm 1970 chúng huy động tổng lực càn quét vào các thôn: 1; 2 và 4. Chúng dùng phi pháo từ các nơi ập đến, kết hợp với bộ binh, xe tăng, xe ủi càn quét đốt phá liên tục vào vùng giếng Chanh, Láng Le, rừng Sao Vàng, trại Mấu...

Trong báo cáo Đại hội Đảng bộ huyện Thuận Phong lần thứ 2 đã đánh giá tình hình địch năm 1970 như sau: "Bị ta đánh mạnh trong kế hoạch bình định cấp tốc, từ tháng 7 năm 1970 đến nay, địch tiến hành kế hoạch bình định đặc biệt mà trọng điểm là dồn dân Hồng Sơn lập ấp xóm Gò...".

Do địa thế gần huyện lỵ Ma Lâm, bị địch vây ép, càn quét, cào xức nên dân ở thôn 4 phải vào ấp chiến lược Gò từ cuối năm 1970. Riêng thôn 1, thôn 2 và thôn 3, dựa vào vị thế liên hoàn với vùng căn cứ, đồng bào quyết tâm đào hầm

chống pháo, chống bom bám trụ không vào ấp. Khi địch hành quân càn quét, du kích báo động, hướng dẫn dân chạy vào căn cứ hoặc tránh lánh; sau đó về lại đất cũ làm ăn. Nhà bị đốt thì bà con sửa sang tu bổ lại. Hồi ấy quan trọng nhất là chiếc hầm, còn "nhà" chỉ là nơi che nắng, đụt mưa. Có nhà làm toàn bằng đất.

Cứ thế mà nhân dân lần lựa mãi; một số bị địch xúc vào ấp cũng chỉ ở trong đó ban đêm, ban ngày bung về đất cũ. Những người dân vào ấp cuối cùng là bà Nguyễn Thị Thìn ở thôn 1, Trần Thị Tới, Huỳnh Thị Lan, Nguyễn Thị Cờn, Nguyễn Thị Đài, Phan Thị Nhung (thôn 2)... Do đó, mãi cho đến cuối tháng 02 năm 1971, địch mới hoàn tất việc gom dân, lập ấp chiến lược ở xóm Gò.

Đến đầu năm 1971, địch lập xong tại xã Long Phú 2 ấp chiến lược Gộp và Gò⁽¹⁾. Trong đó ấp chiến lược Gộp gồm 2 đơn vị hành chính ấp: ấp Hoa Tân ở phía Nam gồm dân của thôn 3 xã Hồng Sơn, do tên Bình làm ấp trưởng và tên Minh

(1) Ngày 26/6/1969 địch quyết định nhập 2 ấp Long Lâm và Long Hoa thành ấp Hoa Tân (ấp Gộp); nhập 3 ấp: Long Giang, Long Khê, Long Hiệp thành ấp Long Hiệp (ấp Gò).

làm ấp phó; ấp Long Lâm ở phía Bắc gồm dân của thôn Dân An xã Hàm Trí và thôn 2 xã Hồng Liêm do tên Võ làm ấp trưởng và tên Liễu làm ấp phó. Ở ấp chiến lược Gò (gồm 3 đơn vị hành chính ấp cũ: Long Giang, Long Hiệp, Long Khê) có các tên ấp trưởng: Nguyễn Văn Cầu, Chín Cửa... và ấp phó như Nam, Hòa Trắng... Vào thời điểm ấy, toàn xã Long Phú địch gom được 3.238 dân. Trong đó:

- Ấp chiến lược Gò (Long Hiệp) có: 1.780 dân.

- Ấp chiến lược Gộp (Hoa Tân) có: 1.458 dân.

Kể từ đó nhân dân Hồng Sơn hình thành 3 bộ phận: số sinh lực và cốt cán bám trụ thì vào sống ở vùng căn cứ; người già, trẻ em và một số phụ nữ là đảng viên, đoàn viên hoặc cơ sở được ta bố trí thì vào sống tạm trong 2 ấp chiến lược Gộp và Gò; một bộ phận còn lại chạy đi nơi khác. Dân sống trong 2 ấp chiến lược khoảng 3.300 người. Dân ở căn cứ lúc ít nhất còn khoảng 30 người. Từ tháng 02 năm 1971 đến năm 1975 xã Hồng Sơn hình thành trở lại thế chiến đấu như trước năm 1965 - gồm có 3 vùng: Căn cứ, tranh chấp và vùng địch tạm chiếm.



CHƯƠNG V

PHÁT TRIỂN THỰC LỰC TẠI CHỖ, KẾT HỢP 3 MŨI GIÁP CÔNG, DIỆT ÁC, PHÁ KÈM, TIÊU HAO SINH LỰC ĐỊCH, LÀM LỎNG NHÃO 2 ẤP GÒ VÀ GỘP - GIÀNH QUYỀN LÀM CHỦ (1971 - 1972)

Những năm 1971 - 1972, quân Mỹ rút dần khỏi chiến trường Bình Thuận. Bọn Ngụy ở đây lần lượt thực hiện âm mưu: "Bình định tự vệ, tự quản, tự túc"; lấy quận Thiện Giáo làm trọng điểm. Trong đó Long Phú (Hồng Sơn) là một trong những xã trọng yếu, chúng quyết đánh phá, triệt hạ. Thời kỳ này địch giảm càn quét ồ ạt, mà chủ yếu, thường xuyên là dùng lực lượng biệt kích cải trang giả dạng quân Giải phóng ém phục, đột kích, tung con tin gián điệp kết hợp với bọn chiêu hồi đánh ta từ bên trong.

Ở vùng tạm bị chiếm của huyện Thuận Phong nói chung, xã Hồng Sơn nói riêng, địch tiếp tục mở các cuộc hành quân cảnh sát, tiến

hành chiến dịch Phượng Hoàng dùng bọn ác ôn, đầu hàng khủng bố quần chúng, tiêu hao lực lượng ta nhất là đánh phá đội công tác. Đồng thời chúng ra sức củng cố ấp chiến lược kiên cố hơn bằng hệ thống đồn bót, vành đai phòng thủ, tăng cường ánh sáng và gài mìn; lục xét nghiêm ngặt việc ra vào ấp của nhân dân.

Đối với vùng căn cứ và vùng bản lẻ, từng lúc địch huy động lực lượng lớn cấp tiểu đoàn, có máy bay, xe tăng yểm trợ. Chúng gây tổn thất lớn nhất cho ta là vào 2 thời điểm: quý III của hai năm 1971 và 1972.

Cộng vào đó, hai tên Sơn Kè và Trần Ngọc Xuân - nguyên là cán bộ của đơn vị 450 chạy đầu hàng giữa năm 1970, chúng dẫn địch đánh phá, càng gây thiệt hại lớn cho quân dân xã Hồng Sơn.

Địch đánh những bãi mìn Claymo quanh 2 ấp Gò, Gộp và ở các tuyến đường đi lại của ta. Chúng kèm dân, không cho tiếp xúc với Cách mạng, không cho mang hàng ra khỏi ấp, bắt dân đi trễ về sớm; có lúc đóng cổng ra lệnh giới nghiêm. Mỗi lần dân ra vào cổng ấp, chúng lục khắp người; xâm từng gô cơm, rửa từng miếng cá, đồng bào cảm hận đã thốt lên những lời nguyện rửa:

*"...Ruộng vườn phải bỏ sống chung một
chuông,*

Chiều về cúi, sáng ra luôn .

Cơ thể xét lục, cõi trường còn hơn..."

Địch móc nối, cài gián điệp, con tin vào trong nội bộ ta; bọn này làm nội ứng cho 2 đơn vị bảo an 784 và 510 do đại úy Quý và trung úy Trờ chỉ huy đánh ta liên tục. Đội công tác Gò liên tiếp hy sinh. Riêng 6 tháng cuối năm 1971, toàn đội đã hy sinh 22/30 đồng chí. Đây là thời điểm tổn thất nặng nhất của đội công tác xã Hồng Sơn trong suốt thời kỳ chống Mỹ.

Địch liên tục bung, duỗi, phục và đột kích vào khu vực thôn 1, thôn 2... đánh đội công tác. Có lúc chúng huy động nhiều xe tăng càn sâu vào căn cứ, ủi sập hầm, giết cán bộ. Trong vòng 2 tháng, 2 cán bộ hội trưởng Hội phụ nữ huyện Thuận Phong - nguyên là cán bộ xã Hồng Sơn liên tiếp hy sinh. Đồng chí Phan Thị Thuận hy sinh ngày 09 tháng 8 năm 1972 (ngày 01/7 Nhâm Tý). Đồng chí Nguyễn Thị Thảo hy sinh ngày 10 tháng 10 năm 1972 (7/9 Nhâm Tý). Đây là 2 gia đình có nhiều đóng góp cho Cách mạng. Riêng gia đình đồng chí Thảo có 8 người tham gia Cách

mạng, (từ 1962 - 1972) lần lượt hy sinh 5 người: chồng, con rồi đến bản thân mình.

Sức kìm kẹp, đánh phá của địch ở Hồng Sơn ngày càng tinh vi, nham hiểm còn được thể hiện qua bộ máy và lực lượng kèm của chúng ở 2 ấp chiến lược Gộp và Gò (còn gọi là ấp Mới). Đến cuối năm 1971 địch kiện toàn 2 ấp nói trên, gom vào đây gần 7.000 dân. Chúng phòng thủ rất kiên cố. Mỗi ấp chiến lược có 1 đồn bảo an cấp đại đội, có hệ thống lốc canh bao quanh, có nhiều lớp rào, vành đai, giao thông hào và những bãi mìn các loại. Riêng ấp Gò có 11 lốc canh vì địch xác định đây là ấp có vị trí quan trọng trên các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, thông tin, liên lạc... Canh giữ, phòng thủ, yểm trợ 2 khu tập trung này là cả một hệ thống, lực lượng tổng hợp: bảo an, biệt kích, cảnh sát, bình định nông thôn, thám báo và thanh niên chiến đấu. Ngoài ra 2 ấp này còn được 2 cứ điểm quân sự Gộp, Gò và núi Tà Dôn che chở, có máy bay, pháo binh tiếp ứng khi cần.

Bên cạnh đó còn có 1 bộ máy kèm trong ấp khống chế dân, gồm: 1 ban hội đồng nhân dân và 1 ban hành chính xã, 5 ban trị sự ấp (3 ban ở ấp Gò, 2 ban ở ấp Gộp) 10 ban tế khu, 33 ban tế liên

gia, 1 phân chi cảnh sát, 1 trung đội dân vệ, 1 liên toán phòng vệ dân sự và 1 liên đoàn bình định nông thôn.

Về địch, đúng như báo cáo Đại hội Đảng bộ huyện Thuận Phong lần 2 đã nhận xét: "... tiếp theo là bình định cộng đồng tự vệ và phát triển địa phương nhằm truy phá cơ sở và tổ chức Cách mạng, củng cố bộ máy kèm ở xã ấp, lập phân chi khu cảnh sát, tổ chức ngụy đoàn thể và các tổ chức kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, tăng cường chiến tranh tâm lý, phát triển do thám gián điệp, chiêu an, chiêu hồi, lừa mị..."

Trước tình hình đó, Huyện ủy huyện Thuận Phong đề ra những nhiệm vụ trọng tâm trong năm 1971 là: Giáo dục chính trị tư tưởng cho toàn Đảng, quân, dân; đẩy mạnh phong trào 3 mũi giáp công, đánh phá bình định, diệt ác phá kềm, mở vùng, giành quyền làm chủ xã ấp, khẩn trương, tích cực xây dựng thực lực Cách mạng, giữ vững và xây dựng căn cứ, làm tốt công tác động viên nhân tài, vật lực.

Sang năm 1972, Huyện ủy Thuận Phong chỉ đạo tập trung sức thực hiện các công tác chính:

"Quyết tâm đánh bại về cơ bản kế hoạch bình định của địch; tích cực nắm quần chúng, xây dựng cơ sở tại chỗ, mở rộng các phong trào công khai hợp pháp. Ra sức động viên đưa thêm một số dân về lại vùng căn cứ; sử dụng tốt mọi lực lượng, mọi khả năng hiện có, đánh địch liên tục, đều khắp, diệt và làm tan rã một bộ phận quan trọng lực lượng kèm của địch tại xã ấp. Tích cực củng cố và nhanh chóng phát triển thực lực tại chỗ".

Nhằm chuyển phương thức hoạt động, bám sát ấp, sát địch, sát dân để phá ấp, mở kềm, chống bình định; đầu năm 1971 huyện Thuận Phong được chia thành 3 mảng, phân công 3 đồng chí ủy viên Thường vụ huyện ủy trực tiếp phụ trách chỉ đạo: Võ Tấn Trương, Lê Đình Nguyên, Nguyễn Hoàng Minh. Các xã tự tổ chức rà soát lại lực lượng, thực hiện phương châm luôn sâu, đi êm, phát triển cơ sở bên trong lòng địch, phối hợp với bên ngoài diệt ác. Đội công tác dùng hầm bí mật để bám sát chỉ đạo phong trào.

Thực hiện chủ trương của huyện, những năm 1970 - 1972 xã Hồng Sơn sắp xếp lại lực lượng, hình thành và liên tục củng cố 2 đội công tác Gò

và Gộp, đào hầm bí mật, xây dựng thực lực đánh phá bình định, áp sát 2 ấp chiến lược Gò và Gộp, diệt ác, phá kềm, tạo điều kiện cho quần chúng đấu tranh bung về đất cũ, cung cấp nhân tài, vật lực cho Cách mạng.

Để đẩy mạnh phong trào 2 chân 3 mũi, chống địch phá ấp mở kềm; Thường vụ huyện ủy huyện Hàm Thuận và huyện Thuận Phong chỉ đạo các xã Hàm Trí, Hồng Liêm, Hồng Sơn phối hợp bám vào ấp Gộp để nắm dân của mình. Đầu năm 1970 ta quyết định thành lập đội công tác Gộp gồm 8 đồng chí, phần lớn là cán bộ của xã Hồng Liêm do đồng chí Đào Duy Ngọc, nguyên bí thư xã Hồng Liêm được phân công làm đội trưởng; đồng chí Huỳnh Thị Cúc làm đội phó. Đến tháng 4 năm 1970, đồng chí Ngọc về huyện, đồng chí Huỳnh Thị Cúc làm đội trưởng; đồng chí Đào Duy Thành làm đội phó.

Trong mỗi ấp Long Lâm và Hoa Tân (thuộc ấp chiến lược Gộp) ta đều xây dựng cơ sở Đảng, Đoàn Thanh niên, tổ du kích mật, tổ binh vận, hoạt động bí mật. Riêng ấp Long Lâm chưa hình thành được chi bộ. Trong ấp Hoa Tân đến năm 1971 ta tổ chức được một chi bộ, gồm 7 đảng

viên⁽¹⁾; do đồng chí Huỳnh Thị Cảnh làm bí thư và đồng chí Phan Thị Tánh làm phó bí thư. Chi đoàn thanh niên do đồng chí Huỳnh Thị Cuôm làm bí thư. Bên cạnh đó là 1 tiểu đội du kích mật gồm 8 người, chủ yếu là đảng viên và đoàn viên. Tổ binh vận do đồng chí Huỳnh Thị Dậu làm tổ trưởng, gồm các chị: Sáu Lu, Lợi, Diệu, Thê, Đinh Thị Ánh (Sáu Đài), Huỳnh Thị Chuẩn, Huỳnh Thị Nở...

Để lãnh đạo phong trào quần chúng ở ấp chiến lược Gò, đầu năm 1971 ta thành lập ở đây đội công tác Gò do đồng chí Võ Thị Lành làm đội trưởng, đồng chí Lê Huyền Linh làm đội phó. Đến cuối năm 1972, trong đội công tác Gò tách ra 1 bộ phận do đồng chí Nguyễn Văn Ly làm mũi trưởng chuyên sâu chỉ đạo và trực tiếp nắm chi bộ thôn 4.

Nhằm nắm chắc và lãnh đạo quần chúng tiến hành 3 mũi giáp công ngay trong lòng địch; khi địch dồn dân lập ấp, ta chủ động bố trí đảng viên, cốt cán theo dân vào ấp sống hợp pháp.

(1) Huỳnh Thị Cảnh, Phan Văn Chút, Huỳnh Thị Dậu, Huỳnh Thị Bảy, Phan Thị Tánh, Phan Thị Tám, Võ Thị Hiến.

Nhờ đó thực lực của ta trong ấp Gò (đầu năm 1971) đã có 3 chi bộ gồm 24 đảng viên; 3 chi đoàn thanh niên có 30 đoàn viên và 1 chi đội thiếu niên tiên phong có 12 đội viên. Lực lượng trên đều là du kích mật. Ngoài ra còn có Ban cán sự Hội phụ nữ và 4 tổ binh vận.

Ba chi bộ lãnh đạo 3 thôn (1, 2, 4) được tổ chức bí mật, hoạt động độc lập:

- Chi bộ thôn 1 do đồng chí Hồ Thị Kim làm bí thư, đồng chí Nguyễn Thị Giang làm phó bí thư.

- Chi bộ thôn 2 do đồng chí Phan Thị Phương (Nhâm) làm bí thư.

- Chi bộ thôn 4 do đồng chí Nguyễn Thị Phương (Nhuộm) làm bí thư.

Thực hiện Chỉ thị số 01 của Trung ương Cục Miền Nam: áp sát địa bàn, áp sát vùng địch để nắm dân, phát động quần chúng đấu tranh 2 chân, 3 mũi và để mở kèm, phá ấp; các đội công tác ở xã Hồng Sơn chỉ đạo và phối hợp chặt với thực lực, cốt cán ở bên trong, luồn sâu, đi êm, phát động quần chúng xây dựng cơ sở. Ta đã dùng hệ thống hầm bí mật, bố trí cơ sở trong ấp tiếp tế, đặt hộp thư kết hợp với tiếp xúc ở vùng bàn đạp, tổ

chức mạng lưới thiếu niên hợp pháp thông qua hình thức chăn trâu bò, nắm tình hình làm ám tín hiệu, gác bù, báo động, báo an cho đội công tác đi lại, hoạt động.

Cơ sở đường dây giao liên và hệ thống hầm bí mật lúc bấy giờ vô cùng quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với lực lượng Cách mạng. Những chiếc hầm chủ yếu của đội công tác Gò được bố trí phân tán ở nhiều nơi từ thôn 1, thôn 2, đến thôn 3 như: khu vực trên đường sắt núi Xã Thô, lùm cây chum chúm thôn 1, cây me ruộng Sạn, gò mối gần nhà cũ của bà xã É, nhà cũ ông Tám Hảo, một số hầm dọc bờ Sông Cạn; có hầm bí mật ở Cầu Làng sát đường công Hương, cách hàng rào ấp Gò khoảng 500 mét. Dựa vào thế trận ấy, chị Mười Lành lúc ẩn, lúc hiện, địch đã nhiều lần ém phục nhưng không sao bắt được người đội trưởng mưu trí, dũng cảm; luôn được dân tin yêu, che chở, bảo vệ.

Bên cạnh địa thế gần rừng núi, suối, sông thuận lợi cho việc đi lại của đội công tác, ở ấp Gộp ta vẫn còn bố trí những chiếc hầm bí mật. Trong đó có chiếc hầm tồn tại từ năm 1970 đến năm 1975, chiếc hầm này do 2 nữ đồng chí Cảnh

và Cuôm đào trong râm tre ở đuôi bầu Dầu, cách đồn Gộp khoảng 500 mét. Hệ thống hầm bí mật ở xã Hồng Sơn còn là chỗ đứng chân an toàn cho các đồng chí lãnh đạo huyện, tỉnh về chỉ đạo phong trào. Trong điều kiện khó khăn, ác liệt như thế nhưng đội công tác cùng với cốt cán trong 2 ấp chiến lược Gò và Gộp đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ: lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi về đất cũ làm ăn, vận động thanh niên thoát ly xây dựng lực lượng; riêng đội công tác Gộp đã vận động được 20 thanh niên thoát ly (1971 - 1974). Đồng bào đã tiếp tế, cung cấp lương thực, thực phẩm, làm liên lạc báo cáo tình hình; thuyết phục binh lính địch đào rã ngũ, phát triển được du kích mật diệt ác, phá tề...

Những năm 1970 - 1972, được sự hướng dẫn, tập huấn và hỗ trợ của xã đội và đội công tác; du kích mật trong 2 ấp chiến lược Gộp và Gò đã mưu trí, gan lì bám sát ác ôn, nắm chắc quy luật đi lại, hoạt động của chúng. Các em đã đánh đau, đánh đúng, đánh liên tục và đạt hiệu quả cao. Bọn cảnh sát, tề xã, ấp như Lê Hai, Cầu, Hòa Trắng, Nam, Võ, Minh... rất sợ du kích mật. Các em là con gái, thiếu niên nhưng đã làm cho địch mất ăn

mất ngủ, lúc nào cũng thấp thỏm lo âu. Năm năm liền (1970 - 1975) du kích mật ở 2 ấp đã đánh trên 50 trận, có nhiều trận táo bạo, bất ngờ và sáng tạo.

Việc đưa vũ khí, chất nổ vào ấp Gộp rất công phu tỉ mỉ. Dưới sự chỉ huy của chị Tánh, các chiến sỹ du kích mật linh hoạt che mắt địch thật đa dạng, tài tình; có hôm thì gánh củi, lúc thì vớt bèo, hái rau heo để giấu mìn trong ấy. Khi qua cổng ấp, người đi trước có nhiệm vụ làm ám tín hiệu để cho người đi sau biết địch có lục xét hay không. Khó như thế nhưng lần lượt các chị đã đưa thuốc nổ TNT, lựu đạn M26, dây mìn, kíp nổ, truyền đơn... vượt qua cổng ấp.

Mở đầu phong trào là trận đánh địch vào khoảng giữa năm 1970; chị Tánh, anh Đông và anh Bình theo dõi toán lính bảo an thường phục kích quanh ấp. Khoảng 20 giờ hôm ấy, khi thấy toán lính phục trong bụi chuối vườn nhà bà Năm Ngọng; tổ du kích mật núp bên giàn nước ăn, hồi hộp rút chốt quả M26 ném vào mục tiêu. Một tiếng nổ vang dậy sáng lòa. Địch bắn loạn xạ; 3 cô cậu của ta chạy về nhà, nhảy xuống hầm nhưng chốt lựu đạn vẫn còn móc chặt trong ngón

tay. Kết quả trận này chỉ có 2 tên lính bị thương nhưng quan trọng hơn là củng cố tinh thần và rút được kinh nghiệm cho các chiến sỹ ta tiếp tục diệt ác.

Vào ngày 30 tháng 8 năm 1971, tại thôn 3, Chi Huỳnh Thị Cảnh gài trái nổ ở khu vực giếng Mạch làm chết 1 tên trung sỹ lính bảo an, trong lúc hấn dẫn quân từ đồn Gộp ra lòng sục.

Năm 1971, du kích mật ở ấp Gò cũng diệt ác liên tục nên tên Lê Hai, cuộc trưởng cuộc cảnh sát hàng đêm phải lên đồn Gộp tránh lánh. Năm được quy luật sáng nào y cũng xuống nhà bà Huỳnh Thị Chuẩn súc miệng, rửa mặt; chị Phan Thị Tánh đã đào đất chôn dây và mìn nơi Lê Hai thường đứng. Qua bảy ngày liền không tài nào đánh được, hôm thì hấn đứng chỗ này, khi thì đứng chỗ khác. Một buổi sáng tháng 11 năm 1971, khi Lê Hai đi ngang gần quả mìn chị Tánh liền cho chập dây, một tiếng nổ bất thần xô đổ bức vách nhưng Lê Hai không chết vì hấn đã kịp bước vào nhà trước khi mìn nổ.

Bọn bảo an trong đồn Gộp thường xuống đồng rơm nhà ông Cảnh ngồi chờ trời tối để tỏa ra gài mìn đánh lực lượng ta. Với tư thế sẵn sàng,

một tối vào tháng 12 năm 1971, khi bọn địch sắp nhổm dậy rời khỏi đồng rơm; chi Huỳnh Thị Cuôm tung liền quả M26 đến đúng đích. Một tên chết, một tên bị thương nặng. Đây là trận đánh có kết quả nhất của du kích mật trong áp chiến lược Gộp.

Theo thông lệ hồi ấy vào những tháng sau Tết Nguyên Đán (tháng 3 năm 1972) địch thường tụ tập nhậu nhẹt, đánh bài. Ngoài nhà của bà Sáu Chuẩn thì nhà của ông Năm Bồi cũng là một điểm để bọn này sát phạt lẫn nhau. Tổ du kích mật lên phương án diệt ác nhưng vì có đồng bào hòa lẫn trong sòng bạc, nên chị Tánh chỉ gài một kíp hẹn giờ làm bị thương tên Minh áp phó an ninh nhằm liên tục gây tiếng nổ để uy hiếp, áp đảo bọn ác ôn.

Đầu năm 1971, địch tiếp tục củng cố hệ thống phòng thủ ấp Gò, đêm đêm chúng thường đào công sự. Thấy dịp tốt đã đến, em Ngại đã chủ động đề xuất với đội công tác giúp em đánh địch. Việc đầu tiên, khó nhất là làm sao chuyển được vũ khí vào ấp vì địch lục xét rất nghiêm ngặt. Nhân thời vụ bầu đang rộ trái nên lực lượng bên ngoài đã nghĩ ra một cách - khoét ruột quả bầu

xanh, giấu quả lựu đạn M26 vào trong ấy. Ngại chớ những quả bầu từ rẫy vào ấp trót lọt.

Một chiều vào tháng 01 năm 1971, khi trời vừa chập choạng tối, đang ăn cơm với gia đình, thấy bọn cảnh sát dã chiến đào công sự gần lang lúa bó; Ngại bỏ đũa vào bếp lật quả bầu đặc biệt của mình, cầm chắc quả đạn nhẹ nhàng men theo lang lúa. Em bình tĩnh rút chốt ném quả đạn chính xác vào mục tiêu. Một tiếng nổ âm, lóe sáng. Ba tên địch chết ngay tại chỗ, hai tên khác bị thương. Đây là trận đánh mở đầu của du kích mật ở ấp Gò. Kết quả ấy đã giúp các em tăng thêm niềm tin và kinh nghiệm diệt ác. Liền sau đó, địch tình nghi bắt 10 em thiếu niên tra khảo nhưng không đủ chứng cứ buộc tội; chúng phải thả các em về.

Ngày 11 tháng 8 năm 1971, du kích mật gài trái nổ ở xóm cũ (Ba Chòi) khu vực thôn 1 làm chết 3 tên và bị thương 3 tên địch. Sau đó vài hôm, cơ sở của ta rải truyền đơn binh vận tại ấp Gò đã góp phần tác động vào tâm lý binh lính địch; truyền đơn có nội dung dễ hiểu, dễ nhớ:

"Đừng nghe theo Mỹ, Thiệu, Kỳ.

Thương vong anh chịu, lợi danh Mỹ nhờ"

Vào cuối năm 1971, cứ về chiều là địch bắt loa trên cây cao ở ấp Gò, hướng họng loa vào rừng gọi tên từng cán bộ Cách mạng: "... hãy sớm quay về với chính nghĩa Quốc gia...". Đội công tác chỉ đạo cho du kích mật tìm cách đập tắt chiếc loa lẻ nhải luận điệu chiêu hồi ấy.

Một lần nữa, em Nguyễn Văn Ngại được tổ chức giao nhiệm vụ khó khăn, nguy hiểm ấy. Lần này không phải là chở những quả bầu xanh mà Ngại phải mặc chiếc áo bà ba đen túi rộng; táo bạo bọc quả lựu đạn M26 vào ấp.

Mờ tối ngày 03 tháng 12 năm 1971, như thường lệ địch treo loa trên cây cao cạnh nhà Lê Hai để phát thanh. Em Ngại len lỏi đến nhà ông Tiết, cách điểm treo loa khoảng 15 mét. Dưới ánh trăng rằm đầu hôm chưa tỏ, Ngại dùng hết sức ném quả lựu đạn cầu vòng qua khỏi nhà ông Tiết rồi quay vội về nhà. Một tiếng nổ đánh thếp, tiếng loa im bật, đèn tắt ngấm, 2 tên tâm lý chiến bị thương.

Ngay trong đêm đó địch bắt 2 chị em Phương và Ngại đưa về Phan Thiết tra tấn dã man. Khi ra tòa Ngại phản cung: "Các ông đánh quá, tôi nhận đại, chứ tôi là một thiếu niên không thể làm được việc ấy". Thiếu cơ sở buộc tội nên tòa án quân sự

của địch đã thả Ngại về. Em lại tiếp tục hoạt động.

Vào cuối năm 1971, anh Nguyễn Hữu Trọng bố trí cho chi bộ và tổ du kích mật thôn 4 gồm các đồng chí: Phương, Ngại, Thiết, Thu, Cu, Chuyện... thay nhau, lần lượt chuyển được 10 quả lựu đạn M26 vào ấp để chủ động đánh địch khi có thời cơ. Ngoài ra các em còn chuyển được nhiều truyền đơn, lệnh cảnh cáo ác ôn về ấp. Ngày 19 tháng 12 năm 1971 truyền đơn và lệnh cảnh cáo Lê Hai được tổ du kích mật mang về còn giấu trong người, chờ tối đến triển khai. Nhưng do có gián điệp báo tin nên địch ra tay trước, chúng bắt nhiều cơ sở tập trung đến sân nhà ông Chín Mỹ để đưa về cuộc cảnh sát tra khảo. Một số đồng chí đang mang truyền đơn trong người lúng túng chưa biết xử lý ra sao. Đồng chí Nguyễn Thị Phương bình tĩnh hướng dẫn cho anh, chị em trên đường đến cuộc cảnh sát, cứ nới dây từ từ cho truyền đơn tuột dần theo ống quần. Riêng 2 lệnh cảnh cáo, Phương để trong áo ngực nên khi vào đến trụ sở mới nhanh tay lấy để trên bàn làm việc của chúng. Sáng hôm sau chính Lê Hai được đọc lệnh cảnh cáo ấy. Đêm đó, địch tra tấn nhóm du kích và cơ sở mật rất dã man dù chúng không thu được

tan chúng. Riêng 2 đảng viên Phương và Cảnh, địch đổ nước vào mũi, vào miệng đến nửa đêm nhưng không khai thác được gì. Hôm sau chúng giải tất cả những người bị tình nghi về Phan Thiết tiếp tục đánh đập và cầm tù.

Những tháng đầu năm 1972, nhiều trận diệt ác ở ấp Gò diễn ra liên tiếp, giòn dã. Bọn Lê Hai, Nguyễn Văn Cầu chết hụt nhiều lần.

Nắm được quy luật, bọn ác ôn sau khi rình rập các nhà cơ sở của ta, thường quay về ngôi tùm nhau hút thuốc. Thế là 2 cô Phương và Thiết liền chuẩn bị sẵn 1 phương án đánh địch. Vào một đêm đầu năm 1972, khi thời cơ thuận lợi vừa đến; Nguyễn Thị Thiết cảnh giới, Nguyễn Thị Phương tung quả M26 bất thần, chính xác; 2 tên đền tội, 3 tên khác bị thương. Hai cô gái rút lui an toàn.

Đoàn bình định nông thôn chốt giữ lô cốt sau trụ sở ấp Long Hiệp gần nhà cô Nguyễn Thị Giang. Sau giờ làm việc cuối ngày chúng hay cụm trước sân lô cốt để nghe Radio và bàn tán thời sự. Hai cô Trinh và Giang đã hình dung được cách diệt bọn này nên chủ động đề xuất với đội công tác phối hợp hỗ trợ. Khoảng 18 giờ chiều ngày 12 tháng 02 năm 1972, hai cô tiếp cận mục

tiêu; Giang cảnh giới, Trinh ném quả lựu đạn. Tiếp sau tiếng nổ chát chúa ấy là tiếng nổ của quả M79 do du kích bên ngoài áp câu vào đúng lúc, đánh lạc hướng sự tình nghi của địch. Vì ném mạnh từ xa nên quả đạn lăn chệch mục tiêu; chỉ làm 2 tên binh định bị thương. Trinh nhanh trí ném chốt lựu đạn vào thùng phuy nước, địch không lần ra dấu vết. Chúng bắt những ai đi ngang qua đó đánh đập; sáng hôm sau còn đóng cổng ấp, nhìn mặt từng người dân nhưng địch không tài nào tìm được ai đã gây ra tiếng nổ.

Năm 1972, bọn địch ở quận Thiện Giáo mở chiến dịch tâm lý chiến, chúng gọi là chiến dịch "Thủ tâm II". Đêm đêm chúng thường bắt dân ở các ấp chiến lược tập trung xem phim, văn nghệ. Đêm 12 tháng 02 năm 1972, đoàn tâm lý chiến quận Thiện Giáo phối hợp với xã Long Phú biểu diễn văn nghệ tại ấp Gò. Chúng phát loa mời đồng bào đến xem. Đồng chí Hồ Thị Kim nhanh chóng hội ý tổ du kích mật thôn 1, lên phương án diệt ác và giao cho hai em: Dũng (Khỉ Ngọng) và Trung thực hiện. Tiếp cận mục tiêu Dũng trực tiếp đánh, Trung cảnh giới hỗ trợ. Suốt buổi biểu diễn văn nghệ, 2 cậu căng thẳng ngọt ngào, không sao thi hành được nhiệm vụ vì sợ chết đồng bào.

Chương trình văn nghệ vừa kết thúc. Hai tên Lê Hai và Hòa Trắng tranh thủ lên sân khấu tuyên truyền và phát biểu cảm ơn... Nhanh như chớp quả lựu đạn bay vèo đến đích. Hòa Trắng chết ngay tại chỗ, Lê Hai nhờ đứng sau chiếc thùng phuy nên lại một lần nữa thoát chết.

Do Dũng bám quá sát đối phương nên chính em cũng bị thương ở cánh tay. Dũng chạy vào nhà chị Kim báo cáo. Trong lúc chị Kim bối rối chưa tìm được cách xử lý thì bọn lính cũng vừa ập đến. Mẹ của chị Kim - má Lê Thị Đích (Hai Hiền) liền nghĩ ra sáng kiến. Má kêu lên: "Các chú ơi! Thằng cháu của tôi đi xem văn nghệ nên bị thương, nhờ các chú cứu giùm". Khi mấy tên lính vừa băng bó xong vết thương cho Dũng, Má tiếp tục đề nghị: "Các chú dẫn nó về chứ không mẹ nó đánh chết". Thế là Dũng được lính đưa về nhà một cách an toàn.

Quyết tìm cách đánh bồi, đánh nhồi nhằm diệt cho được tên cuộc trưởng cảnh sát ác ôn Lê Hai. Đêm 26 tháng 02 năm 1972, lợi dụng trời tối; cô Giang cảnh giới, cô Hồ Thị Xí đỡ dây kềm gai bỏ vào cuộc cảnh sát, chôn lon thuốc nổ sát vách gần chỗ Lê Hai ngồi làm việc. Theo sự phân

công, sáng hôm sau em Nguyễn Thị Hồng Lơ có trách nhiệm trà trộn vào trụ sở gài kíp nổ hẹn giờ vô lon thuốc. Nhưng hôm ấy dân đến cuộc cảnh sát quá đông nên công đoạn cuối cùng em Lơ không thực hiện được. Lại thêm lần nữa tên Lê Hai thoát chết.

Những năm 1971 - 1974, đơn vị 450, đội công tác và du kích xã vừa huấn luyện, vừa hỗ trợ nên du kích mật trong 2 ấp Gò và Gộp đã chủ động, sáng tạo đánh địch liên tục, đa dạng, trong mọi hoàn cảnh. Vào cuối năm 1972, để chuẩn bị thực hiện kế hoạch "chồm lên" ta hỗ trợ lực lượng bên trong liên tiếp tấn công địch. Chính vì thế địch cũng cảnh giác và phòng thủ chặt; ta rất khó chuyển truyền đơn, vũ khí vào ấp. Nhiệm vụ nặng nề, nguy hiểm ấy, tổ chức đã giao cho 2 đồng chí Võ Thị Lành và Nguyễn Thị Phương đảm trách.

Suy nghĩ bàn tính mãi, 2 đồng chí đã nghĩ ra một cách là phát huy mái tóc dài. Đồng chí Lành đã khéo léo hóa trang quăn chặt và kín đáo quả lựu đạn M26 trong búi tóc của Phương và Phương đã mang quả đạn vào cổng ấp trót lọt. Trong một đêm vào cuối tháng 11 năm 1972, khi phát hiện

bọn lính viễn thám ngồi tập trung gần trụ sở cuộc cảnh sát. Không để lỡ thời cơ, chị Võ Thị Thiết gác cảnh giới; chị Phương tặng chúng quả đạn. Một tiếng nổ sáng loè làm 2 tên chết, 3 đứa khác bị thương. Địch phải gọi trực thăng lên chở thương về Phan Thiết trong đêm và chúng không sao hiểu nổi du kích mật đã chuyển vũ khí, chất nổ vào ấp bằng cách nào?

Những năm 1971 - 1972, địch kiểm soát gắt gao, không cho dân mang lương thực, thực phẩm ra khỏi ấp; cả lúa giống cũng phải ngâm ướt hoặc ủ lên mọng mới được gánh ra đồng. Trong cái khó, ló cái khôn, dân ta càng phát huy sáng kiến. Đồng bào dùng thúng, thùng 2 đáy hoặc quây đường, muối vào nước để gánh ra ấp. Các em thiếu niên mang từng ấm nước đường, nước muối; phân công nhau bọc kẹo, bánh ra khỏi ấp. Nhờ có nhiều cách công phu, tỉ mỉ mà bà con đã cất giấu, chuyển về cho Cách mạng từng ký đường, lon muối, lít gạo, bao thuốc, gói trà, gói bánh... Ngày Lễ, ngày Tết vẫn có bữa ăn tươi cho cán bộ, chiến sỹ.

Ở ấp Gộp đã nổi lên những tấm gương tiêu biểu trong lĩnh vực cung cấp hàng hóa. Em Võ

Trưởng tuổi mới lên 10, dưới dạng chở đồ chơi, em cột dây vào thùng đạn của Mỹ kéo qua cổng ấp; lần hồi đã chuyển được nhiều thùng gạo ra vùng giải phóng. Một hôm bị địch phát hiện, chúng vừa đánh vừa dụ dỗ bảo em khai. Em chỉ một mực trả lời: "Đưa gạo ra rẫy cho mẹ nấu ăn".

Nhà ông Bùi Kim Phụng ở gần hàng rào ấp Gộp, có địa thế thuận lợi để phát hiện địch phục kích cũng như báo hiệu cho lực lượng ta. Nơi đây đã trở thành điểm giao hàng của cơ sở bên trong cho các lực lượng bên ngoài. Nhân việc địch bắt dân trong ấp hàng đêm phải treo đèn trước nhà. Ông Bùi Kim Phụng đã nghĩ ra một hình thức làm ám tín hiệu, báo động, báo an cho lực lượng ta đột nhập vào ấp an toàn. Hai vợ chồng ông đã biến chiếc đèn lồng leo loét thành điểm sáng như một ngọn "đèn thần". Trên bóng đèn ông khéo léo làm vỡ một lỗ rồi dán giấy màu xanh. Theo quy định của ông, hôm nào ta thấy ánh sáng xanh từ lỗ thủng quay ra hướng sân nhà là không có địch phục kích và theo hướng ngược lại là không an toàn. Để quay đèn báo động, báo an chính xác, chiều chiều ông Phụng giả say nói lảm nhảm, đi lảo đảo ngang qua những nơi địch thường phục kích, đánh mìn để nắm tình hình. Sau đó về nhà

ông tiếp tục canh gác giúp bà Nguyễn Thị Diệu-
vợ ông phát huy tác dụng của chiếc đèn. Động tác
trình sát và chiếc đèn của 2 vợ chồng ông Phụng
suốt bao năm dài không bị lộ. Tại khu kềm
nghiêm ngặt của giặc, cơ sở kinh tài vẫn chuyển
giao được nhiều hàng hóa cho các lực lượng
huyện, tỉnh và quân khu VI. Những sáng kiến,
gan dạ và lòng yêu nước của dân chính là lực
lượng hậu cần, hậu phương tại chỗ của ta.

Ở ấp chiến lược Gò cũng xuất hiện những
con người rất đáng khâm phục; ở mọi lứa tuổi,
mọi thành phần. Ông Võ Thi đã ngoài 80 tuổi vẫn
cùng với đứa cháu gái tuổi vừa lên 8; đều đặn
chuyển gạo, đường, muối, bánh ngọt lọt qua cổng
ấp. Mỗi ngày ông chuyển được 1 ký gạo về đất
cũ; có lần địch bắt và đánh ông. Ông trả lời cứng
cỏi: "Con tôi ở trong rừng, vì tình mẫu tử nó xin
tôi phải cho, chứ không hề tiếp tế cho Việt cộng".

Ông Trần Chung (Tư Chung), bao chuỗi
ngày thâm lặng sống trong cảnh cầm, diếc. Ông
cứ lằm lì giúp đỡ, nuôi giấu cán bộ; đến ngày quê
hương hoàn toàn giải phóng, ông mới cất lên
tiếng nói. Không chỉ bọn địch mà cả người thân
cũng ngạc nhiên vì tưởng ông bệnh thật. Việc giả

câm, giả điếc rất nhập vai của ông Chung là cả một sức chịu đựng phi thường; đúng là cháu con của chàng trai Phù Đổng.

Những tháng năm địch bao vây, xiết bóp ngặt nghèo nhưng cán bộ, chiến sỹ ta vẫn sống, hoạt động, bám sát được địch, được dân; trước hết là nhờ trí thông minh, lòng dũng cảm, sự tin yêu che chở đùm bọc của đồng bào, họ vượt qua mọi hiểm nguy, hy sinh cả tài sản, tính mạng; cung cấp tình hình, cái ăn, cái mặc và cả những bức thư khẩn cấp cho Cách mạng.

Đồng chí Võ Thị Lành và một số đồng chí khác trong đội công tác Gò nhiều phen thoát chết là nhờ các má, các chị, các em ở trong ấp chiến lược. Trong mọi hoàn cảnh, mưa hay nắng, mặc cho địch lùng sục, cấm cản thế nào; má Lê Thị Dích cũng tìm cách đi trinh sát, nắm tình hình, báo tin, chuyển thư hoặc thức ăn đến tận những chiếc hầm bí mật. Má chưa hề sơ suất gây tổn thất cho Cách mạng.

Có lần em Phan Thị Phương, không kể hiểm nguy bằng rào, vượt ấp chạy ra điểm hẹn báo cáo tình hình khẩn cấp cho đội công tác dù địch đã ra lệnh giới nghiêm, đóng cổng ấp.

Vào một sáng năm 1971, như thường lệ đội công tác ra vùng bản lẻ tiếp xúc với cơ sở. Nhưng tín hiệu của chiếc bù hôm nay thật lạ; không phải gương lên hoặc hạ xuống như mọi ngày mà nó cứ thò, thụt liên tục; đồng chí Mười Lành chưa hiểu tín hiệu ấy nhưng theo quán tính chị đã cảnh giác dừng lại quan sát, thì thấy địch đang tràn vào bao vây, định bắt sống mình nên chị đã kịp thời thoát hiểm. Sau đó các em thiếu niên gác bù giải thích: "Chị chưa hướng dẫn, qui định cho tụi em cách báo động khi địch đang xông vào bắt chị. Trước lúc nguy nan ấy, tụi em chợt nghĩ ra cách báo động mới như thế". Đây là một trong những sáng tạo của thiếu niên trong việc bảo vệ cán bộ.

Một gương sáng khác được cán bộ, chiến sỹ tin yêu, đồng bào mến phục đó là chị Đoàn Thị Mười (Mười Mù); dù đời chị đã bị bóng đen bao phủ, nhưng chị đã huy động các giác quan còn lại để phục vụ Cách mạng; vẫn lao động, công tác, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của người đoàn viên thanh niên. Những năm 1971 - 1973, ai ra cổng ấp đều bị địch lục xét gắt gao. Dựa vào thể tật nguyên ít bị địch chú ý, chị Mười đã chuyển hàng, chuyển tin ra cho đội công tác. Những lúc

bộ đội gặp khó khăn, thiếu đói, chị phát động thiếu niên cùng chị giữ rơm, lấy lúa cho anh em. Chị Mười còn làm tốt cả công tác binh vận, báo cáo tình hình địch kịp thời chính xác. Chị tuyên truyền giải thích chính sách 10 điểm của Mặt trận Giải phóng cho binh lính ngụy; lôi kéo một số lính rã ngũ hoặc lơ là nhiệm vụ. Chính chị đã vận động được người anh ruột là Đoàn Văn Tám, lính bảo an đóng ở đồn núi Tà Dôn, thường gửi đạn và thuốc tây cho ta. Anh Tám còn làm cơ sở nội tuyến, rỉ tai kêu gọi lính trong cùng đơn vị rã ngũ. Đôi mắt của chị Đoàn Thị Mười tuy sớm bị mờ nhưng tâm hồn và lý trí của chị luôn trong sáng. Chị đã cống hiến hết cuộc đời, tuổi thanh xuân của mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Bao hình ảnh, việc làm, biểu tượng thanh cao của các cụ già, thiếu nhi, con gái, con trai - những người con của nhân dân xã Hồng Sơn ở 2 khu tập trung Gò và Gộp đã chứng tỏ: *Dân ở trong lòng địch, nhưng Cách mạng luôn ở trong lòng dân - nếu những người cán bộ, đảng viên mẫu mực, kiên trung cùng sát cánh với nhân dân chiến đấu vì lợi ích của dân, của nước.*

Cùng với 2 mũi đầu tranh chính trị và vũ trang, mũi binh vận cũng đã góp phần tích cực để tấn công địch. Các má, các chị đã giáo dục, thuyết phục làm chuyển hóa, giác ngộ được nhiều binh lính. Họ cộng tác cùng ta với nhiều mức độ khác nhau. Một số binh lính đóng ở 2 đồn - 2 ấp Gò và Gộp đã mua giùm hàng, cho vũ khí, cung cấp tình hình hoặc xét luyệt qua loa. Nhờ đó ta đã nắm được tin tức, kế hoạch hành quân, phục kích của địch; chuyển được truyền đơn, lệnh cảnh cáo đến tay bọn ác ôn; chuyển được hàng hóa, đạn dược ra công ấp; cứu được cán bộ, vận động số lính rã ngũ vào vùng giải phóng hoặc trở về với gia đình.

Thực hiện phương châm: "Súng Mỹ lòng ta"; ngoài đội công tác, Ban binh vận xã, còn có cán bộ binh vận của cấp trên như các đồng chí: Nguyễn Thiết Khanh, Nguyễn Thị Hương, Bảy Hảo, Hùng Cà... thường về Hồng Sơn xây dựng cơ sở. Nhờ đó ta đã hình thành được nhiều tổ binh vận ở 2 ấp chiến lược Gò và Gộp.

Tổ binh vận thôn 1 có 2 tổ gồm các chị: Nguyễn Thị Thiệt, Nguyễn Thị Thuận, Nguyễn Thị Thà, Võ Thị Hoa, Võ Thị Tới, Trần Thị Sanh...

Thôn 2 do chị Phan Thị Phương phụ trách. Thôn 3 gồm các chị: Huỳnh Thị Cảnh, Phan Thị Tánh, Huỳnh Thị Dậu... do chị Huỳnh Thị Cảnh phụ trách.

Đặc biệt tổ binh vận thôn 4 cũng vừa là tổ Đảng có 3 đảng viên làm nòng cốt: Phan Thị Dận, Nguyễn Thị Bảy, Nguyễn Thị Hòa.

Bốn tổ binh vận của ấp Gò đã xây dựng nhiều cơ sở trong hàng ngũ lính dân vệ, nghĩa quân, bảo an; tranh thủ và nắm ngày càng nhiều binh lính ở khu tập trung này nên đã hỗ trợ tích cực cho phong trào vũ trang và đấu tranh chính trị.

Qua nhiều hình thức như chăm sóc, giúp đỡ, tìm hiểu gia cảnh, lý lịch của từng tên lính; bằng tình cảm... các chị đã khuyên binh lính: "Đi lính cho bên nào cũng vậy, quân giải phóng cũng là người Việt Nam, máu đỏ da vàng; các chú chẳng qua là bị hoàn cảnh bắt buộc, đừng hung hăng gây tội ác, khi đất nước hòa bình mình sẽ sống với ai".

Chị Thuận đã khéo léo đưa truyền đơn binh vận cho tên Bông; chị nấu cơm tháng cho lính,

mỗi lần đi hành quân tên Truyền đã báo cáo khéo cho chị biết: "Mai cháu đi hành quân, dì đừng nấu cơm". Anh Quang đi hành quân đã bỏ lại ở điểm hẹn 1 băng đạn M79. Anh Đức lính bảo an đã nhiều lần cung cấp tình hình địch kịp thời, chính xác. Có lần cán bộ ta đang tiếp xúc với cơ sở binh vận, lính phục kích định bắn; anh Đức chặn lại và nói: "Mấy bà đi chặt đôn gánh chứ không phải Việt cộng".

Trong một trận đánh, anh Truyền con rể của chị Thuận bị trọng thương; các chị lãnh đạo vợ con gia đình binh lính kéo vào đồn la khóc, nguyên rửa bọn chỉ huy: "Các ông mang đầu vào rừng làm gì cho chết con em của chúng tôi". Tên trung úy Trờ phải hạ giọng năn nỉ.

Sau những trận đánh lớn của ta ngay trong ấp, vừa hừng sáng các chị đã kéo vào đồn la khóc để nắm và báo cáo kịp thời tình hình thương vong của địch.

Mỗi tổ binh vận có đặt hộp thư riêng, bí mật liên lạc với cán bộ binh vận bên ngoài. Mỗi cơ sở binh vận nắm ít nhất là 3 lính cảm tình với Cách mạng. Tổ thôn 1 và thôn 4 hoạt động đều và hiệu quả nhất; không chỉ nắm được lính mà còn tranh

thủ được cả sỹ quan. Trong những phiên gác của chuẩn úy Chương, Nhỏ và Sáu Dũng, số lính này đã tạo điều kiện giúp chị Hoa đưa lọt qua cổng áp hơn 500 viên đạn.

Năm 1972, các tổ binh vận ở ấp Gò còn phát triển, tổ chức được nhiều cơ sở trong hàng ngũ dân vệ, nghĩa quân và nắm được một số lính bảo an như: Hai, Hiệp, Lịch, Tư, Mười, Kèn, Võ Văn Minh... Anh em này đã nhận rải truyền đơn, bỏ thư và lệnh cảnh cáo của ta vào tận nhà bọn ác ôn hoặc đồng tình xét cổng lấy lệ để cơ sở đưa hàng ra khỏi ấp. Có một số đã bỏ ngũ trốn đi nơi khác như: Hơn, Thước, Lang, Nở...

Có trường hợp nhờ khéo léo, nhanh trí trong công tác binh vận của cơ sở nên đã cứu sống nhiều đồng đội. Như thường lệ sau khi cơ sở báo an, đội công tác và lực lượng trong căn cứ ra bàn đạp hoặc lên khỏi hầm để hoạt động. Vào một buổi sáng, khi cơ sở vừa báo an xong thì bất ngờ 1 tổ lính nguy đi bắn chim lù lù xuất hiện tại xóm nhà ông Tám Hảo ở thôn 2. Chúng đang đi sát trên những chiếc hầm bí mật. Sau những phút bị động, luống cuống chị Phương (Nhâm) liền nghĩ ra sáng kiến tuyệt vời. Với giọng nũng nịu chị nói với tên Trừ: "Cậu ơi, cho cháu mượn súng bắn thử

con chim 1 phát". Khi nhận được khẩu súng, chị Phương không chần chừ nổ súng - đó là tín hiệu không chỉ cứu đàn chim mà đã cứu sống nhiều cán bộ ta đang chuẩn bị lên khỏi miệng hầm cũng như một số chiến sĩ khác đang ra khỏi bìa rừng.

Đối tượng tấn công chính của tổ binh vận ở ấp chiến lược Gộp là bọn lính ở đồn Gộp; tề ở ấp và từng lúc còn tranh thủ một số lính thuộc sư đoàn 23. Các dì, các chị đã thuyết phục anh Nguyễn Đoàn Bình; lính bảo an ở đồn Gộp và anh Minh lính của sư đoàn 23 rã ngũ. Đặc biệt anh Tô Phước Thanh - lính dân vệ đã được các dì giác ngộ đưa ra thoát ly và được đơn vị 450 thuộc bộ đội địa phương huyện thu nhận.

Dì Ánh vận động tên ấp trưởng Nguyễn Thanh Bình giảm bớt hung hăng. Dì Sáu Lu thuyết phục tên trung sỹ Đùm cung cấp cho ta tình hình, kế hoạch hành quân của địch. Chị Huỳnh Thị Nở đã vận động, bố trí 1 tên lính thuộc đơn vị 164 mang ra giếng Mạch cho ta đạn và 2 quả M26. Xuất sắc nhất là dì Huỳnh Thị Chuẩn tranh thủ được cả tên đại úy Tích - chỉ huy trưởng đại đội 164. Tích đã cung cấp cho ta tình hình kế

hoạch phục kích của địch và anh đã nhận thư của Thường vụ huyện ủy qua đường dây cơ sở binh vận. Chính anh Tích đã hạn chế bớt sự đánh phá, bung duỗi, lòng sục của đơn vị này.

Nhờ ta làm tốt công tác binh vận nên một số lính ở trong ấp, trong đồn thường báo cho cơ sở biết kế hoạch hành quân của chúng. Nội bộ địch ngày càng bị phân hóa, mâu thuẫn. Ngày 26 tháng 8 năm 1972 lính trong đồn Gộp cho nổ lựu đạn làm chết một số lính bảo an thuộc đơn vị 510.

Giữa năm 1972, đồng chí Hồ Viết Hách - cán bộ tuyên huấn Khu VI xuống giúp huyện ủy Thuận Phong tổ chức các lớp tập huấn bằng hình thức là "Đại hội nhân dân" mang ý nghĩa như hội nghị "Diên Hồng" - hỏi ý kiến các bô lão nên đánh Mỹ, diệt Ngụy như thế nào?

Ngày 19 tháng 6 năm 1972, "Đại hội nhân dân" lần đầu tiên được khai mạc ở căn cứ huyện Thuận Phong. Trên 200 đại biểu trong các ấp chiến lược bí mật về dự; trong đó, đại biểu ở 2 ấp Gò và Gộp chiếm khá đông. Các đại biểu được nghe tình hình thắng lợi trên mặt trận ngoại giao của ta tại hội nghị Paris; học chính sách 10 điểm của Mặt trận Giải phóng đối với binh sỹ Ngụy

đồng thời thảo luận các nhiệm vụ, biện pháp chống địch dồn dân, bắt lính ...

Sau Đại hội này, các đội công tác Gò, Gộp tiếp tục mở các lớp chuyên đề về công tác binh vận mời gia đình binh lính ở trong 2 ấp chiến lược ra học tập. Từ đó công tác binh vận ở 2 ấp Gò và Gộp càng được đẩy mạnh và gặt hái nhiều kết quả. Các chị ở ấp Gộp đã giác ngộ một số binh lính thoát ly gia nhập quân Giải phóng như: Huỳnh Văn Lợi, Nguyễn Văn Sò.

Để hỗ trợ cho lực lượng tại chỗ ở 2 ấp Gò và Gộp đấu tranh chính trị, binh vận, diệt ác, phá kềm và tiêu hao từng bộ phận sinh lực địch; các lực lượng vũ trang của huyện, tỉnh và quân khu VI đã phối hợp với lực lượng của xã tổ chức nhiều trận đánh ở vùng ven cũng như đánh thẳng vào ấp chiến lược.

Với sự phối hợp cung cấp tình hình của đội công tác Gò, đêm 09 tháng 02 năm 1971 đơn vị 450 cùng với tiểu đoàn 186 tập kích vào ấp Gò tiêu diệt 1 đoàn cán bộ bình định nông thôn. Sáng hôm sau 1 bộ phận ém lại phục kích trên quốc lộ I đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an từ đồn Gộp xuống giải tỏa, ứng cứu cho ấp Gò.

Ngày 19 tháng 6 năm 1971 du kích xã Hồng Sơn phối hợp với 450 đánh mìn trên quốc lộ I, đoạn giữa 2 đồn Gò và Gộp, diệt 4 lính bảo an; trong đó có tên trung sỹ Bông. Hôm sau (20/6/1971) ta tiếp tục gài mìn khu vực đồi Vông Đồng bên ngoài cứ điểm Nô-Ra (Gộp) diệt tiếp 7 tên lính bảo an thuộc tiểu đoàn 202.

Tiếp đó ngày 10 tháng 7 năm 1971 du kích 2 xã Hồng Liêm và Hồng Sơn phối hợp với đơn vị 450 và tiểu đoàn 186 tập kích bọn công binh cơ giới Mỹ tại thôn 2 xã Hồng Liêm; loại khỏi vòng chiến đấu 48 tên địch, phá hủy 1 khẩu pháo 105mm, 2 khẩu pháo 81mm, 6 xe tăng và xe bọc thép.

Tháng 10 năm 1971 huyện Thuận Phong thành lập bộ đội vùng mang tên "Đội Quyết Tiến" do anh Hồ Khải Lập chỉ huy. Từ đó đơn vị này thường đứng chân giúp đỡ quân dân Hồng Sơn đánh địch phá kềm.

Để trừng trị bọn lính giữ cầu Ông Tâm hống hách, lục xét và thường bung duỗi ra vùng lân cận cướp phá; đầu năm 1972 anh Nguyễn Văn Thế chỉ huy du kích xã Hồng Sơn đánh bọn này, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

Năm 1972 bộ đội chủ lực của tỉnh và quân khu VI liên tiếp quần nhau với địch ở 2 khu tập trung Gò và Gộp. Ngày 18 tháng 4 năm 1972, tiểu đoàn 186 tiến vào ấp Gò đồng thời bố trí 1 bộ phận khác đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an đóng ở đồn Gò.

Đêm 10 tháng 5 năm 1972 tiểu đoàn 186 tiến đánh đồn Gộp và phá ấp Gộp. Đại đội 5 đặc công được phân công đột kích đồn Gộp nhưng đánh không dứt điểm. Bộ phận còn lại của tiểu đoàn vào phá ấp và diệt được 2 trung đội dân vệ.

Tiếp đó, sáu đêm liền (12 - 17/5/1972) lực lượng của tỉnh và quân khu VI nã pháo vào đồn Gộp; đội an ninh vũ trang huyện, bộ đội vùng, du kích và đội công tác Gộp liên tiếp đột nhập vào làm chủ ấp Gộp, vũ trang tuyên truyền kêu gọi đồng bào về đất cũ làm ăn.

Không để cho địch kịp củng cố và ứng cứu cho nhau; đêm 19 tháng 5 năm 1972, ta quay xuống đánh đồn Gò và phá ấp Gò. Quân ta dập pháo liên hồi khống chế đồn Gò. C5 đặc công và 1 bộ phận của tiểu đoàn 482 cùng du kích, đội công tác Gò đánh thẳng vào ấp. Anh em hạ quyết tâm: "Phải cắm được cờ trên nóc nhà cuộc cảnh

sát". Đúng như thế, ta đã chiếm được trụ sở, đốt hồ sơ tài liệu; diệt 24 tên và làm bị thương 11 tên địch. Cờ Mặt trận Giải phóng đã được kéo lên tung bay trên nóc trụ sở này. Địch ngoan cố tử thủ nên ta bị thương 3 đồng chí và hy sinh 3 đồng chí; trong số hy sinh có 1 đại đội trưởng và 1 chính trị viên tiểu đoàn.

Đêm 30 tháng 6 năm 1972, ta tổ chức đánh đồn và áp Gộp lần thứ hai. Theo sự phân công: các lực lượng 489, 186 và 482 đánh trận chính; du kích xã Hồng Sơn có nhiệm vụ bắn vỡ đèn pha của Mỹ trên đỉnh núi Tà Dôn. Anh Nguyễn Văn Thế đã dùng súng bá đở CKC có máy ngắm bắn liên 45 phút, dập tắt ngọn đèn pha, phục vụ trận đánh. Ngay trong đêm ấy đại đội 2 thuộc tiểu đoàn 482 đã chiếm được ấp Long Hoa, đào công sự ém quân tại chỗ. Nhưng lần này C5 đặc công cũng đánh không dứt điểm đồn Gộp. Sáng ra pháo địch từ đồn Gộp bắn vào ấp làm thiệt hại tính mạng và tài sản của đồng bào. Riêng gia đình đồng chí Huỳnh Thị Cảnh (bí thư chi bộ) chết 1 đứa con và bị thương 3 người.

Đồng thời sáng 01 tháng 7 năm 1972 bọn địch từ đồn Gò kéo lên tiếp ứng, bị bộ phận chặn

viện của tiểu đoàn 186 đánh lui. Địch tại chỗ kêu cứu viện. Một giờ sau chúng huy động máy bay, xe tăng từ các nơi đến giải tỏa áp Gộp. Đại liên từ trên máy bay bắn xuống, từ xe tăng khạc vào, bộ binh áp sát mục tiêu. Lúc bấy giờ chỉ còn 14 chiến sỹ ta trong ấp Long Hoa nằm giữa vòng vây của giặc. Nhưng các chiến sỹ ấy đã dũng cảm bám công sự chiến đấu, đẩy lui nhiều đợt tiến công của địch; chúng không sao chiếm lại được ấp. Đến 14 giờ chiều cùng ngày, địch huy động thêm lực lượng. Anh em ta vẫn quyết tâm chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Tất cả đều bị hy sinh và bị bắt. Trận tiến công tiêu diệt đồn và giải phóng ấp Gộp không thành. Song đã thể hiện rõ ý chí ngoan cường và tinh thần quyết tử cho tổ quốc quyết sinh của bộ đội ta. Nhân dân mến phục, tin yêu; quân thù kinh hoàng, khiếp sợ!

Cuối tháng 10 năm 1972, bộ phận trinh sát của đơn vị 450 cùng C5 đặc công đánh sập trụ sở cuộc cảnh sát ấp Gò. Bọn cảnh sát, bình định nông thôn và thanh niên chiến đấu tháo chạy - một số bị thương vong nặng. Tên Lê Hai cũng bị thương trong trận này.

Sáng ra chị Nguyễn Thị Thìn, cơ sở binh vận đã vận động được 30 chị em có người thân bị địch bắt canh giữ ấp, kéo đến cuộc cảnh sát đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng. Chúng đã hứa sẽ không bắt thanh niên canh gác trụ sở cuộc cảnh sát nữa.

Phối hợp với chiến trường toàn tỉnh trong chiến dịch "Chôm lên" trước khi Hiệp định Paris có hiệu lực. Hồng Sơn vẫn là xã trọng điểm của huyện Thuận Phong. Ấp Gò, ấp Gộp vẫn là mục tiêu chính để ta tiến công địch và cấm cờ, giữ đất, giành dân.

Đêm 18, rạng 19 tháng 12 năm 1972, C5 đặc công, đơn vị 450 cùng du kích xã và đội công tác Gò tiến đánh ấp Gò. Ta dùng pháo từ xa đập vào không chế đồn Gò. Lực lượng tiếp cận dùng mìn DH, thủ pháo, B40, B41, trung liên và tiểu liên đồng loạt nổ vào các mục tiêu. Chưa đầy 20 phút chiến đấu, quân ta làm chủ hoàn toàn trận địa; đánh sập trụ sở phân chi khu cảnh sát, 4 lốc công sự, diệt tại chỗ 8 tên cảnh sát, 2 tiểu đội bảo an, 1 toán thanh niên chiến đấu, thu toàn bộ vũ khí.

Sau trận này, tề, ngụy ở đây dao động mạnh, nhiều tên cầu an, rã ngũ, phong trào quần chúng được nâng lên; công tác binh vận càng thêm thuận lợi. Về ý nghĩa của đợt hoạt động quân sự năm 1972 của ta ở Hồng Sơn không chỉ có tác dụng tiêu hao sinh lực địch, hỗ trợ phong trào 2 chân, 3 mũi tại chỗ mà còn thu hút được lực lượng địch từ các nơi tập trung vào đây đối phó; tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào toàn huyện đồng loạt vươn lên.



CHƯƠNG VI

ĐÁNH CHO NGỤY NHÀO - GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1973 - 1975)

Những ngày cuối tháng 01 năm 1973, lực lượng ta áp sát đồn bót và các ấp chiến lược. Các đơn vị 482, C5 đặc công, đơn vị 450; đơn vị trưởng A (trưởng Quân sự tỉnh) và du kích xã Hồng Sơn phối hợp nhau bao vây địch. Đơn vị C5 đặc công thường xuyên bám sát dọc phía đông Sông Cạn; từ cầu Ông Tâm đến cầu Bằng Lăng.

Về phía địch cũng chuẩn bị tăng cường lực lượng phòng thủ những nơi trọng yếu; chúng đưa thêm một đại đội bảo an 423 do trung úy Khang chỉ huy đến đóng dã chiến ở khu vực ruộng Sạn để hỗ trợ cho 2 ấp Gò và Gộp.

Thực hiện kế hoạch "Chôm lên"; phối hợp với chiến trường toàn huyện, đêm 26 rạng sáng 27 tháng 01 năm 1973, cùng với các lực lượng trên, quân dân xã Hồng Sơn đã áp sát các mục tiêu quy định để cấm cờ, giữ đất, giành dân. Ngày 27 tháng 01 năm 1973 một bộ phận của các đơn

vị: 482, 450, C5, Trường A, đội công tác và du kích xã Hồng Sơn đào hầm ém quân dọc 2 bên quốc lộ I và dọc Suối Đá (thôn 4); những nơi thuận lợi ta đều bố trí hệ thống chông mìn, công sự phòng thủ.

Đúng 11 giờ 30 phút giờ Paris ngày 27 tháng 01 năm 1973 Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được ký kết và đúng 7 giờ ngày 28 tháng 01 năm 1973, Hiệp định Paris chính thức có hiệu lực thi hành.

Hừng sáng ngày 28 tháng 01 năm 1973 trước khi Hiệp định Paris có hiệu lực, cờ Giải phóng đã tung bay khắp nơi dọc Sông Cạn, Suối Đá, trên hầu hết các ngọn cây cao ngoài đồng ruộng. Ta áp sát vùng giáp ranh phát loa kêu gọi địch ở trong ấp, trong đồn nên thực hiện lệnh ngừng bắn theo đúng tinh thần của Hiệp định. Ngay trong 2 ấp Gò và Gộp đều có cơ sở lãnh đạo quần chúng nổi dậy rải truyền đơn, dán khẩu hiệu, làm công tác binh vận. *Giờ phút thanh bình trong ngày lịch sử được nhân dân hằng mong đợi chỉ diễn ra ở Hồng Sơn thật vô cùng ngắn ngủi, vồn vện trong một giờ đồng hồ.* Khoảng 8 giờ sáng ngày 28 tháng 01 năm 1973, ở hướng Tây xã

Hồng Sơn (thôn 4), tên Tâm dẫn một trung đội địch từ Ma Lâm thọc qua định nhỏ cờ của ta. Thế là cuộc chiến đấu lại bắt đầu tiếp diễn. Trong tư thế sẵn sàng và cảnh giác, quân ta đánh trung đội do tên Tâm chỉ huy tháo chạy. Kể từ đó cuộc giằng co quyết liệt trong việc giữ cờ, giành đất đã diễn ra dọc quốc lộ I, Sông Cạn, Suối Đá và rừng Ông Rắc...

Cùng thời gian ấy, ở hướng Đông quốc lộ I bọn tiểu khu Bình Thuận tăng cường 3 đại đội bảo an bung ra đánh chiếm vùng giải phóng xã Hồng Sơn. Khoảng 9 giờ cùng ngày (28/01/1973) một tốp lính địch lọt vào trận địa phục kích của C5. Quân ta chờ địch đến gần mới đồng loạt nổ súng, diệt gần hết toán lính đi đầu. Bị đánh bất ngờ chúng lùi lại chiếm địa hình để chống trả.

Bọn bảo an kêu cứu nên Tiểu khu Bình Thuận lập tức tăng cường 3 chiếc máy bay lên bắn phá phía sau trận địa và dọc bờ sông Cạn. Đến 10 giờ cùng ngày bộ binh địch tổ chức tấn công ta lần thứ hai. Cũng như đợt một, C5 ngoan cường diệt tiếp một số tên, bọn địch vừa lùi lại vừa gọi thêm không quân và pháo binh chi viện. Từ 11 giờ 30 đến 14 giờ ngày 28 tháng 01 năm

1973, đơn vị C5 tiếp tục đánh lui hai đợt tiến công nữa của địch. Đến lúc này mũi thứ 3 của C5 có sự tổn thất; đồng chí Kháng hy sinh, đồng chí Phúc bị thương. Để bảo toàn lực lượng, đến 15 giờ cùng ngày, Ban chỉ huy đại đội ra lệnh lui quân về thôn 2 xã Hồng Sơn.

Sau một ngày chiến đấu quyết liệt, quân ta đẩy lui 4 đợt phản kích và tiêu hao nhiều sinh lực địch; chúng phải dùng 3 chiếc xe GMC và trực thăng chở xác và số thương vong về Phan Thiết. Đây là trận ta đánh phủ đầu trừng trị địch vi phạm Hiệp định Paris. Cờ Mặt trận dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam vẫn tiếp tục được giữ vững và tung bay ngạo nghễ bao quanh 2 ấp chiến lược Gò và Gộp.

Miền cưỡng, do dự trước sức ép của tiểu khu Bình Thuận, sáng ngày 29 tháng 01 năm 1973 trung úy Khang buộc lòng phải đưa đại đội 423 ra vùng ta để nhỏ cờ trong tâm trạng hoang mang lo sợ. Do đó khi các chiến sỹ C5 nổ súng; Khang lập tức hạ lệnh lui quân, rút về ém dọc quốc lộ I. Vì phải chấp hành mệnh lệnh của cấp trên, đến 13 giờ cùng ngày Khang cho quân xông vào khu vực cấm cờ của ta. Lập tức một số tên bị đèn tội; số

còn lại giường cờ trắng xin hàng. Nhân đó C5 cũng dừng bắn, cử cán bộ ra gặp trung úy Khang. Ta tranh thủ làm công tác binh vận và tặng cho y 3 lon lương khô (thịt rừng). Khang trình trọng đưa hai tay đón nhận.

Ngày 30 tháng 01 năm 1973, cũng tại khu vực Bàu Đá (Sở Thầy Thông) phía Đông quốc lộ I, lần thứ hai Khang trực tiếp gặp gỡ bắt tay cán bộ của C5; hai bên bàn bạc việc thực hiện nội dung Hiệp định Paris. Lần này trung úy Khang tặng lại cho chiến sỹ ta một quyển tiểu thuyết để bày tỏ tình thân mật.

Ngày 31 tháng 01 năm 1973, lần thứ 3 đại đội bảo an 423 lại kéo quân vô Bàu Đá xin vào thăm đơn vị ta. Đại đội 5 không đồng ý; Khang rút quân về ấp.

Biết được tình hình Khang thường gặp gỡ quân giải phóng, đại tá tỉnh trưởng Ngô Tấn Nghĩa lồng lộn tức tối và ra lệnh cho bọn sỹ quan tâm lý chiến bám theo đại đội 423 gặp quân ta để nắm tình hình. Qua lần gặp gỡ này đồng chí Thanh, đại diện quân Giải phóng đã tố cáo địch vi phạm Hiệp định và tuyên bố: các anh ra khỏi ấp là đã vi phạm Hiệp định. Đối đáp qua lại đến

trưa địch rút quân ra quốc lộ I rồi gọi loa phóng thanh vào yêu cầu ta lui quân để chúng tập dượt pháo binh. Ngay sau đó, địch bắn pháo vào trận địa của ta. Ngày hôm sau tên Ngô Tấn Nghĩa trực tiếp đến ấp Gò hò hét, đốc thúc đại đội 423 đưa quân ra đánh phá và y hăm dọa sẽ cho pháo binh, không quân đến hủy diệt vùng giải phóng.

Tiếp đó bộ đội địa phương và du kích xã liên tục bám trụ giữ đất, giữ cờ kéo dài hơn 15 ngày đêm. Trong những ngày tranh chấp vào đầu tháng 02 năm 1973, tên đại úy Quý, đại đội trưởng đại đội 784 rất ngoan cố, hấn hô hào, xua lính thực hiện âm mưu phá hoại Hiệp định Paris. Binh lính thì dao động, chửi bới chỉ huy hiếu chiến. Nhân dân thấy rõ dã tâm của địch và hân hoan chào đón Hiệp định, cơ sở cốt cán đẩy mạnh công tác binh vận, kêu gọi binh lính quay về với Cách mạng, với nhân dân.

Riêng trung úy Khang, đại đội trưởng đại đội 423 mới tăng cường đến ấp Gò, tỏ ra bối rối không biết phải nghe lệnh của cấp trên hay thi hành Hiệp định Paris. Hắn đã chủ động gửi thư báo cho quân Giải phóng biết kế hoạch của địch sẽ đánh vào những nơi mà chúng hẹn để gặp phái đoàn của ta. Đồng thời thỏa thuận: nơi nào đơn vị

của Khang đóng quân sẽ có đốt lửa, yêu cầu quân Giải phóng dừng qua lại, để tránh phải va chạm nhau. Tình hình ấy chứng tỏ nội bộ địch lúng củng, không thống nhất ngay trong bọn chỉ huy và tinh thần sa sút mệt mỏi, ngao ngán chiến tranh của binh lính Ngụy lúc bấy giờ. Những năm 1971 - 1975, sợ ta vô hiệu hóa binh lính và để đối phó với công tác binh vận, địch thường xuyên luân chuyển, hoán đổi các đơn vị đóng quân ở 2 ấp chiến lược cũng như ở 2 đồn Gò và Gộp.

Những năm 1973 - 1975, địch tiếp tục tăng cường, củng cố bộ máy, đánh phá vùng căn cứ, vùng bản lề, kèm dân và phòng thủ 2 ấp chiến lược Gò và Gộp. Ngoài lực lượng thường trực tại chỗ, địch thường tăng cường thêm những toán lính thám kích, viễn thám của tiểu khu Bình Thuận, một toán biệt kích của phòng nhì, một tiểu đoàn bảo an từ Ma Lâm và một đại đội bảo an khác ở yếu khu Phú Long tập trung đánh phá xã Hồng Sơn. Chúng vẫn ngoan cố tiếp tục phá hoại, vi phạm Hiệp định, lấn chiếm, càn quét, đột, phục kích, gây xung đột vũ trang. Được sự hà hơi tiếp sức của các lực lượng trên, bọn địch ở xã Long Phú không ngừng gây tội ác với nhân dân ngày càng tinh vi, nham hiểm.

Những năm 1973 - 1974, thực hiện âm mưu bình định lấn chiếm, địch liên tục hành quân càn sâu vào bàn đạp, vùng căn cứ giải phóng; gây nhiều thiệt hại về tính mạng, tài sản của nhân dân cũng như các lực lượng đứng chân ở đây. Trong áp chiến lược, địch dùng mọi thủ đoạn quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, tâm lý, hù dọa, lừa mị quần chúng. Địch đầu độc thanh niên, khuyến khích, khen thưởng những tên ác ôn có thành tích trong việc phá tư tưởng tình cảm, hạnh phúc gia đình vợ, con của cán bộ ta.

Quân dân Hồng Sơn phải đương đầu trước nhiều khó khăn, ác liệt trong những năm 1971 - 1974 là bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân:

Một là, do địch dồn dân, lập ấp. Ta mất dân, mất cơ sở, mất bàn đạp. Chúng kềm dân, quản thúc cơ sở quá chặt nên việc tiếp xúc giữa ta với đồng bào bị cách trở, hạn chế.

Hai là, địch có nhiều thủ đoạn đánh phá như: kết hợp nhiều lực lượng, đánh bằng nhiều hình thức, vừa càn quét lớn vừa dùng lực lượng nhỏ đánh vu hồi, đánh cải trang, đánh vận động... làm cho ta liên tiếp bị tổn thất, hy sinh. Đến tháng 10 năm 1972 đội công tác ấp Gò còn vỏn vẹn 5 đồng chí.

Ba là, bọn chiêu hồi như: Hai Đen, Sơn Kè, Lê Văn Phúc, Lê Thanh Sơn... là những tên hiệu biết tình hình, cơ sở cốt cán của Hồng Sơn. Bọn này kèm kẹp, khống chế làm cho cơ sở ở trong áp thiếu an tâm công tác. Hai năm 1973 - 1974, nhiều Đảng viên, du kích mật phải liên tiếp thoát ly, lực lượng của ta trong các ấp chiến lược bị mỏng dần.

Trên cơ sở đó, huyện ủy Thuận Phong chủ trương: đẩy mạnh 3 mũi giáp công tại xã, ấp, trên cả 3 vùng theo phương thức tổng hợp. Xây dựng phát triển phong trào du kích chiến tranh, xây dựng 3 thứ quân đông về số, mạnh về chất. Xây dựng vùng giải phóng, khôi phục phát triển kinh tế địa phương. Trong đấu tranh kết hợp giữa tấn công quân sự, chính trị, binh vận và pháp lý Hiệp định, từng bước làm tan rã ngụy quân, ngụy quyền, vươn lên làm chủ ở xã, ấp.

Căn cứ vào chủ trương của huyện và tình hình của xã, Đảng bộ xã Hồng Sơn đề ra nhiệm vụ cụ thể cho từng vùng. Đối với phía trước ta củng cố, tăng cường các đội công tác tích cực bám sát phát động, lãnh đạo quần chúng đánh

địch bằng 3 mũi giáp công: chính trị, quân sự và binh vận. Kết hợp chặt chẽ lực lượng trong ấp với bên ngoài, giữa chính trị, quân sự và binh vận. Kiên quyết diệt ác, tiêu hao, tiêu diệt lực lượng hỗ trợ kèm của địch. Từng bước tạo thế cho dân trong ấp đấu tranh bùng ra và ở lại vườn đất cũ. Tích cực vây ép, phá đường bắn tỉa, tiến lên bức rút đồn bót của địch. Trên cơ sở thực lực sẵn có, ta tiếp tục phát triển, củng cố tổ chức chi bộ, chi đoàn, các đoàn thể Cách mạng trong ấp.

Đối với vùng căn cứ giải phóng, xã chủ trương kiên quyết đánh địch càn quét, bảo vệ vùng giải phóng, bảo vệ sản xuất; củng cố và phát triển du kích chiến tranh, tăng cường bố phòng chống địch, phát triển dân quân du kích, huy động nhân lực làm nghĩa vụ hỗ trợ với phía trước đồng thời sẵn sàng làm nhiệm vụ phía sau.

Để đủ sức lãnh đạo, nâng dần phong trào lên theo yêu cầu mới và xuất phát từ tình hình thực tế trong toàn huyện; công tác tổ chức cán bộ cũng được chuyển đổi, sắp xếp cho phù hợp. Từ giữa năm 1972 đến đầu năm 1974, bộ máy tổ chức và lực lượng cán bộ của xã Hồng Sơn liên tiếp có sự thay đổi và được kiện toàn.

Để nắm dân trong 2 ấp chiến lược lần lượt bung về đất cũ ngày càng đông; Thường vụ huyện ủy huyện Thuận Phong chỉ đạo hình thành nhiều đội công tác. Ở ấp chiến lược Gộp; giữa năm 1972 đồng chí Huỳnh Thị Cúc được điều về huyện, đồng chí Trần Hữu Đức làm đội trưởng đội công tác Gộp. Đến cuối năm 1972 huyện ủy tăng cường đồng chí Nguyễn Văn Ly về làm đội trưởng, đồng chí Võ Minh Quốc làm đội phó. Đội công tác này được chia thành 2 mũi phụ trách 2 ấp nhỏ: Long Lâm và Hoa Tân. Đến giữa năm 1973, huyện ủy Hàm Thuận cho hình thành thêm một đội công tác do đồng chí Nguyễn Văn Thường làm đội trưởng, đứng chân ở xã Hàm Trí để lãnh đạo quần chúng ở thôn Dân An bị địch gom vào ấp Long Lâm. Từ cuối năm 1973 đến năm 1975, đội công tác Gộp được tách đôi; đồng chí Ly làm đội trưởng phụ trách ấp Long Lâm đứng chân ở xã Hồng Liêm. Đồng chí Phan Thị Tánh làm đội trưởng phụ trách ấp Hoa Tân đứng chân ở xã Hồng Sơn. Như vậy đến thời điểm này tại ấp chiến lược Gộp ta có 3 đội công tác nắm dân của 3 xã: Hồng Sơn, Hồng Liêm và Hàm Trí.

Ở ấp chiến lược Gò, đội công tác Gò cũng có những thay đổi. Trước tình hình các đội công tác

bị tổn thất; tháng 10 năm 1972 huyện ủy Thuận Phong chủ trương giải thể đội An ninh vũ trang huyện, tăng cường lực lượng cho các đội công tác. Đồng chí Nguyễn Huy Hoàng nguyên đội trưởng đội An ninh vũ trang được bổ sung về làm đội phó đội công tác Gò, kiêm xã đội trưởng. Đến tháng 4 năm 1973 đồng chí Võ Thị Lành được điều về tỉnh; đồng chí Hoàng được đề bạt thay đồng chí Lành, làm đội trưởng đội công tác Gò.

Đến cuối năm 1973 tổ chức Đảng, đội công tác xã Hồng Sơn tiếp tục được củng cố để đủ sức thống nhất lãnh đạo các lực lượng phía sau và phía trước, tập trung sức tấn công địch. Thực lực của toàn xã Hồng Sơn được thống nhất tổ chức với hình thức như một Đảng ủy. Cấp ủy của Đảng bộ xã được thành lập gồm 7 đồng chí và được phân công phụ trách như sau: đồng chí Nguyễn Huy Hoàng làm bí thư; đồng chí Tống Thanh Giang làm phó bí thư, đồng chí Phạm Văn Bằng đảng ủy viên làm chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng xã, đồng chí Nguyễn Hoàng Lân làm xã đội trưởng⁽¹⁾ đồng chí Dương Hữu Ba làm trưởng

(1) Đầu năm 1975 đồng chí Lân đi học, đồng chí Nguyễn Văn Bảy làm xã đội trưởng.

công an xã, đồng chí Hồ Thị Kim làm bí thư xã Đoàn, đồng chí Phan Thị Phương - đảng ủy viên phụ trách các chi bộ bên trong ấp Gò. Đồng chí Phan Thị Tánh - đội trưởng đội công tác ấp Long Lâm (Gộp) được phân công sinh hoạt ghép cùng với Chi bộ đội công tác ấp Gò. Đồng chí Lê Đình Nguyên, ủy viên thường vụ huyện ủy cũng được lãnh đạo huyện tăng cường xuống đứng chân trực tiếp chỉ đạo toàn diện các phong trào ở xã Hồng Sơn.

Lúc bấy giờ toàn Đảng bộ có 4 chi bộ: 29 đảng viên. Chi bộ đội công tác có 10 đảng viên, Chi bộ căn cứ có 10 đảng viên; 2 Chi bộ trong ấp có 9 đảng viên. Đồng chí Nguyễn Thị Hương cán bộ phụ nữ huyện về phụ trách hội trưởng Hội phụ nữ xã, đến năm 1974 đồng chí Phan Thị Phương làm hội trưởng Hội phụ nữ xã. Đồng chí Lê Văn Sửu tiếp tục làm trưởng nông hội.

Lực lượng vũ trang xã có một Ban chỉ huy xã đội gồm 5 đồng chí, một tiểu đội du kích xã có 8 chiến sỹ, hai tiểu đội du kích thôn có 19 chiến sỹ, 2 đội du kích mật có 17 em (7 nam, 10 nữ); 2 Ban chỉ huy thôn đội (4 đồng chí) phụ trách thôn 1 và thôn 2. Lực lượng vũ trang xã được trang bị một đại liên, một cối 60 ly, 2 trung liên, 5 tiểu liên, 4

súng trường, 1 khẩu súng M 79. Anh Nguyễn Văn Sáu chỉ huy lực lượng du kích căn cứ.

Ban chấp hành xã Đoàn gồm 4 đồng chí; lúc đầu có 3 chi đoàn, 16 đoàn viên (1 chi đoàn đội công tác có 6 đoàn viên, 1 chi đoàn phía trước ở trong ấp có 4 đoàn viên, 1 chi đoàn căn cứ có 6 đoàn viên). Có một đội thiếu niên tiên phong gồm 12 em. Có 5 Ban cán sự giới ở các thôn gồm 14 cán bộ.

Về chính quyền, có 5 thành viên trong Ủy ban nhân dân Cách mạng xã. Ngoài ra còn có 2 cán bộ an ninh, 1 cán bộ binh vận, 2 cán bộ phụ nữ xã.

Nhờ thống nhất và củng cố lực lượng với sự phối hợp nhịp nhàng chặt chẽ, phong trào toàn xã vươn lên rõ nét. Tính đến năm 1974 ta phát triển thêm 36 thực lực gồm 4 du kích thoát ly, 1 du kích mật, 3 cán sự phụ nữ, 11 hội viên phụ nữ, 4 thanh niên, 7 thiếu niên tiên phong, 2 quần chúng cảm tình; đặc biệt là ta đã thành lập thêm bên trong ấp Gò một chi bộ bí mật gồm 4 đảng viên.

*

* *

Những năm 1969 - 1975 vùng căn cứ của huyện Thuận Phong nói chung, xã Hồng Sơn nói riêng vẫn gặp nhiều khó khăn. Địch tập trung mọi phương tiện chà xát vùng này bằng nhiều thủ đoạn: quân sự, kinh tế, chiến tranh tâm lý, gián điệp, chiêu hồi ... Đặc biệt đến đầu năm 1974, tên Lê Văn Phúc chạy chiêu hồi, hấn dẫn biệt kích cải trang dưới dạng đi đào đồng, bắt ong, dùng vũ khí tinh gọn đánh liên tục gây cho ta nhiều tổn thất. Địch đánh phá các khu vực sản xuất, kho tàng, hành lang, bàn đạp nhằm xúc, tạt dân vào các ấp chiến lược; làm mất chỗ dựa, hậu cần trực tiếp của ta.

Việc xây dựng căn cứ, vùng giải phóng, xây dựng hậu phương trực tiếp tại chỗ là nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của huyện Thuận Phong nói chung, xã Hồng Sơn nói riêng. Đến cuối năm 1970, vùng căn cứ Hồng Sơn còn lại 20 người, chủ yếu là sinh lực. Đây là số cốt cán, không vào ấp chiến lược, bám trụ lại thành lập thôn căn cứ giải phóng tiếp tục sản xuất và chiến đấu. Đến tháng 5 năm 1973 Tỉnh ủy Bình Thuận thành lập Ban cán sự căn cứ Lê Hồng Phong, gồm các đồng chí: Nguyễn Đức Lương, Nguyễn Thoang, Hồ Văn Lợi, Phan Hòa Bình. Ban cán sự này chỉ đạo

xây dựng 8 xã căn cứ: Hồng Liêm, Hồng Sơn, Hồng Trung, Hồng Thanh, Hồng Thịnh, Hồng Lâm, Hồng Chính, Hồng Tân; có khoảng 1.000 dân và sinh lực chiến đấu. Từ đó căn cứ Hồng Sơn cũng từng bước được củng cố; từ 20 người (1970), dần dần phát triển lên trên 50 dân (1974). Đồng bào ở đây đã đẩy mạnh các công tác chính như: Phát triển sản xuất và phong trào nhân dân du kích chiến tranh, chiến đấu bố phòng, đánh chống càn, cung cấp nhân tài vật lực; bố trí lực lượng canh gác báo động, báo an đưa dân đi tránh lánh, tham gia dân công chiến trường, tải thương, tải đạn.

Với sự trưởng thành đó, ta đã thành lập được Ban chỉ huy xã đội; một tiểu đội du kích căn cứ gồm 13 chiến sỹ được trang bị khá hiện đại: 1 đại liên, 2 trung liên, 1 cối 60 ly, 1 súng trường phóng AT chống tăng và 1 súng bá đờ có máy ngắm. Bên cạnh đó mỗi thôn còn có một Ban chỉ huy thôn đội và một tiểu đội du kích thôn.

Nhiều tay súng mưu trí, gan dạ, khiến bọn địch phải kiêng nể, nhất là đối với anh Chín Tấn. Mỗi lần nghe trung liên, đại liên anh khạc đạn là địch chùn chân, không dám tiến sâu vào căn cứ.

Anh thường chờ địch đến gần hoặc di chuyển, vận động bám sát địch; những loạt đạn từ tay súng của anh thường gây thương vong cho địch nên chúng khiếp sợ và kháo với nhau về tài xạ thủ của anh Chín Tấn.

Phong trào rào làng chiến đấu, đánh công bố phòng bảo vệ căn cứ cũng rất đa dạng. Địch đánh rất và hiểm hóc, căn cứ xã Hồng Sơn phải hàng chục lần di chuyển, đổi dời nhưng ổn định thường xuyên nhất là trụ ở khu vực cây kén ông Vinh. Có lúc nhân dân, du kích, đội công tác đã xây dựng khu phòng thủ (hàng rào) dài gần 5.000 mét, rộng trên 50 mét liên hoàn và đánh đủ các loại chông: chông hầm, chông cọc, chông ngấn, đặc biệt có loại chông dài trên 1 mét. Dân quân du kích còn sáng tạo chặt cây, rập chà hoặc vót cọc nhọn dài 2 mét cắm dày ở những bãi đất trống, không cho máy bay trực thăng nhả cóc, đổ quân. Riêng năm 1974 toàn xã đã bố phòng 117 trái nổ, cắm 33.000 chông, 17 hầm chông sắt và góp hàng trăm ngày công phục vụ phía trước. Nhiều trận càn địch bị sụp chông phải khiêng xác nhau về. Đúng là:

"Khu Lê đi dễ, khó về.

Lính đi bỏ xác, quan về rút lon".

Trong những năm dài 1969 - 1975, căn cứ xã Hồng Sơn đã hình thành những địa danh thân thương in đậm vào tình cảm, ký ức của những người kháng chiến như "Đồi Đổ Gạo" trên khu vực cây Ké ông Vinh thuộc thôn 2 - nói lên cảnh khó khăn ác liệt; đồng bào chiến sỹ đang nấu cơm, địch càn vào phải đổ gạo, mang soong mà chạy. Đáng nhớ nhất là "Ngã ba đọi chờ" thuộc khu vực giáp ranh giữa thôn 2 và thôn 3. Đây là ngã ba nối liền 3 hướng, 3 tuyến đường: Trùng Tre đi ra, Bàu Bèo đi xuống, từ thôn 2 đi lên. Nơi đây có rừng cây Tâm lang rậm mát, có hầm trú ẩn; nên đã trở thành điểm hẹn của các lực lượng, các đơn vị gặp nhau sau mỗi trận đánh, những chuyến đi công tác trở về hoặc tụ hội về đây trước khi chia tay nhau để vào chiến dịch.

Căn cứ Hồng Sơn còn là nơi đứng chân, nghỉ quân, an dưỡng của các lực lượng cấp trên. Sau khi có Hiệp định Paris, dân trong ấp lần lượt về đất cũ đông hơn để phát triển sản xuất và tiếp xúc với Cách mạng. Kể từ đó, đồng bào căn cứ cùng nhân dân trong ấp đã cung cấp cho ta nhiều lương thực, thực phẩm; đóng thuế nông nghiệp, hoặc ủng hộ lúa gạo. Có gia đình nhận đỡ đầu, nuôi

dưỡng thương binh, cán bộ, chiến sỹ đang đau yếu.

Từ năm 1973 trở đi, trên địa bàn xã Hồng Sơn luôn diễn ra nhiều trận đánh trừng trị địch vi phạm Hiệp định, thể hiện sự phối hợp nhịp nhàng giữa 3 lực lượng, 3 mũi giáp công.

Với mục tiêu phá lỏng, nhão, rã, banh ấp chiến lược Gò; đồng thời để trừng trị bọn lính viễn thám đóng tại ấp Gò thường lục xét dân mỗi khi ra vào cổng ấp; tối đến chúng còn rình từng nhà, phạt vạ những ai treo đèn bị tắt; chị Nguyễn Thị Phương phân công anh Võ Văn Mười, cơ sở nội tuyến trong lính dân vệ cung cấp qui luật đi lại của bọn này. Đêm ngày 03 tháng 02 năm 1973 với sự phối hợp của lực lượng trong ấp, các đơn vị C5 đặc công, đội công tác Hồng Sơn và đơn vị 450 đột nhập vào ấp Gò đánh sập 1 lô cốt, tiêu diệt 1 trung đội lính viễn thám; trong đó có tên Sanh rất hung hăng.

Vào một hôm, ta tổ chức cho dân trong ấp Gò ra vùng giải phóng xem phim; do có điệp báo nên chiều dân trở về ấp bị địch bắt giam vào cuộc cảnh sát. Sáng hôm sau địch đóng cổng ấp ra lệnh

giới nghiêm. Chúng định ép đồng bào đi biểu tình, tố cáo, đả đảo "Việt Cộng". Nhờ kịp thời nắm được âm mưu ấy của địch, nên đồng chí Phan Thị Phương (Nhâm) phân công cho em Nguyễn Thị Định tìm mọi cách chuyển gấp báo cáo đến đội công tác. Em Định mang thư hỏa tốc vượt rào ấp chiến lược bung chạy vào rừng, mặc cho địch phát hiện bắn theo.

Nhận được đề nghị của chi bộ bên trong, lực lượng bên ngoài triển khai ngay kế hoạch hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng. Khi địch bắt dân 2 ấp Gò và Gộp mang băng rôn khẩu hiệu đi biểu tình. Chúng định cho 2 đoàn người gặp nhau ở cống Thợ Bảy để làm mittinh tố cáo Cách mạng. Nhưng khi 2 đoàn người mới khởi hành thì du kích xã Hồng Sơn áp sát bờ sông Cạn, dùng pháo cối 60 ly bắn chặn đầu, làm hỏng một xe thông tin (tâm lý chiến) và bị thương một tên tâm lý chiến. Được sự lãnh đạo trước của ta, nên khi nghe súng nổ đồng bào la khóc bỏ hàng ngũ chạy về nhà. Thế là âm mưu của địch hôm ấy hoàn toàn bị thất bại.

Đêm 02 rạng ngày 03 tháng 5 năm 1973, đơn vị C5 đặc công đột nhập tiến công vào cuộc cảnh

sát tại ấp Gò. Hai quả mìn đồng loạt nổ, một lần nữa cuộc cảnh sát bị phá tan tành. Liên theo đó lựu đạn và tiểu liên của ta đánh cấp tập vào các mục tiêu đã phân công. Sau 15 phút chiến đấu, ta phá hủy trụ sở ấp và 4 lô cốt của lính dân vệ, diệt tại chỗ 22 tên, thu 6 súng trong đó có một đại liên. Trên đường rút quân do chủ quan và thiếu cảnh giác, địch phản kích ta hy sinh một và bị thương một đồng chí, mất một súng B41.

Tác dụng lớn sau các trận đánh trên là trụ sở ấp và trụ sở cuộc cảnh sát ấp Gò bị tiêu diệt; bọn bảo an dân vệ giữ ấp hoang mang dao động, bọn tề điệp ác ôn không dám ngủ tại ấp, ban đêm chúng phải rút về Phú Long và Phan Thiết; tạo điều kiện cho cơ sở, quần chúng trong ấp hoạt động dễ dàng hơn.

Đêm 25 tháng 3 năm 1974, C5 đặc công và đơn vị 450 lại tập kích vào ấp Gò. Quân ta chia thành 2 mũi bí mật luồn sâu, ém sát vào các mục tiêu. Đúng 0 giờ 30 phút ta dùng B40 thổi sập các lô cốt, tiếp theo là thủ pháo, lựu đạn đánh phủ đầu. Địch hốt hoảng không kịp chống trả. Sau 5 phút tấn công chớp nhoáng, ta đã diệt 29 tên địch và rút quân an toàn.

Ngày 09 tháng 8 năm 1974, du kích xã Hồng Sơn phối hợp với đơn vị 482 đánh phục kích trên quốc lộ I đoạn giữa 2 ấp Gò và Gộp, loại khỏi vòng chiến đấu một trung đội thuộc đại đội 2 của tiểu đoàn 275 bảo an; ta thu được 5 súng.

Sau những trận đánh liên tiếp, bọn lính bảo an và bộ máy kèm ở đây bắt đầu hoang mang và rệu rã; các phong trào đấu tranh chính trị, binh vận, chống bắt lính, chống địch khủng bố có hiệu quả hơn; đồng bào rủ nhau về đất cũ cất chòi ở lại ngày một đông hơn. Mức độ làm chủ của quần chúng ở 2 ấp Gò và Gộp đã chuyển lên thế mới.

Bên cạnh những trận đánh phối hợp với các lực lượng trên; những năm 1973 - 1975, du kích thoát ly xã Hồng Sơn còn tổ chức hơn 50 trận đánh độc lập, gây cho địch nhiều tổn thất; sôi động và hiệu quả nhất là những trận đánh từ tháng 9 năm 1974 đến tháng 4 năm 1975.

Vào tháng 9 năm 1974, lực lượng ta gồm 12 chiến sỹ do đồng chí Nguyễn Văn Sáu chỉ huy, chia làm 3 tổ, phục kích đánh bọn bảo an ở ấp Gò ra mở đường. Trận địa được bố trí cách đồn Gò khoảng 600 mét (bàu Ông Bộ). Vừa hừng sáng, một đại đội địch, chia làm 3 mũi tiến vào trận địa

của ta; chúng vừa đi vừa bắn. Toán đi đầu lọt vào ổ phục kích. Quân ta nổ súng diệt gọn một tiểu đội. Số còn lại chống trả quyết liệt. Chúng gọi máy bay ném bom và bắn pháo yểm trợ. Sau 10 phút chiến đấu, khẩu đại liên của du kích bị kẹt đạn nên ta phải rút quân. Trong 6 tên địch bị diệt có một chuẩn úy, một trung sỹ; ta bắn hỏng một máy PRC 10, làm thiệt hại nặng một trung đội thuộc đại đội bảo an 784.

Tiếp đó giữa tháng 10 năm 1974, được cơ sở báo tin có một tiểu đội địch ở đồn Gò bung duỗi vào thôn 2 (khu vườn dừa của ông Việc Thơ); anh Sáu liền chỉ huy du kích căn cứ dùng trung liên và tiểu liên đánh vận động. Ta diệt được 2 tên địch, thu được 1 súng AR 15, một ống dòm và 1 la-bàn.

Cũng như trận đánh trước, tháng 11 năm 1974 được du kích mật cung cấp tình hình, ta nắm chắc quy luật của bọn bảo an, thám kích mở đường thường bung duỗi, lùng sục ở dọc Suối Đá; trưa nắng chúng hay vào bụi cây mát để ăn, nghỉ. Đêm đến đồng chí Nguyễn Huy Hoàng hướng dẫn du kích dùng mìn tự tạo từ đầu đạn pháo 82 ly gài trong bụi Quao thuộc khu vực cầu Quần thôn 4. Trưa hôm sau một tiểu đội địch dẫm mìn

nổ tan xác. Sau trận này địch ít dám bung duỗi, việc đi lại của lực lượng ta thuận lợi hơn.

Vào một buổi chiều tháng 11 năm 1974, tổ du kích đi công tác từ thôn 4 về lại thôn 1; khi băng qua quốc lộ I thì ta phát hiện một chiếc xe địch từ ấp Gò chạy về hướng Phan Thiết. Dưới sự chỉ huy của các đồng chí Võ Văn Tri và Nguyễn Văn Bảy, quân ta áp sát 2 bên đường thuộc khu vực cống Hai Lý. Loạt đạn đầu tiên làm chết tên tài xế, chiếc xe lật nhào; các chiến sỹ ta xung phong đốt xe diệt thêm một tên nữa, thu quân trang quân dụng và rút lui an toàn.

Tiếp đó vào tháng 12 năm 1974, khi tổ du kích căn cứ gồm các anh: Phán, Sắt ... ra trinh sát tại rừng thôn 2 đã tao ngộ với bọn địch đang phục kích ở khu vực giao thông hào cây Kén. Quân ta chủ động nổ súng diệt địch chết một và bị thương một tên. Chúng khiêng xác nhau tháo chạy.

Vào một ngày đầu tháng 3 năm 1975, khoảng 15 giờ chiều, được du kích mật cho biết có địch đang kéo vào khu vực cây Sò do ông Bảy Sắt; hai đồng chí Nguyễn Văn Bảy và Nguyễn Văn Sáu huy động 6 du kích xã và 5 du kích thôn, chia thành 2 mũi vận động ra đánh địch. Quân ta đã đẩy lui địch từ bìa rừng thôn 2 ra đến gần sông

Cạn. Đến đây, địch lợi dụng địa hình trống trải, trụ lại chống trả quyết liệt và gọi pháo từ đồn Gộp bắn giải vây nên quân ta phải rút lui. Sau hơn 15 phút chiến đấu, ta đã diệt 5 tên và làm bị thương 7 tên địch, phá hủy một máy PRC 25. Chiến công này đã được tỉnh đội Bình Thuận cấp bằng khen.

Cùng với kết quả của các trận đánh trên, cơ sở binh vận liên tiếp rỉ tai, tác động tinh thần binh lính địch: "Thấy chưa, tại mấy ông không chấp hành Hiệp định Paris, lấn chiếm vùng giải phóng nên bị thiệt mạng". Kể từ ấy, bọn lính thường phản đối, đấu tranh chống lệnh khi bị cấp trên bắt đi phục kích hoặc hành quân càn quét.

Những năm 1969 - 1975, quân dân Hồng Sơn, Hồng Liêm liên tiếp phối hợp bao vây, khống chế đồn Gộp và một đoạn quốc lộ I. Trong đó hình thức bắn tỉa cũng góp phần quan trọng. Những tay súng bắn tỉa, bắn nheo chính xác của các anh Trần Ngọc Anh, Phan Công Tâm, Nguyễn Văn Thế, Trần Hồng Thanh... đã làm cho địch khiếp sợ và đã hạ thủ được nhiều tên địch ngay lúc chúng đang đứng trên vọng gác cũng như khi ngồi trong xe đang chạy trên đoạn đường này.

Ngoài việc cung cấp tình hình, rải truyền đơn, vận chuyển hàng hoá cho Cách mạng; lực lượng du kích mật ở 2 ấp chiến lược Gò và Gộp còn tổ chức hàng chục trận diệt ác tảo bạo, bắt ngờ. Những năm 1973 - 1975 có nhiều trận đánh tiêu biểu, không thể nào quên, biểu hiện sự gan dạ, dũng mãnh, mưu trí của các chị, các em thiếu niên.

Trước hết là trận diệt tên Nam, ấp phó an ninh ấp Gò. Sau nhiều phen chết hụt, dù rất khôn ngoan cảnh giác nhưng Nam vẫn không thoát khỏi sự đeo bám của du kích mật. Với thói quen của tên này là hay vào quán nhậu hàng đêm, nên tổ du kích mật sẵn sàng thế trận. Khoảng 20 giờ đêm 18 tháng 01 năm 1973, tên Nam đang ngồi nhậu trong quán Mười Thu, khi hơi men đã làm chúng ngà ngà thì Dương Hữu Quý ném quả M26 đúng ngay bàn nhậu. Nghe tiếng đạn rơi, Nam chửi: "Đ.M thằng nào ném đất vào mâm ăn". Trả lời câu hỏi của Nam là một tiếng nổ "Oành". Mâm nhậu bị hất lên tung tóe, bia và máu của bọn ác ôn chảy hòa vào nhau. Tên Nam chết ngay tại chỗ. Thế là rồi đời tên ác. Em Quý thoát thân an toàn.

Anh Đặng Văn Ngư hy sinh để lại 2 người con gái; trong đó cô bé Đặng Thị Nga, sinh năm 1960, giống cha như đúc; xinh gái, khỏe mạnh và gan dạ. Khi lớn lên nghe gia đình kể lại việc địch đã giết và băm xác cha, đánh ông nội của mình; lòng căm thù giặc trong em như ngẹt cháy. Đầu năm 1973, tuy với tuổi 13 nhưng Nga đã xung vào đội du kích mật ấp Gò. Ngoài mối thù chung của dân tộc, xóm làng đối với Nga còn một món nợ riêng của gia đình mà em phải trả. Sau khi được các anh trong đội công tác huấn luyện kỹ năng sử dụng vũ khí, Nga đã tự mang lựu đạn vào ấp cất sẵn trong phòng tắm, chờ dịp tốt là đánh địch. Táo bạo nhất là trận diệt tên Chín Cửa vào tháng 4 năm 1973.

Với sự chỉ đạo, hướng dẫn và động viên trực tiếp của đồng chí Phan Thị Phương, hai em Phan Thị Hồng và Đặng Thị Nga đã trở thành hai nữ chiến sỹ tí hon gắn bó, sát cánh bên nhau trong suốt quá trình hoạt động. Sau quá trình theo dõi, biết Cửa thường lui tới nhà tình nhân ở ấp Gò và có lúc ở lại đêm nên hai nữ du kích mật đã bàn nhau cách diệt tên ác ôn này. Đêm ấy, Hồng và Nga nhìn vào khe vách thấy Cửa đang ôm ấp, âu yếm cô vợ bé trên giường. Hồng cảnh giới, Nga

nhẹ nhàng chồm lên đầu vách ném quả đạn M26. Quả đạn lép không nổ; chiếc cần bung đánh "tách" rất khê nhưng cũng đủ làm cho tên ác vốn cảnh giác, nghi ngờ bật dậy quất đèn Pin xem xét. Y hỏi người tình: "Tiếng gì đấy"? Do quá đê mê, say đắm vì tình, cô ta trấn tĩnh: "Chắc mấy đứa nhỏ đi bắt dán về bầy giông, có gì mà anh hốt hoảng". Thế là tên Cửa yên tâm lên giường tiếp tục cuộc ái ân.

Biết tình hình chưa bị lộ; Nga và Hồng vội chạy u về nhà lấy quả đạn thứ hai. Đến nơi thấy Cửa vẫn còn đang say nồng bên ả nhân tình; nhớ lại hình ảnh giặc giết cha, hành hạ ông nội mình hơn 10 năm về trước, Nga tự nhủ: đây là dịp may hiếm có để đền nợ nước, trả thù nhà. Em rướn người chồm lên đưa tay qua đầu vách, ném quả đạn lần thứ hai chính xác. Một tiếng nổ chát chúa vang dậy, tên ác ôn ngã lăn quằn quại. Dịch gọi trực thăng chở hấn về Phan Thiết cấp cứu ngay trong đêm. Hồng và Nga chạy về nhà, dịch không sao tìm ra manh mối. Tuổi nhỏ của Hồng Sơn đã làm những việc như thế đấy!

Tên Ngô Ngọc Võ, ấp trưởng ấp Long Lâm (Gộp) rất lợi hại trong việc kèm dân, truy bắt cơ

sở. Đội công tác Gộp và du kích mật bám mãi nhưng chưa diệt được. Chiều ngày 03 tháng 5 năm 1973, Võ cày chưa xong mảnh đất nên để cày tại chỗ. Đêm ấy, em Nguyễn Văn Xin lên đến gài quả lựu đạn M26 dưới lưỡi cày. Sáng hôm sau (ngày 04/5/1973) khi Võ móc bờ vào cày tiếp; bờ vừa bước tới, một tiếng nổ bất thần đã xử tội tên ác ôn. Đồng bào, cơ sở hả dạ. Địch lòng sục bao vây truy bắt người gây ra tiếng nổ nhưng em Xin đã nhanh nhẹn chạy ra rừng và thoát ly từ đó.

Tên Lê Hai, cuộc trưởng cuộc cảnh sát xã Long Phú là đối tượng chính của các tổ du kích mật ở 2 ấp Gò và Gộp. Y đã hàng chục lần bị ám sát nhưng đều thoát chết. Ngày 25 tháng 5 năm 1973, lần thứ 3 em Nguyễn Văn Ngại đã tự chuyển lựu đạn vào ấp Gò cất giấu, chờ dịp thuận lợi là hành động. Vào một buổi chiều giữa tháng 6 năm 1973, Ngại thấy một lũ ác ôn: Lê Hai, Thọ, Hòa, đang nhậu trong nhà tên Cầu. Nhanh như chớp, Ngại quay về nhà lấy quả lựu đạn bỏ đến nép vào vách - tiếp cận sát mục tiêu. Em định ném nhưng sợ chết Hồ Liễu thuộc gia đình Cách mạng đang ngồi chung trong ấy. Ngại đành phải đứng chờ để đánh đúng đối tượng. Khi Lê Hai

vừa bước ra đến bìa sân, Ngại tung liên quả đạn. Vốn luôn cảnh giác nên khi nghe tiếng động, Lê Hai nằm xuống lăn tròn, nhờ vậy nên y chỉ bị thương. Ngay sau đó Ngại đã bị địch bắt tra tấn rất dã man. Trong quá trình ấy em đã 2 lần vượt ngục nhưng không thoát được. Ngại là một trong những du kích mật gan lì, đánh địch nhiều trận trong những năm 1971-1973.

Em Nguyễn Thị Hường làm cơ sở giao liên và rải truyền đơn từ những năm địch mới gom dân vào ấp. Đến năm 1973 em được đội công tác Gò điều qua làm du kích mật; nhà Hường ở cạnh một cái lốc đóng chốt của lính dân vệ. Hàng đêm Hường thấy chúng hay vào xóm tán gái rồi cặp kè nhau trở về thường đi ngang qua nhà em. Thế là Hường lên phương án đánh địch và được đội công tác đồng ý phối hợp.

Đêm ấy vào đầu tháng 12 năm 1973; khoảng 21 giờ khi ánh trăng non vừa tắt thì 3 tên lính kè nhau từ xóm trở về đồn. Hường nép mình bên chiếc thùng phuy tung ngay quả lựu đạn M26. Một tiếng nổ vang rền, sáng lóe. Theo phương án hiệp đồng tác chiến, du kích bên ngoài ấp cũng nổ súng, phóng M79 vào để đánh lạc hướng địch.

Kết quả của trận đánh là một tên lính chết ngay tại chỗ và một tên khác bị thương nặng. Địch đã gọi trực thăng đến chở xác chúng trong đêm. Đánh xong Hường bình tĩnh chạy về nhà vào mừng giả ngủ. Địch nghi ngờ, truy bắt những gia đình có 3 tên lính vừa đến chơi, nhưng chẳng có chứng cứ để giam giữ họ. Cuối cùng chúng cho rằng bọn lính giành gái nên giết lẫn nhau.

Đầu năm 1974, tên Lê Văn Phúc chạy đầu hàng giặc; thường dẫn địch lên đánh phá căn cứ Lê Hồng Phong và xã Hồng Sơn. Đội công tác Gò chỉ đạo du kích mật diệt tên phản bội này.

Khoảng 16 giờ chiều một ngày giữa tháng 8 năm 1974, chị Dương Thị Cần phát hiện 4 tên ác ôn ngồi nhậu trong nhà Hai Bé (Phúc, Cầu, Sáu Liên, Hai Bé). Chị Cần quay vội về nhà chỉ đạo và phân công cho Quý đánh địch. Bọn địch ngồi nhậu rất cảnh giác, cài cửa thật chặt nên em Quý phải chờ đến lúc trời sẩm tối mới ép người nường đến nhà sau; thò tay qua đầu vách ném quả lựu đạn. Dù trong tư thế khó khăn nhưng quả đạn rơi đúng đích. Lũ ác ôn lăn ngã, bò tòi nhưng do quá hồi hộp, căng thẳng, em Quý chỉ rút chốt mà chưa mở sợi dây thun buộc cần an toàn, quả đạn không

nổ. Bọn ác ôn thoát chết, nhưng phải một phen khiếp vía, kinh hồn.

Vào tháng 9 năm 1974, biết quy luật tên Phúc thường đến nhà bà Hai Bé gheo gái nên du kích mật bám đánh. Khi Phúc đang ngồi ăn dưa hấu, em Phan Thị Hồng gác cảnh giới; em Đặng Thị Nga kiểng chân chồm lên thả quả M26 từ trên đầu vách. Nhưng do người thấp, trong tư thế khó khăn, phải với lên nên Nga ném quả đạn không chính xác, lọt ra ngoài vách. Thế là lần thứ 2 tên Phúc lại thoát chết.

Vào khoảng 15 giờ chiều của một ngày tháng 12 năm 1974, khi tên Phúc và Cầu chở nhau trên chiếc Honda 67 chạy từ ấp Gò xuống đến cống Hai Lý (quốc lộ I); được sự hỗ trợ của đội công tác, hai em Trí và Thắng bám mình. Một tiếng nổ long trời, hất tung hai tên ác ôn lộn nhào xuống cống nhưng chúng đều thoát chết. Trí và Thắng phải thoát ly luôn từ đó.

Có những thành tích, những chiến công thầm lặng ít ai biết và nhắc đến, đó là những cơ sở hoạt động quân báo, đặc tình. Nhiều con em của Hồng Sơn là phụ nữ, thanh niên hoặc những người mặc áo lính ngụy, đóng vai cảnh sát; giả

dạng chiêu hồi... đã thâm nhập vào bộ máy của địch. Những chiến sĩ này không những vượt qua khó khăn, nguy hiểm đối mặt với quân thù mà còn phải chịu đựng sự hiểu lầm, xa lánh của đồng bào, đồng đội, người thân. Họ phải chịu đựng và chấp nhận hy sinh tất cả để cung cấp cho Cách mạng những tình hình, tin tức quan trọng, những kế hoạch, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù... nhằm góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc

Những năm 1964 - 1975, các đồng chí Nguyễn Đình Chương, Nguyễn Văn Ngang... cán bộ của Cục nghiên cứu Bộ tổng tham mưu và các anh Hai Lâm, Huỳnh Tự, cán bộ quân báo của khu VI đã xây dựng, tổ chức được ở Hồng Sơn một số cơ sở quân báo. Đây là mạng lưới được tổ chức tuyệt đối bí mật, ngăn cách và hoạt động đơn tuyến.

Một số cốt cán, du kích mật của xã Hồng Sơn cũng vừa là cơ sở quân báo như: Mai Thị Dân, Dương Thị Cần, Lê Thị Sang, Lê Thị Bông, Lê Thị Hòa, Lê Thị Mười, Lê Văn Chín, Lê Thị Xí, Nguyễn Thị Hương, Bùi Thị Mai (Sáu Bét)... Đặc biệt đồng chí Bùi Thị Mai rất thông minh, dũng cảm; có lần bị địch bắt và lấy được thư công

tác của chị viết bằng mật mã. Địch đánh tàn nhẫn nhưng chị quyết chịu đựng không khai báo.

Được sự tác động của mũi vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị, binh vận càng được đẩy mạnh và giành được nhiều thắng lợi. Vào tháng 4 năm 1973, đồng bào chuẩn bị vào vụ mùa, nhưng địch lại ngăn cấm không cho dân trong ấp mang cơm, gạo ra ruộng, rẫy. Trước tình hình bức xúc ấy chị Nguyễn Thị Thìn đã vận động và dẫn đầu khoảng 60 chị em đến Hội đồng xã Long Phú đấu tranh trực tiếp với tên xã trưởng Đặng Mậu. Mặc cho tên Cầu đàn áp, các chị đã dùng lý lẽ đanh thép phân tích cho địch thấy - dân không thể nhịn đói để lao động sản xuất. Cuối cùng chúng phải nhân nhượng cho mỗi người ra cống ấp được mang một gô cơm.

Đến mùa gieo lúa, địch bắt dân kê khai diện tích và khống chế số lượng lúa giống được gánh ra ruộng, đồng thời chúng bắt phải ngâm ướm số lúa giống ấy. Nhiều gia đình không làm ruộng cũng kê khai diện tích để được đưa lúa giống ra ngoài cung cấp cho Cách mạng.

Vào một đêm, lực lượng ta pháo kích đồn Gộp, cơ sở trong ấp phối hợp rải truyền đơn. Sáng

hôm sau địch đóng cổng ấp không cho dân ra đồng sản xuất. Lập tức có hơn 50 phụ nữ đã đấu tranh quyết liệt; xô cổng đòi ra ruộng, vườn. Tiêu biểu nhất trong số ấy là 2 chị: Trần Thị Ba và Nguyễn Thị Tảng; các chị đã chửi bọn gác cổng: "Tụi bây lúc nào cũng nói nhân nghĩa, nhân vị nhưng đã nhốt dân như nhốt trâu bò". Khi tên Long đánh đập 2 chị tàn nhẫn; bà con khác đã áp lại ấu đả, xô xát với địch, bảo vệ cho 2 chị. Cuối cùng tên đại úy đồn trưởng đồn Gộp khôn khéo, xoa dịu quần chúng và ra lệnh mở cổng ấp.

Từ tháng 7 năm 1974 đến tháng 4 năm 1975, khí thế đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng trong toàn xã càng mạnh mẽ. Nhiều cuộc đấu tranh chống địch bắn pháo vào đất cũ; đòi đi sớm, về tối, đòi được mang gạo, muối ra đồng sản xuất và đã giành được thắng lợi. Sau những trận bị ta tiêu diệt, chúng hay bắt bừa, đánh ấu; quần chúng đã lập tức đấu tranh đòi địch phải thả những người bị tình nghi vô cớ. Có lần chiến sỹ ta hy sinh, địch lôi về ấp. Cơ sở, cốt cán thuyết phục chúng chấp nhận để dân mua vải, chiếu cấp tán cho anh em. Đồng bào đi đưa tang đông đảo, biển đám tang thành cuộc biểu dương lực lượng.

Trong công tác binh vận những năm 1974 - 1975 cũng được đẩy mạnh và ngày càng hiệu quả. Cơ sở, quần chúng mạnh dạn rả tai, tuyên truyền chính sách 10 điểm của Mặt trận Giải phóng đối với binh sỹ địch. Ngoài hình thức rải truyền đơn binh vận, cơ sở ta còn tìm cách đưa tận tay bọn tề, ngụy những bức thư cảnh cáo, thư có nội dung binh vận; đội công tác thường đặt loa bên ngoài áp kêu gọi chúng hãy tỉnh ngộ quay về với Cách mạng, với nhân dân. Ta đã rải 700 truyền đơn ở 2 đồn Gò và Gộp, phát tán 10 lệnh cấm, 64 bản kêu gọi binh sỹ. Có 20 gia đình binh lính được phát động, 170 lượt người tham gia học tập, 681 tên lính các loại được tuyên truyền chính sách 10 điểm của Mặt trận Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

Qua đó có nhiều tên hung hăng, ngoan cố trước đây, nay cũng làm ngơ không đàn áp quần chúng. Có tên tìm cách nhờ cơ sở ta thanh minh với Cách mạng về hoàn cảnh bị địch ép buộc phải tham gia cho địch. Nhiều tên liên gia đến gặp bọn tề xã, tề ấp đòi nghỉ việc. Từ đầu năm 1974 đến đầu năm 1975 quân dân xã Hồng Sơn đã làm rã một toán phòng vệ dân sự; một trung đội dân vệ thuộc đại đội 223. Trong số 20 lính rã ngũ, có 13 người ra vùng giải phóng.

GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG

Những ngày đầu tháng 3 năm 1975, tất cả đảng viên của xã Hồng Sơn đều được huyện ủy huyện Thuận Phong điều về căn cứ học Nghị quyết của tỉnh ủy Bình Thuận về kế hoạch và quyết tâm phối hợp cùng toàn miền giải phóng Miền Nam với phương châm tự lực là chính - tỉnh tự giải phóng tỉnh, huyện tự giải phóng huyện và xã tự giải phóng xã.

Quán triệt tinh thần trên, Đảng bộ xã Hồng Sơn xốc lại lực lượng, củng cố đội hình, huy động hết thực lực ở phía sau phối hợp áp sát, tiến công phía trước. Cùng với các lực lượng của trên, đội công tác, du kích xã Hồng Sơn áp sát đồn và 2 ấp chiến lược Gò và Gộp; đánh chống càn đẩy mạnh công tác binh vận.

Ngày 08 tháng 4 năm 1975, khi lực lượng của quân khu VI, tỉnh đội Bình Thuận và đơn vị 430 tiến công vào giải phóng Ma Lâm thì đơn vị 450 cùng du kích xã, hai đội công tác Gò và Gộp phối hợp với chiến trường chung đánh chiếm cầu Ông Tâm và cầu Bằng Lăng. Ta chốt giữ không

cho địch phá cầu để bảo đảm đường tiến công của đại quân từ Miền Trung vào Sài Gòn.

Từ ngày 08 đến ngày 13 tháng 4 năm 1975, các lực lượng 450, du kích xã và 2 đội công tác liên tiếp bao vây, bắn pháo vào 2 ấp và 2 đồn Gò - Gộp; đồng thời phát loa bình vận kêu gọi địch đầu hàng để tránh đổ máu - thực hiện tinh thần hòa giải, hòa hợp dân tộc.

Với sức tiến công, uy hiếp của toàn chiến trường mà trực tiếp là sự vây ép, phối hợp 3 mũi giáp công của lực lượng tại chỗ. Trước tình hình ấy, bọn địch ở đây hoang man cực độ. Tiểu khu Bình Thuận điều đại đội 206 về tử thủ ở Phan Thiết, đồng thời tăng cường 1 đại đội thuộc tiểu đoàn 202 từ đồn Cây Táo xuống trấn thủ đồn Gò.

Đêm 12 tháng 4 năm 1975, địch cho máy bay lên bắn phá giải tỏa ấp Gò, làm 10 người dân ở đây bị thương. Sáng ngày 13 tháng 4 năm 1975; dưới sự lãnh đạo của Chi bộ tại chỗ, đảng viên, cốt cán trong ấp Gò hướng dẫn đồng bào đấu tranh phản đối việc bắn phá của địch và yêu cầu chúng mở cổng cho dân về đất cũ để khỏi bị thương vong. Bọn địch ở ấp Gò dùng súng bắn hăm dọa, uy hiếp đoàn biểu tình. Du kích bên

ngoài liên bắn trả và kêu gọi địch hạ súng. Cơ sở, cốt cán trong ấp giải thích, thuyết phục bọn lính sớm thức tỉnh để được hưởng chính sách khoan hồng của quân Giải phóng. Trong lúc quân chúng đang nổi dậy phá ấp thì tiểu đoàn 1840 từ núi Chấn Rong phối hợp nhịp nhàng liên tiếp nã pháo vào đồn Gò và đồn Gộp.

Đêm 13 tháng 4 năm 1975, đơn vị C5 đặc công được lệnh của Ban chỉ huy chiến dịch điều động từ Phú Long quay lên Hồng Sơn để tập kích ấp chiến lược Gò.

Sáng ngày 14 tháng 4 năm 1975, đạn pháo của C5 và du kích xã Hồng Sơn tiếp tục nã cấp tập vào đồn Gò và đồn Gộp. Đồng thời các chi bộ Đảng, chi Đoàn thanh niên và các tổ binh vận trong 2 ấp chiến lược Gò và Gộp cũng phát động quần chúng nổi dậy làm thanh viện. Đồng bào loan tin quân Giải phóng đang tràn vào và kêu gọi binh lính hạ vũ khí. Địch ở đây rệu rã và hoang mang cực độ.

Đến khoảng 10 giờ trưa ngày 14 tháng 4 năm 1975, địch ở đồn và ấp Gò tự hủy tài liệu rồi mang vũ khí tháo chạy. Được cơ sở báo tin nhanh, du kích, đội vũ trang công tác Gò xông vào tiếp

quản ấp Gò; thu giữ một số tài liệu, hình ảnh của địch còn sót lại. Anh Nguyễn Thanh Bình (Tư Xi) là chiến sỹ đầu tiên hạ lá cờ "ba que" của địch và kéo cờ Mặt trận dân tộc Giải phóng lên cột cờ của chi khu cảnh sát. Cờ Cách mạng hiên ngang tung bay trước gió - báo hiệu ngày tàn của bọn Ngụy - ngày giải phóng hoàn toàn quê hương thật sự đã đến.

Như tiếng trống năm Ba Mươi vang vọng; ông Tạ Đình - một cơ sở trong ấp Gò đã đánh thùng phuy vang dội, kêu gọi mọi người nổi dậy phá ấp và mừng quê hương được giải phóng. Với tinh thần và tư thế sẵn sàng, đồng bào nhất tề hối hả vừa đập, gỡ tôn vừa dỡ nhà, chuyển tài sản về vùng giải phóng (vườn đất cũ). Lực lượng ta liên tiếp phát loa kêu gọi tàn quân ra trình diện, giao nộp vũ khí. Giây phút thiêng liêng đã đến - những giọt nước mắt mang nỗi niềm sung sướng trào dâng, thay cho những năm tháng bị xiềng gông áp bức mà bọn tay sai đã cướp đi quyền tự do và biết bao xương máu của đồng bào.

Đồn Gò và ấp Gò đã được giải phóng. Địch ở đồn Gộp hoàn toàn bị bao vây, cô lập. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày (14/4/1975), dưới sự áp

đảo của quân dân ta, địch ở đồn Gộp cũng tan rã; cởi bỏ quân phục, cải trang tháo chạy về hướng Mũi Né.

Trưa ngày 14 tháng 4 năm 1975, xã Hồng Sơn sạch bóng quân thù - Hồng Sơn được hoàn toàn giải phóng. Quê hương được tự do- độc lập; niềm mơ ước khát khao của quân dân Hồng Sơn sau 21 năm đầy máu và nước mắt nay mới thành hiện thực.

Để tăng cường lực lượng, tập trung sức giải phóng Phú Long và Phan Thiết; huyện ủy huyện Thuận Phong điều động đồng chí Hoàng về huyện. Chấp hành mệnh lệnh, ngày 15 tháng 4 năm 1975 đồng chí Nguyễn Huy Hoàng bí thư đảng ủy xã Hồng Sơn - đội trưởng đội vũ trang công tác Gò nhanh chóng bàn giao toàn bộ công tác Đảng và chính quyền của xã Hồng Sơn cho hai đồng chí: Tống Thanh Giang và Phạm Văn Bằng tiếp tục tổ chức, điều hành. Đồng chí Hoàng tạm biệt Hồng Sơn, xuống Phú Long nhận nhiệm vụ mới. Cũng vào ngày ấy, chính quyền quân quản xã Hồng Sơn được chính thức thành lập. Đồng chí Tống Thanh Giang làm bí thư Đảng ủy xã, đồng chí Phạm Văn Bằng làm chủ tịch Ủy ban

quân quản xã, đồng chí Nguyễn Văn Sáu làm xã đội trưởng, đồng chí Nguyễn Thành Lộc làm trưởng Ban công an, đồng chí Phan Thị Phương làm Hội trưởng phụ nữ, đồng chí Hồ Thị Kim làm bí thư xã đoàn, đồng chí Phan Văn Sửu làm trưởng nông hội, đồng chí Lê Văn Cây phụ trách kinh tài...

Sáng ngày 17 tháng 4 năm 1975, lực lượng xã Hồng Sơn chặn bắt 1 xe GMC đang chở khoảng 20 lính bảo an từ hướng Bắc chạy vào. Ta đưa toàn bộ số này vào thôn 1 cho học tập chính sách khoan hồng của Mặt trận Giải phóng, sau đó thả chúng về với gia đình. Đến chiều, máy bay địch ném bom ở khu vực cầu Bằng Lăng và Gộp hòng ngăn chặn sức tiến công của đại quân ta. Trưa ngày 18 tháng 4 năm 1975 bọn địch ở đồn Tà Dôn tan rã tháo chạy. Ngay chiều hôm đó, quân dân xã Hồng Sơn hân hoan chào đón đại quân từ hướng Bắc rầm rập tiến vào giải phóng Phan Thiết. Những ngày giải phóng Hồng Sơn diễn ra rất nhanh, rộn ràng và sôi nổi như thế đó! Đúng là 20 năm chỉ có một ngày!



KẾT LUẬN

Hồng Sơn là một xã có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, là lá chắn bảo vệ căn cứ Lê Hồng Phong vừa là cửa ngõ, bàn đạp để ta tiến công Phan Thiết và quận lỵ của địch ở Ma Lâm. Trên địa bàn xã có 2 trục đường chính: đường sắt Bắc - Nam và quốc lộ I chạy xuyên qua, cộng vào đó là 2 cao điểm Gôp và núi Tà Dôn, địch lấy đó làm cứ điểm để bao vây khống chế ta.

Hồng Sơn là một xã có rừng, rẫy, ruộng, sông, bầu nước, đồi, động cát... tạo thế thuận lợi để phát triển chiến tranh du kích; xây dựng làng chiến đấu, hậu cần, hậu phương tại chỗ cho 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Quân dân ta đã biết khai thác lợi thế về địa hình, địa vật của chiến trường này để phát triển lực lượng và làm tiêu hao sinh lực địch.

Từ cuộc chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược của quân dân xã Hồng Sơn cho phép chúng ta rút ra một số điều tâm đắc.

Nếu Tam giác và miền Đông là bàn đạp để ta tiến công vào Thị xã Phan Thiết là nơi đầu nã

của địch; thì Hồng Sơn là hậu cứ vững chắc bảo vệ, nuôi dưỡng các lực lượng kháng chiến của Huyện, Tỉnh và Ban cán sự cực Nam. Do vị trí chiến lược quan trọng nên Hồng Sơn là một trong những điểm nóng của Huyện. Địch huy động mọi phương tiện vũ khí, chiến thuật từ xe lửa một đống quân, bắn pháo đến máy bay ném bom, không quân nhảy dù... nhằm huỷ diệt Hồng Sơn và các cơ quan lãnh đạo của ta. Năm 1953 địch vẫn còn gắng sức đóng thêm đồn Gò và Gộp. Hồng Sơn là một trong những nơi đầu sóng, ngọn gió của tỉnh, nơi đọ sức quyết liệt giữa lực lượng kháng chiến với quân thù .

Hồng Sơn sớm xây dựng thành công căn cứ kháng chiến và từ đó phát triển mọi mặt; đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ không đến có, từ nhỏ lên lớn, từ yếu đến mạnh... Toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đoàn kết một lòng bám đất giữ làng, có nhiều sáng kiến trong chiến tranh nhân dân; tự lực tự cường, hoàn thành xuất sắc vai trò vừa hậu phương vừa tiền tuyến.

Yếu tố quan trọng góp phần vào sự thắng lợi là công tác tổ chức lãnh đạo: Từ những hội viên bóng đá, hội Đồng tâm trước năm 1945, năm 1946

có nhóm nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin. Năm 1947 chi bộ Đảng Cộng sản ra đời dưới 10 đảng viên thì năm 1954 lên đến 200 đảng viên. Chi bộ xã Hồng Sơn biết xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương và quyền lợi chính đáng của quần chúng; cụ thể hoá, vận dụng sáng tạo các chính sách kháng chiến như : Chính sách ruộng đất, đoàn thể hoá dân quân, văn hoá hoá kháng chiến, quân sự hoá toàn dân...

Không chỉ biết đề ra chủ trương, chi bộ Đảng và Mặt trận, các đoàn thể xã Hồng Sơn còn tìm được những biện pháp thiết thực, nhất là công tác vận động quần chúng. Chi bộ biết tôn trọng lắng nghe ý kiến nhân dân, giải quyết kịp thời tâm tư nguyện vọng của dân. Đảng viên, cán bộ tin, nghe dân, khiêm tốn, giản dị, biết dựa vào dân để sống và công tác. Nhiều đồng chí trung kiên mẫu mực, gắn bó với phong trào cho đến lúc hy sinh như: Dương Hữu Nam, Phạm Hữu Tình, Trần Nhật Quang... Phần lớn cốt cán hồi ấy đầy lửa nhiệt tình, luôn có Đảng trong tim và khối óc, năng nổ hăng hái, chơn chất, thật thà, dũng cảm, kiên cường, vô tư, mẫu mực... giúp dân hiểu và tin Đảng.

Được sự điều dắt của bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, dân quân du kích Hồng Sơn từng bước trưởng thành trong xây dựng thực lực cũng như trong chiến đấu. Du kích tập trung xã, du kích bán thoát ly thôn, dân quân gương mẫu, dân quân rộng rãi có nhiệm vụ rõ ràng, phối hợp nhịp nhàng chặt chẽ với lực lượng trên trong chống càn, bảo vệ mùa màng, đưa dân đi tránh lánh... Nhiều chiến sĩ ở mọi miền đất nước đã cùng quân dân Hồng Sơn quyết tử diệt thù; tình quân dân gắn bó nhau ngày càng bền chặt. Dân là quân, quân là dân, là niềm tin và sức mạnh cho nhau. Nhiều ông cha, bà mẹ được bộ đội, thương binh thật sự xem như cha, mẹ đẻ của mình. Với tinh thần dựa vào sức mình là chính, Đảng bộ và quân dân Hồng Sơn đưa dân cuộc kháng chiến đến đỉnh cao và toàn diện. Toàn dân đánh giặc giữ làng thể hiện trên các mặt công tác: kinh tế, chính trị, quân sự, địch vận, văn hóa, văn nghệ...

Nhiều âm mưu, thủ đoạn của địch bị thất bại, mọi chủ trương của Cách mạng được thi hành; thực lực của xã không ngừng lớn mạnh. Đó là nhờ lòng yêu nước, sức chịu đựng, tinh thần bám đất giữ làng của đồng bào Hồng Sơn. Đại bộ phận người Hồng Sơn có gốc gác là nông dân nghèo,

bao đời bị áp bức, bóc lột ở miền Trung. Những năm tạo dựng ở đây họ tiếp tục chống chọi thiên nhiên, đấu tranh với địa chủ cường hào. Truyền thống quật cường đó được tăng thêm sức mạnh khi được Đảng Cộng Sản Việt Nam và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo. Đồng bào sẵn sàng hy sinh tất cả để được làm chủ mảnh ruộng, thửa vườn, được độc lập - tự do, no cơm ấm áo. Mọi lứa tuổi, thành phần, mọi tầng lớp đều thực hiện chính sách kháng chiến với tất cả trí tuệ tình cảm; từ thực hiện vườn không nhà trống, xây dựng làng chiến đấu sản xuất nuôi cán bộ, thương binh đến đi bộ đội, dân công chiến trường... Nhân dân Hồng Sơn lớn lên theo yêu cầu của cuộc kháng chiến, đóng góp tất cả công sức, tiền của, máu xương. Thể hiện rõ nét cuộc chiến tranh nhân dân, kết hợp thành công ba thứ quân: (chủ lực, địa phương và dân quân du kích) và ba hình thức đấu tranh: (quân sự, chính trị và địch vận). Dân đánh giặc, cung cấp tình hình, nuôi lực lượng kháng chiến. Nhà dân là cơ quan, doanh trại. Đồng bào Hồng Sơn xứng đáng là sức mạnh, niềm tin và chỗ dựa vững chắc của những người kháng chiến.

Rừng núi liên hoàn chở che lực lượng kháng chiến, ngăn cản quân thù. Cùng với cây, lá, củ,

trái rừng là bạt ngàn những rừng mì, rẫy bắp, rẫy khoai, đậu... cộng với lòng dân quyết tâm kháng chiến; phần lớn đồng bào Hồng Sơn không chạy vào vùng địch, không đi lính, không làm tề, quyết xây dựng và bám giữ căn cứ. Cuộc sống khó khăn, ác liệt thôi thúc dân sáng tạo ra nhiều loại nhà, loại hầm. Hàng trăm mét giao thông hào là công sự vững chắc tuyệt vời hoặc những nấm mộ giả chính là hầm giấu lúa. Địch huỷ diệt sức kéo, dân giăng hàng cước đất thay cày. Pháo bom ác liệt, dân cấy, gặt ban đêm.

Về mặt văn hoá, đồng bào Hồng Sơn cũng biểu hiện đầy sức sống. Cuộc sống vật chất, tinh thần phong phú đầy tình nghĩa ấy đã trở thành chất keo kết chặt nhân dân vào cuộc kháng chiến. Từng tảng đá, bóng cây, con suối đều lập chiến công. Đá Chồng, Dầu Bà Ớn, Láng Le, Trại Mấu, Rừng Sao vàng, cây Gũ thương binh, Đồi Đổ gạo, Ngã ba đọi chờ v.v... những địa danh thân quen, gần gũi sống mãi với thời gian, với những người kháng chiến.

Nhân dân Hồng Sơn đã khắc sâu cho đảng viên, cán bộ niềm tin: Nếu Đảng mẫu mực thủy chung, dân sẽ sống chết với Đảng đến cùng. Quân

chúng sẽ tạo khả năng vô tận nếu Đảng ta có chủ trương phù hợp với tình hình và nguyện vọng của dân.

Những truyền thống hào hùng của ông cha từ khi tạo dựng quê hương, đến cuộc kháng chiến chín năm sẽ mãi mãi được chúng ta chắt chiu gìn giữ. Với bao thành tích và chiến công, Hồng Sơn xứng đáng với danh gọi "Hồng Sơn bất khuất của khu Lê Hồng Phong bất khuất". Vốn quý ấy là tiền đề phát huy Chủ nghĩa anh hùng Cách mạng trong hơn hai mươi năm dài đánh Mỹ. Cháu con Hồng Sơn luôn suy ngẫm, bồi đắp, phát huy những giá trị tinh thần cao đẹp ấy. Biết mấy yêu thương và tự hào, cùng xiết chặt tay nhau đi tới.

*

* *

Kế thừa, phát huy truyền thống chống thực dân Pháp; bước tiếp vào cuộc trường chinh gần 21 năm chống Mỹ, Đảng bộ, quân, dân xã Hồng Sơn lại tiếp tục làm nên những điều kỳ diệu, viết tiếp những bài ca bất hủ; khẳng định thêm nhiều giá trị tinh thần đáng tôn vinh, trân trọng.

Về phía địch, chúng xem Hồng Sơn là trọng điểm của "Mặt Khu Lê Hồng Phong" phải ra sức

hủy diệt. Chính vì thế, trong mọi thời kỳ địch đều huy động tăng cường nhiều lực lượng, phương tiện đến đây chà xát, dồn dân, lập ấp. Có lúc chúng đã huy động đến cả 1.000 quân với mọi vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, và dùng thủ đoạn tàn bạo nhất để dồn 4.000 dân, hòng xóa vùng căn cứ, vùng tranh chấp của xã. Có thời điểm chúng kết hợp bao vây kinh tế, đánh thuốc độc vào thức ăn, nước uống, rải thuốc khai hoang; ủi phá địa hình gắn với càn quét, phục và đột kích... Cán bộ, chiến sĩ, đồng bào vùng căn cứ vô cùng đói khổ, thiếu thốn; tưởng chừng như không vượt qua nổi.

Mặc cho địch rắp tâm đánh phá, chà xát nhưng phong trào Cách mạng ở Hồng Sơn vẫn tồn tại và phát triển. Yếu tố trước tiên để thắng địch là có sự lãnh đạo của Đảng. Cấp ủy huyện cũng như Đảng bộ xã và Chi bộ thôn luôn cử cán bộ, đảng viên bám trụ, không lúc nào để Hồng Sơn thành vùng trắng. Nhờ đó ta luôn duy trì được cốt cán, cơ sở ngay cả trong những tháng năm đen tối nhất (1958-1959). Trong suốt 2 thời kỳ kháng chiến, cán bộ luôn bám dân, bám địch, bám địa bàn; dân bám đất, chở che Cách mạng. Bộ đội, du kích bám chiến trường.

Hồng Sơn là một trong những xã sớm hình thành các tổ chức Cách mạng, có lực lượng nghĩa quân yêu nước trong phong trào Cần Vương do ông Ung Chiếm, Võ Cần lãnh đạo; có các hội bí mật trước năm 1945. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Hồng Sơn sớm tổ chức được chi bộ Đảng, các hội quần chúng, chi đoàn thanh niên, mũi công tác, lực lượng vũ trang... sớm tạo nên thế 3 vùng: căn cứ, tranh chấp và tạm bị chiếm. Nơi đây đã biết kết hợp sức mạnh của 3 vùng, 3 lực lượng, 3 thứ quân và 3 mũi giáp công; phối hợp hỗ trợ nhau giữa phía sau và phía trước; tạo thế, tạo lực tấn công tiêu diệt địch. Thế hiện rõ tinh thần tự lực, kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ.

Có được như thế, phải kể đến tinh thần yêu nước thương nhà, dũng cảm, gan dạ, mưu trí, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân. Dù trong hoàn cảnh nào lòng dân vẫn luôn hướng về Cách mạng; các thế hệ nối tiếp nhau ra trận. Có gia đình tất cả đều vào nhà lao của giặc hoặc ông, cha hy sinh, con cháu tiếp tục lên đường kháng chiến. Có nhiều gia đình mọi thành viên đều tham gia Cách mạng và trong cuộc kháng chiến trường kỳ ấy, đã lần

lượt hy sinh tất cả. Có những trường hợp hai mẹ con, hai chị em, đều đã trở thành Mẹ Việt Nam anh hùng. Ngoài ra còn nhiều gia đình, nhiều tấm gương tiêu biểu, cống hiến, hy sinh thầm lặng... Có những chiến công và sự hy sinh to lớn của những cơ sở, chiến sỹ Cách mạng chấp hành tổ chức hoạt động bí mật hoặc thâm nhập vào hàng ngũ của địch, trong số đó có trường hợp bị người khác hiểu lầm. Chỉ có "lịch sử" mới trân trọng và có thể đánh giá đúng về họ!

Trong cuộc chiến đấu lâu dài ác liệt đó, ở Hồng Sơn cũng có sự phân hóa, phân ly sâu sắc diễn ra trong từng gia tộc, từng con người rất đáng thương tâm. Có gia đình số đông là chiến sỹ, liệt sỹ, thương binh nhưng một bộ phận còn lại là ác ôn bị Cách mạng xử tử! Có trường hợp trong chính một con người cũng bị sóng gió chao đảo lúc ngã về địch, lúc nghiêng về ta; cuối đời họ không rõ thuộc bên nào, để rồi lý lịch chính trị của họ đối với thời nào, với chế độ xã hội nào cũng "xấu"!

Với ý chí và tình cảm Cách mạng của cán bộ, đảng viên, của chiến sỹ và nhân dân như thế nên Đảng, chính quyền, đoàn thể ở đây sau mỗi đợt tấn thất lại được củng cố kiện toàn, tạo mối quan hệ

gắn bó nhau thật sự. Nhờ đó Hồng Sơn đã xây dựng được lực lượng dân quân, du kích có sức chiến đấu ngoan cường, mưu trí, táo bạo. Nhờ dựa vào thế chiến trường, phối hợp được lực lượng tại chỗ, với lực lượng trên và các xã xung quanh; tạo thế và lực mới nên quân dân Hồng Sơn càng chiến đấu càng trưởng thành; càng đánh càng mạnh; đồng thời còn biết kế thừa, phát triển sáng tạo những kinh nghiệm đánh Pháp sang thời đánh Mỹ. Với tinh thần chủ động, dựa vào sức mình là chính, quân dân toàn xã còn biết tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ chí tình của các lực lượng khác để liên tục tiến công địch bằng mọi hình thức và ở mọi nơi, mọi lúc. Những tháng năm chiến đấu cam go ác liệt ấy, cán bộ, chiến sỹ, đồng bào đã quây quần với nhau để vượt lên tất cả. Các lực lượng bộ đội của quân khu VI, của tỉnh và huyện, đặc biệt là các đơn vị 482, 450, C5 đặc công đã luôn sát cánh với đồng bào Hồng Sơn. Dân và bộ đội yêu mến, bảo vệ nhau. Nhờ yếu tố tinh thần, tình cảm sâu nặng gắn bó nhau giữa tình bạn, tình đồng chí, tình đồng đội, tình quân dân; họ thật sự sống chết, chia sẻ đau thương, cùng nhau lao động sản xuất, chiến đấu và chiến thắng.

Thật tự hào và đáng nhớ, qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, nhất là thời kỳ có đấu tranh vũ trang, phong trào nhân dân du kích chiến tranh trong xã từng bước phát triển toàn diện. Tuy có lúc đắng cay, ác liệt nhưng quyền làm chủ của quần chúng luôn được giữ vững với nhiều mức độ khác nhau góp phần cùng với quân dân toàn huyện làm thất bại nhiều âm mưu thủ đoạn của địch.

Trải qua 30 năm đấu tranh Cách mạng quân dân Hồng Sơn đã đẩy mạnh các phong trào: đóng góp nhân tài vật lực, xây dựng hậu phương tại chỗ cho các lực lượng trên; xây dựng làng chiến đấu, giữ vững vùng căn cứ. Mặc dù ở đây có lúc ác liệt chỉ còn 20 người dân nhưng vẫn duy trì được căn cứ, làm chỗ dựa cho lực lượng phía trước. Hồng Sơn xây dựng được lực lượng tại chỗ, kết hợp nhiều hình thức tấn công địch như diệt ác, phá kìm, công tác binh vận, bắn tỉa, đánh chông mìn, đánh phục kích, đánh vận động... tiêu hao nhiều sinh lực địch. Các phong trào y tế, văn hóa, văn nghệ, thi đua sản xuất, nuôi quân, tòng quân nhập ngũ, đi dân công chiến trường, đào đường cắt giao thông địch... cũng từng bước đi lên. Thế trận chiến

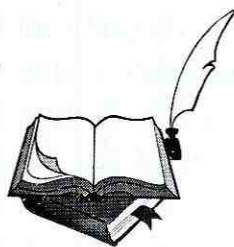
tranh nhân dân, thế trận lòng dân ngày càng vững chắc.

Qua phong trào toàn dân đánh giặc, chống địch dồn dân, diệt ác phá ấp mở kèm giành quyền làm chủ, Hồng Sơn đã huy động được nhiều tầng lớp, nhiều lứa tuổi tham gia. Với mỗi thời kỳ đấu tranh Cách mạng, quân dân Hồng Sơn đều nổi lên những tập thể, những gia đình, cá nhân tiêu biểu cho ý chí, nghị lực, tinh thần bất khuất, kiên cường và chủ nghĩa anh hùng Cách mạng ở mọi lúc, mọi nơi từ chiến khu, xóm ấp đến tận nhà tù của địch.

Với quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, những đóng góp xứng đáng, bao cống hiến hy sinh cao quý của quân dân xã Hồng Sơn trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ đã được tổ quốc và nhân dân ghi nhận. Ngày 06 tháng 11 năm 1978 Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng xã Hồng Sơn danh hiệu: "**Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân**".

Thật vậy, bao mồ hôi nước mắt và xương máu của cha anh đã viết nên những trang sử vẻ vang, hào hùng, những nét đẹp bản chất, những truyền thống vô giá của Đảng bộ, quân, dân xã Hồng Sơn

trong chiến tranh Cách mạng. Đó là di sản quý báu, là điểm tựa vững chắc của ông cha để lại cho các thế hệ mai sau. Lớp người kế tục sự nghiệp Cách mạng có quyền tự hào và có trách nhiệm tiếp tục gìn giữ, bảo tồn, phát huy để những giá trị văn hóa, tinh thần ấy sáng mãi và sẽ được chấp cánh bay cao trong thời kỳ mới. Những trang sử hào hùng của quân dân xã Hồng Sơn anh hùng sẽ được bồi đắp, tô thắm để mãi mãi xứng danh với tên gọi Anh hùng.



PHỤ LỤC

PHỤ LỤC CỦA PHẦN THỨ NHẤT

VỀ ĐI KIỆN

(Nguyễn Văn Ty viết trước năm 1930)

Ngồi buồn nghĩ chuyện nực cười,
Trong làng Long Thạnh không người nào tu.
Mùa đông cho chí mùa thu,
Bốn mùa, tám tiết lu khu kiện hoài.
Trên đời tôi chẳng thấy ai,
Thấy làng Long Thạnh không sai nổi nghì.
Kiện thưa thì chẳng ra gì,
Tiền trăm bạc chực nộp thì cho quan.
Câu nào câu nấy lang thang,
Bởi chuyện kiện lộn trong làng với nhau.
Nhà nghèo cho chí nhà giàu,
Tranh đua kiện cáo với nhau rần rần..
Không kể gì việc ăn mần,

Việc làng, việc xóm hễ cần là đi.
Ở sao không nghĩ, chẳng suy,
Không sợ làng khác vậy thì cười chê.
Làng mình sĩ nhục nhiều bề hổ người,
Trong làng có ông Chủ Sự.
Còn ra đi kiện tốn dư bạc ngàn,
Huống chi chức việc trong làng.
Phe phái đi kiện xà càng với nhau,
Nhà nghèo cũng bị lôi vào.
Tranh đua kiện lộn với nhau um sùm,
Phần ruộng bầu Thị, bầu Thum.
Vừa nghe ông Cả hứa dâng cho làng,
Chủ Trục liền vội mớ màng.
Nói rằng cái giấy quân gian lấy rồi,
Thành ra việc ổng lôi thôi.
Các chú đi kiện thì tôi đi giùm,
Quan lên khám xét um sùm.
Giấy ruộng ông Cả một đùm đem ra,
Phe Trục bồ xít, bồ xa.
Đêm nằm nghĩ tiếc vậy là không xong,

Phần mình đã thất tiền trăm tổn rồi.
Kể sao cho hết mấy hồi gian nan,
Có anh hương Bốn trong làng.
Với anh chủ Trục giàu sang đã rồi,
Hai người dạ ở lồi thôi.
Giàu sang nhiều rồi nhưng vẫn đi vay,
Bốn Ty dạ ở chẳng ngay.
Trong làng con dân nghèo thay,
Xin vay lưu trữ, lý hương không giùm.
Tức mình dân kiện um sùm,
Châu rày hương Bốn đi giùm người ta.
Lãng xăng chạy lại, chạy qua,
Nhờ thầy một thuở vậy mà giúp tôi.
Chủ Ngọ bày biểu xong rồi,
Chạy về lo bạc đem dôi cho quan.
Hương Bốn càng gặp nguy nan.
Nghiêng tai nên đã lột đảng thị phi,
Giành chức hương Bốn làm chi.
Thâm lạm công quỹ, lâm nguy làm vậy,
Nói thêm cho rõ chuyện này.

Lý trưởng không đặng mấy ngày mà ra,
Bạc tre trong làng người ta (đi sưu chặt tre nộp
cho quan).

Không xâu, không góp vậy mà của dân,
Làng mình xâu góp rần rần.

Tham ăn, cố thực, cực thân hoài hoài,
Tham chi cái của hoạnh tài.

Bại lộ, sỉ nhục mọi người cười chê,
Ở đây hổ thẹn nhiều bề.

Quan đà lột mọc hôi về tổ tôn,
Sống đây sợ thế gian đồn (cười).

Nên đành lánh tiếng Tà Dôn một lần,
Trác xuất lên cử lý tân.

Bên Thệt bên Cát, rần rần tranh đua,
Cũng như hoa nở bốn mùa.

Bây giờ bên Thệt chịu thua,
Để cho bên Cát làm vua một mình.

Bốn Ty như đĩa thất tình,
Lý trưởng về cát phạt mình long đong.



GIÀNH LÝ TRƯỞNG

(*Nguyễn Văn Ty*)

Nhân buồn đặt bút tạo ra,
Đôi câu kể chuyện nghe cho vui lòng.
Nực cười chức việc làng Long,
Anh nào anh nấy trong lòng ước mơ.
Hương lai từ ấy những nay,
Thừa kiện hàng ngày, nghèo khó cũng tranh.
Anh nào anh nấy tanh banh,
Đồng triện muốn giành, làng nợ không kêu.
Kể từ Bảo Đại bát niên (1933),
Lý Anh (Liễu) đeo triện bình yên như thường.
Là vì đời được nhà trường,
Lại sửa chùa miếu, đường đường an tâm.
Bảo Đại thập tứ, là đặng sáu năm,
Thế là bệnh cố hết mong lo lường.
Bấy giờ mộc quyền phó Chương,
Y bắm quan lớn, xin thương phận nghèo.
Mẹ già, con dại rất eo,
Bổn phận con nghèo nên khó đương di.
Xin quan, quyền hương kiểm Kỳ,

Thu xong cuộc thuế rồi thì sẽ hay.
Thời gian đâu có mấy ngày,
Khi đó quan xử làng này chẳng xong.
Quan xuất thầy Phó, thầy Thông,
Hai vị hội đồng yết cử như sau.
Nhất hựu là Nguyễn Đồng Chương,
Đặng Tuân nhị hiệu, như thường chẳng sai.
Tam hiệu là Nguyễn Thái Phong,
Dân chúng bằng lòng ai bỏ mặc ai.
Phó Chương phe đảng kêu nài,
Vì Phong cổ động những người điêu ngoa.
Phó Chương tuy chẳng nói ra,
Bên nào cũng có điêu ta bên nào.
Xong rồi chức việc lao xao,
Rủ nhau đi kiện hơn ba bốn ngày.
Nực cười thế sự rất hay,
Anh kia cũng muốn anh này không kiêng.
Vì chưng ai cũng tranh quyền,
Tranh ngôn, tranh thực vẹn tuyền thì thôi.
Lúc này phó Chương trật rồi,
Mộc kia quan lớn quyền nơi Hội đồng.



XUÂN ĐẦU NĂM 1946

(*Khuyết danh*)

Xuân đầu năm,
Pháp đóng đồn,
Cha dắt con về rừng.
Mẹ bỗng con xuống hầm,
Người chạy lạc tứ tung.
Tiếng khóc la um sùm,
Tây ơi! Tây vô làng.
Chúng đua nhau bắn càn,
Người bị đạn kêu than.
Cảm thương cho đời loạn ly,
Cùng nhau thề ta quyết hy sinh.
Giành lại quyền cho nước Việt Nam,
Thanh niên ơi! tiền tuyến anh hùng.
Xung phong lên xung phong,
Ta không lùi bước.
Trước đồn tụi mi,
Thề cùng nhau ta quyết giết hết quân thù.



TOÀN DÂN KHÁNG CHIẾN
HẬU PHƯƠNG, TIỀN TUYẾN THI ĐUA
(Khuyết danh)

Nữ :

Em nghe anh học giỏi, tới đây em hỏi vài câu,
Dân ta cực khổ vì đâu?
Ruộng vườn cháy sạch, thăm sâu thế ni ?
Vì đâu bộ đội ăn mì?
Vì đâu anh phải thoát ly thế này,
Anh mà đáp đặng thật hay.
Em nguyên nấu đậu, đúc bánh dày đãi anh.

Nam :

Sách xưa có chữ nhi nữ thường tình,
Công đâu em hỏi phở phình thế này.
Sử kinh em nắm trong tay,
Ngày xưa bọn Pháp sang đây cai trị mình.
Dân ta nổi dậy đồng tình đánh Pháp, đuổi Nhật,
Vườn hoa Ba Đình Bác đọc Tuyên ngôn.

Tướng dàu Pháp đã kinh hồn,
Nào ngờ ngựa quen đường cũ xây đồn đánh ta.
Chúng đồn dân, cướp của, đốt nhà, hiếp dân,
Toàn dân kháng chiến mấy năm.
Ăn mì thay gạo quyết tâm diệt thù,
Bỏ nhà ra ở chiến khu.
Quân dân đoàn kết diệt thù dã man,
Đàn ông đi canh gác, du kích giữ xóm làng
phòng Tây.

Lúa vàng ai gặt ai xay,
Phá đường đắp ụ, chặn Tây ai làm ?
Tải thương tiếp tế ai kham ?
Đàn ông nào đủ để làm hỡi em ?

Nữ :

Gió to thuyền lộng ra khơi,
Anh chèo em lái thuyền thời bình an.
Tuy là phận gái thuyền quyên,
Anh thoát ly du kích, em nguyện làm dân quân.
Góp phần chung sức lo toan,
Giúp Vệ Quốc đoàn ra sức đánh Tây.
Lúa vàng em gặt em xay,

Phá đường đắp ụ, chặn Tây em làm.
Tải thương, tiếp tế em kham,
Phụ nữ Cứu quốc biến ra làm dân quân.
Chuyện xa cho đến chuyện gần,
Em nghe tổng động viên mà em nghèo quá!
Muốn góp phần phải làm sao?

Nam :

Bớ em ơi! chim xanh đậu hót cành đào,
Tổng động viên nào chỉ người giàu mà thôi.
Toàn dân kháng chiến em ơi!
Giàu thì góp của, nghèo thì góp công.
Thi đua trồng lúa, trồng bông,
Tăng gia sản xuất chuẩn bị tổng tấn công
diệt thù.

Đồng xanh lúa tốt bội thu,
Bộ đội no đủ, giặc rút dù về Tây.

Nữ :

Chiều chiều gió phất ngọn cây,
Đêm nay trăng đẹp em gặp anh đây tâm tình.
Nhờ anh giúp, em hiểu phân minh,

Muốn tổng phản công thắng lợi toàn dân
mình phải làm sao?

Nam :

Toàn dân ta phải tham gia,
Giữ dân, giữ nước thu nhanh mùa màng.
Gặt rồi thì phải đốt rơm,
Quyết tâm bảo vệ hạt cơm đầu mùa.
Ta no thì giặc mới thua,
Ra sức bảo vệ hoa màu phản công.
Xe trâu, thúng giống tập trung,
Chở lúa về rừng, chôn kỹ cất sâu.
Bảo vệ mùa lúa nhắc nhau mà làm,
Lưỡi liềm, giồng hái làm ra để dùng.
Đừng đem đi bán lung tung,
Đừng cho giặc dùng cướp lúa đồng ta.

Nữ :

Em là thanh nữ Hồng Sơn,
Mời anh công tác đến nhà em chơi.
Nhà em tuy chật nhưng mà không xa,
Anh dừng chân, uống tạm chén trà cho vui.



SẢN XUẤT, BẢO VỆ MÙA MÀNG

(*Khuyết danh*)

Anh vào du kích địa phương,
Ở nhà em hãy lo lường việc ni.
Đừng buôn ngoại hoá làm chi,
Đất kia trồng trỉa lang mì để ăn.
Em ơi cố gắng siêng năng,
Gia công trồng trỉa có ăn hoài hoài.
Em ơi kháng chiến còn dài,
Muốn thắng được giặc chó nài công phu.
Em về anh nhấn đôi câu,
Lúa hầm bí mật, dặn nhau coi chừng.
Giặc cho gián điệp đi lùng,
Khui hầm lấy lúa, ăn dùng đánh ta.
Trời chiều đường hãy còn xa,
Dặn nhau bảo vệ lúa ta mùa màng.



MÙA ĐÔNG BINH SĨ

(*Khuyết danh*)

Lấy chiếc áo che thân,
Cho hàng ngàn chiến sĩ.
Nơi sa trường chịu lạnh giữa đêm đông,
Hỡi ai nhưng kẻ có lòng.
Nghĩ đến chiến sĩ mùa đông tới rồi,
Mùa đông lạnh lắm ai ơi!
Mùa đông lạnh lắm hạt sương rơi ngập đồng,
Đông về lạnh thấu cõi lòng.
Biết bao chiến sĩ đêm đông xa nhà,
Xa cha, xa cả mẹ già.
Xa anh, xa chị, xa bà con thân,
Thiếu quần, thiếu áo, thiếu khăn.
Thiếu giấy, thiếu thuốc, thiếu chăn, thiếu mền,
Thiếu mà tâm trí vững bền.
Thiếu mà nhiệm vụ làm tròn,
Hy sinh quyết giữ nước non vẹn toàn.
Anh em binh sĩ Vệ quốc đoàn,
Quyết đem xương máu bảo toàn giang sơn.



PHỤ LỤC CỦA PHẦN THỨ HAI

Phụ lục số I

Số cán bộ xã Hồng Sơn lần lượt thoát ly ra vùng chiến khu hoạt động bất hợp pháp (1954 - 1955)

Gồm các ông:

Nguyễn Vĩnh Lại, Nguyễn Hoàng Ân, Trần Nhật Quang, Trần Nhật Chánh, Trần Hữu Chí, Trần Thanh Trà, Lê Duy Nam, Dương Hữu Lễ, Lê Như Tý, Phạm Hữu Tình, Trần Đại Chính, Trần Đủ, Phạm Văn Bằng, Hồ Văn Tân, Lê Ngọc Chương (tổng My), Phan Văn Hổ, Ngô Đức Thắng, Võ Sơn Đông, Nguyễn Văn Hùng (Hùng Cà), Hồ Mai Công, Nguyễn Văn Quảng, Nguyễn Văn Cưu (Cưu Lùn), ông Đẩu, Võ Thanh Tâm (Tám Lâu, đầu hàng giặc năm 1957)...

Phụ Lục số II

Số cán bộ xã Hồng Sơn chuyển vùng đi hoạt động hợp pháp vào năm 1956:

Gồm các ông:

Trần Đại Chính, Trần Hữu Chí (Trí), Trần Nhật Chánh (Thành), Lê Như Nam, Lê Ngọc

Chương, Nguyễn Vĩnh Lại, Nguyễn Hồng Lợi,
Nguyễn Giờ, Võ Sơn Đông, Nguyễn Văn Thạch,
Nguyễn Giáp, Nguyễn Đồng Đợi, Huỳnh Quỳ,
Trần Đủ...

- Hai đồng chí Nguyễn Vĩnh Lại và Hồ Mai
Công chuyên làm giấy thông hành, giấy căn cước
giả cho các đồng chí chuyển vùng vào hoạt động
hợp pháp trong vùng địch.

- Trong số cán bộ chuyển vùng này về sau
cũng bị phân hóa thành 3 đối tượng:

+ Số chiến đấu dũng cảm, bị tù đày, tiếp tục
hoạt động đến lúc hy sinh hoặc còn sống đến
ngày Miền Nam được giải phóng (1975).

+ Số dao động nằm yên, cầu an bảo mạng
không hoạt động.

+ Một số ít đầu hàng giặc, khai báo đánh phá
Cách mạng.

Phụ lục số III:

**Những cơ sở và hộp thư liên lạc của Cách
mạng ở địa bàn xã Hồng Sơn trong những năm
1954 -1957.**

1. Hộp thư ở bìa rẫy của bà Hà Thị Muội,
gần Láng Le, do chính bà phụ trách.

2. Hộp thư ở bụi tre gần giếng Đá núi Tà Dôn do đồng chí Mười Mót phụ trách.
3. Hộp thư ở lán Sò đo (giếng Đế) do chị Chín cà dập phụ trách.
4. Hộp thư dự phòng ở giếng Đế do anh Tám Nhâm (Tám ba lô) phụ trách.
5. Hộp thư ở rẫy ông Tám Lễ do 2 anh: Chín Dài và Bảy Kế phụ trách.
6. Hộp thư ở gốc cây Gũ thuộc khu vực "Năm mã", do chị Nguyễn Thị Sung phụ trách.
7. Hộp thư ở bìa rẫy ông Tờ, do ông Chín Ghèn (Mười) phụ trách.
8. Hộp thư ở sân banh trại Máu do chị Tự phụ trách.
9. Hộp thư ở giếng Máu Xương giáp hầm Sấu, do chị Trần Thị Bích phụ trách.
10. Hộp thư ở vườn của ông Tám Pháo (Gộp) do chị Cẩm phụ trách.
11. Hộp thư ở gốc cây Cứt mọt, cạnh bờ sông Cạn do ông Sáu Lét phụ trách.

12. Hộp thư ở ruộng Sạn do ông Lê Giàu phụ trách.

13. Hộp thư ở sở Bà Đầm do ông Mười Út phụ trách.

14. Hộp thư ở gò mối khu ruộng Xã Cội do hai vợ chồng ông Tư Minh phụ trách.

15. Hộp thư ở gốc keo ruộng ông Hai Sách, do ông Lê Như Châu phụ trách.

16. Ông Bình Lục Lộ phụ trách hai hộp thư: ở bờ mương ruộng Suối Hộ và ở lùm tre thuộc khu ruộng Sạn Truong Tà Nung.

17. Ba hộp thư của huyện ở đồi Lòng mức thuộc láng mã anh Chí; hộp thư ở tiệm may của ông Tư Giáp; hộp thư ở khu vực giếng Đá do các anh Tám Nhâm và Tám Lâu phụ trách.

18. Hộp thư ở râm tre đầu ruộng Sạn. Cơ sở tại hộp thư này làm phản dẫn địch bắt 3 đồng chí: Phạm Hữu Tình, Trần Thanh Trà, Hồ Mai Công ngày 03/6/1957.

Phụ lục số IV:

Bộ máy tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể của xã Hồng Sơn từ năm 1961 đến năm 1975

1. Đội công tác đầu tiên của xã Hồng Sơn được thành lập vào đầu năm 1961, gồm 7 đồng chí: Phan Văn Quyết (đội trưởng), Võ Văn Lực, Nguyễn Văn Hảo, Trần Văn Minh, Võ Ngọc Kế, Đức, Mười.

2. Các đồng chí lãnh đạo tổ chức Đảng kiêm đội trưởng đội công tác ở ấp chiến lược Tà Nung và ấp Gò: Phan Minh Quyết (1961-02/1964); Võ Thị Phàn (02/1964 - 1965), Trần Hữu Sự - Bí thư chi bộ (1966 - 1968); Võ Liên Đoàn - Bí thư Đảng ủy (1968 - 1969); Nguyễn Thị Bích - Phó bí thư Đảng ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng xã (1969 - 1970); Trần Hữu Đức làm trưởng Ban tài chính xã; đồng chí Võ Thị Lành làm bí thư Chi bộ (01/1971 - 4/1973); đồng chí Nguyễn Huy Hoàng làm bí thư Chi bộ kiêm đội trưởng đội công tác (4/1973 - 4/1975).

Những lúc ác liệt, Thường vụ huyện ủy huyện Thuận Phong còn cử các đồng chí ủy viên

thường vụ xuống đứng chân chỉ đạo trực tiếp: đồng chí Lê Đình Nguyên xuống xã 2 lần vào năm 1969 và năm 1974; đồng chí Võ Tấn Trương (1970 - 1971).

3. Bí thư chi bộ và đội trưởng đội công tác Gộp; gồm các đồng chí:

Đào Duy Ngọc (1970); Huỳnh Thị Cúc (4/1970 - 1972); Trần Hữu Đức (1972); Nguyễn Văn Ly (1972 - 1975); Phan Thị Tánh (1973 - 1975).

4. Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng xã Hồng Sơn (1965 - 1968) gồm các đồng chí:

Phạm hữu Tình (Chủ tịch); Nguyễn Văn Hảo (Phó Chủ tịch phụ trách kinh tài); Hồ Ngọc Tân (Phó Chủ tịch phụ trách công an); Tô Văn Hùng (ủy viên phụ trách Nông hội); Nguyễn Thị Thảo (ủy viên Hội trưởng hội phụ nữ); Trần Thị Thu Ba (ủy viên Bí thư thanh niên); Trần Hữu Ý (ủy viên phụ trách y tế).

5. Về lãnh đạo chính quyền: Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tự quản, gồm:

- Đồng chí Nguyễn Văn Quảng (1965 - 1968).

- Đồng chí Nguyễn Thị Bích (1969 - 1970)

- Đồng chí Phạm Văn Bằng (1971 - 1975)

6. Tổ Nông hội : Những năm 1965 - 1968 do các ông sau đây phụ trách: Ông Kế (thôn 1); Lê Văn Sửu (thôn 2); Tô Văn Hùng (thôn 3); Ngô Ngọc Châu (Hai Bật) (thôn 4).

7. Tổ chức Đoàn thanh niên:

Lúc đầu toàn xã có một chi đoàn, sau đó phát triển thành xã đoàn.

Đầu năm 1965, Đại hội đoàn thanh niên xã, bầu Ban chấp hành xã đoàn gồm các đồng chí: Nguyễn Thị Thu Ba, Trần Hữu Ý, Nguyễn Huệ, Võ Thị Lành; do chị Thu Ba làm bí thư, Trần Hữu Ý làm phó bí thư, đồng chí Lành phụ trách công tác đội thiếu niên.

Đến giữa năm 1965 đồng chí Thu Ba chuyển công tác, đồng chí Ý làm bí thư (6/1965 - 8/1966). Từ tháng 8/1966 đến 1969 đồng chí Võ Thị Lành lên làm bí thư và bầu chị Thuận và chị Hường bổ sung vào Ban chấp hành xã đoàn. Mỗi thôn có một phân đoàn do các đồng chí sau đây làm phân đoàn trưởng: Trần Hữu Đức (thôn 1), Võ Thị

Lành (thôn 2), Nguyễn Thị Bình (thôn 3), Nguyễn Huệ (thôn 4).

Đồng chí Võ Vương Thanh làm bí thư xã đoàn (1970 - 1971).

Đồng chí Bùi Thị Cần làm bí thư xã đoàn (1971 - 1972).

Đồng chí Hồ Thị Kim làm bí thư xã đoàn (1973 - 1975).

8. Các đồng chí hội trưởng Hội phụ nữ xã qua các thời kỳ:

Nguyễn Thị Thảo (1965 - 1968); Nguyễn Thị Kim Cúc (1969 - 1970); Nguyễn Thị Hương (1971-1973); Phan Thị Phương (Nhâm) (1974 - 1975).

9. Xã đội trưởng các thời kỳ.

Gồm các anh:

Võ Văn Thanh (1962-1965); Võ Liên Đoàn (1966 - 1967); Nguyễn Hùng Phi (1968 - 1970); Nguyễn Văn Thế (1971); Lê Thanh Sơn (1972-1973; đến năm 1973 Sơn chạy về vùng địch); đồng chí Võ Văn Minh (1973); Nguyễn Văn Lân (1974); Nguyễn Văn Sáu (1975).

10. Trưởng công an xã; gồm các đồng chí:

Trần Văn Quý (1965-1968); Nguyễn Thành Lộc (1969-1970); Đinh Kim Liên (1971-1972).

Phu Lục số V:

Những người có thành tích mua và chuyển hàng cho Cách mạng.

Các Ba, các Má, các Chị, các em thiếu niên ở xã Hồng Sơn có thành tích mua và chuyển hàng từ vùng địch (Ma Lâm, Phú Long, Phan Thiết) ra vùng giải phóng; nhất là thời kỳ 1965 - 1969, lực lượng này đã cung cấp nhiều hàng cho hậu cần của quân khu VI, tỉnh Bình Thuận và huyện Thuận Phong.

Ở thôn 1 và thôn 2 có các chị: Phan Thị Hồng, Đặng Thị Nga, Ngô Thị Rớt, Nguyễn Thị Khởi; Nguyễn Thị Tâm (Bà Ba Nheo); Nguyễn Thị Nhiều; Nguyễn Thị Sáu; Nguyễn Thị Dậu...

Ở thôn 3 có các ông bà: Bùi Kim Phụng, Nguyễn Thị Diệu, Phan Thị Lén, Nguyễn Thị Tiết, Nguyễn Thị Lưu, Lê Thị Lợi, Nguyễn Thị Cúc...

Ở thôn 4 có các anh, chị: Võ Thị Tám, Huỳnh Thị Hiệp, Võ Thị Quý, Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Thị Chín, Võ Thị Thiết, Trần Thị Thu, Huỳnh Thị Lựu, Nguyễn Thị Chuyên (Chuyên), Nguyễn Văn Ngại, Lê Thị Tân... Trong số đó có chị Nguyễn Thị Phương làm nòng cốt. Năm 1968 chị Phương được kết nạp vào Đoàn thanh niên; đến năm 1969 thôn 4 thành lập được chi Đoàn do chị Phương làm bí thư.

Phu lục số VI:

Thành tích và các danh hiệu của quân dân xã Hồng Sơn được Nhà nước tuyên dương.

1. Về đấu tranh vũ trang (1960-1975):

Đánh địch: 1.401 trận, trong đó có 219 trận phối hợp với các lực lượng trên. Tiêu hao 1.772 tên địch (có 253 tên Mỹ); trong đó: chết 868 tên; bị thương 469 tên; bắt sống 535 tên.

Diệt gọn 18 đơn vị địch từ cấp đại đội đến cấp tiểu đội; gồm: một đại đội lính cộng hòa, 2 đại đội lính bảo an; 2 trung đội bảo an, 2 trung đội dân vệ, 2 trung đội thám kích; 3 tiểu đội thám kích, 1 tiểu đội bảo an, 3 tiểu đội dân vệ; 2 tiểu đội lính Mỹ.

Đánh tiêu hao 10 đơn vị từ cấp đại đội đến cấp tiểu đội: 2 đại đội bảo an, 3 trung đội dân vệ, 2 trung đội nghĩa quân, 1 trung đội bảo an, 1 trung đội thám kích, 1 trung đội Mỹ.

Những năm 1973 - 1975, ta làm tan rã hoàn toàn 17 đơn vị địch: 3 đại đội bảo an, 5 trung đội dân vệ, 5 trung đội nghĩa quân, 2 liên đội phòng vệ dân sự, 2 đoàn bình định nông thôn.

Thu 275 súng các loại: 6 đại liên, 8 trung liên, 13 M79, 7 M72, 149 tiểu liên, 92 súng trường các loại; 35.598 viên đạn các loại, 51 quả mìn, 1 xe GMC. Phá hủy: 22 xe tăng, 7 xe vận tải quân sự, 28 đại liên, 15 trung liên, 8 súng pháo tự hành 90mm.

Bắn rơi và bị thương 5 máy bay các loại: bắn rơi 1 tàu gáo trực thăng, 1 khu trục; 1 HUIA; bắn bị thương: 1 HUIA, 1 phản lực L19. Đánh sập 12 lượt cầu cống trên quốc lộ I. Phá hủy hoàn toàn 3.500 mét đường sắt, 1.800 mét đường bộ (quốc lộ I), làm tê liệt giao thông của địch trong nhiều tháng. Phá hỏng và phá banh: 4 khu trù mật, 5 lượt ấp chiến lược. Đánh sập hơn 50 lượt lô cốt. Bao vây bức rút: 3 đồn cấp đại đội, 2 đồn cấp

trung đội. Giải phóng hơn 10.000 lượt đồng bào trong các khu tập trung và các ấp chiến lược.

2. Về đấu tranh chính trị:

Có 689 cuộc đấu tranh chính trị lớn nhỏ, với hơn 3.589 lượt quần chúng tham gia; cụ thể như sau: Có 81 lần đấu tranh trực diện với cấp quận và cấp tỉnh của địch, có 608 lần đấu tranh trực diện với bọn tề ấp, tề xã - trong đó có 396 lần đấu tranh buộc địch phải ký vào đơn, bản kiến nghị của quần chúng và hứa chịu bồi thường thiệt hại về người và tài sản hoặc thú nhận tội ác mà chúng đã gây ra. Có 283 lần buộc địch phải nhượng bộ, bồi thường hoặc chịu ký vào đơn kêu kiện của đồng bào về hành động dã man của chúng đã gây ra.

Từ năm 1965 - 1968 có 13 cuộc biểu tình tuần hành với băng cờ khẩu hiệu kéo từ Hồng Sơn đến Tuy Hòa; thu hút 795 lượt quần chúng tham gia. Về đấu tranh nhỏ lẻ: có hàng trăm cuộc đấu tranh với qui mô từ 3 đến 5 người tham gia, chống âm mưu càn quét lục soát, xét hỏi, cướp tài sản, bắt thanh niên vào lính. Trong các lần đấu tranh đó, đồng bào đã giành lại được 125 lượt người bị địch tình nghi, bắt ấu.

3. Xây dựng thực lực, cung cấp nhân tài vật lực phục vụ kháng chiến.

Thực lực chính trị, vũ trang của xã ngày càng phát triển, vùng căn cứ giải phóng luôn tồn tại (1961-1975), làm chỗ dựa vững chắc cho các lực lượng phía trước đánh địch phá ấp, mở kèm. Năm 1961, xã đã thành lập vùng căn cứ giải phóng chỉ với hơn 10 gia đình. Đến năm 1964 tăng lên 28 hộ, lúc đông nhất có 728 người dân. Những năm ác liệt (1967-1971) có khi toàn xã chỉ còn từ 20 đến 36 người, chủ yếu là sinh lực chiến đấu, lúc nào cũng có thực lực bám trụ. Quân thường trực thường xuyên của xã có 2 tiểu đội du kích thoát ly cùng với dân quân tự vệ. Có chi bộ, chi đoàn, có Ban chỉ huy xã đội.

Những năm 1965 - 1970, xã Hồng Sơn được hoàn toàn giải phóng, thành lập Đảng ủy và Ủy ban nhân dân tự quản. Toàn Đảng bộ có 5 chi bộ với 32 đảng viên; xã đoàn thanh niên có 5 chi đoàn với 76 đoàn viên. Có đầy đủ các ban, ngành, đoàn thể, có 1 Ban chỉ huy xã đội và 5 Ban thôn đội với hàng trăm dân quân rộng rãi. Tính đến tháng 11 năm 1968 toàn xã có 520 hộ, 2.972 khẩu.

Vùng căn cứ có làng chiến đấu, có tuyến phòng thủ đánh địch kiên cố với hàng rào, chông mìn liên hoàn chạy dài 7km. Đã bố phòng 45.000 chông các loại, đào và cắm 54 hầm chông; với 3 tuyến rào dài 3.450 mét, ngăn chặn địch càn quét, đột kích. Có năm ta thu lượm hơn 200 đầu đạn pháo của địch, làm 163 quả mìn tự tạo và dùng hàng trăm đầu đạn cải tiến thành mìn đánh xe tăng địch. Một phần ba trong tổng quân số của địch bị chết và thương vong là do chông, mìn bố phòng của lực lượng ta.

Về cung cấp nhân tài vật lực, tính đến tháng 3/1975 toàn xã có 1.344 người thoát ly vào các lực lượng xã, huyện, tỉnh, khu VI và của Miền. Không kể số lúa bán, cho mượn, đóng đảm phụ kháng chiến, đồng bào đã cho Cách mạng hàng trăm tấn lúa, gạo. Riêng trong các chiến dịch lớn nhân dân đã ủng hộ 46.778kg lúa, 38 con trâu bò, 10 triệu đồng tiền mặt, chưa kể nhiều hàng hóa, lương thực và thực phẩm khác. Công tác thu tài chính của xã được duy trì đều đặn - riêng năm 1968 đã thu được: 956.915 đồng (tiền Ngụy). Toàn xã đã đóng góp 87.332 ngày công đi dân công hỏa tuyến dài ngày, chưa kể số ngày công đi

phá đường, tải thương, tải đạn, tải lương thực phục vụ cho xã, huyện và tỉnh.

4. Danh hiệu được Nhà nước ta công nhận và tuyên dương:

Với thành tích nêu trên nên quân dân xã Hồng Sơn được Nhà nước tặng nhiều danh hiệu:

Năm 1968 nhân dân, cán bộ xã Hồng Sơn được Hội đồng cố vấn Chính phủ nước Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam tặng "*Huân chương giải phóng hạng ba*".

Năm 1969 được Chính phủ khen tặng "*Huân chương giải phóng hạng nhì*".

Năm 1971 được Chính phủ khen tặng "*Huân chương giải phóng hạng nhì*".

Đặc biệt năm 1973 được Chính phủ khen tặng 2 Huân chương giải phóng hạng nhì: "*Đã có nhiều thành tích xuất sắc, toàn diện trong 6 tháng đầu năm 1973 và cả năm 1973, góp phần vào công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước*".

Với thành tích khá toàn diện trong cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc của quân dân xã Hồng Sơn nên ngày 06 tháng 11 năm 1978

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam truy tặng danh hiệu : "**Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân**" với thành tích: "*Đã lập được nhiều thành tích đặc biệt xuất sắc về chiến đấu và phục vụ chiến đấu, góp phần cùng toàn dân đưa sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn*".

Tính đến thời điểm tháng 12 năm 2003, số thương binh, liệt sỹ, gia đình có công Cách mạng đang được hưởng chính sách tại xã Hồng Sơn có: 91 thương binh, 448 liệt sỹ; 425 gia đình có công Cách mạng và 36 bà Mẹ Việt Nam anh hùng.



DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG CỦA XÃ HỒNG SƠN

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Năm sinh	Năm tử	Đối tượng trong gia đình được công nhận liệt sĩ		Ghi chú
				Chồng	Con	
01	Lê Thị Cử (Cửu)	1911	1984	-	05	
02	Nguyễn Thị Cử	1914	1995	-	03	
03	Lê Thị Chiêu	1921	-	-	03	
04	Hồ Thị Cứng	1906	1956	-	03	
05	Nguyễn Thị Danh	1915	-	01	02	chị của Mẹ Thảo
06	Trần Thị Đức	1919	2003	-	03	
07	Nguyễn Thị Gấn	1917	-	-	04	
08	Trương Thị Hay	1927	-	01	02	
09	Nguyễn Thị Hoa	1922	-	-	03	
10	Hồ Thị Hoa	1937	-	-	01	con độc nhất
11	Võ Thị Hoa	1932	-	01	02	
12	Võ Thị Hòa	1925	1976	-	03	
13	Trần Thị Hường	1928	-	-	03	
14	Võ Thị Kiệt	1914	-	-	03	
15	Lê Thị Lành	1909	1971	-	03	
16	Nguyễn Thị Liễu	1919	1999	-	03	

17	Đặng Thị Mai	1917	-	-	03	
18	Trần Thị Mai	1910	1955	-	03	
19	Nguyễn Thị Mai	1922	2000	-	03	
20	Nguyễn Thị Mùi	1902	1993	-	03	
21	Bùi Thị Miếu	1910	1993	-	04	
22	Nguyễn Thị Nhanh	1919	1964	-	03	
23	Lê Thị Nười	1914	1974	-	03	
24	Tống Thị Nười	1920	-	-	03	
25	Đỗ Thị Phán	1912	1989	01	03	
26	Nguyễn Thị Phê	1902	1970	-	02	Có 1 cháu nội là Liệt sĩ
27	Ngô Thị Rớt	1917	-	-	03	
28	Hồ Thị Sậy	1917	1933	-	03	
29	Nguyễn Thị Thảo	1925	1972	-	02	Bản thân là Liệt sĩ
30	Nguyễn Thị Thân	1903	1977	-	03	mẹ chồng của Mẹ Hay
31	Nguyễn Thị Thứ	1902	1987	-	03	
32	Võ Thị Tới	1926		01	02	Chị của Mẹ Võ Thị Hoa
33	Nguyễn Thị Túy	1926	2001	-	03	
34	Lương Thị Út	1919	1955	-	02	con duy nhất
35	Nguyễn Thị Xèo	1919	2003	-	03	
36	Nguyễn Thị Xin	1922	2001	01	02	

THƯ MỤC

I - Sách tham khảo :

- Đại nam nhất thống chí, quyển 12, lưu ở Ban lịch sử Đảng tỉnh Thuận Hải

- Sơ thảo lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam (tập 1) Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương biên soạn, nhà xuất bản sự thật năm 1981

- Khu V- 30 năm chiến tranh giải phóng (tập 1) Bộ tư lệnh quân khu V xuất bản, Nhà xuất bản quân khu V (1986)

- Sơ thảo lịch sử Đảng bộ tỉnh Thuận Hải - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thuận Hải xuất bản năm 1984

- Hàm Nhơn những chặng đường đấu tranh Cách mạng, Đảng uỷ xã Hàm Nhơn xuất bản năm 1986

- Địa phương chí Hàm Thuận - Toà hành chính tỉnh Bình Thuận xuất bản năm 1961 (lưu tại phòng lưu trữ UBND tỉnh Bình Thuận).

- Trung đoàn 812 Cục Nam Trung bộ - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Thuận xuất bản năm 1996.

II - Tài liệu tham khảo (đánh máy và quay ronéo):

- Cuộc kháng chiến chống Pháp của quân dân Thuận Hải (dự thảo tập 1) lưu ở Ban lịch sử quân sự tỉnh Thuận Hải.

- Hàm Thuận bất khuất kiên cường (tập I) lưu tại Ban tuyên giáo huyện uỷ Hàm Thuận Bắc.

- Truyền thống đấu tranh Cách mạng của các xã : Hàm Trí , Hàm Phú, Ma Lâm, Hàm Chính, Hàm Liêm, Hàm Hiệp, Mũi Né.

- Báo cáo của tỉnh uỷ Bình Thuận (1946 - 1954), lưu ở Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Thuận Hải.

- Lịch sử người Chăm ở Bình Thuận (tài liệu chữ Chăm), lưu tại nhà ông Thông Minh Lô ở xã Ma Lâm.

- Lược thuật hoạt động của Đảng Cộng sản Bình Thuận (1926 - 1957), Toà hành chánh tỉnh Bình Thuận xuất bản năm 1961, lưu tại phòng lưu trữ của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thuận Hải.

III - Những cuộc hội thảo khai thác, xác minh, thẩm định tư liệu :

	Địa điểm	Thời gian (ngày, tháng, năm)	Cấp chủ trì	Số đại biểu dự
	Tại Hồng Sơn	12/1984	Cấp ủy xã Hồng Sơn	12
	"	5/1985	"	13
	"	24/9/1985	"	10
	"	11/1985	"	15
	"	14/7/1987	"	15
	"	15/7/1987	"	15
	"	16/7/1987	"	10
	"	17/7/1987	"	11
	"	20 - 21/8/1987	"	40
	"	11/01/2003	"	20
	"	10/12/2003	"	10
	"	10/8/1987	Ban lịch sử huyện	09
	"	30/9/1987	Thường vụ huyện ủy	12
	Huyện Bắc Bình	3/ 1984	Ban lịch sử huyện	04
	"	10/10/1986	"	06
	Thị xã Phan Thiết	14/2/1987	"	05
	"	1/6/1987	"	07
	"	2/7/1987	"	10
	Huyện Hàm Tân	25 - 27/2/1986	"	07
	"	2/9/1987	"	05
	Thành phố HCM	28 - 30/6/1987	"	15
		10/9/1987		08

Ngoài ra, còn nhiều cuộc tọa đàm, khai thác lẻ thu nhận ý kiến của trên 300 lượt cán bộ và đồng bào kháng chiến chống Pháp ở xã Hồng Sơn.

IV - Danh sách những nhân chứng trực tiếp cung cấp tư liệu :

STT	Họ và tên	Chức vụ trong kháng chiến chống Pháp	Địa chỉ hiện nay
01	Nguyễn Gia Tú	Bí thư huyện uỷ	Đức Nghĩa - TP. Phan Thiết
02	Nguyễn Thị Ngôn	Hội viên nông hội 1931	nt
03	Tiểu Oai Nghi	Phó chủ tịch huyện	Hàm Thắng-Hàm Thuận Bắc
04	Nguyễn Quý	Giáo viên năm 1936	Hàm Liêm-Hàm Thuận Bắc
05	Nguyễn Thị Đào	Thư ký hội phụ nữ xã	Tân Thiện - Hàm Tân
06	Nguyễn Ngọc Sương	Bí thư xã đoàn	Tân Định - TPHCM
07	Lê Như Châu	Trưởng ban tuần lễ vàng	Hồng Sơn-Hàm Thuận Bắc
08	Nguyễn Xuân Nhâm	Hội viên phụ lão	nt
09	Nguyễn Thị Hương	Ban chấp hành hội mẹ	nt
10	Nguyễn Thị Danh	Dân vùng căn cứ	nt
11	Võ Thị Tới	Trung đội trưởng nữ du kích	nt
12	Trần Văn Chúc	Chi uỷ viên	nt
13	Ngô Lân	Chi uỷ viên	nt
14	Phạm Văn Tấn	Trưởng ban tiếp tế	nt
15	Hồ Mai Công	Ban thiếu niên	nt
16	Trần Hữu Vĩnh	Cán bộ thanh niên	nt
17	Nguyễn Văn Hương	Thanh niên xã	nt
18	Dương Hữu Lúc	Mặt trận liên Việt	Sông Lũy - Bắc Bình

19	Nguyễn Hoàng An	Chi uỷ viên	Quận 5 - TPHCM
20	Võ Ngọc Đài	Bộ đội địa phương	Tỉnh đội Thuận Hải
21	Lê Trọng Vĩnh	Đại đội xung kích	Quân khu 7
22	Bùi Minh Huệ	Huyện uỷ viên	Hàm Đức - Hàm Thuận Bắc
23	Phan Tôn	Bí thư huyện đoàn	Hà Nội
24	Bùi Quốc Thuận	Tiểu đoàn 86	Ma Lâm - Hàm Thuận Bắc
25	Tuấn Hùng	Đại đội 225	Ma Lâm - Hàm Thuận Bắc
26	Nguyễn Phúc Dương	Hiệu trưởng trường Trung Bình	Thanh Đa - TPHCM
27	Khánh Cao	Trưởng đoàn Sao Vàng	Thành phố Hồ Chí Minh
28	Nguyễn Minh Châu	Trung đoàn 812 (Trung tướng)	nt
29	Nguyễn Ngọc Cao	Huyện ủy viên	nt
30	Nguyễn Kim Bồng	Cơ sở Mặt trận Việt Minh	nt
31	Trần Quốc Thái	Trung đoàn 812	Thành phố Hà Nội
32	Phạm Kim Đồng	nt	Thành phố Phan Thiết
33	Minh Quốc	nt	nt
34	Trương Quang Mỹ	nt	nt
35	Lê Hạnh Phúc	nt	nt
36	Trần Hữu Bình	(đại đội A)	nt
37	Nguyễn Minh Quyết	(đại đội 225)	Ma Lâm - Hàm Thuận Bắc
38	Nguyễn Văn Tâm	Cơ sở Việt Minh	Thành phố Phan Thiết

39	Nguyễn Văn Chiêu	Cán bộ thanh niên xã Hồng Sơn	Long Khánh - Đồng Nai
40	Trần Hữu Chí	Cán bộ nông dân xã	Hồng Sơn - Hàm Thuận Bắc
41	Nguyễn Diêu (5 Thọại)	Nông hội đỏ	nt
42	Nguyễn Ngọc Chúc	Thường vụ Huyện ủy	Thành phố Phan Thiết
43	Bố Xuân Long	Ban Thượng du vận tỉnh Bình Thuận	Phan Hiệp - Bắc Bình
44	Bố Xuân Đồng	nt	Chợ Lầu - Bắc Bình
45	Võ Thị Chấn (9 Đĩnh)	Thanh niên xã	Thôn 1- xã Hồng Sơn
46	Lê Thị Đan	Cơ sở Cách mạng	Thành phố Phan Thiết
47	Nguyễn Thị Đoan	Cơ sở Cách mạng	Thôn 2, xã Hồng Sơn

V - TƯ LIỆU THAM KHẢO ĐỂ BIÊN SOẠN PHẦN THỨ HAI:

1. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận
2. Bình Thuận 30 năm chiến tranh giải phóng
3. Hàm Thuận bất khuất kiên cường (tập II)
4. Đơn vị 450
5. Lịch sử đại đội 5 đặc công Bình Thuận
6. Báo “Cờ giải phóng” của tỉnh ủy Bình Thuận
7. Các báo cáo của tỉnh ủy và tỉnh đội tỉnh Bình Thuận
8. Báo cáo của huyện ủy huyện Thuận Phong
9. Hồi ký của các đồng chí cán bộ và đồng bào có tham gia chiến đấu trên địa bàn xã Hồng Sơn trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.
10. 20 cuộc hội thảo chung và chuyên đề xác minh, thẩm định tư liệu (tổ chức ở thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Phan Thiết và xã Hồng Sơn.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
* Lời giới thiệu	5
* Phần thứ nhất	
Nhân dân Hồng Sơn chống thực dân Pháp xâm lược (1930 - 1954)	7
<i>Chương I:</i>	
Từ đêm dài nô lệ đến Cách mạng Tháng 8 thành công (trước năm 1930 đến tháng 8 năm 1945)	7
<i>I - Quê hương Hồng Sơn những năm dài tạo dựng</i>	7
<i>II - Đứng lên giành quyền sống</i>	23
<i>III - Chính quyền về tay nhân dân</i>	36
<i>Chương II:</i>	
Nhân dân Hồng Sơn kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. (Tháng 2 năm 1946 đến tháng 8 năm 1954)	48
<i>I - Xây dựng căn cứ và tổ chức lực lượng kháng chiến toàn dân, toàn diện (tháng 2 năm 1946 đến tháng 11 năm 1950)</i>	48
<i>II - Quân dân Hồng Sơn bám trụ, giữ vững địa bàn (Tháng 12 năm 1950 đến tháng 12 năm 1952)</i>	73
<i>III - Hậu phương - Tiền tuyến dồn sức cho kháng chiến thắng lợi. (Từ tháng 01 năm 1953 đến tháng 8 năm 1954)</i>	93
* Phần thứ hai:	
Quân dân xã Hồng Sơn kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)	120
	357

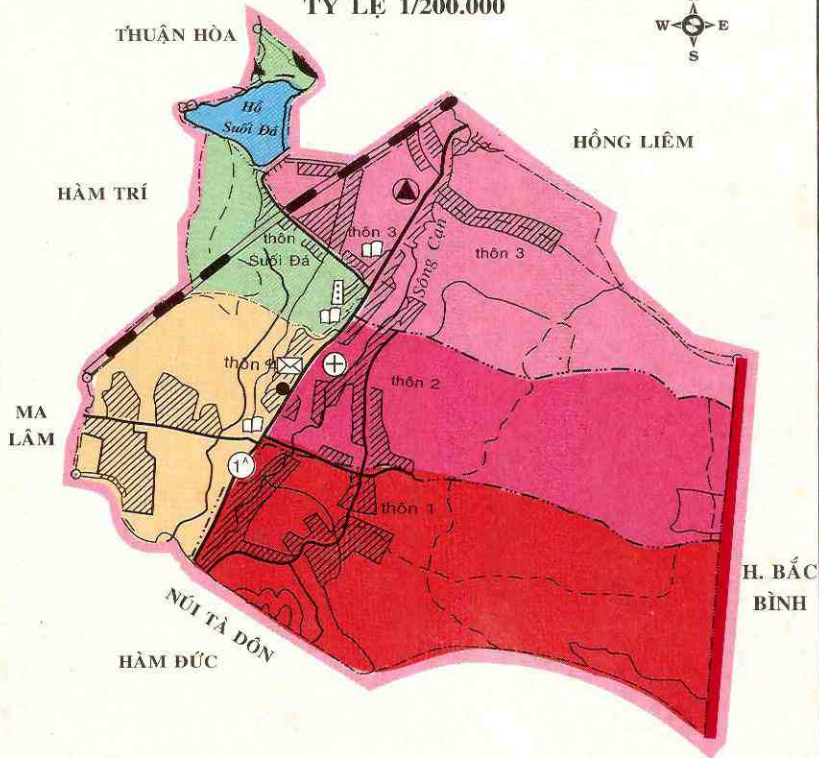
Chương I:	
Đấu tranh chính trị giữ gìn lực lượng (1954 - 1959)	120
I - Mừng hòa bình	120
II - Những tháng năm khốc liệt đầy máu lửa (1956-1959)	132
Chương II:	
Phá ấp chiến lược, xây dựng căn cứ, đẩy mạnh phong trào 2 chân 3 mũi, vùng lên giải phóng quê nhà (1960 - 1964)	147
Chương III:	
Phát triển thực lực, củng cố mở rộng vùng giải phóng; giữ thế đấu tranh hợp pháp và tranh chấp, cung cấp nhân tài vật lực cho kháng chiến (1965 - 1968)	177
Chương IV:	
Đẩy mạnh phong trào 2 chân 3 mũi, đấu tranh chống địch dồn dân lập ấp (1969 - 1970)	200
Chương V:	
Phát triển thực lực tại chỗ, kết hợp 3 mũi giáp công, diệt ác, phá kềm, tiêu hao sinh lực địch, làm lỏng nhão 2 ấp Gò và Gộp - Giành quyền làm chủ (1971 - 1972)	223
Chương VI:	
Đánh cho Ngụy nhào - Giải phóng quê hương (1973 - 1975)	263
* Kết luận	305
* Phụ lục	319
Phụ lục của phần thứ nhất	319
- Về di kiện (Nguyễn Văn Ty viết trước năm 1930)	319
- Giành lý trưởng (Nguyễn Văn Ty)	323
- Xuyên đầu năm 1946 (Khuyết danh)	325

- Toàn dân kháng chiến - hậu phương, tiền tuyến thi đua (khuyết danh)	326
- Sản xuất bảo vệ mùa màng (Khuyết danh)	330
- Mùa đông binh sĩ (Khuyết danh)	331
Phụ lục của phần thứ hai	332
- Phụ lục số I: Số cán bộ xã Hồng Sơn lần lượt thoát ly ra vùng chiến khu hoạt động bất hợp pháp (1954 - 1955)	332
- Phụ Lục số II: Số cán bộ xã Hồng Sơn chuyển vùng đi hoạt động hợp pháp vào năm 1956	332
- Phụ lục số III: Những cơ sở và hợp thư liên lạc của Cách mạng ở địa bàn xã Hồng Sơn trong những năm 1954 -1957	333
- Phụ lục số IV: Bộ máy tổ chức Đảng, chính quyền, Đoàn thể của xã Hồng Sơn từ năm 1961 đến năm 1975	336
- Phụ lục số V: Những người có thành tích mua và chuyển hàng cho Cách mạng	340
- Phụ lục số VI: Thành tích và các danh hiệu của quân dân xã Hồng Sơn được Nhà nước tuyên dương	341
Danh sách bà Mẹ Việt Nam anh hùng của xã Hồng Sơn	348
Thư mục	
I - Sách tham khảo	350
II - Tài liệu tham khảo (đánh máy và quay ronéo)	351
III - Những cuộc hội thảo khai thác, xác minh, thẩm định tư liệu	352
IV - Danh sách những nhân chứng trực tiếp cung cấp tư liệu	353
V - Tư liệu tham khảo để biên soạn phần thứ hai	356
	359

XÃ HỒNG SƠN - HUYỆN HÀM THUẬN BẮC

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH

TỶ LỆ 1/200.000



CHÚ GIẢI

- Địa giới huyện
- Địa giới xã
- Địa giới thôn
- UBND xã
- Đường sắt
- Quốc lộ 1A
- Đường nhựa
- Đường đất
- + Nghĩa trang
- x Trạm xá
- Trường học
- Chợ
- ✉ Bưu điện
- ▨ Khu dân cư

Thôn	Diện tích (ha)	Dân số (người)
1	1.685	2.630
2	1.856	1.894
3	2.015	3.501
4	1.712,20	3.296
Suối Đá	713	922
TC	7.981,20	12.243



Trích bản đồ hành chính Tỉnh Bình Thuận tháng 8 năm 2002



NHÀ BIA GHI DANH LIỆT SĨ XÃ HỒNG SƠN



*Yêu biết mấy Hồng Sơn bất khuất
Tự hào thay vùng đất kiên cường*